HUẤN LUYỆN GIẢNG SƯ

Giảng sư: Pui Saengchai
Lược dịch từ tiếng Thái: SCK

Huấn Luyện Giảng Sư

*"Nói về niềm tin với người không tin, này các tỳ kheo, là **ác thuyết**.*

Nói về giới với người ác giới, là ác thuyết.

Nói về nghe nhiều học rộng với người thiểu học ít nghe, là ác thuyết.

Nói về bố thí buông xã với người xan tham, là ác thuyết.

Nói về trí tuệ với người ác tuệ ngu xuẩn, là ác thuyết"

(Chương 5 Pháp, Tăng Chi Bộ)

- Hoàn tất tại chùa Thiền Quang II, Đồng Nai, 1986.

- Tìm lại được bản thảo, hoàn chỉnh hiệu đính tại chùa Pháp Bảo - Mỹ Tho, 2022.

* Kính dâng Song Thân, các vị thầy tổ, hữu ân!

* Xin cảm niệm công đức cô Linh Phạm (Hà Nội), khổ công đánh máy bản thảo xưa!

Lời Giới Thiệu, từ dịch giả

Khó có cuốn nào như cuốn này, tác giả viết từ những năm 50s, hữu duyên được dịch ra tiếng Việt vào những năm 80s… Tìm lại được bản thảo sau khoảng 35 năm (2021). Tốn thêm một năm hiệu đính, gọt dũa lại.

Nó cổ xưa và sống chậm như *"cụ rùa Hồ Gươm"* vậy, xin cáo lỗi bà con về cái thai đá này! Dụng văn khi trẻ có nhiều vụng về, dịch sát từng chữ, sợ mất ý mang tội, giờ hiệu đính lại nhọc lòng còn hơn dịch bản khác. Văn cổ Thái Lan thường điệp ý điệp từ, kiểu như các cụ ưa nhắc đi nhắc lại sợ con cháu quên, giờ phải cắt bớt kẻo bạn đọc nhàm, nên sửa là *"lược dịch"*!

Lược luôn những phần dạy tính niên lịch kiểu Thái Lan, và những cách chúc phúc cho vua - hoàng hậu - quan chức… Nói chung là những gì cần thiết cho các giảng sư bên Thái Lan, không dành cho độc giả Việt Nam. Mong quý vị hiểu cho!

Nhiều lần, tôi muốn nhắm mắt bấm delete (xoá) nó cho theo cụ rùa, khỏi bận lòng mất ngủ. Vắt chất xám - kiếm tiền in - tiền ship gởi tặng các nước - rồi ngồi chờ… hứng đá! Và vì giờ có rất nhiều sách dạy kỹ năng giảng dạy, dạy nói trước công chúng, viết bằng lối văn cập nhật hơn, bên ngoài và cả trong chùa. Nhưng rồi quyết định giữ lại, ***vì tinh thần các cụ xưa! Vì cái hồn chân tu, nói gì nói, luôn đi sát nguyên văn lời Phật.***

Mời bạn đọc! Sẽ hiểu ra ý dịch giả, người còn thích sưu tầm đồ cổ… *Phần sau là các tham khảo riêng, kinh nghiệm giảng dạy của chính mình vào, trên CON ĐƯỜNG HOẰNG PHÁP...*

Chùa Bắc Linh, Adelaide, 20/03/22

SCK (Sư Chánh Kiến *cuoi_vomong@yahoo.com)*

LỜI NÓI ĐẦU, của tác giả

Khi tôi suy nghĩ để viết, đều là sách nói về giảng thuyết được dịch từ Tam Tạng và cả chú giải (Aṭṭhakathā - Tikā), đến các loại sách diễn thuyết, hợp thành 7 cuốn, 120 chuyện. Lúc ấy, tôi là giảng sư kha khá, chuyên tâm soạn sách cũng khá, quan tâm trong các môn học về diễn thuyết. Nếu đọc 7 cuốn sách "Đôi Tay (quyền hạn) Giảng Sư", 3 cuốn "Luận Lý" và 3 cuốn "Sáng Suốt" (Patibhāna), bạn sẽ thấy!

Ngoài ra còn có những cuốn: Phật Lý (Buddha parajañā), Pháp Lý, Thế Lý, Tâm Lý Học Phật Giáo (Citta parajañā),

Phật Tuệ (Buddha paṭibhāṇa), Pháp Tuệ (Dhamma paṭibhāṇa),và Thinh Văn Tuệ (Sāvaka paṭibhāṇa),

Thần Thông (Iddhipaṭihāriya), Đại Trí Xứ (Mahāsatipaṭṭhanā), Nguyên Tắc Trong Phật Giáo và bộ Sāsanā Sākala. Đã hơn 20 cuốn, đều là những sách liên quan đến sự thuyết giảng.

Đến lúc sáng tác "Huấn Luyện Giảng Sư", tôi đã cố gắng tìm tòi bố cục từ Tam Tạng và Chú giải, liên hệ mọi hiểu biết đã có. Vì chưa từng có loại sách kiểu mẫu như vầy (1950). Cần sáng tác theo kinh nghiệm thuyết giảng của mình và các vị khác, và đã từng viết sách loại này. Do thấy rằng, Phật Giáo sẽ thạnh hành lâu dài bởi sự kính Pháp!

Nếu vị nào thuyết giảng tốt, vị ấy thường được mọi người kính trọng. Còn ai giảng ẹ quá, sẽ ít người kiên nhẫn

nghe, đến rồi lắc đầu về. Giảng hay, thường làm cho thiện tín Phật giáo *(Buddhasāsanikajana)* xoay vào, chịu ngồi nghe. Vừa lòng, dẫn nhau đến nghe cho đông khi biết vị ấy sẽ thuyết ở chùa nào lúc nào...

Một trong các quả báo (phala) của sự thính Pháp, là sự thạnh hành lâu dài của Phật Giáo. Do vậy, tôi mới mong cho có nhiều vị Tăng tỳ khưu *(bhikkhusangha)* thành giảng sư đỉnh cao, hiểu rõ các vấn đề trong sự thuyết giảng sâu rộng.

Khi bạn thấy rằng bộ này như là một môn học, dành cho giảng sư mọi khía cạnh, mọi ngóc ngách, mọi kỹ năng. Đây như là một chỉ dẫn để bạn trở thành giảng sư giỏi, từ sơ thiện - trung thiện - hậu thiện, dù cho bạn chưa từng có ý định trở thành giảng sư thì quyển sách cũng sẽ làm cho số lượng giảng sư tương lai mỗi ngày càng tăng. Và nếu bạn đã trở thành giảng sư rồi, thì ích lợi của quyển sách, tác giả không cần nói gì thêm khác…

Sau cùng, mong mọi người luôn SỐNG THẬT bằng Pháp, hãy cố gắng đọc hết bộ sách "Huấn Luyện Giảng Sư" này, bằng trí xét đoán *(bicāraṇāñāṇa)*. Nhằm sanh ích lợi tăng thượng, lâu dài và rộng rãi đến Phật giáo và mọi chúng sinh…

Gs. Pui Seang Chai,

26/10/Phật lịch.2494 (1950)

Về Tiểu sử và đóng góp của tác giả

Pui Saengchai là một học giả Phật giáo người Thái, nổi bật với các công trình biên soạn và dịch thuật kinh điển Phật giáo. Ông không phải là một nhà sư nổi tiếng trong dòng thiền hay hành trì, mà chủ yếu được biết đến qua các tác phẩm học thuật có giá trị trong lĩnh vực Phật học:

• "The 500 Lives of Lord Buddha in Nibata Jataka: A Comprehensive Edition" (1961): Tác phẩm này trình bày 500 tiền kiếp của Đức Phật, được biên soạn lại một cách hệ thống và toàn diện.

• "Milintha Panha Chabap Phrom Duai Atthakatha Dika" (1985): Một phiên bản chú giải của "Milinda Panha" (Vấn đáp Milinda), một văn bản quan trọng trong Phật giáo Nguyên thủy.

Các tác phẩm của ông thường được sử dụng trong giảng dạy và nghiên cứu Phật học, đặc biệt là trong các trường đại học và viện nghiên cứu. Pui Saengchai đã có những đóng góp đáng kể trong lĩnh vực học thuật Phật giáo tại Thái Lan. Các tác phẩm của ông là nguồn tài liệu quý giá cho những ai quan tâm đến kinh điển và giáo lý Phật giáo.

*

* *

MỤC LỤC

PHẦN I. PHẬT NGÔN 13
A. 8 Pháp của tỳ kheo đáng được tin tưởng 13
B. 5 sự hiếm quý 15
C. Tỳ kheo được Đức Phật quan tâm 16
D. Những nguyên nhân làm Phật giáo suy đồi hay thạnh hành ..19
E. 5 Giải thoát xứ (Vimuttāyatana) 20
F. 6 quả báo của giảng sư 22
PHẦN II. TIỂU SỬ CÁC VỊ TỐI THẮNG VỀ THUYẾT PHÁP 27
A. Tiểu sử trưởng lão Puṇṇamantānīputta 27
* Sự thuyết giảng kiểu mẫu của trưởng lão Puṇṇamantānīputta 33
* Nói thêm về Thất Tịnh..... 39
B. Tiểu sử trưởng lão ni Dhammadinnā..... 51
* Sự thuyết Pháp kiểu mẫu của trưởng lão ni Dhammadinnā 55
C. Tiểu sử trưởng giả Citta..... 75
* Sự thuyết Pháp kiểu mẫu của trưởng giả Citta 78
D. Tiểu sử bà Khujjuttarā..... 90
PHẦN III. BÀN VỀ GIẢNG SƯ 94
A. Phân loại giảng sư: 97
B. Giảng sư đặc biệt 102
1. Chuyện thuyết giảng của Ngài Upāli, chùa Paramanivāsa 103
2. Phân loại giảng sư theo Phật ngôn..... 115

PHẦN IV. MỘT SỐ ĐỀ TÀI 130
A. 4 sự trau dồi, luyện tập (Pubbayoga), rất quan trọng của người sẽ thành giảng sư: 130
B. Dành cho giảng sư thuyết đơn 133
C. 8 đề tài tập thuyết đơn 134
D. 25 chủ đề mẫu thuyết đơn 145
1. Nói về sự bố thí (dāna) có nhiều quả báo: 146
2. Nói về người nên và không nên thân cận: 147
3. Nói về người mù, người chột (1 mắt), và người tỏ: 150
4. Nói về 3 hạng trí tuệ: 151
5. Nói về gia tộc có Phạm Thiên cộng trú (Brahma) 154
6. Nói về nhân tạo 3 nghiệp 156
7. Nói về thiên sứ (Devadūta) 157
8. Nói về 3 trường hợp kiêu mạn, say mê: 159
9. Nói về tăng thượng: 160
10. Nói về 3 bậc chân nhân 164
11. Nói về 3 sự tăng trưởng 165
12. Nói về quả báo của sự trì giới 167
13. Nói về 3 sự trong sạch: 168
14. Nói về tịnh giả (munī) 170
15. Nói về giờ đẹp khắc tốt 172
16. Nói về bốn chánh cần 173
17. Nói về khuynh hướng: 174
18. Nói về 4 bánh xe: 175
19. Nói về bốn Nhiếp Pháp: 176
20. Nói về 4 tịnh tín 179
21. Nói về 4 tưởng điên đảo (saññavillāsa) 180
22. Nói về "con sông", 4 loại phước báu: 182
23. Nói về quả của sự thí thực: 184

24. Nói về quả của sự thí thực (tiếp): 185
25. Nói về 4 sự mong muốn khó được 186
PHẦN V. MỘT SỐ NGHI THỨC 188
A. Tư cách giảng sư 188
B. Truyền giới: 189
C. Nói về Phật lịch (kiểu Thái Lan) 190
D. Cách thức đọc "Namo…" (Nam Mô)..... 193
E. Cách thuyết Pháp 197
F. Thuyết giảng và Chúc phúc cho công chúng 198
PHẦN VI. 3 KIỂU THUYẾT BAN ĐẦU 201
A. Thuyết Được..... 201
B. Thuyết Rõ 208
C. Thuyết thành 214
D. 4 chi phần của thuyết thành..... 227
E. "Thuyết được" có 4 kiểu mẫu..... 229
PHẦN VII. PHÂN LOẠI THUYẾT GIẢNG (tiếp theo)..... 243
A. Giảng về Pháp học (pariyatti)..... 243
B. Giảng về Pháp hành (paṭipatti) 244
A2. Kiểu mẫu thuyết về Pháp học..... 245
B2. Kiểu mẫu thuyết về Pháp hành 254
A3. Kiểu mẫu thuyết về Pháp học..... 258
B3. Kiểu mẫu thuyết về Pháp hành 266
A4. Kiểu mẫu thuyết về Pháp học..... 269
B4. Kiểu mẫu thuyết về Pháp hành 276
PHẦN VIII. (Tập 2)..... 280
A. Thuyết về Pháp thành (Vesanāpativedha) 280
B. Bài mẫu về đúng - sai với 4 hạng người:..... 291
Con Đường Hoằng Pháp 307

PHẦN I. PHẬT NGÔN

A. 8 Pháp của tỳ kheo đáng được tin tưởng

"Saddhe bhikkhave bhikkhu hoti no sīlavā evaṃ so tena angena aparipūro heti tena taṃ aṅgam paripūretabbaṃ kinnāhaṃ saddho ca assaṃ sīlavā cāti yato ca kho bhikkhave bhikkhu saddho ca hoti sīlavā ca evaṃ so tena aṅgena paripūro hoti[1].

= Này các tỳ kheo, tỳ kheo có đức tin nhưng chưa có giới hạnh, cũng chưa được. tỳ kheo ấy nên làm cho viên mãn **Tín và Giới.**

Này các tỳ kheo, tỳ kheo đã có đức tin và giới hạnh nhưng chưa là người **học rộng** (bahusūta, đa văn), cũng chưa được.

Tỳ kheo ấy nên làm viên mãn, với ý niệm như sau: *"Ta làm sao mới có Tín, Giới và học rộng đây!".*

Này các tỳ kheo, tỳ kheo đã có đức tin, có giới hạnh và là người học rộng, nhưng chưa là **giảng sư**, cũng chưa được. tỳ kheo ấy nên làm viên mãn, với ý niệm như sau: *"Ta làm sao mới có Tín, Giới và học rộng, là giảng sư đây!".*

Tỳ kheo đã có đức tin, có giới hạnh, là người học rộng, là giảng sư rồi nhưng chưa **hoà nhập hội chúng** (parisadda), cũng chưa được. Nên làm viên mãn, với ý niệm như sau:

[1] Phẩm Yamaka thứ 3, Paññāsakāsaṅgahita, Aṭṭhakanipāta, Tam Tạng quyển 23, trang 324.

"Ta làm sao mới có đức tin, có giới hạnh, là người học rộng, là giảng sư, hoà nhập hội chúng đây!".

Tỳ kheo đã có đức tin, có giới hạnh, là người học rộng, là giảng sư, hoà nhập hội chúng rồi nhưng chưa **đủ bình tĩnh giảng Pháp trong hội chúng,** cũng chưa được. Nên làm viên mãn, với ý niệm như sau: *"Ta làm sao mới có đức tin, có giới hạnh, là người học rộng, là giảng sư, hoà nhập hội chúng, bình tĩnh dạn dĩ khi thuyết giảng Pháp trong hội chúng đây!".*

Tỳ kheo đã có đức tin, có giới hạnh, là người học rộng, là giảng sư, hoà nhập hội chúng, bình tĩnh khi giảng Pháp trong hội chúng, nhưng chưa **đắc 4 bậc thiền** (jhāna) điều mà tâm sở thù thắng (abhicetasika) giúp an trú trong đời hiện tại (diṭṭhadhamma), chưa đắc 4 bậc thiền - loại không khó, không suy thoái - cũng chưa được.

Nên làm viên mãn, với ý niệm như sau: *"Ta làm sao mới đắc được 4 bậc thiền, để tâm sở thù thắng giúp an trú trong đời hiện tại, đắc 4 bậc thiền - loại không khó, không suy thoái đây!".*

Tỳ kheo đã có đức tin, có giới hạnh, là người học rộng, là giảng sư, hoà nhập hội chúng, bình tĩnh khi giảng Pháp trong hội chúng, đắc 4 bậc thiền rồi, nhưng chưa đắc **Tâm giải thoát** (cetomutti), **Tuệ giải thoát** (paññāvimutti). Gọi là không có phiền não (Āsava), chưa chấm dứt tất cả phiền não, cũng chưa được.

Nên làm viên mãn, với ý niệm như sau: "Ta làm sao mới có đức tin, có giới hạnh, là người học rộng, là giảng sư, hoà nhập hội chúng, bình tĩnh khi giảng Pháp trong hội chúng, đắc 4 bậc thiền, đắc được Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát đây!".

Này các tỳ kheo, tỳ kheo có 8 Pháp này, là ***người xứng đáng được tin tưởng.***

Đức Phật dạy:

Tỳ kheo đã *thọ trì giới luật nghiêm cẩn*, nhưng chưa trú ngụ ở rừng, ***nên ở rừng.*** Khi đã ở rừng nơi thanh tịnh, chưa đắc 4 bậc thiền, nên đắc **4 bậc thiền.**

Đã ở rừng nơi thanh tịnh, chưa đắc thiền vô sắc, nên hành cho đắc thiền vô sắc. Đã đắc **thiền vô sắc rồi (8 bậc thiền)** nhưng chưa đắc được Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát, nên hành cho đắc được **Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát.**

Đã thọ trị giới luật nhưng chưa thành tựu **Túc mạng thông** (pubbenivāsa, nhớ tiền kiếp), nên thành tựu Túc mạng thông.

Chưa thành tựu **Thiên nhãn thông** (Dibbacakkhuñāna), nên thành tựu Thiên nhãn thông. Nhưng chưa thành tựu Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát cũng nên thành tựu **Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát.** Tỳ kheo có 10 Pháp này, là **người đáng tin tưởng, là người trong sạch** (parisuddhi).

Người xưa cho rằng: ***"diễn giả", "người thuyết giảng"*** cần phải lanh miệng, môi mép, tâm vững vàng, bình tĩnh dạn dĩ, mặt dạn mày dày, mới tốt. Không phải chỉ ghi nhớ, vì như thế là điểm tĩnh chốn đông người. Học rộng, giới hạnh và đức tin đều có liên quan.

B. 5 sự hiếm quý

Trích Pañcaka nipāta, Tương ưng bộ Kinh)[1]: *"Tathāgatassa arahato sammāsambuddhassa aātubhūvo dullabho lokasmin =*

[1] Tam Tạng quyển 22, trang 189

Hiếm có trong thế gian, là **sự xuất hiện của đấng Như Lai**, bậc Ứng Cúng, đấng Chánh Biến Tri".

"Hiếm có trong thế gian, là **người thuyết giảng Pháp Luật** do đấng Như Lai công bố".

"Tathāgatappaveditassa dhammavinayassa viññātā puggalo dullabho lokasmin = Hiếm có trong thế gian, là **người hiểu biết Pháp Luật** do đấng Như Lai công bố".

"Tathāgatappaveditassa dhammavinayassa viññātā dhammanudhammapaṭipano puggalo = Hiếm có trong thế gian, là người hiểu biết Pháp Luật do đấng Như Lai công bố, **hành Pháp tuỳ Pháp**".

"Kataññakatavedī puggalo dullabho lokasmim = Hiếm có trong thế gian, là **người tri ơn**, **báo ơn**".

Người thuyết giảng được Pháp Luật ấy gọi là Giảng sư.

C. Tỳ kheo được Đức Phật quan tâm

Thủa Đức Phật còn tại thế, có 4 hội chúng là tỳ kheo (bhikkhu) - tỳ kheo ni (bhikkhuṇi) - Thiện nam (upāsaka) - Tín nữ (upāsika), từ nhiều phương đến yết kiến Ngài.

Ngài thường thuyết giảng bằng các cử chỉ hoan hỷ, cởi mở và tuỳ nghi quan tâm người nên hỏi. Người được yết kiến và người được Đức Phật quan tâm ấy, đều là những người biết ơn và đền ơn trong giáo Pháp

Người được Đức Phật quan tâm trước người khác ấy, thường là giảng sư. Chú giải của Kinh Rathavinītasūtara có đoạn:

4 loại người:

Người chỉ tìm lợi ích cho mình.

Người chỉ tìm lợi ích cho người khác.

Người không tìm lợi ích cho mình hay người khác

Người tìm lợi ích cho mình hay người khác.

Như Trưởng lão Bākula, gọi là *"Người thực hành chỉ đem lại lợi ích cho mình".* Đức Phật không quan tâm hạng tỳ kheo như thế, vì vị ấy không vững vàng trong việc làm cho Giáo Pháp thạnh hành.

Như nam tử dòng Thích Ca Upananda, tỳ kheo này gọi là *"Người thực hành đem lại lợi ích cho người khác".* Ngài cũng không quan tâm hạng tỳ kheo này. Vì là người không từ bỏ ái dục (taṇhā), ví như "cái giỏ lớn", hay cái muỗng không nếm được vị canh (chỉ có lưỡi mới nếm được!).

Như Ngài Loludāyi, tỳ kheo ấy gọi là *"Người thực hành không đem lại lợi ích cho cả mình và người khác".* Đức Phật Ngài cũng không quan tâm. Vì tỳ kheo như vậy, có nhiều phiền não (kilesa) trong tâm, như bị chặt đứt bằng cây búa chẻ củi.

Giải rằng: Phiền não thường chặt đứt sự tốt đẹp, ví như cái búa chặt cây không cho đâm chồi. Tỳ kheo nào tự mình thực hành theo 10 điều trên, chỉ dạy cho người khác thực hành theo, vị ấy được gọi là *"Người thực hành đem lại lợi ích cho mình và người khác".* Như các ngài Sāriputta, Moggallāna, Mahākassapa, Puññâmantāniputta... Đức Phật quan tâm những tỳ kheo như vậy, vì những vị ấy vững vàng trong việc làm cho Giáo Pháp thạnh hành.

Giảng sư tự dạy mình, dạy người, là người được Đức Phật quan tâm.

Chuyện kể rằng: Khi trưởng lão Sonakotikanna được yết kiến Đức Phật, Ngài đã dạy cúng dường Pháp, là sự tụng đọc lưu loát. Pha trò chừng mực trong thuyết giảng, vẫn giữ được trang nghiêm, cho tín thí cung kính, cúng dường...

Ngài cho tán thán 3 lần "Sadhu! Sadhu lành thay!". Rồi các vị trời, bắt đầu từ các vị trời trên mặt đất... đã tán dương bằng tiếng "Sadhu!" như vậy, khắp đến cõi Phạm thiên (Brahmaloka).

Việc thành giảng sư để tự dạy mình, dạy người, thường được Đức Phật tán dương. Là người được Nhân Thiên xác định là nơi đáng kính ngưỡng. Như sadi Sānu được kể trong Kinh, là tấm gương như vậy.

Khi đức vua và các đại thần, các bà la môn (brahmana), và ngài Yāpāyāpi được tin trưởng lão Kumāra Kassapa - là người học rộng, giảng sư, là người thuyết Pháp tuyệt hảo, dùng nhiều phương pháp - quang lâm, họ đã rủ nhau rời thành Setabya tìm đến, quan tâm thưa hỏi chuyện tội phước, thế giới này thế giới trên v.v… được ghi trong tạng Pāli, chú giải Kinh Pāyāsisutta, hay trong Sāvakapatubhāna, là điển hình khác.

Thế mới nhấn mạnh rằng: Giảng sư là hiếm quí, 1 trong 5 sự hiếm quí, được Đức Phật quan tâm, do là người truyền bá Giáo Pháp tốt đẹp.

Người không làm giảng sư, nhưng là giáo thọ sư, dạy bảo đệ tử, cũng là người làm cho Phật giáo thạnh hành.

D. Những nguyên nhân làm Phật giáo suy đồi hay thạnh hành

Đức Phật giảng trong kinh Tăng Chi bộ, phẩm Pañcakanipāta, phần thứ nhất Saddhamma, Paṇṇāsaka thứ 4 rằng[1]:

Này các tỳ kheo, có 5 Pháp thường đem lại sự suy đồi, làm Chánh Pháp (saddhamma) diệt vong, là:

- Các tỳ kheo trong Pháp Luật này không để tâm chú ý nghe Pháp.

- Không để tâm học Pháp.

- Không để tâm ghi nhớ Pháp.

- Không để tâm nhận định chủ ý Pháp mà mình đã ghi nhớ lại.

- Đã biết nghĩa, biết Pháp, không để tâm hành Pháp cho hợp với lý Pháp.

Tương phản lại, là 5 Pháp giúp Chánh Pháp trường tồn, hưng thịnh:

- Các tỳ kheo trong Pháp Luật này để tâm chú ý nghe Pháp.

- Để tâm học Pháp.

- Để tâm ghi nhớ Pháp.

- Để tâm nhận định chủ ý Pháp mà mình đã ghi nhớ lại.

- Đã biết nghĩa, biết Pháp, để tâm hành Pháp cho hợp với lý Pháp.

[1] Trích ở Tạm tạng, quyển 22 trang 197

Này các tỳ kheo, có 5 Pháp nữa, thường đem lại sự suy đồi, làm Chánh Pháp (saddhamma) diệt vong, là:

- Các tỳ kheo trong Pháp Luật này **không học Pháp**, gồm: Sutta (kinh), Geyya (thơ, kệ ngâm), Veyyākarana (sự giải nghĩa, văn phạm), Gāthā (kệ ngôn), Udāna (sự diễn cảm), Itivutaka (như thị thuyết), Jātaka (kinh bổn sanh), Abbhūta (Pháp đặc biệt, vi diệu), Vedalla (phương quảng).

- Các tỳ kheo **không giảng Pháp,** giải rộng những gì đã được nghe được học của mình cho người khác.

- Các tỳ kheo **không chỉ dạy Pháp,** giải rộng những gì đã được nghe được học của mình cho người khác.

- Các tỳ kheo **không ghi nhớ (học thuộc lòng) Pháp,** giải rộng những gì đã được nghe được học của mình cho người khác.

- Các tỳ kheo **không nghĩ tưởng Pháp**, không suy gẫm đối chiếu Pháp, không chăm chú nhận định Pháp, theo những gì đã được nghe được học của mình.

Tương phản lại, là 5 Pháp giúp Chánh Pháp trường tồn, hưng thịnh!

Nghĩ tưởng đến lời Phật dạy, để tâm chú ý ***học, giảng, dạy, tụng, suy gẫm*** những Diệu Pháp, hầu đem lại sự vững vàng bền bỉ cho Phật Giáo.

E. 5 Giải thoát xứ (Vimuttāyatana[1])

Người tu tập như thế, được lợi ích gì?

Đáp rằng: Được nhiều lợi ích, làm cho mình thành 1 trong 5 sự hiếm quý báu kể trên, và giải thoát là nơi tột cùng.

[1] Trích Tạm Tạng, quyển 22.

Điều này được Đức Phật dạy trong Giải Thoát kinh (Vimuttisutta), phẩm thứ 3, Paṇṇasaka thứ 1, Tăng chi bộ kinh Pañcakanipāta:

Này các tỳ kheo, Giải thoát xứ giúp tâm của tỳ kheo không dễ duôi, nhẫn nại, thiêu đốt phiền nào, "an tâm trong Níp Bàn". Chưa giải thoát, làm cho giải thoát, làm cho tất cả phiền não (āsava) chưa diệt được diệt.

5 loại Giải thoát xứ gồm:

Tỳ kheo **hiểu nghĩa Pháp**, sanh phấn khởi hân hoan, hỷ lạc (pīti), thanh tịnh (passaddhi), an lạc (sukkha), định tâm (samādhi).

Tỳ kheo **giảng Pháp,** giải rộng những gì đã được nghe được học của mình cho người khác. Tỳ kheo ấy cũng hiểu nghĩa Pháp, sanh phấn khởi hân hoan, hỷ lạc, thanh tịnh, an lạc, định tâm.

Tỳ kheo **ghi nhớ (học thuộc lòng) Pháp** theo những gì đã được nghe được học của mình, giải rộng và hiểu nghĩa Pháp đã ghi nhớ, sanh phấn khởi hân hoan, hỷ lạc, thanh tịnh, an lạc, định tâm.

Tỳ kheo **suy gẫm Pháp**, theo những gì đã được nghe được học của mình, hiểu nghĩa Pháp trong lý ấy, sanh phấn khởi hân hoan, hỷ lạc, thanh tịnh, an lạc, định tâm.

Tỳ kheo **đạt được ấn chứng thiền định** (samādhi nimita). Quan tâm, ghi nhớ và thấu đáo ấn chứng thiền định bằng trí tuệ. Rồi hiểu nghĩa Pháp ấy, sanh phấn khởi hân hoan, hỷ lạc, thanh tịnh, an lạc, định tâm.

Kinh Pāli cho thấy rằng: Việc có người thuyết cho nghe, hay tự mình giảng, hay học thuộc Pháp, nghĩ tưởng Pháp

đều tốt, quan tâm đến nhân sanh thiền định cũng tốt, cho quả là sự giải thoát khỏi tất cả phiền não.

Quả loại thấp là được hiểu Pháp, phấn khởi hơn hoan, hỷ lạc, thanh tịnh, an lạc, có tâm vững vàng (định) hợp thành 5 loại với nhau. Khi già dặn, sẽ được giải thoát, thoát khỏi tất cả phiền não.

F. 6 quả báo của giảng sư

6 quả bậc thấp:

Sự hiểu Nghĩa (attapatisaṃvedī), sự hiểu Pháp (dhammapatisaṃvedī).

Sự hân hoan phấn khởi

Sự hỷ lạc

Sự thanh tịnh

Sự an lạc

Sự thiền định[1].

Nhưng trước tiên phải chuyên tâm học Pháp, thuyết Pháp, tụng đọc Pháp, tưởng nghĩ Pháp, tập ghi nhớ nhân sanh thiền định vững mạnh đi!

6 quả bậc thấp hơn, là được danh lợi (labhā), sự tôn trọng, lễ bái (vandana), sự cúng dường (pūjā)… kể là vật chất.

6 quả loại ấy, dành cho người học cao cấp Pāli nhưng không muốn thành giảng sư. Xin hỏi bạn, người không muốn thành giáo sư cũng không muốn thành giảng sư rằng:

- Bạn học để làm gì?

[1] Trích Giải Thoát kinh Vimuttāyatanasutta, phẩm Pañcaka Nipāta, Tam Tạng quyển 22, trang 22.

- Muốn học để biết, muốn thực hành, muốn tốt nghiệp cao cấp Pāli!

- Khi bạn đã hiểu biết, đã tự mình thực hành rồi, bạn cần dạy người khác môn nào, thành giáo sư hay thành giảng sư hay không?

- Không.

- Khi bạn đã biết, không dạy người khác sẽ được lợi ích ít hay nhiều?

- Ít.

- Bạn cần dạy người khác được nhiều lợi ích không?

- Không cần, vì tôi không thích hợp.

- Bạn sẽ làm gì tiếp?

- Tôi sẽ học môn khác.

- Môn bạn đã học đó, bạn sẽ từ bỏ chăng?

- Bỏ.

Sẽ là sự trả lời không tốt, vì môn học cũ bạn đã tốn công tốn thời gian học cần mẫn quá nhiều rồi, kiểu khắc cốt ghi tâm. Đúng ra bạn nên đáp rằng: "Tôi sẽ học môn khác theo khả năng, không từ bỏ môn cũ".

Vì khi bạn đã học xong cao cấp Pāli, bạn sẽ học môn khác, không nên từ bỏ môn mà đã học. Bạn nên chia thời gian từng ngày (thời khóa biểu), thời gian đó ta sẽ học sẽ ôn lại môn cũ - thời gian đó ta sẽ học môn mới, các môn thế học.

Khi ấn định như vậy, rồi thực hành theo, bạn sẽ tiến bộ, với kiến thức cả 2 phần: phần tu sĩ và phần cư sĩ. Tiếp theo bạn sẽ tiến bộ cả trong Pháp và thế gian pháp.

Nếu ai hỏi rằng: - Thành giảng sư tốt đẹp ra sao?"

Xin hỏi lại rằng: - Thành bác sĩ tốt đẹp ra sao?

- Thành bác sĩ, làm thầy thuốc, là đem lại sự an lạc đến người khác, giúp họ hết bệnh.

- Bệnh mà bác sĩ chữa trị ấy, là bệnh thân hay tâm?

- Bệnh thân.

- Bệnh tâm ra sao?

- Bệnh tâm là không an vui bởi phiền não, có tham, có sân hận, có si mê lầm lạc…

- Khi bạn chữa bệnh tâm của bạn, và của người khác, bạn sẽ được gì?

- Được khá nhiều quả, vì làm cho mình và người khác an lạc tâm, là sự tốt đẹp vô cùng.

- Người hiểu biết lời dạy của Đức Phật, cung kính và vững tin, sẽ tạo nghiệp bất thiện dễ hay khó?

- Khó!

- Vậy người không hiểu biết lời dạy của Đức Phật, không cung kính và không vững tin, sẽ tạo nghiệp bất thiện dễ hay khó?

- Dễ!

- Quả báo của việc tạo nghiệp bất thiện, tà hạnh, tốt đẹp hay không?

- Không!

- Không tốt đẹp như thế nào?

- Là sanh tội lỗi, khổ đau hiểm nghèo đến ta và người khác theo nhiều cách. Lúc hiện tiền, và lúc gần chết. Có khi

quả báo nhãn tiền, vào tù vào khám… Từ trần rồi có khi là bị đọa địa ngục!

- Khi bạn thành giảng sư dạy cho mọi người từ bỏ điều xấu xa tồi bại, hành sự tốt đẹp, bỏ tội làm phước, từ bỏ tà hạnh (ducarita), thành chánh hạnh (sucarita)… Bạn sẽ thọ nhận quả gì?

- Quả là sự thỏa thích trong tâm, khi nghĩ rằng: Ta đã dạy người ấy, giúp họ từ bỏ điều xấu xa, làm việc tốt đẹp, bỏ tội - làm phước, từ bỏ tà hạnh - hành chánh hạnh được rồi!

- Còn quả gì nữa không?

- Chắc chắn có, vì trợ giúp người ấy thoát khỏi tội, cả trong lúc sống và chết, là khi còn sống thoát khỏi tù tội… Khi chết, thoát khổ đau hiểm nghèo trong 4 hạng đọa xứ (địa ngục, ngạ quỷ, a tu la, súc sinh)

- Vậy bạn muốn thành giảng sư không?

- Không!

- Ví như bạn đã học thành thầy thuốc, lại không chữa trị được người cảm sốt, sẽ có ích lợi thế nào đến bạn và người khác không?

- Không có!

- Cũng vậy, khi bạn học lời dạy của Đức Phật rồi không dạy người khác được, cũng không khác gì!

- Chúng ta học Phật sơ cơ, không phải để dạy mình và người khác".

Bạn trả lời như vậy là sai! Khi cho rằng "học để thực hành cho mình thôi, không phải để dạy!". Không khác gì với

việc bạn học nghề thầy thuốc rồi, làm thuốc chữa trị riêng cho mình, quả mà bạn sẽ được chỉ chút ít.

Nếu bạn chữa trị cho người khác được nữa, bạn sẽ được quả báo lan rộng, công đức vô lượng! Hãy tưởng nghĩ đến Đức Phật và các vị đệ tử đã qua đời, rằng: Đức Phật và các ngài ấy, dạy cho mình hay dạy cho người khác? Bạn sẽ nhận ra là: "Dạy người khác!". Rồi bạn sẽ cố gắng thành giảng sư, hầu chỉ dạy người khác.

Khi bạn thấy đã thích hợp, nên cố gắng thành người có đức tin, có giới luật, học rộng…

PHẦN II
TIỂU SỬ CÁC VỊ TỐI THẮNG VỀ THUYẾT PHÁP

Có 4 vị được Đức Phật xác chứng là giảng sư đệ nhất:

- Trong tỳ kheo, có Trưởng lão Puṇṇamantānīputta.

- Trong tỳ kheo ni, có Trưởng lão ni Dhammadinnā.

- Trong thiện nam, có thiện nam Visakha *(theo Kinh tạng là ông Citta, có tiểu sử bên dưới - Dịch giả).*

- Trong tín nữ, không rõ ai, nhưng theo chú giải là tín nữ Khujjuttarā.

Đây là những thuyết giảng mẫu của 4 vị giảng sư tối thắng (Etadagga) trên, do tác giả giải rộng thêm.

Những sự thuyết giảng kiểu mẫu của cả 4 vị giảng sư Etadagga ấy (thù thắng), có trong chú giải Pāli không nhiều như những vị đệ tử khác như ngài Xá Lợi Phất (Sāriputta) hay ngài Ānanda... Nhưng được Đức Phật tuyên dương là "tối thắng" theo ước nguyện quá khứ, dù thuyết ít nhiều, cũng tuyệt hảo hơn người khác, trong phần thuyết Pháp.

A. Tiểu sử trưởng lão Puṇṇamantānīputta

Trưởng lão Puṇṇa, con của bà Mantānī, nếu gọi hợp cả tên mẹ theo quy định trong hai nước ấy, là Puṇṇamantānīputta, được Đức Phật xác chứng tối thắng về giảng thuyết.

Kinh Manorathapūtaṇī ghi rằng: Tiền kiếp là vào thời của Đức Phật Padumuttara (Thượng Liên), Ngài Trưởng lão

này được sanh trong gia đình bà la môn (Brahmana) đại bá hộ thành Haṅsavatī. Ông sinh ra thuộc dòng quí phái (kulaputta), nên song thân đã đặt tên là Gotama. Khi khôn lớn học hết Tam Phệ đà (Veda), ông là người khôn ngoan trong các môn nghệ thuật, có 500 nam đệ tử. Nhưng không nhìn thấy Pháp Giải thoát (Mokkha dhamma), Pháp đưa đến sự thoát khổ (dukkha), mới nghĩ rằng*: "Tam phệ đà chỉ sạch sẽ bên ngoài, giống cây chuối trong không có cốt lõi. Ta cần gì Tam phệ đà!"*. Rồi thoát ly làm đạo sĩ, tu triển Phạm trú (brahma vihāra, tứ vô lượng tâm: từ - bi - hỷ - xả), đắc được thiền (jhāna).

Dạy được phương pháp tu tập Kasina (đề mục hoàn tịnh thiền) cho nhóm một vạn tám ngàn (18.000) đạo sĩ đồ đệ. Họ cũng đắc được 5 Thắng trí (Abhiññā, Ngũ thông) như sư phụ mình.

Thời gian trôi qua, đến thời duyên của đạo sĩ Gotama, Đấng Thập Lực (dasapala) Padumuttara chuyển Pháp luân, công bố bánh xe Pháp, có hàng vạn vị tỳ kheo đệ tử, du hành ở thành Baṅsavatī. Một hôm, khi Đức Phật Padumuttara quán xét thế gian lúc tờ mờ sáng, đã thấy sự đầy đủ nhân duyên (upanissaya Arahatta) ở hội chúng của đạo sĩ Gotama, cùng việc phát nguyện thành người tối thắng thuyết giảng của đạo sĩ Gotama.

Hừng sáng, Ngài một mình mang y bát (patta-cīvara) du hành, trong khi nhóm đệ tử của đạo sĩ Gotama đi kiếm trái cây và bông hoa trong rừng. Đức Phật đã đến tịnh xá của đạo sĩ Gotama. Đạo sĩ Gotama không biết được sự xuất hiện của Ngài, nhưng vừa nhìn thấy Đức Phật từ xa đã nhận ra rằng "Đây là người tuyệt hảo trên thế gian, hiện là người đã

giải thoát! Vì có tướng trạng như vậy, tối thiểu là đáng quân vương, đi tu hành thì sẽ khai sáng thế gian. Phải là Đức Phật Toàn Giác (Sabbaññu Buddha)!". Đạo sĩ mới đảnh lễ, thỉnh mời Phật ngự ở chỗ ngồi được trang hoàng sẵn.

Đức Phật an tọa và thuyết Pháp đến đạo sĩ Gotama. Lúc ấy, nhóm đạo sĩ đệ tử đi hái trái cây trở về và khởi ý nghĩ rằng, *"Chúng ta sẽ dâng trái cây và bông hoa, vật tốt đẹp đến sư phụ, phần còn lại chúng ta sẽ thọ hưởng (paribhoga)".* Nhưng khi thấy Đức Phật Padumuttara an tọa ở chỗ cao hơn, thầy mình ngồi chỗ thấp, liền nói rằng:

- Chúng con nghĩ là không có người tuyệt hảo hơn thầy trong thế gian này. Nhưng giờ vị này để thầy của chúng con ngồi thấp, tự mình ngồi cao, dường như là người duy nhất, vĩ nhân!

- Các con ơi, đừng xá lạy ta! Ngài này là người giải thoát trong thế giới (loka), cả thiên giới (devaloka), là người nên đảnh lễ của tất cả mọi người. Các con hãy đảnh lễ Ngài!".

Nhóm đạo sĩ nghĩ rằng: *"Thầy chúng ta biết mới nói",* nên cùng nhau đảnh lễ Đức Phật Padumuttara. Đạo sĩ Gotama mới nói: *"Các con ơi! Vật thực thích hợp để cúng dường đến đấng Thập Lực, chúng ta không có, nên chúng ta sẽ dâng cúng hoa quả này!".* Rồi họ đặt hoa quả vào bát của Đức Phật, Ngài thọ nhận. Sau đó, họ mới thọ thực.

Bậc Đạo Sư Padumuttara dùng bữa xong, khởi lên ý nghĩ rằng: *"Cả hai đại đệ tử, hãy dẫn hàng vạn tỳ kheo đến!"*. Ngay lúc ấy, đại đệ tử là trưởng lão Mahā Vimala - khởi lên suy nghĩ rằng: *Đạo Sư đi du hành ở đâu?* Biết rằng, *bậc Đạo Sư đang chờ chúng ta.* Nên dẫn hàng vạn vị đến yết kiến. Rồi cùng đứng hầu cung kính.

Đạo sĩ Gotama chỉ dạy đệ tử rằng: *"Các con ơi! Chúng ta không có gì trọng đãi mà các tỳ kheo tăng đứng hầu vất vả quá. Cần phải sắp chỗ ngồi bằng bông hoa, dâng đến các chư tăng, có Đức Phật là chủ tọa. Các con hãy đêm đến bông hoa mọc trong nước và đất liền!".* Họ liền đem bông hoa đầy đủ màu sắc và hương thơm từ chân núi đến, sắp thành chỗ ngồi dâng cúng.

Đức Phật Padumuttara xã thiền, nhìn thấy nhóm đạo sĩ đứng hầu vây quanh, dạy vị đệ tử người giỏi nhất về thuyết giảng rằng: *"Các đạo sĩ này rất cung kính, ông hãy tuỳ hỷ chúc phúc (anumodanā), nhận những chỗ ngồi bằng bông hoa ấy".* Vị ấy vâng lời bậc Đạo Sư, ngồi tưởng nghĩ, xem xét suốt Tam Tạng, tuỳ hỷ phúc chúc. Sau đó, bậc Đạo Sư mới thuyết thêm.

Sau khi dứt thời Pháp, nhóm một vạn tám ngàn (18.000) đạo sĩ, ngoại trừ đạo sĩ Gotama, đều được đắc Tứ Quả, giải thoát.

Về phần đạo sĩ Gotama, đảnh lễ rồi hỏi rằng: *"Thưa Đức Thế Tôn, vị tỳ kheo thuyết Pháp trước Đức Thế Tôn là ai vậy?".*

- Này Gotama, vị tỳ kheo này là người tối thắng về thuyết giảng trong Phật Pháp ta.

Đạo sĩ Gotama cúi rạp xuống, ước nguyện: *"Thưa Đức Thế Tôn, con cũng xin được trở thành người tối thắng về thuyết giảng trong Phật Pháp của một vị Phật vị lai, như vị tỳ kheo này, do quả báo thiện sự mà con làm suốt 7 ngày đây!".*

Bậc Đạo Sư nhìn thấy vị lai, sự thành tựu ước mong của vị đạo sĩ ấy, không có sự trở ngại, mới thọ ký rằng: ***"Sau***

hàng vạn kiếp, sẽ có 1 vị Phật ra đời, tên là Gotama, ông sẽ là người tối thắng về thuyết giảng trong Phật Pháp của Đức Phật ấy, hơn tất cả các tỳ kheo!".

Rồi Ngài gọi nhóm đạo sĩ đã thành tựu A La Hán ấy: "Thiện Lai tỳ kheo (ehibhikkhu)!". Cả nhóm ấy tự mất hết râu và tóc, lại có y bát, thành tựu nhờ thần thông, trông như trưởng lão 100 hạ lạp.

Bậc Đạo Sư dẫn chư tăng du hành rồi về chùa. Đạo sĩ Gotama phục vụ đấng Như Lai (Tathāgata) đến hết kiếp. Làm các thiện hạnh tuỳ sức mình, rồi tái sanh ở các cõi nhân thiên suốt hàng vạn kiếp….

Đến thời Đức Phật chúng ta đây, ông được sanh trong gia đình bà la môn đại bá hộ Donavatthu, gần thành Kapilavatthu. Trong ngày đặt tên, song thân ông đặt cho tên là Puṇṇamābaba.

Khi bậc Đạo Sư, đấng Ngưu vương đã thành tựu Phật quả, chuyển Pháp luân tối thượng, thường du hành, an ngự ở thành Rājagaha. Trưởng lão Aññākoṇḍaññā (Kiều Trần Như) đến thành Kapilavatthu, cho Puṇṇa là cháu của mình xuất gia. Hừng sáng, Trưởng lão đến yết kiến đấng Thập Lực (Dasabala) đảnh lễ, rồi đi đến hồ Chaddanta để nghỉ ngơi giữa ngày.

Ngài Puṇṇa, con trai của bà la môn Mantānī, được yết kiến Đức Phật và trưởng lão Kiều Trần Như (Aññakoṇḍaññā), nghĩ rằng: "Ta sẽ làm cho sự xuất gia của ta đến đích". Sau khi yết kiến Đức Phật, Ngài nán ở lại thành Kapilavatthu, nỗ lực chuyên tâm thiền tịnh, chơn chánh tác ý (yonisomanasikāra), không lâu sau thành tựu đạo nghiệp, chứng đắc A La Hán.

Nhóm thiện nam tử quý tộc xuất gia ở nơi ngài có 500 vị, vững tin theo huấn từ (ovāda) của ngài, cũng được thành tựu A La Hán. Nhóm tỳ kheo ấy biết rằng: *"Sự xuất gia của chúng ta đã đến đích!",* dẫn nhau đến báo thầy tế độ rằng: *"Phật sự của chúng tôi đã đến đích. Đã đến lúc chúng tôi sẽ đi diện kiến Đức Phật!".*

Ngài nghĩ rằng: *"Việc ta đi yết kiến đấng Thập Lực cùng chung đụng hội chúng như vậy, là không phải lẽ. Hãy cho nhóm tỳ kheo này đi trước, yết kiến đức Như Lai. Hãy đảnh lễ Ngài theo lời của ta! Rồi ta cũng sẽ sau".*

Cả nhóm tỳ kheo ấy đều là những bậc đoạn tận lậu hoặc (Khināsava), hoan hỷ vâng lời huấn từ của thầy tế độ mình, đảnh lễ ngài rồi khởi hành đi theo thứ tự. Trải qua con đường 600 do tuần (yojana), họ đến Trúc Lâm đại tự (Veluvana Mahāvihāra) ở thành Rājagaha (Vương Xá), đảnh lễ Đức Phật, rồi ngồi xuống.

Lẽ thường, các vị Phật hay thuyết giảng đem lại sự hoan hỷ đến người nghe, bằng lời nói ngọt ngào, chẳng hạn: *"Các ông có mệt không, còn đủ sự chịu đựng, kham nhẫn không?".* Rồi hỏi rằng: *"Các người từ đâu đến?".*

- Thưa Đức Thế Tôn, chúng con đến từ thành Jātibhumi.

- Này các tỳ kheo, vị nào ở đó được dân địa phương tán dương? Ai là người tri túc, và chỉ dạy các vị khác pháp tri túc?".

- Nam tử con bà Mantātī, tên là Puṇṇa, Thưa Đức Thế Tôn!

Ngài Sāriputta được nghe câu nói này, muốn gặp ngài Puṇṇa.

Lúc ấy, bậc Đạo Sư du hành từ Rājagaha đến thành Sāvatthi. Trưởng lão Puṇṇa nghe tin ấy mới nghĩ rằng: *"Ta sẽ yết kiến bậc Đạo Sư".* Đức Phật đã thuyết Pháp, trưởng lão được nghe, rồi đảnh lễ từ giã, đến ngụ ở rừng Andhavana yên tịnh, ngài ngồi nghỉ giữa trưa ở một gốc cây.

Ngài Sāriputta nghe trưởng lão Puṇṇa đến, ngài cũng vào ngụ ở một gốc cây gần đó, đến chiều Ngài Sāriputta đã giảng cho trưởng lão về Thất Tịnh (visuddhi). Các trưởng lão đã cùng chia sẻ, hoan hỷ, hảo từ mỹ ý cho nhau.

Bậc Đạo Sư ngự giữa chư tăng, xác chứng trưởng lão Puṇṇa là **đệ nhất về thuyết giảng**. Vậy là chấm dứt chuyện của trưởng lão Puṇṇa theo chú giải Manorathapūraṇī.

**** Sự thuyết giảng kiểu mẫu***
của trưởng lão Puṇṇamantānīputta

Trưởng lão Puṇṇa đã nhận lời khen là giảng sư đệ nhất ra sao?

Ngài giảng cho người ta hiểu rằng: Điều nào, có phước báu ra sao? Tốt đẹp như thế nào? Điều nào, tội lỗi ra sao? Khi thuyết về sự tri túc, nói về phước báu của tri túc, về tội của đa dục. Những Pháp khác, Ngài cũng giảng theo phương thức này. Khi người nghe hiểu rõ và hoan hỷ rồi, sẽ vững tin để hành theo.

Kinh Rathavinītasutta, Trung Bộ (Majjhimanikāya):

Một thời, Đức Phật ngự tại Trúc Lâm tự (Veluvana), thành Vương Xá (Rājagaha). Khi ấy có nhiều vị tỳ kheo sau khi ra hạ dẫn nhau đến yết kiến Đức Phật.

Đức Thế Tôn hỏi rằng:

- *Ai được chư Tăng địa phương tán thán,*

là người thiểu dục, giảng sự thiểu dục, là người tri túc, giảng về tri túc,

là người thích độc cư thanh tịnh, dạy người khác thích độc cư thanh tịnh,

là người không ô nhiễm và tiếp cận, dạy người khác không ô nhiễm và tiếp cận,

là người có sự nhẫn nại, dạy người khác nhẫn nại,

là người giới luật viên mãn, dạy người khác gìn giữ viên mãn giới luật,

là người thiền định viên mãn,

là người trí tuệ viên mãn,

là người giải thoát viên mãn, dạy cho người khác giải thoát viên mãn,

là người viên mãn với giải thoát tri kiến, dạy người khác viên mãn giải thoát tri kiến?

- Thưa Đức Thế Tôn, có Ngài Puṇṇamantānīputta.

Khi ấy, trưởng lão Sāriputta ngồi gần Đức Phật, nghĩ rằng: *"Thật là may mắn cho trưởng lão Puṇṇamantānīputta, có bạn đồng phạm hạnh biết ca ngợi bậc thầy, và bậc thầy tốt thật. Ta sẽ gặp gỡ và đàm luận cùng trưởng lão lúc nào đó".*

Đức Phật ngự tại thành Rājagata tuỳ nghi, rồi đến thành Sāvatthi, chùa Jetavana (Kỳ Viên).

Ngài Puṇṇa nghe tin nên đến yết kiến. Đức Phật tuỳ thời giảng cho trưởng lão Puṇṇa nghe, rồi đảnh lễ giã từ, đi nghỉ trưa ở rừng Andhavana.

Ngài Sāriputta nghe tin nên lấy tọa cụ, theo sau Ngài Puṇṇamantānīputta. Cả 2 vị trưởng lão đã ngồi nghỉ ở cội cây của mỗi vị. Đến chiều, ngài Sāriputta rời nơi nghỉ, đến đàm luận với ngài Puṇṇa, hỏi rằng:

- Ngài thực hành phạm hạnh trong Pháp Luật của Đức Thế Tôn chăng?

- Đúng vậy, thưa ngài!

Lúc này, ngài Puṇṇa chưa biết việc hỏi han với ai, tên gì? Đàm đạo, vấn đáp với nhau như đã quen biết rồi vậy.

Ngài Sāruputta hỏi tiếp theo rằng:

- Ngài thực hành phạm hạnh, nhằm làm cho **Giới luật** trong sạch chăng?

- Không phải!

- Vậy ngài tu tập, hầu gột rửa **Tâm** (citta) trong sạch chăng?

- Không phải!

- Vậy ngài tu tập, hầu gột rửa **Tri kiến** trong sạch chăng?

- Không phải!

- Vậy ngài tu tập, hầu gột rửa **Hoài nghi** chăng?

- Không phải!

- Vậy ngài thực hành phạm hạnh, hầu đem lại sự trong sạch cho **Tri Kiến Đạo** chăng?

- Không phải!

- Vậy ngài thực hành phạm hạnh, hầu đem lại sự trong sạch cho **Tri Kiến Đạo và Phi Đạo** chăng?

- Không phải!

Khi ngài Puṇṇa phủ nhận hết, trưởng lão Sāriputta mới nói:

- Thật vậy sao, vậy ngài tu tập, mục đích là gì?

Ở phần Pāli, vị trưởng lão Puṇṇa đáp rằng:

- Tôi thực hành phạm hạnh thuộc về Pháp Luật của Đức Thế Tôn, nhằm đạt Vô thủ trước Bát Níp Bàn (Anupādāparinibbàna)!

- Do thanh lọc Giới luật - Tâm - ngăn chặn Hoài nghi mà đạt Vô thủ trước bát Níp Bàn?

- Không phải!

- Do thanh lọc Tri Kiến Đạo và Phi Đạo, mà đạt Vô thủ trước bát Níp Bàn?

- Không phải!

- Do thanh lọc Tri Kiến Đạo, mà đạt Vô thủ trước bát Níp Bàn?

- Không phải!

- Do thanh lọc Tri Kiến, mà đạt Vô thủ trước bát Níp Bàn?

- Không phải!

- Vậy Vô thủ trước bát Níp Bàn có ngoài các Pháp này chăng?

- Không phải!

- Thật vậy sao! Vậy làm thế nào mới hiểu ý giải đáp của ngài?

Ngài Puṇṇa đáp rằng:

- Nếu sự trong sạch của Giới luật là Vô thủ trước Bát Níp Bàn, thì không chấp thủ (Anupādāna)!

Nếu Đức Thế Tôn xác định sự trong sạch của Tâm - Tri kiến - Đoạn nghi - Đạo phi đạo tri kiến - là Vô thủ trước bát Níp Bàn, thì Vô thủ trước bát Níp Bàn còn có chấp thủ (Upādāna)!

Nếu cho rằng Vô thủ trước bát Níp Bàn có ngoài Pháp này, kẻ phàm phu cũng được gọi là viên tịch Níp Bàn (Parinibbana) sao, vì kẻ phàm phu ở ngoài các Pháp ấy.

Lời ngài thật là hùng biện! Vì thực ra, cả Thất Tịnh không phải là Vô thủ trước bát Níp Bàn, đều còn chấp thủ. Nếu Vô thủ trước bát Níp Bàn ở ngoài Thất Tịnh, kẻ phàm phu cũng thành tựu Níp Bàn, vì kẻ phàm phu không có 7 sự trong sạch này!

- Ta sẽ ví dụ cho ngài nghe. Người có sự hiểu biết, không nhiều, thường hiểu ý nghĩa lời nói bằng ví dụ.

Ngài liền ví dụ cho ngài Sāriputta nghe:

- Như khi vua Pasenadikosala, ngự tại thành Sāvatthī, có việc gấp phải đi thành Sāketa. Khoảng cách giữa Sāvatthi và Sāketa phải đi bằng 7 chiếc xe để thay đổi mới được.

Khi đến cửa chính hoàng cung ở Sāketa, nhóm quan cận thần, thân quyến cùng huyết thống hỏi rằng: "Muôn Tâu đại vương, Ngài du hành từ Sāvatthi với Sāketa với chiếc xe này chăng?". Vua Pasenadikosala khi ấy sẽ trả lời ra sao cho đúng?

Ngài Sāriputta: "Vua Pasenadikosala đi xe thay đổi 7 chiếc mới đến!".

Ngài Puṇṇa thera mới nói: "Cũng vậy, 7 sự trong sạch đưa đến Vô thủ trước bát Níp Bàn, cũng tiệm tiến như thế!".

Khi ngài Puṇṇa nói vậy, ngài Sāriputta mới hỏi rằng:

- Ngài tên chi, bạn đồng phạm hạnh gọi Ngài thế nào?

- Tôi tên là Puṇṇa, nhưng bạn đồng tu gọi là Mantānīputta.

- Thật là vi diệu ở vị đệ tử - người được nghe được hiểu biết lời chỉ dạy của bậc Đạo Sư như ngài Puṇṇmantānīputta đây. Vấn đề thật sâu sắc, ngài đã giải đáp rồi.

Thật là may mắn cho bạn đồng phạm hạnh được thăm viếng và thân cận ngài. Bạn đồng tu nên làm tấm khăn choàng đầu, dâng lên ngài. Đội ngài Puṇṇa trên đầu với một cuộn vải!

- Còn ngài tên chi, bạn đồng phạm hạnh gọi ngài thế nào?

- Tôi tên là Upatissa, nhưng bạn đồng tu gọi là Sāriputta.

- Được đàm luận với vị Đại đệ tử, người giống với bậc Đạo Sư, tôi đã không biết! Nếu biết là ngài Sāriputta, tôi sẽ không tranh luận, vấn đáp với Ngài được chừng này.

Thật là kỳ diệu ở vị đệ tử - người được nghe và thông suốt lời chỉ dạy của bậc Đạo Sư như ngài Sāriputta đây. Vấn đề thật sâu sắc ngài đã đề ra rồi!

Thật là may mắn cho bạn đồng phạm hạnh được thăm viếng và thân cận ngài. Bạn đồng tu nên làm tấm khăn choàng đầu, dâng lên ngài. Đội ngài Sariputta trên đầu với một cuộn vải!

Hai ngài "Đại Long tướng" (Mahā Nāga) ấy đã đàm đạo trong sự tuỳ hỷ, trao đổi cho nhau những lời nói tốt đẹp như vậy.

Mong cho bạn, hãy cố gắng nắm giữ *Paṭibhāna* (trí thông minh, tài hùng biện) của cả hai vị trưởng lão này.

Người thẩm vấn ở tòa án, thường hỏi đáp quanh co. Thanh nam thanh nữ khi tìm hiểu nhau, cũng không nói chuyện thẳng thừng *(dường như sách này viết vào những năm 1950s - 60s!)*. Họ cần kỹ năng, mưu mẹo, mánh khóe riêng… Nên bạn, muốn làm giảng sư, hãy cố tư duy thêm về các lắt léo trong vấn đáp, mới an tâm tuỳ hỷ cho bá tánh nghe.

Tỳ kheo nào hành đạo, đem lại lợi ích cho mình và cho người, như ngài Asīti - ngài Sāriputta - ngài Moggallāna - ngài Mahā Kassapa… tỳ kheo như vậy Đức Phật mới tán thán vì, là người vững vàng, giúp Giáo Pháp thạnh hành.

**** Nói thêm về Thất Tịnh***

Có **4 nhu cầu**, là: *nhu cầu quá đáng, nhu cầu tội lỗi, nhu cầu nhiều và nhu cầu tri túc (nhu cầu ít).*

Ham muốn lợi lộc của người khác, không biết đủ những gì mình đang có, là *"nhu cầu quá đáng"*.

Thích khoe khoang, ơn Giáo Pháp không có trong nội tâm tu tập, không giới hạn trong thọ nhận, gọi là *"nhu cầu tội lỗi"*. Nhu cầu tội lỗi ấy, có trong Vi Diệu Pháp (Abhiddhamma) là: Người không thực có Đức Tin, nhưng muốn cho người khác nghĩ rằng mình có Đức Tin, thường vững chắc trong việc phỉnh gạt thế gian…

Khoe khoang ơn Giáo Pháp có được và không giới hạn trong thọ nhận, gọi là *"nhu cầu nhiều"*. Người có Đức Tin có Giới hạnh, muốn người khác biết mình có Đức Tin, có Giới hạnh. Người như vậy thường bị vất vả khó khăn, không dễ no đủ, đến nỗi mẹ của mình cũng không thể đáp ứng được. Vì thế, ngài giáo thọ Poraṇācārây mới nói:

Có 3 thứ, dù có bao nhiêu cũng không đủ đầy: Đống lửa (thiêu sạch) - đại dương (nước các sông đổ về, không bao giờ đầy) - và người luôn khao khát".

Khiêm cung, che bớt ơn Giáo Pháp có được, không muốn khoe khoang ai và giới hạn thọ nhận gọi là *"nhu cầu ít ỏi",* hay *"thiểu dục, tri túc".*

Người thiểu dục, thường không muốn người khác biết mình có Đức Tin, có Giới hạnh. Thích hợp với sự yên tĩnh, là người nghe nhiều hiểu rộng, có sự nhẫn nại, có Định tâm (samādhi), có trí tuệ đã dứt trừ phiền não.

Như Ngài Majjhantikathera, vì ngài là bậc A La Hán, y bát của Ngài chỉ đáng 1$! Ngài là vị trưởng lão trong ngày khánh thành chùa của vua Dhammasoka.

Lúc ấy, mọi người thấy thương quá, mới Thưa rằng: *"Xin ngài hãy dừng ở ngoài một lát!",* nhưng Ngài nghĩ rằng *"Người dứt phiền não như ta không giúp được Vua, ai giúp được!".* Mới độn thổ vào bên trong chùa, thọ nhận vật thực mà họ dâng cúng chư Tăng, nghĩa là: Ngài đã dứt phiền não, không cần cho người khác biết, ta dứt được phiền não.

Tỳ kheo thiểu dục có 4 loại là: *thiểu dục phương tiện (paccaya, tứ sự), thiểu dục trong hạnh đầu đà, thiểu dục trong Pháp học (pariyatti), thiểu dục trong sự giác ngộ (abhigama).*

Thiểu dục trong tứ sự (y phục, vật thực, chỗ ngụ, thuốc men), gọi là "*thiểu dục phương tiện"*. Vị ấy, lượng sức thí chủ, vật bố thí, sức của mình, là:

- Nếu có nhiều vật thí nhưng thí chủ muốn dâng cúng ít, vị ấy nhận theo ý muốn của thí chủ.

- Nếu có ít nhưng thí chủ lại muốn cúng nhiều, vị ấy chỉ nên thọ nhận ít, tuỳ theo vật thí.

- Nếu vật thí nhiều, thí chủ muốn cúng nhiều, thì tuỳ nghi thọ nhận.

Vị tỳ kheo không muốn cho người khác biết mình giữ đầu đà, gọi là *"thiểu dục đầu đà"*. Như trưởng lão Mahāsuma, ngụ trong rừng đến 60 hạ, không có tỳ kheo nào biết. Nên ngài nói rằng: *"Ta ngụ trong rừng lâu đến 60 hạ (= 60 năm), không có người thứ 2 biết. Ta là người tuyệt hảo trong sự ở rừng lâu như vậy!"*.

Một chuyện nữa: Hai anh em trưởng lão ngự ở núi Cetiyapabbata. Một hôm, vị sư đệ đã cầm cây mía người ta gởi cúng cho sư huynh, đem qua vị trưởng lão anh và nói rằng: "*Xin ngài dùng đi!"*. Vị trưởng lão anh đã dùng bữa xong, đã súc miệng, nên nói, *"Không dùng đâu!"*.

Vị sư đệ mới Thưa rằng: *"Xin ngài thọ nhận! Ngài giữ đầu đà Ekāsanika (chỉ ăn một lần mỗi ngày) chăng?"*. Đáp: *"Nếu vậy, ông hãy đưa mía lại đây!"*

Vị này là người giữ hạnh đầu đà Ekāsanika đến 50 hạ (= 50 năm), khi cần che dấu hạnh đầu đà, phải dùng mía, rồi súc miệng, chú nguyện đầu đà lại…

Tỳ kheo nào, không muốn cho người khác biết sự nghe nhiều học rộng của mình, như trưởng lão Tissa, người ở thành Sāketa, gọi là *"thiểu dục Pháp học"*.

Được nghe rằng, vị này không cho huấn từ dạy dỗ ai, với lý do là không có thời gian, lúc được nhắc nhở rằng: Ngài sẽ có lúc chết chăng? Đã rời bỏ hội chúng đến chùa Kaṇṇīkāravā Inkasamudda, làm người cho các tỳ kheo trong

chùa ấy nương nhờ suốt mùa hạ. Vừa ra hạ, đã làm hội chúng rền vang với những kệ Pháp.

Tỳ kheo nào là bậc thánh (Ariya), nhưng không muốn cho người khác biết mình là thánh, gọi là *"thiểu dục giác ngộ"*, giống với 3 vị kulaputta và thợ đúc gọi là Ghaṭikāra.

Về phần ngài Puṇṇa, đã từ bỏ nhu cầu quá đáng, nhu cầu tội lỗi, nhu cầu lớn lao. Nhưng có nhu cầu ít ỏi, trong sạch, là sự không tham lam, không ưa mọi mong cầu thế tục. Và Ngài đã thuyết giảng kệ ngôn tri túc (appicchakathā) đến các tỳ kheo rằng: *"Chúng ta nên từ bỏ nhu cầu quá đáng, tội lỗi, nhu cầu lớn lao". Nên tri túc thiểu dục. Làm gương cho các vị khác!".*

Santuṭṭhikathā _biết đủ, tri túc: Người bằng lòng với bất cứ phương tiện nào đang có, gọi là người tri túc. **Có 12 loại là:**

Tri túc theo cái đang có.

Tri túc theo khả năng.

Tri túc tuỳ nghi thích hợp.

Căn cứ trên tứ sự (y phục, vật thực, chỗ ngụ, thuốc men)*: 3 x 4(A, B, C, D) = 12 là 12 loại*

A. Được y tốt hay không cũng hoan hỷ mặc, không cần y khác, dù được thêm cũng không nhận, gọi là *tri túc theo cái đang có, trong y phục.*

Tỳ kheo có khả năng kém, sức yếu, hay là người bệnh tật già yếu, khi mặc y nặng cũng mệt mỏi, trao đổi y nặng để xài y nhẹ, gọi là *tri túc theo sức lực, trong y phục.*

Tỳ kheo được y tốt hay mắc tiền, một mảnh hay nhiều mảnh, rồi nghĩ rằng: Y này thích hợp với các bậc trưởng lão, tu lâu, các vị nghe nhiều học rộng, hay thích hợp đối với vị cảm bệnh, hay các vị có ít ham muốn. Rồi trao đổi y ấy đến tỳ kheo khác, hay đi lượm vải từ các đống đồ phế thải, rác rến… làm thành y, gọi là *tri túc tuỳ nghi thích hợp, trong y phục.*

B. Tỳ kheo thọ dụng vật thực ngon dở cũng hoan hỷ, dù được món khác cũng không thọ nhận nữa, gọi là *tri túc theo cái đã có, trong thọ thực (piṇḍapāta).*

Tỳ kheo không an vui (sapāya) với thực phẩm nào, trao đổi với vị khác rồi thọ dụng, gọi là *tri túc theo khả năng, trong vật thực.*

Tỳ kheo được nhiều thực phẩm, luôn cho đến tỳ kheo khác, phần mình dùng đồ dư, hay dùng vật thực mới khi đi bát thêm, goi là *tri túc tuỳ nghi thích hợp, trong vật thực.*

C. Tỳ kheo nhận sự chia chỗ ở (senāsana), vừa lòng hay không cũng hoan hỷ ở, dù là nơi trải lót bằng cây cỏ cũng được, gọi là *tri túc theo cái đã có, về chỗ ngụ.*

Tỳ kheo được nhận sự phân chia chỗ ngụ không thích hợp với sự nương nhờ (nissaya), hay bệnh hoạn (bayādhi), cư ngụ không an vui, đã trao đổi chỗ ấy để được an vui, gọi là sự *tri túc theo khả năng, về chỗ ngụ.*

Hay giao cho tỳ kheo khác, rồi ở nơi khác, gọi là tri túc trong chỗ ngụ thích hợp. Tỳ kheo không nhận chỗ ngụ, nơi dễ khiến sự ngáp ngủ dã dượi hôn trầm, dễ khiến tư duy theo khuynh hướng tồi bại, đi ở nơi khác, trống trải, gốc cây… gọi là *tri túc tuỳ nghi thích hợp, về chỗ ngụ.*

D. Tỳ kheo được thuốc trị bệnh (bhesajja), dở hay tốt cũng hoan hỷ, không cần thuốc khác, có cho thêm cũng không cần, gọi là *tri túc theo cái đã có, về thuốc trị bệnh.*

Tỳ kheo cần mỡ dầu nhưng được nước mía, nên trao đổi với tỳ kheo khác tuỳ thích, hay tìm dầu mỡ mới, goi là sự *tri túc theo khả năng, về thuốc trị bệnh (gilānappaccaya).*

Tỳ kheo có phước được thuốc trị bệnh tốt, như dầu mỡ, mật ong, nước mía… Nhưng luôn biết chia sẻ cho tỳ kheo khác, phần mình xài một loại nào đó thôi.

Như có người rót nước tiểu (mutta) (bò đen?) trong một cái chén, rót 4 món: sữa chua, mật ong, đường và dầu mè trong các chén khác, rồi tác bạch rằng: "Ngài cần gì cứ lấy!". Trong những món trên, vị ấy thấy thuốc bằng nước tiểu bò đen là loại phổ biến và Đức Phật khuyến khích dùng, nên thọ nhận, gọi là *sự tri túc, tuỳ nghi sử dụng, về thuốc trị bệnh.*

Nhưng tỳ kheo này gọi là người tri túc quá đáng về thuốc trị bệnh. Tri túc cả 3 cách trong một phương tiện, như đã kể, sự tri túc tuỳ nghi thích hợp là tốt nhất. Ngài Puṇṇa là người tri túc cả 3 trong một phương tiện, và chỉ dạy các tỳ kheo hành theo.

Kệ ngôn Viễn Ly (Vivekakathā) chia sự viễn ly ra làm 3: Thân viễn ly (kāyaviveka), Tâm viễn ly (Cittaviveka), và Sanh Y viễn ly (Upadhiviveka).

Thân viễn ly là: sự cách biệt trong đi, đứng, ngồi, nằm… các sinh hoạt thường nhật, không chung đụng

Tâm viễn ly là 8 sự đắc đạo (samāpatti).

Sanh Y viễn ly là Níp Bàn.

Ý chính trong Pāli: Thân viễn ly thường có ở tỳ kheo rời khỏi hội chúng, người hoan hỷ trong sự xuất gia (nekkhamma).

Tâm viễn ly, thường có ở tỳ kheo có tâm trong sạch (parisudhi).

Sanh Y viễn ly, thường có ở vị tỳ kheo không có sanh y (upadhi), là người visaṅkhāra (tước đoạt tất cả của cải) đã tu hành đến Niết Bàn.

Ngài Trưởng lão Puṇṇa đã được viveka (sự tách biệt, viễn ly), rồi chỉ dạy người khác bằng viveka này.

Kệ ngôn Asaṅsaggakathā, nói về sự không tiếp cận. Có **5 sự tiếp cận** là:

Sự tiếp cận do nghe, do thấy, do nhìn nhau chăm chú, do việc cùng thọ dụng (paribhoga), và sự đụng chạm bằng thân.

Có vị tỳ kheo nghe âm thanh của người nữ, trong nhà hay ngoài chợ, rồi chán tu, không thể hành phạm hạnh (brahmacariyā) tiếp, đã hoàn tục, gọi là *"sự tiếp cận do nghe".*

Một tỳ kheo trẻ đang bay trên hư không, chợt nghe tiếng ca của nữ thợ vàng trong nhà gần núi, đang cất giữ hoa sen cùng bạn gái, vị này sanh tâm thoả thích theo, đã hoại thiền (jhāna) và rơi xuống từ hư không. Điều này gọi là hủy hoại bằng *"sự tiếp cận do nghe".*

Một tỳ kheo trẻ đi học Pāli ở chùa Dīghavāpī (hồ dài). Thầy giáo thọ (ācāriya) thấy trước con đường tai hại có thể xảy ra với học trò, bèn không chỉ dạy. Khi thấy tỳ kheo trẻ luôn chậm trễ, thầy dạy rằng: *"Nếu ông không đến nhà đó, ta sẽ chỉ dạy Pāli cho!".* Vị ấy nghe lời.

Khi học được kha khá, liền đảnh lễ giã từ thầy giáo thọ, bỗng nghĩ rằng, *"Do đâu thầy không cho ta đến nhà ấy?".*

Mới đắp y rồi đến đó. Một nàng thiếu nữ mặc vải vàng lợt, đứng ở cửa chính, vừa thấy vị sư trẻ ấy, đã sanh tâm luyến ái, lấy cơm đặt bát cho sư, rồi vào nằm trên giường.

Cha mẹ hỏi cái gì đã xảy ra? Đáp rằng: *"Nếu không được lấy vị sư trẻ đi bát này con sẽ chết!".* Cha mẹ vội chạy theo vị sư ấy, mời chậm chậm quay lại. Nhưng tỳ kheo ấy không chịu quay lại, hai người ấy kể chuyện cho nghe rồi thưa rằng:

- Nhà chúng tôi rất giàu có, chỉ có một đứa con gái. Xin ngài bằng lòng, thì sẽ nắm vững địa vị người con lớn trong gia đình, có thể sống an vui sung túc, không cần đi xin ăn nữa!

- Cám ơn, bần tăng không cần sự lo lắng này! *(Thanks, I don't care!).*

Cha mẹ thiếu nữ về bảo con rằng: *"Không thể mời sư ấy quay lại được. Con cần ai làm chồng, ba má cũng giúp cho, hãy đứng dậy dùng cơm nước đi!".*

Nhưng thiếu nữ (kumārī) ấy không màng ai khác, không dùng cơm nước đến 7 ngày, rồi chết. Cha mẹ hỏa táng xong, cúng vải vàng từ nàng ấy đến chư tăng trong chùa gần đó, các tỳ kheo xé chia. Một vị tỳ kheo già nhận được một phần vải, đi đến chùa Kalyāṇa (Hảo Tự).

Vị sư trẻ kia tính đi lễ bái tháp, cũng đến chùa Kalyāna, ngồi nghỉ giữa trưa. Vị sư già đã kêu tỳ kheo trẻ rằng:

- Ông hãy lấy mảnh vải này làm vải lược nước đi!

- Ngài được vải từ đâu?

Vị tỳ kheo già kể hết chuyện cho nghe. Vị sư trẻ ấy nghĩ rằng: *"Ôi, vì ta đã không quay lại, làm nàng phải ra đi như vậy!".* Vị tỳ kheo đã b 9ị lửa tình thiêu đốt, cho đến chết.

Như vậy gọi là *"tiếp cận do thấy"*. Là thương yêu luyến ái sanh lên do nhìn nhau, rồi đắm đuối…

Tiếp cận do cùng thọ dụng, như một cặp tỳ kheo, tỳ kheo ni. Trong ngày khánh thành chùa Malicivattiya ở Laṅkā (Tích Lan), tụ hội đến một trăm chín mươi ngàn (190.000) vị tỳ kheo.

Một sa di (tập sự tu, novice) cầm bát cơm nóng đi một lát, bèn để xuống ủ chéo y quanh bát cho đỡ nóng, rồi để xuống đất. Một vị sa di ni (nữ tập sự tu, female novice) mới đưa đồ kê bát và nói: *"Sư hãy để bát trên đồ kê bát này nè!"*.

Đời dâu bể thắm thoát, 2 vị cùng trôi trên con sông thời gian ấy, không dè một loại nguy hại gần kề.

Hữu duyên thiên lý năng tao ngộ! Trong một cuộc lễ, một tỳ kheo ni biết rằng có vị tỳ kheo người Tích Lan mới đến, liền tìm hỏi thăm:

- Lúc khánh thánh chùa Malicivattiya, ngài được bao nhiêu hạ?"

- Lúc ấy tôi là sa di 7 hạ, còn cô?

- Tôi cũng là sa di ni 7 hạ, giống nhau! Tôi đã cho đồ kê bát đến một sa di đang cầm cơm nóng.

- Tôi nè!

Rồi mô tả đồ kê bát... Hai người ấy không thể hành phạm hạnh (tu) được nữa, rủ nhau hoàn tục, lúc 60 hạ! Thương yêu sanh lên do tiếp xúc thân, có nắm tay…

Có vị tỳ kheo trẻ đến tụng Manattā (tăng sự Khiêm Cung, khi phạm tội Tăng Tàn) ở Mahācetīya (Đại Tháp). Một tỳ kheo ni khác đã nắm tay choàng qua ngực của vị tỳ kheo trẻ kia. Rồi hai người dẫn nhau hoàn tục.

Trong 5 loại tiếp xúc này, tỳ kheo - tỳ kheo ni do thường xuyên tiếp cận do nghe, thấy, nhìn nhau lâu, cùng thọ dụng… mà sanh chuyện. Đôi khi tiếp cận với tỳ kheo ni, với Phật tử cũng có, nên gìn giữ tâm. Đừng cho phiền não (kilesa) sanh ra trong tiếp cận ấy.

Một dạng gọi là *"kẻ nắm, người nắm",* một dạng gọi là *"kẻ nắm, người buông",* một dạng gọi là *"kẻ buông, người nắm",* một dạng gọi là *"kẻ buông, người buông",*

Có người lấy lòng tỳ kheo bằng vật thực (āmisa) hay gì đó, rồi tìm cách khiến vị ấy lệ thuộc mình. Về phần tỳ kheo, cũng nịnh bợ bằng việc tặng bông hoa, trái cây… để được *(hay bị)* lệ thuộc. tỳ kheo này gọi là *"kẻ nắm, người nắm".*

Có người lấy lòng tỳ kheo bằng vật thực (āmisa), rồi tìm kiếm cách khiến vị ấy lệ thuộc mình. Về phần vị ấy, thọ dụng tuỳ thích đúng với vị trí "bậc đáng cúng dường" (dakkhineyya puggala). tỳ kheo này gọi là *"kẻ nắm, người buông".*

Có người hộ trì chư Tăng, xem là những "bậc đáng cúng dường", nhưng có tỳ kheo lại nịnh bợ bằng việc cho tặng bông hoa, trái cây… rồi tìm cách được/bị lệ thuộc, tỳ kheo này gọi là *"kẻ buông, người nắm".*

Có người dâng cúng tứ sự đến tỳ kheo do thấy là "bậc đáng cúng dường", vị ấy cũng thọ dụng tuỳ thích đúng với vị trí "bậc đáng cúng dường". tỳ kheo này gọi là *"Kẻ buông, người buông".*

Ngài Punnamantānīputta, không tiếp cận bằng cả 5 cách tiếp cận này với 4 hội chúng, và chỉ dạy các tỳ kheo không cho tiếp cận như thế.

Kệ ngôn Viriyārambhakathā, nói về sự tinh tấn già dặn, đầy đủ cả Thân - Tâm. Tỳ kheo nào không cho phiền não sanh lên lúc đi đến lúc đứng, không cho phiền não sanh lên lúc đứng đến lúc ngồi, không cho phiền não sanh lên lúc ngồi đến lúc nằm. tỳ kheo này là *"người có sự tinh tấn già dặn",* như người nắm bóp cổ con rắn hổ đen bằng bùa chú.

Trưởng lão Puṇṇa thuộc loại này, và chỉ dạy các tỳ kheo có sự tinh tấn già dặn như ngài.

Chú giải (atthakathā) có chữ: *Paggahitaviriya,* dịch là: *"Người có sự tinh tấn nâng đỡ".* Và giải rằng: *paripuṇṇa kāyikacetasikaviriya* = Người có sự tinh tấn thân - tâm, đầy đủ (paripuṇṇa). Tức là sự tinh tấn già dặn.

Kệ ngôn Sīlakathā, nói về Giới luật (4 thanh tịnh giới).

Kệ ngôn Samādhikathā, nói về 8 samāpatti (sự đắc đạo), nơi vững vàng của Tứ Niệm Xứ (Vipassanā).

Kệ ngôn Paññakathā, nói về Phàm trí (lokiyañāṇa) và Thánh trí (lokuttarañāna).

Kệ ngôn Vimuttikathā, nói về Thánh quả giải thoát (ariyaphalavimutti)

Kệ ngôn Nanadassanakathā, nói về 19 loại Trí cân nhắc (paccavekkhaṇa).

Ngài Puṇṇa là người tự mình đầy đủ với giới luật, chỉ dạy cho các tỳ kheo cùng có giới luật. Là người hướng dẫn các tỳ kheo, bằng 10 đề tài (kathāvatthu), như đã kể.

Thất Tịnh là 7 loại trong sạch, thanh tịnh (parisuddhi):

✓ Tâm Tịnh (cittavisuddhi).

✓ Kiến Tịnh (diṭṭhivisuddhi).

✓ Đoạn Nghi Tịnh. (Kankhāvitaranavisuddhi)

✓ Đạo Phi Đạo Tri Kiến Tịnh.

(Maggāmaggañaṇadasanavisuddhi),

✓ Đạo Tri Kiến Tịnh . (Patipadānaṇadasanavisuddhi),

✓ Tri Kiến Tịnh. (ñānandassanavissudhi),

✓ Giới Tịnh (Sīlavisuddhi), gồm 4 đề tài (kathāvatthu): Appichakathā, Santuṭṭhikathā, Asaṅsaggakathā và Silakathā.

Tâm Tịnh (cittavisuddhi) gồm 3 đề tài: Pavivenakkathā, Viriyārambhakathā, Samādhikathā.

Tri Kiến Tịnh (ñānandassanavissudhi), chỉ có 1 đề tài: Paññākathā.

Như thế, ngài Sārīputta quan tâm Thất Tịnh, chỉ hỏi 10 đề tài (kathāvatthu). Ngài Puṇṇa cũng chỉ giải đáp 10 đề tài ấy, xuyên suốt trong Thất Tịnh (7 visuddhi).

Vui lòng đọc lại chừng 2-3 lần, mới hiểu rõ vấn đáp của 2 vị trưởng lão. Đừng đọc mập mờ qua loa, sẽ không ích lợi!

(Nên tham khảo thêm phần Tuệ ở Thanh Tịnh Đạo, Visuddhimagga. Tác giả chỉ thoáng qua Thất Tịnh, nhất là khoản 10 đề tài - kathavatthu: có vị cho là 8 chánh đạo + chánh trí + chánh giải thoát, hơi lùng bùng!).

B. Tiểu sử trưởng lão ni Dhammadinnā

Có nhiều Kinh nói đến bà: Kinh Manorathapūranī, Trưởng Lão Ni Kệ (Therīgāthā), Kinh Apadāna, cả phần chú giải (atthakathā), nhưng ở đây chỉ trích dẫn kinh Manorathapūranī.

Theo Manorathapūranī: Bà Dhammadinnā, là giảng sư tối thắng trong mọi tỳ kheo ni.

- *Chuyện tiền kiếp:* Bà sanh trong một gia tộc ở thành Haṅsavatī, thời của đức Phật Padumuttarajinasarīsambuddha, đã hành nhiều thiện nguyện (kusala). Như cúng dường đến trưởng lão Sujāta, là vị tối thượng Thinh Văn (Aggarasāvaka) của đức Phật Padumuttara (Liên Hoa), rồi nguyện sẽ được vị trí ấy. Bà hành thiện suốt kiếp ấy, rồi sanh về nhàn cảnh…

Giống chuyện tiền kiếp của trưởng lão ni Khemā. Bà Khema trông thấy trưởng lão ni Sujāta, là vị tối thượng Thinh Văn ni của đức Phât Padumuttara lúc đi bát. Bà lấy 3 miếng bánh đặt bát, rồi bán tóc của mình để mua vật đặt bát trưởng lão ni ấy, đã ước nguyện rằng: *"Xin cho tôi thành người có nhiều trí tuệ như ngài, trong thời Phật vị lai!"*. Rồi không dễ duôi trong việc hành thiên pháp (kusaladhama) suốt kiếp (jīvita) ấy.

Bà Dhammadinnā cũng vậy. Cũng trông thấy trưởng lão ni Sujāta khi đi bát, cũng lấy 3 miếng bánh đặt bát, rồi bán tóc của mình để mua đồ ăn đặt bát, rồi ước nguyện rằng: *"Xin cho tôi thành giảng sư tối thắng trong mọi tỳ kheo ni trong thời Phật vị lai!"*.

Có thêm ý là, đến thời giáo lý của Phật Pussa, khi bà là một trong ba chị em vương nữ (Rājakumāra, *cùng cha khác mẹ*

với Đạo Sư Pussa - bụng mỗi "Phật mẫu" chỉ chứa duy nhất một chúng sinh sẽ trở thành Phật!) chuẩn bị đồ cúng dường, lúc đó có người khuyên cúng một thôi, bà cúng hai. Bà không giảm vật thí, còn cho thêm hơn số lượng họ chỉ bảo.

Trải qua 92 kappa, bà sanh vào trong hoàng cung của Vua Kiṅki, thời Đức Phật Kassapa (Ca Diếp), là một trong 7 vị công chúa (rājadhitā), cùng nhau hành phạm hạnh suốt 2 vạn năm. Xây dựng Phật Viện (parivena) dâng cúng đến chư Tăng, rồi luân hồi trong các cõi trời - người suốt một **Buddhantara** (khoảng thời gian giữa 2 vị Phật ra đời!).

Đến thời Phật của chúng ta đây, bà sanh trong một gia tộc phú hộ. Làm vợ của trưởng giả Visāka, ông là bạn của vua Bimbisāra. Khi ông được nghe Pháp, đã chứng đắc sơ quả Tu Đà Hườn (sotāpattiphala), sau đó chứng luôn tam quả A Na Hàm (Anāgāmiphala).

Trong ngày ông đắc tam quả rồi về nhà, bà Dhammadinnā ở cuối cầu thang đã đưa tay xuống đón chồng như mọi khi, ông đã không nắm tay bà. Lúc dùng cơm, cũng không gọi nhau cùng ăn như mọi ngày.

Lúc dùng xong, bà hỏi ông rằng: *"Cha sấp nhỏ ơi, tôi làm gì sai chăng?".*

- Dhammadinnā! bạn không có gì sai. Nhưng nhớ từ giờ trở đi, ta không còn thích hợp khi ngồi gần bạn, đứng gần bạn, thọ thực cùng bạn, bằng sự thân mật như trước. Nếu bạn cần bao nhiêu của cải, hãy mang hết về gia tộc mình!

- Cha sấp nhỏ à, khi sự đã đành, tôi sẽ không nhận bất cứ vật nào, sẽ không như người liếm nước bọt mà ông nhổ ra, hay như người lượm rác đặt lên đầu (sīrasa). Xin hãy cho phép tôi xuất gia (pabbajjā)".

- Sadhu Sadhu lành thay, Dhammadinnā!

Ông liền đi trình vua, rồi đưa bà Dhammadinnā bằng kiệu vàng vào ni viện xuất gia.

Bà Dhammadinnā xuất gia rồi nghĩ rằng: *"Ông ấy chỉ còn một mình ở nhà, mà hành đạo tận diệt khổ đau được, ta đã được xuất gia, ta cũng nên hành đạo tận diệt khổ đau cho bằng được!".*

Bèn đến thầy tế độ, thầy giáo thọ, thưa rằng: *"Kính Thưa sư phụ, tâm con thường tưởng nghĩ chốn phồn hoa. Nay con xin từ giã, về ni viện xa vắng ở!".* Chư trưởng lão ni không thể ngăn bà Dhammadinnā, do bà xuất thân từ đại tộc (!).

Bà đến một ni viện thanh vắng, không bao lâu chứng đắc tứ quả A La Hán (Arahanta), luôn tứ tuệ phân tích (paṭisambhidānāna), do tu tiến các thiện pháp từ những kiếp quá khứ (atītajīti).

Lúc ấy, bà nghĩ: *"Tâm của ta đã đạt đến nơi tột cùng, ta nên làm gì trong lúc này? Ta sẽ về thành Rājagaha (Vương xá thành), nơi có nhiều thân quyến, họ được nương nhờ ta, sẽ tạo được nhiều phước!".* Thế là bà dẫn các vị trưởng lão ni trở lại Rājagaha.

Trưởng giả Visākha biết bà Dhammadinnā đã về, nghĩ rằng bà quay lại nhanh quá, chắc muốn hoàn tục. Vào buổi chiều, trưởng giả đi lễ bà cùng với chư ni, ông chợt suy nghĩ rằng: *"Ta quan tâm việc muốn hoàn tục hay không cũng không thích hợp",* nên Trưởng giả đã hỏi về các vấn đề liên quan với Ngũ uẩn (5 khandha) khi diện kiến bà Dhammadinnā.

Bà Dhammadinnā đã giải đáp rành rẻ, rõ ràng với tốc trí (trí của người chứng đạo) như người cắt cọng sen bằng con

dao bén. Thiện nam Visākha thấy sự nhận thức thông suốt của trưởng lão ni Dhammadinnā, liền hỏi thêm về mọi trạng thái ở Tam đạo (A Na Hàm đạo), theo những gì mình đã thành tựu. Rồi hỏi về A La Hán đạo (arahanttamagga), mà mình đã được học tập và ghi nhớ.

Trưởng lão ni Dhammadinnā biết thiện nam Visākha chỉ an trú (nissaya, nương gá) ở bậc Bất Lai (Anāgāmi) thôi, chưa tới phạm vi của mình, đã diệt tận các lậu hoặc, nên bà nói:

- "Này Visākha, ông không thể có lời giải đáp xác định về vấn đề đã đoạn tận ở đây được. Này Visākha, phạm hạnh thường được kể dựa vào sự chứng đắc Níp Bàn (Nibbana), có Níp Bàn là phần đầu, có Níp Bàn là phần cuối. Ông nên Thưa hỏi ý chính của điều này từ Đức Thế Tôn đi! Đức Thế Tôn, ngài đáp thế nào, ông hãy ghi nhớ như thế!".

Visākha đi yết kiến đức Bổn sư, đảnh lễ và thưa trình vấn đề trên. Đức Phật dạy rằng: "Ái nữ của ta không có ái dục trong mọi uẩn, quá khứ - vị lai - hiện tại, nên đã thuyết như vậy!". Và thuyết kệ ngôn (gāthā) - trong Pháp Cú kinh, có ý chính rằng: *"Người nào không có sự lo lắng lúc trước, lúc sau và hiện tại, Ta gọi là người vững vàng, là bậc phạm hạnh vậy".*

Sau đó, bậc Toàn Thắng (jinasari) giảng cho thiện nam Visākha rằng:

- Visākha, tỳ kheo ni Dhammadinnā là bậc thiện trí (paṇḍita), là người có nhiều trí tuệ. Nếu ông hỏi Ta ý chính này, Ta cũng giải đáp như với Dhammadinnā. Đây là ý nghĩa chính của vấn đề này, ông hãy ghi nhớ!

Rồi bậc Đạo Sư ngự tại Jetavanārāma (Kỳ viên tự), xác nhận các tỳ kheo ni theo vị trí tuần tự, thuyết tiểu kinh Vedalla cho… Tuyên dương trưởng lão ni Dhammadinnā là giảng sư (Dhammakathikā) tối thắng trong mọi tỳ kheo ni ở Giáo Pháp (Sāsanā) này.

*** Sự thuyết Pháp kiểu mẫu của trưởng lão ni Dhammadinnā**

Kinh Cūlavedalasūtra ở Trung Bộ kinh (Majjhima Nikāya), phẩm Mulapannasaka:

Một thời Đức Phật ngự tại Veluvanavihāra (Trúc lâm tự), thành Rājagaha (Vương Xá), thuyết Pháp tế độ vua Bimbisāra và 12 vạn quần thần (rājaparivāra) đến yết kiến. Một vạn người và vua đã tuyên bố mình là "Upāsaka" - thiện nam trong giáo Pháp của Phật. Trong đó, 11 vạn người đã thành tựu là bậc Tu Đà Hườn, kể cả vua.

Thiện nam Visākha là một người trong nhóm ấy, đã đắc quả Tu Đà Hườn. Sau khi được yết kiến Đức Phật lần đầu, ở lại một ngày nữa để nghe Pháp, rồi đắc nhị quả Tu đà hàm (Sakadāgāmiphala). Rồi ở lại một ngày nữa, đắc tam quả A Na Hàm (Anāgāmi). Về nhà, ông có thái độ cử chỉ thanh lặng, không quay nhìn, không mỉm cười, không lắc đầu, như mọi khi.

Bà xã Dhammadinnā mở cửa sổ lâu đài nhìn xuống đường, thấy hành vi và thái độ của chồng nên nghĩ rằng: *"Vậy là thế nào?".* Bèn xuống rước, đứng ở đầu cầu thang, thòng tay xuống cho nắm, nhưng ông Visākha làm lơ, bà rút tay lại.

Bà nghĩ rằng: *"Lúc dùng cơm sẽ biết!"*. Ông Visākha thường dùng bữa chung với bà. Nhưng hôm ấy, chỉ ăn một mình không mời gọi bà, yên tịnh như một vị hành giả (yogāvacara).

Bà mới nghĩ rằng: *"Ta sẽ biết lúc ngủ!"*. Đến lúc ngủ, thiện nam Visākha không vào phòng, cho người sắp xếp một phòng riêng, cho khiêng giường xếp đặt nơi thích hợp rồi nằm.

Bà Dhammadinnā mới nghĩ rằng: *"Ảnh ngoại tình chăng, hay ai xúi giục chuyện gì? Ta làm gì sai chăng?"*. Suy nghĩ rồi dằn vặt, ưu phiền. Chịu đựng cả 2 ngày trời, mới đến xá chào chồng rồi đứng im một bên. Ông Visākha hỏi rằng:

- Dhammadinnā làm sao đó? Sao đến lúc không thích hợp vậy?

- Tôi đến giờ này là thích hợp mà, ông không còn như trước, ông có tư tưởng ngoại tình chăng?

- Không có đâu, Dhammadinnā!

- Vậy có gì xui khiến ông chăng?

- Không có đâu, Dhammadinnā!

- Vậy tôi làm gì sai chăng? Do đâu ông lạnh nhạt, không xử sự như mọi ngày, dù chỉ một lời cũng không thèm nói?

Ông Visākha nghĩ rằng: *"Pháp siêu thế (Lokuttaradhamma) này cực quan trọng, không nên tỏ lộ. Nhưng nếu không nói, Dhammadinnā sẽ tan nát cõi lòng và trái tim, rồi nàng sẽ buồn mà chết mất!",* nên bảo rằng:

- Tôi nghe Pháp từ Đức Phật, đã chứng đắc Pháp siêu thế, những hành động phàm tục không còn ở người đã thành

tựu Pháp siêu thế. Nếu bà cần, 80 koti (= 10 triệu) đồng tiền là tài sản chúng ta, phần bà 40 Koti, phần tôi 40 koti. Bà sẽ được làm chủ tài sản này, được ở vị trí như là mẹ của tôi, hay là em gái tôi. Tôi chỉ cần nuôi dưỡng đời sống chỉ bằng thực phẩm, và nếu được bà lo cho chừng ấy cũng tốt rồi.

Nếu bà không muốn như vậy, bà hãy mang lấy các của cải này, về với mẹ cha bà. Nếu bà cần chồng, thì tôi cũng không cản, tôi cũng sẽ xem bà là em gái, hay là em nuôi của tôi.

Bà Dhammadinnā mới nghĩ rằng: *"Lẽ thường không ai nói vậy, Visākha này chắc thành tựu Pháp siêu thế. Và Pháp siêu thế ấy chỉ có người nam mới chứng đắc, hay người nữ cũng được?*". Mới hỏi Visākha:

- Pháp ấy chỉ có người nam mới chứng đắc, hay người nữ cũng được?

- Tại sao Dhammadinnā hỏi vậy! Ai hành đạo (patipatti) cũng được quả vị (phala) cả. Người nào đủ nhân duyên, đều đắc Pháp siêu thế.

- Vậy xin Ngài hãy chấp thuận cho tôi xuất gia đi!

- Sadhu. Sadhu lành thay, Dhammadinnā! Tôi cũng muốn dẫn dắt bà trong con đường này, nhưng không biết tâm bà thế nào, nên không tiện nói ra.

Rồi thiện nam Visākha đi yết kiến Vua Bimbisāra, tâu xin cho bà Dhammadinnā xuất gia. Vua hỏi:

- Bà Dhammadinnā cần gì?

- Tâu bệ hạ, mọi thứ không cần, chỉ cần kiệu vàng và cho trang hoàng thành Rājagaha, đủ rồi!

Vua tặng kiệu võng bằng vàng cho Visākha, ra lệnh trang hoàng thành Rājagaha.

Ông sai người tắm nước thơm cho bà, rồi cho chưng diện bằng đồ trang sức đủ thứ, ngồi lên kiệu vàng có thân quyến hộ tống, cúng dường với bông hoa vật thơm. Rồi phái đoàn đi vào ni viện, Thưa với các vị tỳ kheo ni rằng:

- Thưa các đại tỷ, xin hãy cho Dhammadinnā xuất gia đi!

Các vị tỳ kheo ni nói:

- Nên tổ chức một lễ sám hối trước mới được!

- Bà ta xuất gia bằng đức tin, không có tội lỗi gì đâu!

Tiếp theo đó, một vị trưởng lão ni thông suốt đã chỉ dạy 5 Nghiệp xứ (kammatthāna, đề mục hành thiền) là: Kesā (tóc) Lomā (lông) Nakkhā (móng) Dantā (răng) Taco (da) cho bà, mới cho xuống tóc xuất gia!

Phần này khác thường, như chúng ta làm ngày nay. Là chúng ta cho người sẽ xuất gia, cạo đầu trước, rồi mang y đến thầy tế độ, mới chỉ dạy kammaṭṭhāna này, sau đó cho đắp y. Đắp y rồi mới truyền giới thành sa di (sāmanera), rồi cho tu lên bậc tiếp theo…

Kể từ ngày bà được xuất gia, bà bận rộn bởi lợi lộc (lābha sakkāra) được cúng dường rất nhiều, không có thời gian hành sa môn pháp (sammaṇadhamma). Nhận ra điều đó, bà xin hai vị trưởng lão ni là thầy tế độ và thầy giáo thọ, rời chùa đến nơi thanh vắng. Bà cũng xin chỉ dạy chi tiết về kammaṭṭhāna, rồi lựa chọn điều mình ưa thích trong 38 ārammadinā (cảnh, đề mục thiền), và bắt đầu hành sa môn hạnh. Nhưng bà không cần nỗ lực lâu, do đã hoàn mãn ước nguyện trong 10 vạn kiếp (kappa).

Thời quá khứ, khi Đức Phật Padumuttara (Liên Hoa) xuất hiện trên thế gian, lúc ấy bà Dhammadinnā là một nữ tỳ (dāsī) trong một gia tộc, đã bán tóc của mình để mua vật thực dâng cúng đến vị tối thượng Thinh Văn (aggarasāvaka) là trưởng lão Sujāta, rồi chú nguyện để thành tựu quả vị Siêu Thế…

Nên giờ, bà không gặp nhiều khó khăn *(dạng hành dễ - đắc dễ)*, hoàn mãn ước nguyện dễ dàng, thành tựu tứ quả A La Hán chỉ trong vài ngày. Rồi bà nghĩ rằng: *"Ta xuất gia trong Phật Pháp với mục tiêu gì, mục tiêu ấy ta đã đạt đến nơi tận cùng. Ta không cần ở xóm làng xa xôi này nữa, ta nên về giúp cho thân quyến, họ sẽ được làm phước. Và các tỳ kheo ni theo ta sẽ sống không vất vả bởi các phương tiện tứ sự (paccaya). Ta sẽ về Rājagaha!".*

Rồi dẫn các vị tỳ kheo ni trở lại thành Rājagaha. Ông Visākha nghe tin nên nghĩ rằng: *"Bả đi tu và rời xóm làng chưa bao lâu đã về là thế nào? Ta phải đi xem cho biết!",* mới đến nơi ở của nhóm tỳ kheo ni hai lần.

Có ý cho rằng, thiện nam Visākha nghĩ rằng: *"Ta sẽ hỏi đại tỷ hoan hỷ hành phạm hạnh hay không? Nếu hỏi trắng trợn vậy, không đáng mặt của người trí thức (pandita), ta sẽ đề cập vấn đề liên hệ với năm ngũ uẩn. Sự giải đáp sẽ làm cho ta biết bả thích tu không?".*

Chú giải ghi rằng: Vừa khi bà Dhammadinnā nghe vấn đề này, cũng không đáp rằng: *"Visākha! Tôi tu chưa lâu, sao biết được thân mình hay thân người khác. Hãy đi hỏi các trưởng lão khác đi!"*.

Nhưng Bà Dhammadinnā đã chứng đắc Vô ngại giải (paṭisambhida visaya). Giải quyết vấn đề thích hợp và nhuần

nhuyễn, dẫn dắt họ vào đề tài như người nữ lanh lẹ sau khi được chỉ dẫn, hay như người thành thạo dẫn vào con đường rậm rạp của voi, hay như người mở cái hộp bằng mũi kiếm, mới đáp rằng:

- Visākha! Đức Thế Tôn thuyết rằng: cả 5 ngũ uẩn (khandha), là sắc uẩn (rūpakhandha) - thọ uẩn (vedanākhandha) - tưởng uẩn (saññākhandha) - hành uẩn (saṅkhārakhandha) - thức uẩn (viññāṇakhandha), đây chính là "thân - tâm của ta.

Chú giải có ghi: Vừa khi thiện nam Visākha được nghe giải đáp bằng cả Tứ đế (4 sacca), biết rõ trưởng lão ni là người vui thích trong phạm hạnh. Người nào không an trú trong Phật giáo, thường không thể giải đáp như vậy được. Như người nhổ từng sợi tóc bằng cái nhíp và như người đào cát từ chân núi Tu di (Sineru). Tứ đế hiện bày trong Phật giáo, như mặt trăng - mặt trời hiện bày trên thế gian.

Đức Thế Tôn hay các vị đại trưởng lão (mahāthera) thường tuyên thuyết Bốn Thánh Đế (4 ariyasacca) nơi hội chúng tỳ kheo tăng.

Ông Visākha nghĩ rằng: *"Bà Dhammadinnā là người vững vàng và thông suốt các phương thức (upāya), là người có trí tuệ vượt bậc, có thể giải đáp được theo những gì đã nghe. Do đó, ta sẽ hỏi vấn đề thật khó khăn, vượt qua Tứ đế!"*, mới hỏi tiếp.

- Sadhu. Sadhu lành thay, đại tỷ! Cái gì làm duyên sanh thân của ta?

- Visākha! Ái dục (taṇha). Ái dục làm cho tái sanh, câu hữu với khả ý, do say mê, là Dục ái (kamataṇha), hữu ái

(bhavataṇha) và ly hữu ái (vibhavataṇha). Đức Thế Tôn dạy là nhân sanh ra thân của ta.

- Thưa đại tỷ, Đức Thế Tôn có dạy sự chấm dứt thân của ta như thế nào?

- Visākha! sự làm sáng tỏ, sự diệt tắt, sự dứt bỏ, sự đoạn tuyệt, sự giải thoát, sự không quyến luyến ái dục, Đức Thế Tôn dạy là *"sự chấm dứt thân của ta"*.

- Thưa đại tỷ, con đường đưa đến sự chấm dứt thân của ta ấy, Đức Thế Tôn dạy là gì?

- Visākha! Con đường dẫn đến sự chấm dứt thân của ta, được Đức Thế Tôn dạy là con đường 8 chi phần, là thánh đạo, gồm: chánh kiến (sammādiṭṭhi), chánh tư duy (sammāsaṅkappo), chánh ngữ (sammāvācā), chánh nghiệp (sammākammanto), chánh mạng (sammā-ājīvo), chánh tinh tấn (sammāvāyāmo), chánh niệm (sammāsati) và chánh định (sammāsamādhi).

- Xin hỏi đại tỷ, thủ và 5 thủ uẩn (5 khandha) là một hay khác nhau?

- Visākha! Thủ và 5 thủ uẩn chỉ là một, không chia ra, thủ không ngoài 5 thủ uẩn. Sự thương yêu vừa lòng nào có trong 5 thủ uẩn, chính là thủ trong 5 thủ uẩn.

Lời đáp này có trong Chú giải rằng: Chỉ có 5 thủ uẩn có thủ. Nếu thủ có ngoài 5 ngũ uẩn, uẩn phải có 6 phần! Là điều không có trong giáo lý (sāsanā), như sự Chế định (pannatti) và Níp Bàn ngoài uẩn.

Nên bà mới giải đáp như vậy. Khi ông Visākha được nghe giải đáp như vậy và ông đã thấy rõ là bà thông suốt Pháp thật. Người không phải là bậc đoạn tận lậu hoặc

(khīnāsava), người không biết không thấy, người không già dặn, thường không thể giải đáp vấn đề sâu xa, không tỏ bày được, liên quan với 3 tướng trạng (lakkhaṇa) sâu sắc như vậy, như người chấm ngàn điểm sáng.

Thiện nam Visākha nghĩ rằng: *"Bà Dhammadinnā đã được nương nhờ trong Giáo Pháp, thành tựu Tuệ phân tích, đạt được sự dạn dĩ, thông suốt và nhuần nhuyễn. Tiêu trừ hữu (bhava) và đoạn diệt phiền não, mới có thể giải đáp vấn đề của ta như vậy. Giờ ta sẽ hỏi các vấn đề khác giống như vật có giá trị mà người ta bó lại trong vải vụn, hỏi mẹo bà!".* Nghĩ vậy mới hỏi tiếp:

- Thưa đại tỷ, Thân kiến là sự thấy trong thân ta, thân kiến phát khởi như thế nào?

- Này Visākha, kẻ vô văn phàm phu (puthujjana) không được nghe lời dạy của Đức Phật, không thấy bậc thánh (ariya), không khôn ngoan trong Pháp của bậc Thánh, không được thọ nhận Pháp của bậc Thánh, không được thấy thiện nhân, không khôn ngoan trong Pháp của thiện nhân, không được thọ nhận Pháp của thiện nhân,

Thường thấy rằng, sắc - thọ - tưởng - hành - thức (ngũ uẩn) LÀ ta,

Hay ta CÓ sắc - thọ - tưởng - hành - thức.

Hay thấy rằng, sắc - thọ - tưởng - hành - thức CÓ TRONG ta.

Hay thấy rằng, ta CÓ TRONG sắc - thọ - tưởng - hành - thức.

Thân Kiến sanh lên như thế, này Visākha.

Lời đáp này có trong chú giải rằng:

Có người *"thấy sắc là ta"*, nghĩa là thấy sắc và ta là một, sắc thế nào ta thế ấy. Như thấy ngọn lửa và ánh sáng từ lửa chỉ là một. Có nghĩa là: ngọn lửa thế nào, sự phát sáng như thế; sự phát sáng thế nào, ngọn lửa như thế.

Câu *"thấy ta có sắc ấy"*, nghĩa là thấy rằng: ta có sắc như cây có bóng cây.

Câu *"thấy sắc trong ta"* ấy, nghĩa là thấy: sắc có trong ta như mùi có trong trái cây.

Câu *"thấy ta trong sắc ấy"*, nghĩa là thấy: ta trong sắc như ngọc Maṇī trong chai đựng.

Họ thấy vậy vì chữ "ta" ấy, là vật không có sắc, chỉ là vật nương trong sắc. Phần thọ - tưởng - hành - thức, cũng tương tự. *"Thọ - tưởng - hành - thức là ta",* là Đoạn kiến (ucchedadiṭṭhi), như chết là hết. Ngoài tà kiến đó, là Thường kiến (sassatadiṭṭhi).

Thân Kiến chia ra 14 hữu kiến (bhavadiṭṭhi) và 5 phi hữu kiến (vibhavaditthi), hữu kiến đi với thường kiến, phi hữu kiến cùng cặp với đoạn kiến.

- Thưa đại tỷ, Thân Kiến không sanh lên ra sao?

- Này Visākha, bậc thánh đệ tử, hay người được nghe lời dạy của bậc Thánh, người được thấy sự bậc thánh, người khôn ngoan trong Pháp của bậc thánh, người được thọ nhận Pháp của bậc Thánh, người được thấy thiện nhân, người được thọ nhận Pháp của thiện nhân,

không thấy rằng, sắc - thọ - tưởng - hành - thức LÀ ta.

Không thấy rằng, ta CÓ sắc - thọ - tưởng - hành - thức.

Không thấy rằng, sắc - thọ - tưởng - hành - thức CÓ TRONG ta.

Không thấy rằng, ta CÓ TRONG sắc - thọ - tưởng - hành - thức.

Việc thấy rằng "thân LÀ CỦA ta" không sanh lên trong tâm trạng vị này, này Visākha!

Chú giải giảng rằng: Câu *"không thấy rằng, ta có sắc - thọ - tưởng - hành - thức "* do thấy rằng, sắc - thọ - tưởng - hành - thức là vô thường, khổ não, vô ngã.

Câu *"không thấy rằng, sắc - thọ - tưởng - hành - thức có trong ta"* cũng do thấy rằng sắc - thọ - tưởng - hành - thức là vô thường, khổ não, vô ngã.

Bà giải đáp vấn đề đầu với tà kiến cho rằng ngũ uẩn là của ta. Giảng vấn đề sau không với tà kiến ấy, cho thấy nguyên nhân (hetu) không cấu thành sanh tử luân hồi triền miên..

- Thưa đại tỷ, 8 thánh đạo là vô vi hay hữu vi?

- Này Visākha, 8 thánh đạo là hữu vi.

- Thưa đại tỷ, 3 uẩn tương ưng với bát thánh đạo, hay bát thánh đạo tương ưng với 3 uẩn?

- Này Visākha, 3 uẩn tương ưng với 8 thánh đạo, bát thánh đạo cũng tương ưng với 3 uẩn.

Chánh ngữ - chánh nghiệp - chánh mạng, là Giới uẩn (silakhandha).

Chánh cần (tinh tấn) - chánh niệm - chánh định, là Định uẩn (samādhikhandha).

Chánh kiến - chánh tư duy, là Tuệ uẩn (paññākhandha).

- Thưa đại tỷ, Định là gì? Tướng trạng của định ra sao, nhân cần thiết của định ra sao, sự tu tiến định ra sao?

- Này Visākha, Nhất tâm (ekaggatā) là định - Bốn niệm xứ là tướng của định, bốn chánh cần là nhân cần thiết của định, nỗ lực hành thiền cho nhiều là sự tu tiến định.

Chú giải: Bát thánh đạo là hữu vi, vị tỳ kheo hành thiền, quán niệm và chú nguyện, rồi nhập định.

Câu *"8 thánh đạo tương ưng với 3 uẩn"* này, có lời giải rằng: Nếu riêng rẽ, định không thể vững trong đề mục được, phải nhờ tinh tấn và niệm. Nên chánh cần, chánh niệm mới được xếp vào định uẩn.

Ví như 3 người bạn rủ nhau đi hái trái cây, một người dòng Vua chúa (như chánh Định), thấy cây "champa" có hoa nở đẹp, tính với tay hái nhưng không thế. Người thứ 2 khom xuống cho trèo lên, nhưng chưa thể hái được, thân mình còn nhúc nhích. Người thứ 3 đưa vai vào, người thứ nhất đứng trên lưng một người, nắm vai một người, mới hái hoa được…

Chánh cần và chánh niệm không thể phán xét cảnh là vô thường - khổ não - vô ngã được.

Tiếp đến, cần có **tầm** (vitakka), như người đếm tiền ở bàn tay rồi, quan sát cũng không thể lật bằng mắt được, phải lật bằng ngón tay mới có thể xem mặt này mặt kia ra sao.

Chánh niệm gọi là tướng trạng (nimitta) là duyên sanh (paccaya) của định. Tứ chánh cần là nhân cần thiết của định.

Người ngụy biện (vitandavādī) nói rằng: *"Tâm đạo chỉ có 1 sát na là không có, vì sự tu tiến đạo (maggabhāvanā) được kể trong kinh là 7 năm!".*

Do phần Pāli có ghi: cần trau dồi 7 năm như vậy các phiền não được đoạn diệt tức khắc, đoạn diệt bằng 7 Tuệ.

Nên bảo người ngụy biện rằng: "Bạn hãy kiếm kinh sách xem lại! Bạn nên hiểu rằng *"chỉ có 1 sát na tâm, chừng đó thôi".* Nếu họ hiểu thì tốt, không thì bảo họ rằng: *"Bạn hãy đi chùa từ sáng sớm, để kịp dùng cơm!",* vậy thôi.

(Chỗ này dịch giả thực không hiểu ý tác giả, có lẽ ông xem người thích ngụy biện là kẻ cứng đầu ngu si, có vào chùa thì nên vục mặt vào chuyện ăn uống thôi, làm ơn đừng lý lẽ uốn éo thêm, cho "nước nó trong").

Đoạn nói đến người ngụy biện này khó hiểu, nên siêng đọc lại! Lời ngụy biện như vậy dài dòng, sẽ thấy trong Chú giải. Phần Pāli có ghi:

Thiện nam Visākha hỏi tiếp rằng:

- Thưa đại tỷ, hành (saṅkhāra) có mấy?

- Này Visākha, hành có 3 là thân hành (Kāra saṅkhāra), khẩu hành (vacīsaṅkhāra) và ý hành (Cihasaṅkhāra).

- Thưa đại tỷ, thân hành ra sao, khẩu hành ra sao, ý hành ra sao?

- Này Visākha, thân hành là hơi thở vào -hơi thở ra, khẩu hành là tầm (vitakka) - tứ (vicāra), ý hành là tưởng (saññā) - thọ (vedanā).

- Thưa đại tỷ, do đâu gọi như thế?

- Này Visākha, vì hơi vào - hơi thở ra có trong thân, liên quan với thân, mới được gọi là "thân hành". Vì người ta tưởng nghĩ trước, đắn đo trước mới nói, có tầm - tứ, nên gọi là 'khẩu hành". Vì tưởng - thọ có trong tâm, liên quan với tâm, mới gọi là "ý hành".

Điều nào thân chuẩn bị, sanh lên do thân, gọi là "thân hành". Điều nào khẩu chuẩn bị, sanh lên do khẩu, gọi là "khẩu hành". Điều nào tâm chuẩn bị, sanh lên do tâm, gọi là "tâm hành".

- Các hành này lẫn lộn, không rõ ràng, khó giảng, xin đại tỷ giảng cho rõ! Và sự nhập Diệt thọ tưởng định có như thế nào?"

- Này Visākha, tỳ kheo nhập Diệt thọ tưởng định, không nghĩ là ta **sẽ** nhập Diệt thọ tưởng định,

hay **đang** nhập Diệt thọ tưởng định,

hay **đã** nhập Diệt thọ tưởng định (saññavedayitanirodha).

Tâm đã trau dồi ra sao, vẫn chăm chú như thế!

- Thưa đại tỷ, tỳ kheo nhập Diệt thọ tưởng định, hành nào diệt trước?

- Này Visākha, tỳ kheo nhập Diệt thọ tưởng định, khẩu hành diệt trước, đến thân hành diệt, ý hành diệt sau cùng.

- Thưa đại tỷ, xuất Diệt thọ tưởng định ra sao (saññavedayitanirodhasamāpatti)?

- Này Visākha, người xuất Diệt thọ tưởng định không nghĩ là, ta sẽ xuất Diệt thọ tưởng định

hay ta đã xuất hiện thọ tưởng định[1].

Tâm đã trau dồi ra sao, vẫn chăm chú như thế!

- Thưa đại tỷ, tỳ kheo xuất Diệt thọ tưởng định, hành nào sanh lên trước?

[1] Thiếu một thì hiện tại như lúc nhập, không rõ do sách thiếu hay Pháp lý là vậy

- Này Visākha, tỳ kheo xuất Diệt thọ tưởng định, ý hành sanh khởi trước, rồi thân hành, khẩu hành cùng sanh tiếp.

- Thưa đại tỷ, có mấy xúc (phassa) đã chạm tỳ kheo xuất Diệt thọ tưởng định?

- Này Visākha, có 3 xúc chạm phải tỳ kheo ấy.

- Thưa đại tỷ, tỳ kheo xuất Diệt thọ tưởng định rồi chú tâm trong cái gì? Hướng vào trong cái gì? Hướng ra cái gì?

- Này Visākha, tỳ kheo xuất Diệt thọ tưởng định rồi chú tâm trong vắng lặng, hướng vào trong vắng lặng, hướng ra trong vắng lặng.

Các điều liên quan đến Diệt thọ tưởng định như vậy có lời giải thêm rằng: Trước khi nhập diệt Thọ tưởng định, vị hành giả thường chú nguyện rằng, *"Ta sẽ không có tâm trong suốt thời gian này, đến lúc nhập cũng hành như thế".*

Khẩu hành diệt trước tiên, trong nhị thiền (dutiyajhāna).

Thân hành diệt tiếp theo, trong tứ thiền (catutthajhāna).

Ý hành diệt sau cùng, khi nhập có chú nguyện trước rằng *"Ta sẽ xuất lúc nào…"*, vừa đến lúc ấy thì xuất, ý hành sanh lại.

Kinh Thanh Tịnh Đạo giảng: **Năm uẩn không diễn tiến, gọi là thiền Diệt (Nirodhakathā).** Nếu hỏi rằng: *"Nhập thiền Diệt ích lợi gì?".* Đáp rằng: *"Người nhập thiền Diệt thường nghĩ là, ta sẽ là người vô sự (kicca) trong 7 ngày, sẽ an vui trong 7 ngày. Thiền Diệt này là* ***"Níp Bàn hiện tại lạc trú"*** *(Nibbnapaccupanna)".*

Ý hành sanh trước, khi xuất thiền Diệt. Thân hành sanh khởi sau đó. Hơi thở vào ra của người xuất định làm giảm sự yên tịnh.

Lúc trưởng lão Sañjīva xuất định, Ngài lở dẫm lên cục lửa đỏ mà không hay, mà ngài chỉ thấy như bông hoa phản chiếu màu sáng lấp lánh. Sự nóng trong thân ngài không có, ở y áo (cīvara) cũng không có, ấy là do năng lực của thiền định.

Khẩu hành sanh sau cùng.

Do cảnh Níp Bàn gọi là Không tánh, bởi không có tánh chất phiền não (kilesa), không có tham ái (rāga) các thứ... Gọi là vô tướng, bởi không có tướng tham ái các thứ… Gọi là vô nguyện, bởi vô nguyện (không thuộc) về tham ái, sân hận, si mê.

Āgamanīyakathā nói rằng: Minh Sát Tuệ cũng gọi là không tánh, vô tướng, vô nguyện.

Tỳ kheo nào quán xét các hành là vô thường (anicca), hành Minh Sát Tuệ đạt sự giải thoát, gọi là Vô tướng giải thoát.

Tỳ kheo nào quán xét các hành là khổ não, hành Minh Sát Tuệ đạt sự giải thoát, gọi là Vô nguyện giải thoát.

Tỳ kheo nào quán xét các hành là vô ngã, hành Minh Sát Tuệ đạt sự giải thoát, gọi là Không tánh giải thoát.

Con đường của Minh Sát Tuệ không có tướng, gọi là vô tướng. Quả của bố thí không có tướng, gọi là vô tướng.

Bậc thiện trí (paṇḍita) nên quán xét Xúc là vô tướng - vô nguyện - không tánh, như đã trình bày. Do đó, nên giảng bằng ân đức (nội lực tu tập) của chính mình như vậy.

Thiện nam Visākha đã hỏi tiếp rằng : *"Thưa đại tỷ, có mấy thọ?"*.

- Này Visākha, có 3 thọ là lạc thọ, khổ thọ, và (phi khổ phi lạc) xã thọ.

- Thưa đại tỷ, 3 thọ ấy ra sao?

- Này Visākha, lạc thọ là thân an - tâm an. Khổ thọ là thân bất an - tâm bất an. Phi khổ phi lạc thọ nói là an vui cũng không phải, không phải an vui cũng không phải, cả thân và tâm.

- Thưa đại tỷ, lạc thọ (sukha) có gì lạc, có gì khổ (dukkha)?

- Này Visākha, lạc thọ có sự tồn tại là lạc, có sự thay đổi là khổ.

- Khổ thọ có gì khổ, có gì lạc?

- Có sự tồn tại là khổ, có sự thay đổi là lạc.

- Xã thọ có gì lạc, có gì khổ?

- Có sự hiểu biết là lạc, không có sự hiểu biết là khổ.

- Thưa đại tỷ, khuynh hướng chính trong 3 thọ là gì?

- Lạc thọ có khuynh hướng chính là tham dục. Khổ thọ có khuynh hướng chính là bất bình, sân hận. Xã thọ có khuynh hướng chính là vô minh, si mê.

- Thưa đại tỷ, tham là khuynh hướng chính trong tất cả lạc thọ chăng? Sân là khuynh hướng chính trong tất cả lạc thọ chăng? Si là khuynh hướng chính trong tất cả xã thọ chăng?

- Không! Tùy, Visākha à.

- Thưa đại tỷ, ta nên dứt bỏ cái gì trong lạc thọ - trong khổ thọ - trong xã thọ?

- Này Visākha, nên dứt bỏ khuynh hướng tham trong lạc thọ - sân trong khổ thọ - si trong xã thọ.

- Thưa đại tỷ, ta nên dứt bỏ khuynh hướng tham trong lạc thọ hết - nên dứt bỏ khuynh hướng sân trong khổ thọ hết - nên dứt bỏ khuynh hướng si trong xã thọ hết chăng?

- Không! Tùy, Visākha à. Vị tỳ kheo trong Pháp Luật này nhẹ về tham dục, nhẹ về bất thiện pháp, rồi nhập sơ thiền có tầm có tứ có hỷ lạc sanh từ sự tịch tịnh, ly tham.

Vị tỳ kheo trong Pháp Luật này nghĩ rằng: Các bậc Thánh thường an trú trong lĩnh vực (Xứ, āyatana) nào, khi nào ta mới an trú như vậy được. Rồi vị ấy sanh ra khao khát sự giải thoát hoàn toàn tối thượng, lại sanh ưu tư do khao khát ấy *(Pháp dục là cần thiết! Tham dục mới cần đoạn giảm).*

Tỳ kheo ấy nên dứt bỏ bất bình, sân hận liên hệ đến ưu bi, khuynh hướng sân không có trong tỳ kheo ấy.

Tỳ kheo trong Pháp Luật này, nhập tứ thiền thanh tịnh với xả và niệm, không khổ không lạc. Do đã dứt bỏ hỷ ưu trước đó.

- Thưa đại tỷ, lạc thọ có gì là tương ưng?

- Này Visākha, lạc thọ có tham là tương ưng.

- Thưa đại tỷ, khổ thọ có gì là tương ưng?

- Này Visākha, khổ thọ có sân là tương ưng.

- Thưa đại tỷ, xả thọ có gì là tương ưng?

- Này Visākha, xả thọ có si (vô minh) là tương ưng.

- Thưa đại tỷ, vô minh có gì là đối lập?

- Này Visākha, vô minh có minh là đối lập.

- Thưa đại tỷ, minh có gì là tương ưng?

- Này Visākha, minh có giải thoát là tương ưng.

- Thưa đại tỷ, giải thoát có gì là tương ưng?

- Này Visākha, giải thoát có Níp Bàn là tương ưng.

- Thưa đại tỷ, Níp Bàn có gì là tương ưng?

- Này Visākha, ông đưa vấn đề đi xa rồi, không thể xác định được, bởi bậc phạm hạnh thường vững chắc trong Níp Bàn, có Níp Bàn là phần đầu cũng là phần cuối.

Nếu ông muốn biết ý chính xác về điều này, nên đi hỏi Đức Thế Tôn. Ngài giải đáp ra sao, nên ghi nhớ cho kỹ!

Sau đó, thiện nam Visākha bày tỏ hoan hỷ Pháp thoại của tỳ kheo ni Dhammadinnā, rồi đảnh lễ từ giã. Đi yết kiến Đức Thế Tôn, thiện nam Visākha thưa trình lại Pháp đàm vừa qua.

Đức Thế Tôn thuyết rằng:

- Này Visākha, tỳ kheo ni Dhammadinnā là bậc thiện trí, là người có nhiều trí tuệ. Nếu ông hỏi các vấn đề này ở Ta, Ta cũng giải đáp như vậy. Những gì tỳ kheo ni Dhammadinnā nói, đều đúng Pháp và phải lẽ. Hãy ghi nhớ ý chính các vấn đề này như vậy!

Thiện nam Visākha hoan hỷ huấn từ của Đức Thế Tôn, xin đảnh lễ từ giã.

Dứt ý chính trong phần Pāli, chỉ chừng này. Chú giải có ghi:

Sự an lạc trong ngũ căn gọi là thân lạc (sukhakāya). An lạc trong ý căn gọi là tâm lạc. Khổ thọ và (phi khổ phi lạc) Xã thọ cũng tương tự.

"Vị tỳ kheo dứt bỏ tham ái bằng sơ thiền", nghĩa là vị tỳ kheo trong Pháp Luật này, đè nén được khuynh hướng tham

ái, nhập sơ thiền. Thực hành sự **tạm diệt** tham ái bằng thiền định, rồi hành Minh Sát Tuệ (Vipassanā, thiền quán) cho tiến hóa. Rồi **tận diệt** tham ái bằng A Na Hàm đạo. Do đó, Pāli có câu, *"Không có khuynh hướng tham ái chính yếu trong sơ thiền".*

"Trong tất cả sự giải thoát tuyệt hảo", nghĩa là sự trở thành bậc A La Hán, gọi là sự giải thoát tối thượng.

"Ưu tư thường sanh do khao khát", nghĩa là ưu có ước muốn là nguồn gốc, nếu không sẽ không sanh. Mới gọi là, sanh lên do khao khát, ưu là bất thiện cũng đúng, nhưng cũng nên có (Pháp dục)!

Bởi các hành giả (yogī) thường đặt ra kế hoạch 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng… Người nào trì giữ theo kế hoạch ấy, nỗ lực rằng, *"Ta sẽ đắc thành A La Hán!".* Nhưng sau đó, *"Ta chú nguyện, nhưng không thể đạt tới!",* liền sanh ưu tư mạnh mẽ, đến khối lệ tuôn, như trưởng lão Āridakavāsī Mahāpusa:

Vị này đã hành Pháp đến 19 hạ. Khi Ngài nghĩ rằng, ta biết nắm vững việc trở thành A La Hán rồi, chú nguyện rằng, *"Bây giờ ta sẽ hành lễ Tự Tứ cho trong sạch, rồi thực hành sa môn Pháp!".* Qua 19 hạ, đến lễ Tự Tứ cũng không đắc gì. Hạ thứ 20 mới đắc.

"Dứt bỏ bất bình, sân hận", nghĩa là cũng lên kế hoạch 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng… rồi tự kiểm rằng, *"Hãy nhìn xem Này các tỳ kheo! Ông còn thấp kém về giới, về tinh tấn, hay trí tuệ? Giới của ông có trong sạch, tinh tấn của ông có hỗ trợ, trí tuệ của ông có hỗ trợ, trí tuệ của ông có dạn dĩ chăng?".*

Khi đã nhận định như vậy, kiên nhẫn hành Pháp, bằng suy nghĩ sau: *"Bây giờ ta sẽ không cho sân ưu sanh lên nữa,*

đẩy lùi nó bằng A Na Hàm đạo trong vòng 3 tháng, 6 tháng hay 9 tháng…". Bằng cách này, gọi là tỳ kheo tự mình dứt bỏ bất bình bằng bất bình, dứt bỏ sân ưu bằng sân ưu.

"Không có khuynh hướng sân ưu trong tứ thiền", vì đã dứt bỏ khuynh hướng bất bình, sân ưu từ sơ thiền.

"Dứt bỏ vô minh chính yếu bằng tứ thiền", là vị tỳ kheo đè nén khuynh hướng si mê, rồi nhập tứ thiền. Hành Minh Sát Tuệ cho tiến hóa, đẩy lùi được khuynh hướng vô minh - si mê bằng A La Hán đạo. Khuynh hướng vô minh ấy cần dứt bỏ bằng A La Hán đạo, nên gọi là không có trong tứ thiền.

Khổ là đối nghịch của lạc. Lạc là đối nghịch của khổ.

Phần xã thọ bị mờ ám che lấp, như vô minh. Là sự tương phản với Minh. Sự mờ ám là vô minh, có ở đâu, nơi đó không có Minh. Minh không có lậu hoặc, là siêu thế.

Níp Bàn không có gì so được, không thể giảng giải, sánh với vật nào, như sánh với vật xanh lá cây, màu vàng được.

Do đâu mà thiện nam Visākha bắt đầu thì hỏi, thân của ta ra sao? Rồi hỏi tiếp rằng, sự khởi sanh thân của ta như thế nào? Thánh đạo 8 chi như thế nào? Hành như thế nào? Sự nhập Diệt thọ tưởng định ra sao? Thọ có mấy? Các thọ có gì là tương ưng?

Đặt vấn đề như vậy, vì thấy rằng các vấn đề đều thích hợp với bậc A Na Hàm, đều là vấn đề dễ cả và có thể giúp người sơ cơ có thể tiếp nhận được.

Giải rộng, để mong bạn hiểu, sẽ được nhiều lợi ích trong việc thuyết giảng sau này cho hậu bối.

C. Tiểu sử trưởng giả Citta

Kinh Manorathapūranī có ghi: *"Trưởng lão Citta là giảng sư tối thắng, hơn mọi thiện nam",* có tiểu sử như sau:

Trưởng lão Citta tiền kiếp, sanh trong một gia tộc, thời Đức Chánh Đẳng Giác Padumuttara (Thượng Liên) ở thành Haṅsavatī.

Khi nghe Pháp thoại của Đức Phật Padumuttara, được thấy Ngài xác nhận một thiện nam trong vị trí giảng sư tối thắng, ông mới hành các thiện pháp như cúng dường… rồi ước nguyện vị trí ấy trong vị lai.

Thiện nam tử ấy đã du ngoạn trong cõi nhân thiên, sinh-sinh tử-tử suốt 10 vạn kalpāvasāna (vô hạn định thời gian, đại kiếp). Đến thời Đức Phật Kassapa (Ca Diếp), ông sanh trong một gia đình thợ săn. Khi trưởng thành, có thể vào rừng làm việc được.

Một ngày nọ, khi trời đang mưa, ông cầm lấy giáo vào rừng để săn thịt, kiếm cũng được chút thịt, chợt thấy một vị tỳ kheo ngồi trùm đầu trên một bục đá nhô ra. Mới nghĩ, *đây là bậc ngồi hành sa môn Pháp đáng kính!*

Vội về nhà nướng thịt khi trước mình săn được, nấu cơm, thì chợt thấy hai vị khác đang khất thực. Liền bảo người nhà rằng: *"Hãy nhận bát hai vị này, thỉnh các ngài ngồi thọ thực trong nhà đi!".*

Rồi đem gói cơm đi, hái thêm một mớ bông hoa khác giữa đường, đến đặt bát và cúng dường vị trưởng lão bằng hoa vừa hái. Đứng hoan hỷ phước thiện đã tạo, ông ước nguyện rằng; *"Mong rằng khi tôi sanh nơi nào, xin có trận mưa lớn 5 loại hoa rơi xuống!".* Vị trưởng lão thấy được

nhân duyên của người thợ săn ấy, nên chỉ dạy Nghiệp Xứ (kammatthana) bằng 32 oai nghi.

Người thợ săn ấy làm phước trong suốt cuộc sống, rồi được sanh trong thiên giới. Khi vừa sanh ra, có trận mưa lớn hoa trời rơi xuống tới đầu gối. Vị trời ấy hưởng quyền vị tăng thượng hơn các vị trời khác, đã du ngoạn sinh-sinh tử-tử trong cõi nhân thiên suốt thời gian dài.

Rồi sanh trong một gia đình phú hộ tại thành Majhikāsanda, thuộc địa phận Magadha, trong thời Đức Phật của chúng ta đây, khi sanh cũng có trận mưa lớn với 5 loại hoa rơi xuống khắp thành, cao tới đầu gối.

Khi ấy cha mẹ ông nói: *"Con trai ta cần có tên! Trong ngày nó sanh ra, khắp thành tuyệt mỹ với 5 loại bông hoa, vậy đặt tên là "**Cittakumāra" (Đồng tử Tâm)**"*. Khi cha qua đời, Cittakumara đã kế thừa chức vị phú hộ trong thành ấy.

Lúc ấy, trưởng lão Mahā Nāma (Đại Danh), một trong nhóm 5 vị trưởng lão Kiều Trần Như, đã đến thành Majhikāsanda.

Cittakumāra đã phát tâm trong sạch nơi 4 oai nghi tăng tướng của ngài Mahā Nāma, nên đã nhận lãnh bình bát, thỉnh ngài vào nhà, sắp đặt vật thực cúng dường. Khi ngài thọ thực xong, ông mới ra vườn cảnh Ambātakārāma chơi. Rồi xây cất chỗ ở dâng cúng đến ngài tại đó, lại cầu thỉnh ngài đến thọ thực tại nhà mình thường xuyên. Vị trưởng lão thấy nhân duyên của Cittakumāra đã chín mùi, nên thuyết về 6 Xứ. Không bao lâu, trưởng giả Citta chứng đắc A Na Hàm quả.

Ngày nọ, trưởng lão Tasidatta đến thành ấy, thọ thực tại nhà trưởng giả Citta. Các vị Trưởng lão trong đoàn không thể giải đáp về một Pháp vấn, nên trưởng lão Tasidatta đã

giải đáp hộ rồi trưởng giả Citta hoan hỷ với lời giải thích đó. Sau đó, hai vị mới nhận ra nhau mà cố nhân, rồi trưởng lão Tasidatta chia tay bạn để du hành đến nơi khác.

Một hôm, Citta cung thỉnh trưởng lão Mahā Kassapa (Đại Ca Diếp) thể hiện thần thông. Ngài đã giảng về *Tejo samāpatti pātihāriya* (nhập định bằng đề mục lửa để hiện thần thông). Sau đó, trưởng lão Mahā Kassapa thấy rằng không còn thích hợp ở nơi đó nữa, nên tuỳ nghi ra đi.

Ngày nọ, cả hai vị thượng thủ Thinh Văn cùng hàng ngàn vị tùy tùng đến vườn Ambātakārāma. Trưởng giả Citta sắp đặt sự cúng dường đại thí, dành cho hai vị ấy. Có trưởng lão Sudhamma xúc phạm Citta, chê vận thực cúng dường là *"bánh sống nhăn răng!",* đã bị trưởng giả Citta đuổi đi. Trưởng lão Sudhamma đến yết kiến bậc Đạo Sư, được nhận huấn từ (ovāda) dạy dỗ nên quay về xin lỗi trưởng giả Citta, rồi ngụ tại Ambātakārāma phát triển Minh Sát Tuệ, thành tựu A La Hán.

Lúc ấy Trưởng giả Citta nghĩ rằng: *"Ta chưa được thấy đấng Thập Lực (Dassabala - Đức Phật), ta nên đi yết kiến Ngài, nhưng ta sẽ không thích hợp nếu đi với tay không!".* Mới chuyên chở các vật khác nhau như mè, mật ong, nước đường… trên 500 xe bò. Rồi kêu gọi được hai ngàn người vây quanh thành đoàn tùy tùng, cùng đi yết kiến bậc Đạo Sư. Các vị trời thượng tầng đã chuẩn bị tặng phẩm, đón tiếp ở mỗi đoạn đường cách nhau 1 do tuần (= 16km). Citta đến chỗ ngụ của Bậc Đạo Sư, đã đảnh lễ thật cung kính bằng *"ngũ thể đầu địa"* (5 chi thân đều chạm đất).

Ngay lúc ấy, có trận mưa lớn 5 loại hoa trời rơi xuống từ không trung và bậc Đạo Sư đã thuyết giảng về 6 Xứ đến hội chúng.

Trưởng giả Citta dâng cúng đến đấng Thập Lực trong nửa tháng gồm các vật dụng: gạo, dầu mỡ, mật ong, nước đường… đem từ nhà. Thêm tặng phẩm của dân thành Rājagaha (Vương Xá) chuyển đến cũng vừa đủ, khi họ hay tin Citta yết kiến bậc Đạo Sư. Lúc quay về thành của mình, Trưởng giả Citta đã dâng cúng tất cả của cải chở bằng xe bò đến các tỳ kheo tăng. Vừa khi xe trống rỗng, các vị trời ban tặng thêm 7 loại báu vật.

Dân chúng bàn tán rằng: "K*ỳ diệu thay! trưởng giả Citta này đã thọ nhận tặng phẩm và sự kính trọng to lớn".* Bậc Đạo Sư tối thượng mới thuyết: *"Người có đức tin, có giới, có tài sản, có quyền vị, đi đâu cũng có người cúng dường, hỗ trợ".*

Sau đó, trưởng giả Citta được vây quanh bởi 500 thiện nam đều là thánh đệ tử. Bậc Đạo Sư đã xác nhận các thiện nam tuần tự theo từng Pháp vị, đặt ông Citta *là giảng sư tối thắng, hơn mọi thiện nam.*

*** Sự thuyết Pháp kiểu mẫu của trưởng giả Citta**

Thấy trong Tam Tạng Pāli nói về sự thuyết Pháp của Trưởng giả Citta, chỉ có vài phần trong Kinh thứ 2, 3, 6, 7, 8 và 9 - Tương ưng Trưởng giả Citta Pháp vấn (Cittagahapatipucchāsamyutta), Tương Ưng Bộ (Samyuttanikāya), gồm các vấn đề sau:

Kinh thứ 2:

Một lúc nọ, có các vị tỳ kheo đều là trưởng lão ngụ tại rừng Ambātakārāma gần thành Majhikāsanda, trưởng giả Citta đã thỉnh mời các vị đến dùng cơm tại nhà mình vào buổi sáng. Rồi hỏi vị trưởng lão trưởng đoàn rằng

- Người ta nói đến Giới (dhātu) được Đức Thế Tôn thuyết giảng như thế nào?

Lặp lại như vậy đến 3 lần. Các trưởng lão vẫn làm thinh. Khi ấy, ngài Tasidatta là người trẻ tuổi trong nhóm, đã xin phép giải đáp, mới giảng rằng:

- Này trưởng giả, sự khác nhau của giới được Đức Thế Tôn thuyết lại rằng: *"Khởi lên do nhân, chia chẻ thành giới, gồm 18:*

nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới,

nhĩ giới, thinh giới, nhĩ thức giới,

tỷ giới, khí giới, tỷ thức giới,

thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới,

thân giới, xúc giới, thân thức giới,

ý giới, pháp giới, ý thức giới", như vậy.

Trưởng lão Citta rất hoan hỷ với giải đáp của ngài Tasidatta, sắp đặt vật thực dâng cúng đến các vị. Thọ thực và phúc chúc xong, các tỳ kheo lớn mới nói *"Tasidatta, ông giải quyết rất tốt. Vấn đề này chúng ta không tỏ tường. Khi nào có chuyện xảy ra như vậy nữa dù ở đâu, nhớ hãy giải đáp thay chúng ta nha!".*

Kinh thứ 3:

Có một nhóm các vị trưởng lão ngụ tại rừng Ambātakārāma gần thành Majhikāsanda. Khi ấy, trưởng giả Citta đi thỉnh nhóm ấy đến dùng cơm tại nhà mình. Rồi hỏi trưởng đoàn rằng:

- Thưa Ngài! Xin giải rỏ những kiến thức khác nhau thường có trong đời sống, do có những nhận xét rằng:

Thế gian trường tồn và không trường tồn.

Thế gian có nơi tột cùng và không có nơi tột cùng.

Cuộc đời và thân mạng chỉ là một hay khác nhau?

Đấng Như Lai viên tịch rồi, sanh lại hay không sanh, hay chết rồi sanh nữa cũng không phải - không sanh nữa cũng không phải…

Và 62 quan kiến nữa (Kinh Phạm Võng). Đống tri kiến hỗn loạn này, đâu là thật đâu là giả?

Lặp lại đến 3 lần. Vị trưởng lão trưởng đoàn vẫn lặng thinh, Ngài Tasidatta mới xin phép giảng giải:

- Các kiến thức này, khi Thân Kiến có mới có, khi Thân Kiến không có mới không có.

- Thưa Ngài, Thân Kiến khởi lên như thế nào?

- Này trưởng giả, kẻ phàm phu không được thấy bậc thánh, không khôn ngoan trong Pháp của bậc thánh, không được thấy thiện nhân, không khôn ngoan trong Pháp thiện nhân, kẻ không được thọ giáo trong Pháp thiện nhân, thường thấy rằng: sắc - thọ - tưởng - hành - thức có trong ta, hay ta có trong đó.

Thân Kiến khởi lên bởi sai lầm này!

- Thưa Ngài, Thân Kiến không khởi lên ra sao?

- Này trưởng giả, Thân Kiến không khởi lên do không thấy rằng: sắc - thọ - tưởng - hành - thức trong ta, không thấy rằng ta có trong sắc - thọ - tưởng - hành - thức.

- Ngài từ đâu đến?

- Bần tăng đến từ Avanatī" "Thưa ngài, ở Avanatī có một nam tử tên là Tasidatta, là bạn thân lâu ngày không gặp của tôi, đã xuất gia, ngài biết chăng?

- Đã được thấy, này trưởng giả.

- Lúc ấy Ngài ở đâu?

Khi Citta hỏi như vậy, ngài Tasidatta vẫn lặng thinh, trưởng giả Citta mới hỏi rằng:

- Có phải ngài là Tasidatta chăng?

- Vâng, bần tăng là Tasidatta!

- Kính xin Ngài Tasidatta vui lòng ngụ tại Ambātakārāma, nơi đáng hoan hỉ, gần thành Majhikāsanda, tôi sẽ lo tứ sự, y phục - vật thực - chỗ ở - thuốc trị bệnh, và các vật phụ thuộc đến ngài.

- Này trưởng giả, lời mời này rất tốt!

Trưởng giả Citta bày tỏ sự hoan hỷ rồi, sắp đặt vật thực dâng cúng chư Tăng trong chuyến về. Vị trưởng lão đầu đoàn tuỳ hỷ, và chỉ dạy mọi người thọ nhận, trước khi giải đáp vấn đề nữa.

Về phần ngài Tasidatta, đã thu xếp chỗ ngụ rồi cầm y bát ra khỏi thành Majhikāsanda, và không quay lại nữa!

Như vậy trong kinh thứ 3, phần Tương ưng Trưởng giả Citta Pháp vấn (Cittagahapatipucchāsamyutta), Tương Ưng Bộ (Samyuttanikāya), phần Salāyatana[1] ghi rằng:

Một lúc nọ, ngài Kāmabhū ngụ tại Ambātakārāma gần thành Majhikāsanda. Khi ấy, trưởng giả Citta đã đến gặp Ngài Kāmabhū và bị hỏi rằng:

[1] Trích Tam Tạng, quyển 18, trang 359

- Này trưởng giả, chiếc xe không có vật đáng bị chê bai, có nóc màu trắng, có trục xe để chạy, không vận hành, không có vật buộc trói. Lời tóm tắt này nên được giải rộng ra sao?

- Thưa ngài, đây là lời của Đức Thế Tôn chăng?

- Đúng thế, trưởng giả!

- Thưa ngài, vậy xin chờ chút, con nghĩ xem!

Khi trưởng giả Citta lặng thinh một lát rồi đáp rằng:

- Thưa ngài, câu *"chiếc xe không có vật đáng bị chê bai"* nghĩa là giới,

"có nóc màu trắng" là sự giải thoát,

"có trục xe" nghĩa là sự đi lùi,

"chiếc xe" là thân liên kết với 4 giới,

"không bị chê bai", nghĩa là vị tỳ kheo đã đoạn diệt lậu hoặc (āsava),

"không có vật đáng bị chê" là tham, sân, si.

"Không vận hành" là bậc A La Hán,

"không có vật buộc trói" nghĩa là không có tham, sân, si.

- Này trưởng giả, phúc lành cho trưởng giả, có được tuệ nhãn trong Phật ngôn sâu sắc như vậy!

Citta là thiện nam A Na Hàm, nên mới giải đáp sâu xa được vậy.

<u>Kinh thứ 6:</u>

Một lúc nọ, ngài Kāmabhū ngụ tại Ambātakārāma gần thành Majhikāsanda. Khi ấy, trưởng giả Citta đến hỏi rằng:

- Thưa ngài, có mấy hành?

- Có 3, này trưởng giả! Là thân hành, khẩu hành, ý hành.

- Sadhu lành thay, con xin tín thọ, thân hành, khẩu hành, tâm hành ra sao?

- Này trưởng giả, thân hành là hơi thở, khẩu hành là tầm tứ, tâm hành là tưởng, thọ.

- Con xin tín thọ! Do đâu hơi thở là thân hành, tầm tứ là khẩu hành, tâm hành là tưởng, thọ?

- Này trưởng giả, bởi hơi thở có trong thân, liên quan với thân nên gọi là thân hành. Bởi người ta cần tưởng nghĩ trước mới nói. Nên tầm tứ gọi là khẩu hành. Bởi tưởng, thọ là vật trong tâm, liên quan với tâm, mới gọi là tâm hành.

- Sadhu lành thay, con xin tín thọ! Sự nhập thiền Diệt thọ tưởng định ra sao?

- Như vầy, này trưởng giả, vị tỳ kheo nhập Diệt thọ tưởng định không nghĩ rằng: *Ta sẽ nhập Diệt thọ tưởng định hay là ta đang nhập Diệt thọ tưởng định hay là ta đã nhập Diệt thọ tưởng định.* Vị tỳ kheo ấy trau dồi tâm trước như thế, tâm ấy dẫn dắt họ theo sự huân tu ấy!

- Sādhu Lành thay, con xin tín thọ! Ở tỳ kheo nhập Diệt thọ tưởng định ấy, Pháp nào diệt trước, thân hành, khẩu hành hay tâm hành diệt trước?

- Này trưởng giả, khẩu hành diệt trước rồi mới đến thân hành và tâm hành.

- Sadhu lành thay, con xin tín thọ! Người chết và tỳ kheo nhập Diệt thọ tưởng định khác nhau như thế nào?

- Này trưởng giả, người chết có các hành diệt tắt thì tuổi thọ cũng diệt, thân nhiệt cũng hết, tất cả quyền (indrīya) rã tan. Còn vị tỳ kheo nhập Diệt thọ tưởng định, diệt đi từ khẩu hành - thân hành - tâm hành nhưng tuổi thọ chưa diệt, thân nhiệt không mất, tất cả quyền đều sáng suốt.

- Sadhu lành thay, Thưa ngài! Sự xuất ra của Diệt thọ tưởng định ra sao?

- Này trưởng giả, vị tỳ kheo xuất Diệt thọ tưởng định thường không nghĩ rằng: *Ta sẽ xuất Diệt thọ tưởng định hay là ta đang xuất Diệt thọ tưởng định, hay là ta đã xuất Diệt thọ tưởng định*, nhưng tâm chăm chú theo nơi đã nghĩ trước (chú nguyện)!

- Đúng rồi thưa ngài! Vị tỳ kheo xuất Diệt thọ tưởng định có Pháp nào sanh lên trước, thân hành, khẩu hành hay tâm hành?

- Này trưởng giả, vị tỳ kheo xuất Diệt thọ tưởng định có tâm hành sanh trước, rồi đến thân hành và khẩu hành.

- Đúng rồi thưa ngài! còn vị tỳ kheo xuất Diệt thọ tưởng định có mấy xúc?

- Có những xúc là: không xúc, vô tướng xúc, vô lượng xúc.

- Đúng rồi thưa ngài! Tâm vị tỳ kheo xuất Diệt thọ tưởng định chăm chú trong cái gì, hướng về trong cái gì, hướng ra trong cái gì?

- Chăm chú trong vắng lặng, hướng về trong vắng lặng, hướng ra trong vắng lặng.

- Đúng rồi thưa ngài! những Pháp nào có nhiều ân đức đến Diệt thọ tưởng định?

- Này trưởng giả, điều nào ông đã hỏi trước, ta cũng đã đáp rồi. Có hai Pháp là: Chỉ (samadha) và Quán (vipassanā), có nhiều ân đức đến Diệt thọ tưởng định.

Kinh thứ 7:

Một lúc nọ, Trưởng lão Godatta ngụ tại Ambātakārāma gần thành Majhikāsanda. Khi ấy, Citta đến lễ bái trưởng lão và bị hỏi rằng:

- Này trưởng giả, V*ô lượng tâm giải thoát, Vô sở tâm giải thoát, Không tâm giải thoát và Vô tướng tâm giải thoát,* nhóm này khác nhau về cả nghĩa và từ ngữ, hay đồng nghĩa, chỉ khác nhau về từ ngữ?

- Thưa ngài, các Pháp này khác nhau cả nghĩa lẫn từ ngữ cũng có, và đồng nghĩa khác từ cũng có.

Thưa Ngài, các Pháp này khác nhau cả nghĩa cả từ ấy, là vị tỳ kheo trải lòng ra các phương hướng Đông - Nam - Tây - Bắc, phía trên - phía dưới, rộng khắp thế gian (loka) bằng tâm câu hữu với từ (mettā), bi (karrunā), hỷ (muditā), xả (upekkhā). Bằng tâm hoàn hảo, có cảnh lớn, không hạn định, không có ác nghiệp, không gây hận thù, đây là *Vô lượng tâm giải thoát.*

Thưa Ngài, vị tỳ kheo trải qua Thức vô biên xứ bằng cách ấy, rồi nhập Vô sở hữu xứ: không có một chút gì - *natthi kiñci,* là *Vô sở tâm giải thoát.*

Thưa Ngài, vị tỳ kheo vào rừng, tại gốc cây hay ở nhà, nhận định rằng: đây là trống không (suññata) từ ta, không có tự ngã, ngã sở thuộc, gọi là *Không tâm giải thoát.*

Thưa Ngài, vị tỳ kheo nhập tâm giải thoát không có tướng (nimitta), gọi là *Vô tướng tâm giải thoát.*

Chính như vậy làm cho các Pháp này khác nhau về nghĩa lẫn từ ngữ.

Thưa Ngài, còn các Pháp đồng nghĩa khác từ ra sao?

Là: tham ái - sân hận - si mê, những thứ hạn định, vị tỳ kheo đoạn diệt lậu hoặc đã dứt bỏ. Tâm giải thoát (cetovimutti) không có hạn định, không tăng trưởng, tâm giải thoát này hiện bày tuyệt hảo hơn các tâm giải thoát khác.

Tâm giải thoát không tăng trưởng ấy, là sự giải thoát ở sự trống không tham ái, sân hận, si mê, những gì mà vị tỳ kheo đoạn diệt lậu hoặc đã dứt bỏ. Tâm giải thoát là *vô sở tâm*, không tăng trưởng, tâm giải thoát này tuyệt hảo hơn các tâm giải thoát khác.

Tâm giải thoát không tăng trưởng ấy, là sự giải thoát cắt đứt sự trống không tham ái, sân hận, si mê. Vật có tướng là tham ái, sân hận, si mê, là những thứ mà vị tỳ kheo đã đoạn diệt lậu hoặc đã dứt bỏ. Tâm giải thoát không có tướng, không tăng trưởng chừng nào, tâm giải thoát ấy tuyệt hảo hơn các tâm giải thoát khác.

Tâm giải thoát không tăng trưởng ấy, là sự giải thoát trống không tham ái, sân hận, si mê.

Đây là các Pháp đồng nghĩa, chỉ khác nhau về từ ngữ.

<u>Kinh thứ 8:</u>

Ông Nigaṇṭhanātaputta là giáo chủ phái Nigantha, đã đến thành Majhikāsanda cùng nhiều tùy tùng. Trưởng giả

Citta cũng cùng nhiều thiện nam đến để đàm đạo. Niganṭhanātaputta hỏi rằng:

- Này trưởng giả, bạn tin ở sa môn Gotama rằng: Thiền định (samādhi) không có tầm - không có tứ, sự diệt tắt tầm tứ vẫn có chăng?

- Không cần tin tôi, không cần tin Đức Thế Tôn! Thiền định không có tầm - không có tứ, sự diệt tắt tầm tứ vẫn có!

Khi trưởng giả Citta đáp như vậy, Niganṭhanātaputta quay lại nhìn nhóm tùy tùng của mình nói rằng:

- Các ông hãy xem, trưởng giả Citta là người ngay thẳng, không khoe khoang, không lường gạt gian xảo. Người nào hiểu sự diệt tầm tứ được, người ấy cũng hiểu được việc đón gió bằng lưới!

Người nào hiểu sự diệt tầm tứ được, người ấy cũng hiểu được việc ngăn chặn dòng sông Hằng (gangā) bằng tay!

Mong độc giả hiểu rằng: Do đâu mà Niganṭhanātaputta mới như vậy? Xin đáp rằng: Họ nói vậy vì hiểu rằng, Đức Phật có thuyết, sự diệt tầm tứ nơi ấy không đúng!

Dạn dĩ nói như thế, vì họ hiểu rằng, trưởng giả Citta nói họ không tin Đức Phật, rằng có định không có tầm - tứ và có sự diệt tầm tứ được, như đã trình bày. Họ cố tình hiểu không đúng lời trưởng giả, không cần tin Đức Phật hay ông. Vì điều đó tự mình đã biết đã thấy rằng: Định không có tầm - tứ và sự diệt tầm tứ vẫn có.

Khi Niganṭhanātaputta nói thế, trưởng giả Citta mới hỏi:

- Theo ông hiểu, Trí và Tín cái nào quý hơn?

- Trí (ñāna) quý hơn tín (saddhā).

- Thưa ông, tôi nhập sơ thiền, ly dục, ly ác bất thiện pháp, có tầm - tứ, có hỷ - lạc sanh từ sự vắng lặng, theo ý muốn.

Nhập nhị thiền không có tầm - tứ, theo ý muốn.

Nhập tam thiền, không có hỷ, theo ý muốn .

Nhập tứ thiền không có lạc, theo ý muốn.

Tôi không biết không thấy và tin ở sa môn hay bậc phạm hạnh nào là: *Định không có tầm - tứ, sự diệt tầm tứ vẫn có.*

Khi trưởng giả Citta đã nói như vậy, Niganṭhanātaputta day lại nhìn nhóm tùy tùng của mình rồi nói:

- Các ông hãy xem, trưởng giả Citta đây là người không ngay thẳng, khoe khoang, lường gạt gian xảo. Khi trước ta lại thấy là người ngay thẳng, không khoe khoang, không lường gạt gian xảo.

Trưởng giả Citta mới nói:

- Thưa ông, tôi hiểu ý ông! Điều mà ông nói rằng: trưởng giả Citta là người đã không ngay thẳng, khoe khoang, lường gạt gian xảo. Nếu lời trước của ông đúng thì lời sau sai. Nếu lời sau của ông đúng thì lời trước sai.

Các vấn đề liên hệ với 10 Pháp này được đưa ra, ông hiểu nghĩa của các lời này được khi nào, khi ấy ông và tùy tùng của ông hãy trả lời:

1 vấn đề (pañhā), 1 xiển thuật (uddesa), 1 sự giải nghĩa (veyyākaraṇa), là gì?

2 vấn đề, 2 xiển thuật, 2 sự giải nghĩa, là gì?

3 vấn đề, 3 xiển thuật, 3 sự giải nghĩa, là gì?

4 vấn đề, 4 xiển thuật, 4 sự giải nghĩa, là gì?

5 vấn đề, 5 xiển thuật, 5 sự giải nghĩa, là gì?

6 vấn đề, 6 xiển thuật, 6 sự giải nghĩa, là gì?

7 vấn đề, 7 xiển thuật, 7 sự giải nghĩa, là gì?

8 vấn đề, 8 xiển thuật, 8 sự giải nghĩa, là gì?

9 vấn đề, 9 xiển thuật, 9 sự giải nghĩa, là gì?

10 vấn đề, 10 xiển thuật, 10 sự giải nghĩa, là gì?

Khi trưởng giả Citta hỏi các vấn đề liên hệ 10 Pháp, Niganṭhanātaputta liền từ giã, rút lui.

Kinh thứ 9:

Ông Acelakassapa, là người tu theo đạo lõa thể, là giáo chủ của nhóm nữ tu lõa thể, đã đến thành Majhikāsanda. Khi còn là cư sĩ, ông là bạn của trưởng giả Citta. Trưởng giả Citta đến đàm đạo với ông ta, đã hỏi ông ta rằng:

- Ông tu được bao lâu rồi?

- Được 30 năm!

- Vậy có được một loại tri kiến thù thắng, là Pháp tăng thượng hơn các Pháp của nhân loại nào chăng?

- Không được gì! Chỉ được sự lõa thể, trọc đầu và sự quét bụi, rác, cát… thế thôi!

- Kỳ diệu thay! Acelakassapa à, Giáo Pháp đã được Đức Phật thuyết giảng tuyệt hảo. Trong khi ông tu đã 30 năm mà không chứng được một Pháp tăng thượng nào, ngoài việc làm người lõa thể, trọc đầu, quét bụi bặm, đất cát… thôi sao!

- Citta, ông là người thiện nam bao lâu rồi?

- Đã 30 năm.

- Trưởng giả có được một loại Pháp tăng thượng nào chăng?

- Thưa ông, dù là cư sĩ cũng cần phải có. Vì tôi nhập thiền được cả 4 bậc theo ý muốn. Nếu tôi giải đáp trước Đức Thế Tôn thì Ngài sẽ nói rằng: *"Citta không có sự ràng buộc, là điều làm cho luân hồi trở lại thế gian này nữa!".*

Khi nghe thế, Acelakassapa thấy Phật giáo là tôn giáo tốt đẹp, nên muốn tu theo. Trưởng giả Citta liền dẫn vào gặp các vị tỳ kheo xin cho tu. Xuất gia không bao lâu, ông đã chú tâm tu tiến sa môn pháp, rồi thành tựu bậc A La Hán!

D. Tiểu sử bà Khujjuttarā

Tiểu sử của bà này có liên quan đến bà Sāmāvatī. Kinh Manorathapūranī ghi rằng:

Bà Khujjuttarā, *tối thắng về Đa văn* (bahusuta), hơn mọi tín nữ khác. Bà Sāmāvatī thì *tối thắng về tâm từ* (mettā), hơn mọi tín nữ.

Hai tín nữ ấy, tiền kiếp sanh trong một gia tộc tại thành Haṅsavatī, thời Đức Phật Padumuttara (Thượng Liên).

Một hôm, hai bà dẫn nhau vào chùa nghe Pháp. Bà Khujjuttarā thấy bậc Đạo Sư Padumuttara đặt một tín nữ nọ trong vị trí *tối thắng về Đa văn,* bà liền tạo các nghiệp thiện cao đẹp (adhikārakamma), rồi ước nguyện chức vị ấy trong tương lai.

Bà Sāmāvatī thấy bậc Toàn Thắng Padumuttara đặt một tín nữ khác trong vị trí *tối thắng về tâm từ*, nên bà cũng tạo các nghiệp thiện cao đẹp, rồi ước nguyện chức vị ấy trong tương lai.

Cả hai người nữ ấy hành thiện suốt cuộc sống, được sanh lên thiên giới, du ngoạn trong cõi nhân thiên, sinh-sinh tử-tử. Trải qua trăm ngàn kiếp, lúc hết tuổi thọ từ thiên giới, bà Khujjuttarā sanh trong bụng chị nuôi của trưởng giả Ghosaka. Là người lùn gù lưng từ lúc lọt lòng, nên có tên là *"Khujjuttarā"* (người lùn), làm tớ gái cho bà Sāmāvatī, hoàng hậu của Vua Udena.

Bà Khujjuttarā ấy đã nhận mỗi ngày 8 mahāpaṇa *(1 mahapana: tiền cổ Ấn Độ = 5 shilling tiền Anh, ấn định tạm mấy chục năm trước!)* để mua hoa dâng lên bà Sāmāvatī trong một ngày.

Chủ bán hoa hôm ấy bảo rằng:

- Hôm nay tôi không rảnh để gửi hoa bán cho bà, vì tôi sẽ đi trai tăng, có Đức Phật chủ tọa. Hãy phụ giúp tôi, bà sẽ thoát cảnh tôi đòi cho người khác, với quyền lực của thiện phước này!

Bà Khujjuttarā nhận lấy vật thực dâng cúng, phụ giúp sắp đặt trong nơi trai tăng. Bà đã ghi nhớ tất cả Pháp Đức Phật đã thuyết, và nghe lời phúc chúc, được vững chắc trong quả vị Tu Đà Hườn.

Mọi ngày, bà Khujjuttarā mua hoa dâng chỉ bằng 4 mahāpana, ém túi phân nửa! Nhưng ngày ấy, bà đã mua cả 8 mahāpana. Bà Sāmāvatī ngạc nhiên hỏi:

- Mọi ngày, hoa không nhiều như hôm nay, do đâu mà hoa nhiều vậy, đức vua thưởng thêm chăng?

Bà Khujjuttarā đã trình bày sự thật, rồi thưa rằng:

- Hôm nay con được Pháp của Đấng Thập Lực, nên minh bạch, không dối gian lệnh bà nữa!

- Nếu thế, bà hãy nói Pháp bất tử đến chúng ta.

- Con không thể nói bằng vị thế như vầy, con sẽ thuyết lại Pháp dâng lên Bà, như những gì bậc Đạo Sư đã thuyết con nghe. Xin lệnh bà cùng mọi người hãy chú tâm nghe cho tốt, về Pháp bất tử!

- Nếu thế, em Uttarā hãy thuyết đi[1]!

Bà tâu rằng:

- Con không thể thuyết bằng vị thế như vầy, xin lệnh bà hãy hoan hỷ cho sắp chỗ ngồi cao để con ngồi, và hoan ỷ ngồi chỗ thấp!

500 phụ nữ đã sắp đặt chỗ ngồi cao cho Khujjuttarā, còn mình ngồi nơi thấp. Bà đã vững vàng trong Sekkhapatisambhidā (tuệ phân tích hữu học), là trong sự phân tích của bậc thánh, học hỏi rồi giảng cho nhóm ấy nghe. Khi dứt thời Pháp, tất cả mọi người kể cả bà Sāmāvatī… chứng đắc quả vị Tu Đà Hườn!

Từ đó, bà Sāmāvatī xoá bỏ phận nô lệ cho Khujjuttarā, bà dạy rằng:

- Bạn hãy đi nghe Pháp thoại của đức Bổn Sư, rồi về thuyết lại cho chúng ta nha!

Bà Khujjuttarā đã làm y như thế.

---

[1] Ở đây, Hoàng hậu thân thiện nên kêu bằng em, bỏ biệt danh Khujjuttarā (người gù lưng), chỉ xưng gọi là Uttarā vì Khujja + uttarā = Khujjuttarā.

Có lời hỏi tắt ngang rằng: "Do nhân gì, bà Khujjuttarā (một người đủ phước đắc thánh quả) làm người tôi tớ kẻ khác?

Giải rằng: *"Khujjuttarā đã từng sai bảo một vị sa di làm việc cho mình,* trong thời Đức Thập Lực Kassapa Dasabala (Đức Phật Ca Diếp). Rồi bị sanh làm nô lệ đến 500 kiếp (jāti kappa). Trong kinh Pháp Cú (dhammapada) lại ghi: *"bà đã sai một vị trưởng lão ni A La Hán nhặt đồ dùm".*

- Do nhân gì mà thành người gù lưng?

- Khi chưa đến thời Đức Phật Toàn Giác, Khujjuttarā bấy giờ ngụ tại công đường của vua Barānasī, được thấy một vị Phật Độc Giác - là người khất thực thường xuyên tại cung vua - là người có thân hình gù. Bà giễu cợt điệu bộ của Ngài, đùa giỡn cho quý vị vui. Nên bị sanh làm người gù lưng.

- Do nhân gì Bà có trí tuệ?

- Khi chưa đến thời Đức Phật Toàn Giác, Khujjuttarā sanh làm con gái vua Barānasī, được thấy 8 vị Phật Độc Giác đi bát, bà đã đặt bát bằng cơm sữa (đề hồ) nóng. Tháo 8 chiếc vòng tay bằng vàng xin cúng dường: *"Xin các Ngài hãy đặt bát xuống những chiếc vòng này!".* Nên có được trí tuệ do ước nguyện như vậy. Đến thời một vị Phật Toàn Giác, Ngài mới thọ ký bà trong chức vị tối thắng về Đa văn (bahūsūta) như vậy.

*

* *

PHẦN III
BÀN VỀ GIẢNG SƯ

Chữ "giảng sư" có trong Tam Tạng, không mang ý nghĩa như chúng ta nghĩ ngày nay! Cao hơn nhiều. Kinh thứ 6, Tương Ưng bộ Kinh (Samyuttanikāya), phẩm Nhân Duyên (Nidāna):

Một lúc nọ, Đức Thế Tôn ngự tại Jetavana (chùa Kỳ Viên) thành Sāvathi. Khi ấy có một vị tỳ kheo vào yết kiến, đảnh lễ rồi ngồi xuống thưa rằng:

- *Dhammakathikoti bhante vuccati kittāvatā nu kho bhante dhammakathiko hoti* = Thưa Đức Thế Tôn, có danh xưng là "giảng sư", vậy có mấy nhân được gọi là "giảng sư"?

- *Jarā maraṇassa ce bhikkhu nibbadāya virāgāya nirodhāya dhammaṃ deseti dhammakathiko bhikkhūti alaṃ vacanāya…* = Này các tỳ kheo, nếu vị tỳ kheo *hành Pháp* đưa đến chán nản, để sáng tỏ, để diệt tắt lão - tử, gọi là *"vị tỳ kheo hành theo Pháp thích hợp".*

Nếu vị tỳ kheo *giải thoát* bởi sự chán nản, sự sáng tỏ hay sự diệt tắt, bởi sự không bám lấy lão - tử, gọi là *"vị tỳ kheo đạt đến Níp Bàn trong hiện tại (diṭṭhidhamma), trong hiện hữu (attabhāva) này.*

Nếu tỳ kheo *thuyết Pháp* đưa đến chán nản, đưa đến sáng tỏ, để diệt tắt sanh (jāti), hữu (bhava), thủ (upadana), ái, thọ, xúc, lục nhập, danh sắc, thức, hành, vô minh. Gọi là **"giảng sư".**

Nếu tỳ kheo *thực hành* đưa đến chán nản, đưa đến sáng tỏ, để tắt sanh, hữu, thủ, ái, thọ, xúc, lực nhập, danh sắc, thức, hành, vô minh, nên gọi là *"vị tỳ kheo hành theo Pháp thích hợp".*

Nếu tỳ kheo *giải thoát* được vì sự chán nản, sự sáng tỏ, và vì sự diệt tắt sanh, hữu, thủ, ái, thọ, xúc, lục nhập, danh sắc, thức, hành, vô minh, nên gọi là *"vị tỳ kheo đạt đến Níp Bàn trong hiện tại, trong cá nhân này".*

Ý chính của Đức Phật là: Vị tỳ kheo thuyết Pháp hầu làm phát sanh sự chán nản, sự sáng tỏ hay sự diệt tắt già, tử, sanh, hữu, thủ, ái, thọ, xúc, lục nhập, danh sắc, thức, hành, vô minh. Nên gọi là **"giảng sư"** như vậy.

Tóm lại, thuyết Pháp hầu để chán nản, để cho sáng tỏ, cho diệt tắt, về 12 paccayākāra (căn nguyên). Một loại thuyết pháp nữa gọi là Duyên Sinh (Paṭicccasamuppāda) là mọi sự mọi vật được sanh bởi nương nhờ nhân duyên (hetupaccaya), người thuyết pháp như vậy gọi là **"giảng sư"**.

Trong phần kinh thứ 3, phẩm thứ 2, Tương Ưng bộ kinh (Samyuttanikāya), Tương Ưng Uẩn (Khandhasamyutta)[1] có nói:

Một lúc nọ, Đức Thế Tôn ngự tại Jetavana (chùa Kỳ Viên) thành Sāvathi. Khi ấy có một vị tỳ kheo hỏi rằng:

- Thưa Đức Thế Tôn, có danh xưng là "giảng sư", vậy có mấy nhân được gọi là "giảng sư"?

mấy nhân mới gọi là "người hành theo Pháp thích hợp",

mấy nhân mới gọi là "người đạt đến Níp Bàn trong hiện tại này"?

[1] Trích Tam Tạng quyển 16, trang 198

- Này các tỳ kheo, nếu vị tỳ kheo thuyết Pháp đưa đến sự chán nản, sự sáng tỏ hay sự diệt tắt sắc - thọ - tưởng - hành - thức, nên gọi là *"vị tỳ kheo giảng sư".*

Nếu vị tỳ kheo hành Pháp đưa đến chán nản, đưa đến sáng tỏ, để diệt tắt sắc - thọ - tưởng - hành - thức, gọi là *"người hành theo Pháp thích hợp".*

Nếu vị tỳ kheo giải thoát được vì chán nản, đưa đến sáng tỏ, để diệt tắt sắc - thọ - tưởng - hành - thức, gọi là *"người đạt đến Níp Bàn trong hiện tại, trong hiện hữu (attabhāva)* này".

Kinh thứ 4, tiếp đến có một tỳ kheo hỏi và được giải đáp như Kinh thứ 3. Ý chính:

**** Vị tỳ kheo thuyết Pháp hầu để sanh sự chán nản ngũ uẩn, sự sáng tỏ ngũ uẩn, sự diệt tắt ngũ uẩn, gọi là "giảng sư".***

Như vậy, theo ý chính trong phần Pāli và các chú giải, đã được trình bày tất cả đây, được nhấn mạnh rằng: *Người giảng Pháp không có mục tiêu trên, không đáng gọi là "giảng sư".*

Như trưởng lão Puṇṇamantānīputta, đã nhận chức vị tối thắng về giảng thuyết, không phải vì ngài thuyết Pháp theo khuôn mẫu nào, mà Pháp ngài thuyết đề người nghe thu đặng kết quả (phala) là sự chán nản, sự sáng tỏ, sự diệt tắt… như vậy. Và Pháp ngài thuyết đó chỉ rõ 10 Kathāvatthu (đề tài nói chuyện), là phần tập hợp của tất cả Pháp.

Rồi chuyện trưởng lão Kumāra Kassapa, nhận lời tán dương là giảng sư tối thắng (chuyên về ví dụ, dẫn chứng), không phải Ngài chỉ thuyết riêng về Nhân Duyên và Ngũ

Uẩn, một số đề tài khác Ngài cũng thuyết, nhưng Đức Phật giải đáp như trên với ý nói về nhóm giảng sư sâu sắc.

Kinh Maṅgaladīpanī (Hạnh Phúc), nói về Pháp thí (dhammadāna) rằng: ***"Giảng về Bốn Thánh Đế, gọi là Pháp thí tối thượng hơn tất cả các sự thuyết Pháp dạng thường tình khác".***

A. Phân loại giảng sư:

Phân ra 3 nhóm: 1 loại, 2 loại, 3 loại, 4 loại.

1 loại giảng sư, là giảng sư Đa Đề (Nigro: cây đa), theo kinh Maṅgaladīpanī:

Giảng sư thuyết Pháp không khớp với dàn bài (sơ lược, Nikkhepapada hay Nikkhitapada) đã đưa ra, nói về chuyện khác mãi, không liên quan với đề tài, lạc đề, đa đề, lượm lặt lan man. Như đứng trước buồng chuối "chín đầu ăn đầu, chín đuôi ăn đuôi" hay "thấy ngọn ăn ngọn, thấy lá ăn lá"… Khi chấm dứt rồi mà người nghe cũng không biết từ đầu tới cuối như thế nào? Trên dưới đều bần thần!

Gọi là giảng sư Nigro vì như cây đa rủ thòng, rễ xuống lung tung. Mong bạn hãy cố tránh trở thành giảng sư "cây đa rủ", hãy chú tâm trong đề tài bạn đưa ra từ đầu, đừng để đứt khoảng. Khi bạn chưa đề cập chuyện đó (trực khởi), nói chuyện khác nhiều bao nhiêu cũng được, nhưng tới phần sau bạn cần quẹo trở lên phần đầu (luân khởi), khỏi lạc đề. Bạn sẽ thấy những bài kiểu mẫu trong bộ sách này.

2 loại giảng sư, theo kinh Maṅgaladīpanī: giảng sư thông thường (sāmañña) và giảng sư đặc biệt (visāmañña).

Giảng sư thông thường, là người thuyết về con đường của thiện nghiệp và bất thiện nghiệp. Các Pháp thiện, các Pháp bất thiện[1]. Các Pháp có tội, các Pháp không có tội.

Các Pháp được thế gian tán dương. Các Pháp mà người hành trì thường không được lợi ích, mang lại khổ đau. Các Pháp đem lại lợi ích an lạc.

Như vậy, thuyết rõ về quả của nghiệp. Như thuyết rõ ràng về thế gian này và thế gian khác. Làm cho người nghe hoàn lương từ ác bất thiện pháp. Người thuyết Pháp như vậy gọi là "giảng sư thông thường".

Người thuyết Pháp căn bản, nói về thiện - bất thiện, là giảng sư thông thường, là giảng sư không tột đỉnh. Giảng sư nào thuyết tất cả chân pháp, là các Pháp này nên thấu hiểu - các Pháp này nên dứt bỏ - các Pháp này nên làm cho sáng tỏ - các Pháp này nên trau giồi.

G*iảng sư đặc biệt* là giảng sư đáng phục: Người thuyết **bốn Thánh đế,** gọi là giảng sư không thông thường, hay giảng sư đặc biệt vậy!

3 loại giảng sư: 1/ *Bày tỏ tri kiến sâu xa.* Có những vị không quan tâm đến lợi ích của người nghe, chỉ cần nói sự hiểu biết của mình cho thấy là sâu sắc. *2/ Bày tỏ tri kiến khác biệt, độc đáo, không giống ai. 3/ Thật sự vì lợi ích thính giả.*

Đó là giảng sư thời xưa, các vị ngày nay cố noi gương, cố cho mình thành giảng sư loại sau cùng.

Khi tôi còn là tỳ kheo, giảng sư, tôi đã ráng giảng cho được lợi ích đến người nghe nhiều hơn các mong muốn

[1] Giảng sư thuyết Pháp hiệp thế và Pháp siêu thế (Tứ Đế)

khác. Rồi xã điều học, tôi đã sáng tác sách kinh cho nhiều, mong lợi ích đến người đọc người nghe nhiều hơn mục đích khác. Và mong cho mọi người khởi sanh đức tin trong sạch nơi Đức Phật, Giáo Pháp, Chư Tăng. Và người đã có đức tin trong sạch càng vững tín.

Ước muốn cho người đọc người nghe được hiểu biết Pháp, nhiều hơn ước muốn khác. Và muốn sao cho Pháp, lời dạy của Đức Phật, thạnh hành rộng rãi. Hầu đem lại lợi ích đến tất cả dân chúng như nhau.

4 loại giảng sư, theo nguyên tắc của người xưa (porāṇa) là: vui tính (sanuka), biện tài (sanida), dịu dàng, và văn hoa.

Vị nào thích nói cho người nghe vui thích, thỏa mãn, gọi là *"giảng sư vui tính".*

Vị nào có sự thuyết giảng biện tài, có lời nói khéo léo, không lỡ cỡ, khi đưa ra câu Pāli nào thì có đối chiếu. Ý chính với câu Pāli ấy có sự liên kết. Hay thuyết điều nào nối với điều nào, tiếp vào nhau mật thiết.

Như khi thuyết dứt phần Đức Tin (saddhā) rồi, sẽ thuyết phần Giới Luật (sīla), dùng đối chiếu hợp lý là: ***"Nhân (hetu) sanh trì giới, là đức tin*** *(có niềm tin, mới giữ giới được!)".* Rồi nói tiếp: Và giới luật là nhân phụ thứ 2 của đức tin, nghĩa là... hay là…

Như vậy là kiểu mẫu của giảng sư biện tài, là tạo các ý liên quan cho người nghe hiểu sâu xa, không lỡ cỡ thô thiển. Chẳng hạn như phần giới:

Kāmesumicchācāra (tà hạnh trong các dục vọng, tà dâm) có 4 phần (Agamanīyavatthu):

1/ Chuyện cần ngăn chặn.

2/ Tâm suy nghĩ sự quan hệ.

3/ Mỗi giai đoạn của sự quan hệ.

4/ Làm xong chuyện!

Như vậy là kiểu mẫu.

Diễn giải vậy cho người nghe liên tưởng, rồi liên hệ đến tâm không biết hổ thẹn thô thiển cỡ nào khi phạm phải tà hạnh này. Nhưng nếu theo sát từ ngữ, giảng về "tà hạnh trong các dục vọng (tà dâm)" có 4 phần:

1/ Chuyện gian - dâm không nên có.

2/ Dâm tưởng.

3/ Từng phần của dâm tưởng.

4/ Làm cho âm - dương tiếp nhau, giao lưu.

Như vậy, tự bản thân người nghe cũng rõ tâm khó xử đầy ứ vì các lời này là thô tục trong ngôn ngữ. Do đó, vị nào biết diễn ý thô thiển cho người nghe liên tưởng, là *"giảng sư biện tài".*

Hơn nữa, khi diễn giải tạng Luật có những điều thô tục sao cho giảng ra được, người giảng rất cần ẩn ý, không cho thính giả nghe lời thô tục, cho họ tự liên tưởng mới tốt. Như khi người giảng nói về điều Tăng Tàn (Saṅghādisesa) thứ nhất, giảng sao cho thật hùng biện (vohāradesana), không để cho người nghe thấy được dung tục một các rỏ ràng.

Như khi trích dịch trong tạng Luật về sự thuyết giảng kiểu mẫu, tôi dịch là : *"tỳ kheo nào cố ý làm cho tinh trùng (kāmodaka) xuất ra, trái tư cách tu sĩ, vị ấy phạm phải điều*

giới mà Đức Phật chế định là: phạm Tăng Tàn!" như vậy là kiểu mẫu. Nếu dịch sát theo Pāli, thì cả độc giả và bạn, đều mắc cỡ chết được!

Mỗi nơi dịch trong tạng Luật, hay trong thuyết giảng, tôi phải sử dụng lời tao nhã diễn ý thô tục. Bạn chưa từng đọc và nghe chắc nghĩ rằng, làm sao giảng Luật (Vinaya) cho dân chúng nghe đây?! Diễn giải từ Pāli ra Việt ngữ (Thái ngữ) sao cho thành hùng biện, thường rất khó, khi mình biết rõ nó thô tục trong ngôn ngữ.

Diễn dịch thật khổ! nhưng tôi đã cố gắng dùng lời tế nhị, như dịch theo Pāli là: *"tỳ kheo ham mê y áo (cīvara), ham mê vật thực (pīṇḍapāta), ham mê chỗ ngụ (senāsana), xài thuốc trị bệnh (bhesajja)"*, mọi chỗ nhẹ nhàng như vậy, để độc giả không rát mắt, người nghe không chói tai!

Chữ *"kumbha"* là *"cái nồi"*, bây giờ bạn không nên dịch như vậy nữa, vì thành chữ thô thiển của dân gian mất rồi *(có lẽ là từ lóng gì đó của dân Thái - dịch giả)!* Phải thay là "bình nước" hay "chậu nước", "lu nước" hay "thùng nước", họ nghe ổn hơn.

Hay câu *"đặt cây cột xuống hố",* là không thô tục trước đây, đến thời này thành từ lóng thô tục rồi. Là việc đi phụ giúp cưới hỏi, họ gọi nhau là *"đi giúp đặt cây cột xuống hố"* (Thái ngữ).

(Việt ngữ đơn âm có cách chơi chữ, nói lái… rất đa dạng hơn các ngôn ngữ khác! Sư phụ tôi từng dạy chúng tôi phải cẩn thận khi dùng từ, tránh bị bắt bẻ khi thuyết giảng - Lời thêm của dịch giả)

Ai giảng có đối chiếu, nối tiếp nhau để thính chúng tự liên tưởng được thì tốt, đó gọi là *"giảng sư biện tài"*.

Vị nào không kích bác, xoa dịu màng nhĩ, thoả lòng người nghe, gọi là *"giảng sư dịu dàng".* Âm điệu (giọng) và sự ngừng nghỉ thích hợp, tốt đẹp, đôi khi nhấn chút cảm xúc khi chậm khi mau, tuỳ ý chính hay cốt chuyện.

Vị nào thuyết giảng tương tợ như Mahājatidhammavatta, xúc cảm nhịp nhàng, gọi là *"giảng sư văn hoa".* Sự thuyết giảng hoa mỹ này dùng suốt từ đầu đến cuối, thích hợp để kể những tích chuyện Tiền Thân Jātaka. Nếu có nhiều vị giảng sư, gọi là "thuyết giảng kép, vấn - đáp".

B. Giảng sư đặc biệt

Cả 4 loại giảng sư như trên đều được tán dương như nhau, hơn thua tuỳ người nghe. Người nam thường thích giảng sư vui tánh. Nữ thì thích giảng sư dịu dàng và văn hoa *(Thái style - dịch giả).* Nam mà là người trí, lại khoái giảng sư biện tài.

Còn có 1 loại giảng sư, hay là loại thứ 5 sau 4 loại trên, là giảng sư thích thuyết theo kiểu: không nói lời hài hước bồng bột, cho người ta cười ầm ĩ, mà chỉ sử dụng lời nói ngầm ý khôi hài, làm người nghe vừa lòng thấm ý. Bằng lời ý nhị hoa mỹ, ẩn mầm sống tươi vui, không chỉ cho dịu tai hay vui thích nhất thời. Nói sao cho họ hiểu biết rõ ràng đề tài, một cách nhẹ nhàng không chán.

Như thầy giáo thọ Upāli Guṇūpamā Siricando, chùa Paramanivāsa, là kiểu mẫu. Tôi từng được nghe ngài nhiều lần, xin trình bày tiếp đây.

1. Chuyện thuyết giảng của Ngài Upāli, chùa Paramanivāsa

Nhưng không phải để tâng bốc hay khoe khoang quá đáng, chỉ muốn bạn biết tỉ mỉ về các kỹ năng của ngài UPāli này, đa tài, trước giờ hiếm có. Mỗi khi Ngài thuyết pháp, thường có người đến nghe chật sàn (giảng đường). Nếu Ngài thuyết trong sân chùa, người nghe chật sân chùa. Thật tuyệt hảo!

Những người được ngài dạy thường ghi tâm khắc cốt, truyền miệng không chán, không kể già trẻ trai gái, thôn quê hay thị thành… Ngài thuyết ra sao mà có người ghi nhớ kỹ, có người say mê, có người vừa lòng.

Ngài có nhiều thông minh trong cách giảng, không thuyết trùng lặp (nội dung na ná - đổi đề tài = *"bình mới rượu cũ"*). Giọng tự nhiên như khi chúng ta nói chuyện với nhau, chầm chậm…

Điển hình như dịp lễ tốt nghiệp trung học Pāli 4 cấp mới. Khoảng canh 3 đêm Rằm, vừa được tin có buổi thuyết Pháp vấn - đáp lộ thiên tại một ngôi chùa, tôi ghé vào nghe, người đầy cả sân chùa. Vòng ngoài thì đứng vòng trong thì ngồi, tôi cùng với đệ tử đứng xa xa bên ngoài.

Có những cư sĩ lão thành vùng quê, đứng cạnh tôi nhiều lắm. Có người cất tiếng:

- Trông vị lớn sẽ không cầm cự với ông sư trẻ được!

Một lúc sau, người ấy lại nhiều chuyện:

- Ô, giờ thì có lẽ ông sư nhỏ không cầm cự nổi với vị lớn rồi!

Họ không biết vị lớn là giáo thọ sư Upāli Guṇūpamā chùa Paramanivāsa, vị trẻ là giáo thọ sư Dhammatilokā ở chùa phía tây Bangkok. Chừng một lát, ông già ấy cũng kêu lên nữa rằng:

- Ừ, cầm cự với vị lớn không xong thật!

Đoạn này tôi nhớ lờ mờ, các Ngài đang hỏi nhau rằng, "*Vô minh (avijjā), ái (taṇha) và chấp thủ (upadāna),* cái nào là đầu, là giữa, là cuối?

Vị trẻ hỏi, ngài Upālivā giải đáp:

- Không có chi là đầu, là giữa, là cuối!

Bên hỏi thì đưa dẫn chứng Pāli, phần Pāli đưa lên tôi không nhớ được, bên ngài Upālivā giải sạch hết. Phần ngài Dhammatilokā tiếp tục, đưa lên câu Pāli khác và dẫn chúng nữa, ngài Upālivā tiếp tục giải quyết hết… Đưa ra chỗ nào té ngã chỗ ấy, làm cho chính chúng chết phê hết!

Riêng tôi có ý chờ xem thành bại của chư vị võ lâm đồng đạo. Ngài Dhammatilokā cùng đường cuối hầm nên nói:

- Vậy Pāli sai hết chăng?

Ngài Upālivā nói là không sai, nhưng chúng ta không hiểu ý nghĩa của Pāli thôi! Ngài Dhammatilokā hỏi tiếp:

- Vậy ngài hiểu theo ý nghĩa thế nào?

- Nghĩa không có chi là đầu, là giữa, là cuối cả!

- Nếu thế thì dùng không được, vì cái gì cũng phải có đầu, có giữa, có cuối?

- Mèn đét ơi, do ta tự phỏng đoán phân biệt đó thôi!

Rồi ngài điềm tĩnh mà rằng:

- Đây nè ngài! gà sanh ra trứng - trứng nở thành gà, gà lại sanh ra trứng - trứng lại nở thành gà. Vậy ngài nói trứng có trước, là đầu, hay gà có trước?

Chính đoạn này khiến mọi người chăm chú coi ra sao! Ngài Dhammatilokā đáp:

- Nói gà có trước hoặc trứng, cũng không ổn, vì gà sanh ra từ trứng, trứng sanh ra từ gà!

- Đúng vậy! cho nên khi nói theo chế định, định đặt, cũng không nên phỏng đoán. *Vô minh (avijjā), ái (taṇha) và chấp thủ (upadāna),* không có gì là đầu, là giữa, là cuối của nhau.

Thôi thì đưa cái gì lên nói trước, cái đó xem là đầu đi! *Như đưa chấp thủ ra nói trước tiên, là nhân sanh hữu, hữu sanh lão tử, cũng phải xoay qua vô minh. Đưa vô minh nói trước, lại phải xoay đi tìm thủ. Nói ái trước, rằng ái là nhân sanh thủ, thủ là nhân sanh hữu, sanh lão tử, lại vòng đến vô minh nữa.* Ví như bánh xe bò là vòng tròn, thì lấy gì làm đầu - giữa - cuối đây!

Chính vì vậy nên Đức Phật thuyết rằng: *12 Pháp là vô minh, hành, thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sanh, lão tử, là* ***phiền não luân hồi*** *(kilesavaṭṭa), là các phiền não (kilesa) vẫn luôn xoay tròn với nhau (vaṭṭa). Không có cái gì là đầu - là giữa - là cuối!*

Khi ngài giải hết phần này, quán sát xem thính chúng hoan hỷ, hầu như đưa tay lên đồng thanh: "Sādhu! Sadhu Lành thay!". Ngài Dhammatilokā nói: "Hay quá!", rồi tóm luận cho mọi người nghe lại, rồi hỏi tiếp đến Thánh Đế (Ariyasacca).

Một đoạn quan trọng nữa, nhưng tôi nhớ không rõ là đoạn nào, chỉ nhớ ngài Upālivā nhắc đến 3 lần, còn ngài kia thì đáp rằng chưa hiểu và xin giảng rộng được chăng? Ngài Upālivā đáp *"Không được!"*. Ngài Dhammatilokācāriya mới trêu chọc:

- Nếu không được thì không phải là giảng sư giỏi!

- Tôi không nói với ngài là tôi thuyết giỏi, phải không?

- Dù không nói ra, cũng giống như có ngã mạn ngầm!

- Thì thiên hạ nói vậy, riêng tôi không nghĩ vậy!

- Không lẽ bá tánh nói sai?

- Được thì giải hết rồi, không cần để ngài kể ra!

- Chớ nên đùa! vấn đề Thánh Đế này có thể giúp người thông suốt không dễ sao?

- Không chắc đâu, ai đùa thì đùa, đừng ám chỉ tôi, ngay cả Đức Phật còn khó nói cho người nghe hiểu dễ!

Đoạn này làm cho tất cả chú tâm.

- Sao lại nói thế, không phải là bác bỏ trí của bậc Toàn Giác chăng?

- Bác bỏ hay không không biết, hoàn toàn nó thật sự là vậy, nói bằng cách nào đây!

Ngài Dhammatilokā mới nói:

- Thật sự là nói cho người nghe thấm nhập dễ dàng không được! Vì nếu Đức Phật thuyết Thánh Đế cho dễ hiểu thì người trần gian hành và đắc Thánh hết, chớ có đâu lại là phàm phu bầy huầy thế này!

Đoạn này làm cho người nghe nhận ra sự thật, đồng thanh *"Sādhu Lành thay!"* lên nữa. Ngài Dhammatilokā mới

trích Pāli rằng: *"**Gambhīro cāyaṃ dhammo duddaso durānubodho** = Pháp được chứng ngộ, là Pháp thâm sâu vi diệu, khó nhận thấy, khó biết",* rồi ngài tóm tắt cho đúng theo ý ngài Upālivā.

Sau đó, quý ngài cùng tiếp tục giảng cho đến hết. Quan trọng là dù đã lâu, 2 đoạn tôi kể đây là chuẩn, hiểu đại cương thôi.

Lần khác, ngài Upālivā và ngài Devavedī chùa Raket, và 2 vị nữa không rõ danh tánh, giảng tại chùa Anangarama trong dịp đúc tượng Phật của vua Pakāmavansa. Cùng thuyết về đề tài Thánh Đế theo kinh Chuyển Pháp Luân *(Dhammacakkappavattana Sutta).*

Nhớ là Pháp đàm khá vui! Lúc ấy, ngài Upālivā vấn - đáp cùng ngài Devavedī. Tôi chỉ nhớ ngài Upālivā hỏi rằng:

- *Kāmasukhalli kānuyoga - đắm mình trong dục lạc"* ra sao, mà Đức Phật thuyết rằng: *"hīno gammo puthujjaniko anariyo anatthasañhito* - hạ liệt, đê tiện, phàm phu, không xứng đáng bậc Thánh, không liên hệ đến mục đích"?

- Vì *"đắm mình trong dục lạc"* là không tốt, nên Đức Phật mới cho là *hīno* - hạ liệt!

- Do đâu nói *"đắm mình trong dục lạc"* là điều xấu?

- Vì *"đắm mình trong dục lạc"* là của dân chúng, phàm phu!

- Ồ! Vì *"đắm mình trong dục lạc"* là của dân thường, nên nói là không tốt như thế chăng?

- Nếu là của dân chúng, là điều xấu xa, thì ta đừng ăn cái gì của họ!

Đoạn này làm cho Ngài Devavedī ngớ người, có trạng thái lúng túng không biết giải đáp như thế nào, nên lướt đi rằng:

- Không phải chỉ nói đến dân chúng như thế, còn thuộc về phàm nhân (*puthujjano)* nói chung nữa, nên Đức Phật mới thuyết là điều không tốt!

- Thuộc về phàm phu không tốt sao, không đúng sao? Phàm phu tốt - xấu cũng có hoán cải đổi thay. Như y phục chúng ta mặc đây cũng là của phàm nhân, không phải của thánh nhân phải không? Xin giải thích thêm lại chỗ này!

- Vậy chỗ đó đúng ra sao?

Ngài Upālivā: - Nói cho đúng, vì nó là hạnh phúc dục lạc, ai dính vào rồi khó thoát ra được, nên Đức Phật mới nói là không tốt! Đoạn này tôi thấy trong sách *"Nhà Sư Thái Lan".*

Ngài Devavedī: - Có loại dục công đức nào là hạnh phúc, hay chỉ là khổ phải chăng?

- Có! nếu không thì nói sao đây, khi mọi nhà đều công nhận rằng chính dục công đức là hạnh phúc. Không tin hỏi dân chúng xem!

- Dân chúng họ không được giảng như chúng ta, sao hỏi được? Xin hỏi chính ngài!

- Như thế nào?

- Chỗ nói dục công đức là hạnh phúc đó, ai nói, có dẫn chứng Pāli không?

- Vâng! Có Đức Phật nói, có xuất xứ Pāli.

- Có ở đâu? Mà Đức Phật nói dục công đức là hạnh phúc, chỉ có lời thuyết rằng dục công đức là khổ. Như, *"kāmato jāyato soko* - sầu bi sanh từ dục"?

Ngài Upālivā từ tốn: - Có chớ! Không có nói có sao được!

Ngài Devavedī bám theo: - Chỗ nào?

Ngài Upālivā vẫn từ từ ung dung: - Chính chỗ đó!

- Chỗ đó là chỗ nào?

Ngài Upālivā vẫn đùa một đoạn nữa: - Thì chính là chỗ này!

Khoảng thời gian ngài vờn qua vờn lại làm cho tất cả người nghe cùng nhóm sinh viên đại học Pāli đầy khuôn viên, cùng chư tăng thích thú đố nhau rằng có hay chăng, Đức Phật thuyết rằng dục công đức là hạnh phúc! Vừa khi ngài nhắm rằng mọi người đã khéo chú tâm nghe, nên ngài trả lời rằng:

- Ở kinh Chuyển Pháp Luân *(Dhammacakkappavattana Sutta, Tương Ưng Bộ)!*

- Ngài đùa dai vậy, ai lầy cho lại!

- Vì *"đắm mình trong dục lạc"* là hạnh phúc lợi dưỡng, Đức Phật Ngài nói không tốt, nó làm cho dính mắc trong thế gian. Còn *Attakilamathanuyoga* - tự hành khổ mình (khổ hạnh), là khổ đau. Đức Phật mới cho là không tốt, "khoái lạc" cũng không chấp nhận. Nên theo Trung Đạo (Majjhimapatipada) gồm 8 chi phần, gồm Chánh Kiến, v.v…

Ngài Devavedī hỏi tiếp về Trung Đạo. Bên ngài Upālivā giải, vừa chấm dứt phiên của hai vị đại trưởng lão. Rồi ngài Upālivā rời Pháp toà, thính chúng cũng hùa nhau ra khỏi giảng đường, đi gần hết còn lại chỉ hai giảng sư sau, không ai muốn nghe tiếp!

Chỉ xin kể lại hai câu chuyện thuyết giảng của các vị đại trưởng lão, để bạn thấy vui thích cảm hứng trong việc thuyết giảng đôi (hai vị vấn - đáp), cho bạn nhớ kiểu mẫu, giảng cho rõ ràng minh bạch.

Căn cơ thì có người bậc thấp, bậc trung, bậc cao, kể cả người già hay trẻ. Lẽ thường, khi người ta nghe điều nào không hiểu, thường bực bội, khi hiểu rồi thì hoan hỷ thích thú. Thế nên mới mong quý vị cố trau dồi thành giảng sư.

Hãy cố gắng trở thành hạng trong sáng minh bạch! Thưa, vì tốt hơn các hạng khác, sự cố gắng ấy bạn phải tập đánh vào các ý chính (main ideas) của Pháp, chia chẻ rộng ra, bạn mới có thể thành công! Phần nào khó hiểu, bạn nói sao cho họ dễ hiểu, bạn sẽ nhận được sự tán dương, *"Sadhu Lành thay, giỏi quá đi!"*.

Như *"anicca, dukkha, anattā",* dịch là "vô thường, khổ não, vô ngã", dân thường không hiểu rõ.

Vì **"vô thường"**, họ hiểu là không bình thường, không theo tuần tự ngăn nắp… Như đồng hồ chạy không đúng tuần tự, lúc chậm lúc nhanh, là *Nalika* (đồng hồ bất thường).

Vượt lên ý nghĩa đơn giản đó, như khi người ta tái sinh *(paṭisandhi - kiết sanh thức)* vào bụng mẹ, lúc đầu chưa thấy rõ danh sắc, lần-lần to dần, đến khi người mẹ che kín bụng lại, áo cũng không thể lay động, đến nỗi mặc áo khoác nào cũng không qua khỏi mắt người.

Vừa khi sanh ra đứa trẻ đỏ hỏn, rồi thay đổi theo tuần tự của từng giây đồng hồ, cho đến khi thành thiếu niên, thiếu nữ. Rồi dần-dần thành người lớn, thành người già, thành người bệnh, từ người bệnh - người chết thành nắm xương, từ

nắm xương thành cát bụi, thành địa giới. Phần tâm thức tái sanh nữa, lại tạo danh sắc lên nữa…

Từ lúc tái sanh, cả tâm thức và hình thể thân ta đều không trường tồn cố định. Một lát suy nghĩ điều này, một lát lại suy nghĩ điều kia. Chừng một giờ là suy nghĩ lan man nhiều chuyện lắm luôn! Tưởng nhớ lung tung, không ở một điều cố định. Nên nói: *"các hành là không như cũ (vô thường)".* Bạn giải chừng ấy, người nghe có thể hiểu tốt.

"Khổ não", mọi người thường dư hiểu rồi. Đời khổ quá mà! Đến khi bạn thuyết *"các hành là khổ đau",* thường làm cho người nghe khó hiểu nổi, lùng bùng. Vì *các hành* ấy, thường không rõ ràng trong tâm của họ, mơ hồ, nó là cái gì? Do nó là thuật ngữ tương chao của tu sĩ, của người ở chùa, không thuộc về người bình thường.

Dân làng chắc chắn không nói chuyện với nhau kiểu: *"hành (sankhāra) này, hành kia",* mà chỉ nói về người này người kia, vật này vật nọ, chúng sanh này chúng sanh khác. Bởi thế bạn phải tìm cách nói đơn giản hơn, thay thế chữ *hành*, diễn giải cho họ.

Khi bạn xổ Pāli ra: "*sabbe sankhārā dukkhata"*, bạn phải dịch cho họ hiểu là: - Người và chúng sanh nói chung, tất cả đều khổ đau!

Là, đối với con người hoặc các loài chúng sanh khác ngoài loài người, như súc sanh, chúng sanh địa ngục, ngạ quỷ, dạ xoa, cho đến các vị trời, ma giới, phạm thiên, tất cả đều khổ đau tất tần tật!

Nói là khổ, vì đều là vô thường, nghĩa là không kiên cố, một chút thành thế này một chút lại thành thế kia. Khi thì

khấm khá khi thì nghèo khó, khi thì an vui khi thì bất an, lên voi xuống chó. Như vậy, mọi người sẽ dễ hiểu, họ nắm được ý chính rằng, chúng sanh ai cũng khổ.

Sau cùng, bạn đưa ra câu *"sabbe dhamma anattā",* nếu dịch là "các Pháp là **vô ngã**", là không có cái ta, như vậy người nghe sẽ cảm thấy tối nghĩa tức khắc. Vì chữ *"Pháp",* dân chúng phần nhiều hiểu Giáo Pháp là lời dạy của Đức Phật!

"Không có cái ta", họ càng không hiểu, vì chỉ hiểu "cái ta" khi được giải cặn kẽ *"các Pháp"* gồm sắc uẩn và danh uẩn, là 5 uẩn chia ra được: sắc uẩn, hành uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, thức uẩn. Cả 5 uẩn này chính là vô ngã (anattā).

Họ càng bối rối hơn, vì phần nhiều họ không hiểu gì về vấn đề 5 uẩn, từng uẩn nào ra sao… Bạn nên tóm gọn 5 uẩn lại, đơn giản là thân - tâm, rồi giải rằng: các Pháp đối với 5 uẩn - thân tâm - chính là vô ngã, là không có cái của chúng ta. Họ sẽ cảm giác hiểu được chút chút!

Nhưng nếu dịch chữ anattā ra là, *"điều khiển không được, ngoài tầm kiểm soát (out of control)"*, họ sẽ thấm hiểu hơn!

Giải chữ *"Pháp"*, là mọi thứ trong thế gian, trong cái ta và ngoài cái ta. Được như ý muốn là mỹ mãn, nhưng muốn hạnh phúc trường cửu làm sao được! Như cầu mong cho sắc thân ta: *Xin đừng già, đừng bệnh, đừng chết, đừng khổ!* Cũng không được. Sắc thân của ta phải già, phải bệnh, phải chết, phải khổ, theo kiểu thường tình của nó, theo nghiệp duyên.

Ta có thể khiến cho tâm ta bình lặng, an trú trong một cảnh, không cho nó sanh diệt, giữ nó không biến đổi theo cách tự nhiên của nó chăng? - Không được!

Bởi thế, hãy chấp nhận sự thật phũ phàng: *"sabbe dhammā anattā"*, dịch là: Tất cả mọi vật ta điều khiển không được, không ở trong quyền lực của ta, nó sinh diệt theo lẽ tự nhiên.

Các Pháp đều tự nhiên cả thảy! Chữ "sabhāva - tự tánh", mục đích lấy tự thể của con người, chúng sanh, đồ vật, tất cả… như sự tự nhiên của răng, tóc chẳng hạn. Là răng thông thường, nó tự sanh, ta chủ động cho nó sanh không được, tóc đen hay chỗ đỏ, chỗ trắng nó cũng tự nhiên *(sách này viết lâu rồi, thời đó chưa có nhuộm tóc - Dịch giả).* Trái cây già chín chỗ vàng chỗ xanh cũng tự nó, sự sanh - già - bệnh - chết cũng tự nó, không có ai làm.

Vậy khi bạn dịch và giải như vậy, người nghe có thể dễ hiểu. Tuỳ duyên, ai có thể khiến cho mọi việc đưa đẩy theo ước muốn của mình được hết đâu. Như vậy là kiểu mẫu.

Khi bạn nói cho người ta dễ hiểu về những điều khó hiểu, sau này sẽ nhiều người tán dương rằng: *"Ông ấy giảng hay lắm!"*. Bởi thế, bạn hãy cố gắng trở thành hạng giảng sư rõ ràng minh bạch.

Nếu không được, thì thành loại hài hước hay loại trình tự, loại tranh luận giỏi theo sở trường của bạn. Thuyết giảng hài hước, khó hơn kiểu thuyết giảng sắc bén. Vì việc khôi hài, cho họ bật cười và thấm lý không phải dễ, đều có hạn chế theo cá tính, phải có duyên!

Nhưng không khó bằng hạng rõ ràng minh bạch. Hạng giảng sư hài hước phần nhiều không cần gom nhiều ý (ideas) cũng có thể đi thuyết được. Chỉ đợi đúng lúc, xen vào cho người vui tánh cười, đủ "đạt" rồi.

Hạng thuyết trình tự, phần nhiều có cá tính và cử chỉ trang nghiêm, giống như nữ nhân nói cho nữ nhân khéo nghe. Có người gọi là hạng "giảng sư cái *(female)*". Vì nhiều người nam không thích, nam giới thường thích hạng hài hước và hạng minh bạch, còn hạng khẩu thuyết sắc bén thì cũng được thích nhưng không nhiều.

Nhưng người nữ tánh minh bạch thường thích chung tất cả, không hạn chế với tâm lý ai cả. Ai cố gắng khéo đánh vào trúng tâm lý, thì thành hạng giảng sư nhận sự tán thưởng cao hơn những loại khác *(ý nói giảng sư khóe nhìn trúng và nắm bắt được tâm lý của đám đông)*.

Vì nói cho họ hiểu được dễ dàng thường phải biết nắm tâm lý tầng lớp thính giả, xin hãy cố! Khi thành hạng này, bạn có thể nói gì với ai cũng được kết quả tốt, gọi là người thông minh không cần khẩu thuyết sắc bén, người có biện tài (patibhana) tốt.

Dù hoàn tục ra làm người buôn bán cũng sống được, vì dân kinh doanh có khí cụ đệ nhất là hoạt ngôn. Như khi hàng hóa bị chê, ta phải giải thích vắn tắt kịp thời. Hãy xem xét người Trung Hoa bán đồ là kiểu mẫu. Lúc bạn chê họ, họ sẽ vui vẻ nói:

- Không tốt cái gì, lị không biết đó thôi, trà này là trà đọt, ngon lắm đấy!

Khi bạn nói:

- Không phải, trà đọt nguyên chất có hương thơm!

Người Hoa sẽ thuyết phục bạn là, "*mùi vị tốt đấy, hương thơm lắm, không tin ông thử xem!".* Rồi lấy gói trà cho bạn ngửi liền.

Có người nói rằng: Khi mua vải với người Hoa, nếu chê tầm này nhỏ hẹp, người ta sẽ nhanh nhẩu rằng, "*khi giặt nó sẽ giãn ra!".* Nếu chê là dài rộng quá, họ sẽ đáp kịp thời: "*Không sao, giặt xong nó sẽ co lại!"*. Là kiểu mẫu trườn uốn, nói sao cũng được.

Dù có hoàn tục đi làm quan cũng sống tốt. Vì quan triều đình có khi chỉ dùng vài lời cũng giải quyết được vấn đề quan trọng, dễ dàng, "ba tấc mép mới ngồi ghế cao". Có những lúc không làm việc bằng lời nói thẳng thắn, bộc trực, nhưng cần lời nói khéo léo với chủ hoặc dẻo miệng với các sếp, thậm chí với thuộc cấp mà công việc vẫn làm trôi trải.

Việc làm cho người mến người thương dễ dàng, không chỉ do lời nói, mà do THẬT TÂM.

2. Phân loại giảng sư theo Phật ngôn

4 loại giảng sư, Đức Phật thuyết trong phẩm thứ 4_Phẩm "Người" (Puggalavagga), Paññāsaka thứ 3, Kinh Catukanipāta, Tăng Chi Bộ (Anguttaranikāya):

"Cattāro me bhikkhave, dhammakathikā

= Này các tỳ kheo, giảng sư có 4 loại":

1/ *Tuy nói ít, nhưng chẳng đưa tới lợi ích gì!* Hội chúng cũng không quan tâm bài giảng hữu ích hay không. Này các tỳ kheo, giảng sư như vậy thuộc về hội chúng như vậy.

2/ Này các tỳ kheo, một loại nữa, *giảng ít nhưng nghe được lợi ích!* Hội chúng hiểu biết, quan tâm đến lợi ích khi nghe. Giảng sư như vậy thuộc về hội chúng như vậy.

3/ Một loại nữa, *nói cho dữ nhưng chẳng đưa tới lợi ích gì!* Hội chúng cũng không quan tâm bài giảng hữu ích hay không. Giảng sư như vậy thuộc về hội chúng như vậy.

4/ Này các tỳ kheo, một loại nữa, *giảng nhiều và đem lại lợi ích!* Hội chúng hiểu biết, quan tâm đến lợi ích khi nghe. Giảng sư như vậy thuộc về hội chúng như vậy.

Ý chính trong Phật ngôn này là: 4 loại giảng sư, cũng có 4 loại thính chúng thích ứng, vừa vặn thành từng đôi. *"Nồi nào nắp vung nấy",* hay như Phật ngôn *"Chúng sinh giới nào theo giới nấy"!*

Loại thứ nhất tệ hơn loại thứ nhì, loại thứ 3 tệ hơn loại thứ 4. Nên hãy ghi nhận 4 loại giảng sư, cố gắng trở thành loại thứ 2 và thứ 4. Là, **giảng nhiều ít không quan trọng, miễn được lợi ích đến người nghe, cho người nghe hiểu biết Phật Pháp, chỉ dẫn họ hành theo.**

Trong lúc thuyết Pháp ấy, nếu thấy thì giờ ít và người nghe là những người có sự hiểu biết dễ dàng, có trình độ, chỉ nên nói ngắn gọn, tóm đại ý và tập trung ý chính mang lại lợi ích. Kiểu như trưởng lão Assaji thuyết cho Upatissa *(ngài Xá Lợi Phất trên đường tầm đạo)* nghe.

Nếu thấy rộng rãi thời gian, nói gì cũng phải dành lợi ích đến người nghe. Thời bây giờ họ thường không ấn định giờ, do nhiều người hành thiện, như làm ma chay, nhiều tiết mục…

Bằng như quy định: lúc ấy thuyết, lúc ấy niệm, lúc ấy hỏa táng… phần hành thiện khác cũng vậy, thì dễ trù tính, *"ta sẽ thuyết ít hay nhiều, bao lâu đây?".*

Vài nơi sẽ thoả thuận với nhau, hoan hỷ cùng nghe Pháp nhiều - nhiều chút, kiểu mấy thuở có dịp, từ 13pm đến

17pm, chiều hay chạng vạng tối. Đó là những chổ có giảng sư giỏi kìa, họ thích nghe lâu! Do đó, khi thuyết giảng, bạn cần quan sát thường xuyên rằng:*"họ vừa lòng nghe hay không, mệt chưa, gục chưa?".*

Nếu thấy thái độ như đang bị gây mê thì chấm dứt cho mau, miễn cưỡng lê thê chỉ khiến người nghe bất kính Pháp, dễ sa đoạ!

Trong thời kỳ tôi đi thuyết, có nhiều vị giảng sư giỏi, hợp ý nhau, ở nơi nào tốt, mỗi khi tụ họp lại *là sẽ thuyết Pháp vấn đáp hay kể chuyện (cho giới bình dân nghe)* Bổn sanh (Jakata) gì gì đấy cho hội chúng nghe, tùy lúc, tùy nơi. Có khi người nghe đông chật hết giảng đường (Sālā). Đến nỗi, có nơi phải thay nhau thuyết suốt từ chiều đến tối chạng vạng, khi đó họ mới tha cho xuống Pháp tọa.

Thuyết ít nhưng có lợi ích, người nghe có trí tuệ, như trưởng lão Assaji là gương mẫu.

Về phần *thuyết nhiều và đem lại lợi ích,* thính chúng hiểu biết, quan tâm đến lợi ích khi nghe, chưa có ai là kiểu mẫu…

Nhưng xin nhắc bạn nhớ, Đức Phật giảng kinh Chuyển Pháp Luân (Dhammacakkappavattana sutra) cho nhóm 5 vị Kiều Trần Như (Pañcavaggīya) nghe. Và thuyết kinh Đại Niệm Xứ (Mahāsatipaṭṭhana sūtra) cho hội chúng trong làng có tên là "Kammāsadhamma" vùng Kuru (gần thủ đô New Delhi, Ấn Độ) nghe, là kiểu mẫu.

Vì thính chúng là những người có sự hiểu biết tốt, đã trau giồi Ba la mật (pārami) nhiều. Và Đức Phật đã thuyết kinh Phạm Võng (Brahmajāla sūtra), dài hơn nhiều kinh khác, cho các tỳ kheo nghe.

Và như trưởng lão Ānanda thuyết kinh Subhasūtra, giải rộng nhiều chi tiết cho anh Subha, con của Bà la môn, đến học hỏi, là một kiểu mẫu nữa.

PHẦN IV
GIẢI RỘNG 5 CHI PHẦN GIẢNG SƯ

Kinh Tăng Chi Bộ, trong Phân Tích Pháp (Dhammavibhāga, có chia ra:

1. Giảng tuần tự, không tóm tắt, đứt khoảng.

2. Dẫn chứng nhân quả (hetu phala), chỉ dẫn tận tình.

3. Giảng bằng từ tâm, mong lợi ích đến nhiều người.

4. Không thuyết Pháp vì lợi lộc (lābha).

5. Không thuyết Pháp xúc chạm chính ta và người khác. Không châm biếm ai.

Pāli[1] có ghi rằng:

Một thuở nọ, Đức Phật ngự tại chùa Ghositārāma, thành Kosambī. Khi ấy ngài Udāyī thuyết Pháp cho nhiều cư sĩ nghe. Trưởng lão Ānanda trông thấy, mới yết kiến Đức Phật, đảnh lễ và thưa:

- Bạch Đức Thế Tôn, ngài Udāyī đang ngồi thuyết Pháp cho cư sĩ nghe.

- Này Ānanda, không phải dễ thuyết Pháp cho người ta nghe! Này Ānanda, người thuyết Pháp cho người khác nghe, nên tự duyệt lại trong mình 5 Pháp trước, mới thuyết cho người khác nghe. 5 Pháp ấy ra sao? Là, phải xác định trước rằng:

[1] Kinh Pañcakanipāta, phẩm thứ 1, paññāsaka thứ 4, trích Tam Tạng quyển 22 trang 204.

Ta sẽ thuyết theo tuần tự.

Ta sẽ thuyết cho có nhân quả.

Ta sẽ thuyết với lòng từ bi.

Ta sẽ thuyết không do vật chất.

Ta sẽ thuyết không để xúc chạm tự ta và kẻ khác.

Để tâm như vậy trước, mới thuyết Pháp đến người ta".

Chú giải của kinh[1] này giải rằng: Thuyết Pháp tuần tự là, bố thí (dāna) - trì giới (sīla) - thiên đàng - tội của ái dục (kāma) - quả báo trong ly dục, gọi là 5 *Anupubbīkathā* (thứ tự):

Dānakathā, nói về bố thí,

Sīlakathā nói về trì giới,

Saggakathā nói về thiên đàng,

Nói về vị ngọt ngũ trần, tội lỗi hưởng thụ dục ái,

Nekkhamanisansa kathā nói về quả báo của ly dục.

Rồi mới thuyết về Bốn Thánh Đế.

Lại nữa, thuyết theo thứ tự của các kinh hay kệ (sutra hay gāthā) đã đưa ra. Trong Dhammavibhāga ghi rõ:

Thuyết Pháp tuần tự, là không tóm tắt, đứt khoảng.

Dẫn chứng nhân quả cho người nghe hiểu, là khi thấy điều nào người nghe chưa hiểu, nên dẫn chuyện nhân - quả giải thích.

Như thuyết rằng, *"Người bố thí, buông xả, thường kết được nhiều bạn"...* người ta nghe nhiều nhưng thường chưa

[1] Trích ở Kinh Manorathapūraṇī trang 65.

hiểu. Do đâu? - Bởi người cho thường nói về tình bạn, nghĩa khí *(Xã tài, một trong bốn Nhiếp phục pháp)*

Khi người nhận được quà, thường cảm xúc vừa lòng, biết kính nể người cho. Như mẹ cha cho của cải vàng bạc đến con trai con gái, chồng cho của cải vàng bạc đến vợ, thanh nam tặng đồ cho thanh nữ, bạn bè gởi đồ cho nhau khi xa cách, thậm chí là việc gởi thơ lưu tình đến nhau.

Những thứ này thường làm người nhận xúc động và cảm ơn. Nhận ra ơn nghĩa ấy là quả, còn người cho ra vật ấy là nhân, thường khiến cả hai giao kết tình bạn.

Thêm nữa, người nghe thường hiểu rõ vấn đề bằng thí dụ, khi thấy lời giảng về nhân quả đó họ chưa hiểu, nên ví dụ dẫn chứng.

Như khi giải câu *"người cho thường kết bạn dễ dàng"*, thử cho ví dụ là: Người đi câu thường có móc câu và mồi, con cá nào đến ăn mới dính thôi. Điều này ra sao, người cho cũng như người đi câu, vật cho ví như mồi câu, người nhận ví như cá cắn câu vậy!

Khi so sánh đủ kiểu, người nghe vẫn chưa chịu hiểu, kiếm thêm chuyện khác để so sánh nữa, làm sao cho người ta hiểu được thì làm.

Điều nào khó hiểu, cho ví dụ sẽ làm nó dễ hiểu. Như Trưởng lão Kumārakassapa thuyết cho ngài Yāpāyāsi nghe - *Trường Bộ kinh (Dīghanikāya), Đại phẩm (Mahāvagga)*[1]*:*

Một lúc nọ, vị A La Hán Kumārakassapa và 500 vị tỳ khưu tăng ni đến xứ Kosala, ghé lại thành Setabbaya. Khi

[1] Trích Tam Tạng quyển thứ 10, trang 352.

ấy, ngài Yāpāyāsi là quan đại thần, xứng đáng làm vua nhưng chưa được làm, đã nhận vật phẩm vua ban ở thành Setabbaya là một kinh thành sung túc, đông dân.

Lệnh truyền từ vua Pasenadi Kosala, người cai trị thành Setabbayana, là ông sẽ đi luận đạo cùng với trưởng lão Kumārakassapa về chuyện tội phước thế gian, và về các cõi… Trưởng lão Kumārakassapa đã thuyết giảng bằng nhiều cách khác nhau, dùng nhiều ví dụ liên hệ.

Như khi ông Yāpāyāsi nói:

- Nhóm thân bằng quyến thuộc đồng huyết thống của tôi làm phước, sao không thấy ai trở lại báo tôi rằng có thế gian khác, có chuyện tái sanh, có quả báo của nghiệp tốt nghiệp xấu? Làm tôi bối rối, nghi ngờ rằng: *Thế gian khác không có, không có chuyện tái sanh, không có quả của nghiệp tốt nghiệp xấu.*

- Xin chúc ngài được tiến hóa! Để bần tăng (attamā) tôi hiến cho ví dụ, vì ông là người có sự hiểu biết. Có những người thường hiểu ý nghĩa của lời nói nhờ ví dụ.

Như một người nọ bị té xuống hầm phân, được giúp kéo lên rồi kỳ cọ tắm rửa thân thể cho sạch sẽ, kiếm phấn bột thoa khắp mình 3 lần, thoa dầu 3 lần, thoa dầu xong lại kỳ cọ bằng cát tỉ mỉ đến 3 lần nữa, cạo tóc cho sạch. Khi đã xong, cho phục sức trang điểm tốt đẹp rồi cho vào lâu đài, có cung phi mỹ nữ và quản gia vây quanh chiều chuộng phục vụ tốt, người ấy có muốn xuống hầm phân nữa hay không?

- Không muốn xuống nữa đâu! Vì hầm phân ấy bẩn thỉu, hôi thối, đáng ghê tởm, bám dính từng đống, ớn lắm!

- Xin chúc ngài được tiến hóa! Điều này ra sao: Với các vị trời, con người cũng bẩn thỉu, hôi thối, đáng ghê tởm, bám dính từng đống như vậy. Mùi người thường làm cho các vị trời khó chịu tận 100 do tuần (1.600km) lan toả.

Nếu bạn bè thân quyến đồng huyết thống của ngài không làm tội, sanh lên thiên giới, họ xuống báo cho ngài sao được. Do vậy, ngài hãy hiểu rằng có thế gian khác, có chuyện tái sanh, có quả của hành động tốt hành động xấu...

Nếu bạn thấy điều nào làm người nghe hiểu được bằng sự so sánh, nên dùng ví dụ so sánh. Trong 5 phần của giảng sư, phần *"dẫn chứng nhân quả cho người nghe hiểu"* này chính là phần rất quan trọng. Vị giảng sư nào dung hòa linh động được, vị giảng sư ấy là đa tài.

Như Phật ngôn về quả báo của Tam quy, có ở truyện Aggidatta, kinh Pháp Cú (Dhammapada) và trong vài kinh khác nữa:

"Yo ca buddhañca dhammañca sangkhaṇca saraṇaṃ gato. Cattāri ariyasaccāni sammappaññāya passati. Dukkhaṃsuppādaṃ dukkhasa ca atikkamaṃ. Ariyañcaṭṭhāngisaranam khemaṃ. Etaṃ saranamuttama. Etaṃ saramagamma. Sabbadukkha pamuccati.

= Ai đã quy y Phật Pháp Tăng, thấy đặng Bốn Thánh Đế là: Khổ đế, sự đau khổ kiếp luân hồi - Tập đế, nguyên nhân gây ra Khổ, là tham ái - Diệt đế, Níp Bàn, chấm dứt khổ đau - Đạo đế, Bát Thánh Đạo là con đường dẫn đến sự vắng lặng khổ. Thì chính sự quy y của người ấy là quy y an toàn, cao thượng. Người ấy đã nương nhờ, quy ngưỡng Tam Bảo, nhằm thoát mọi sự khổ".

Bạn cần đặt vấn đề rằng: Người đã có sự tôn kính Đức Phật, Giáo Pháp, Chư Tăng thoát được mọi sự khổ ra sao? Hay là phải thấy Bốn Thánh Đế mới thoát khổ?

Nếu phải thấy Bốn Thánh Đế mới thoát khổ, cũng không nghịch với ý chính trong 2 câu kệ (gāthā) sau:

"Bahuṃ vo saranaṃ yanti pabbatāni vanāni ca ārāmarukkhacetyāni. Manussā bhayatajjitā. Netaṃ kho saranaṃ khemam. Netaṃ saranamuttamaṃ. Netaṃ saranamāgamma. Sabbadukkhā pamuccati.

= Nhiều người bị sự hiểm nguy hăm dọa, thường tôn kính núi, rừng, vườn, cổ thụ ở rừng… và lấy đó làm nơi nương nhờ. Nơi nương nhờ ấy không phải là nơi nương nhờ an toàn, không phải là nơi nương nhờ cao thượng. Vì không thoát khỏi mọi khổ đau".

Phật ngôn này nói rõ rằng: Sự tôn kính thứ khác, như núi - rừng - vườn - cổ thụ trong rừng… làm nơi nương nhờ ấy, nếu được hộ trì thoát khỏi mọi đau khổ, thì thiện nam - tín nữ - nhà sư[1]- sa di cần gì lại cung kính Phật Pháp Tăng hằng ngày để mong thoát khổ!

Khi đưa ra vấn đề như vậy, bạn chợt cảm thấy bối rối, bạn sẽ giải đáp thế nào?. Mời bạn nghiên cứu chú giải: *"Người nào tôn kính Đức Phật, Giáo Pháp, Chư Tăng, là quy ngưỡng để thấy được các Đế (Sacca), chính nơi nương nhờ ấy là nơi nương nhờ an toàn, nhằm thoát khổ luân hồi (vaṭṭhadukkha)".*

Được vậy, bạn sẽ thấy rằng: Chỉ có sự tôn kính Tam Bảo là sự thanh cao tột cùng, nhưng chưa đủ cho thoát khỏi

[1] Hay là các vị trời, vua, chỉ cho các bậc cao quý.

mọi khổ đau. Phải thấy được Bốn Thánh Đế, dứt nghi ngờ, hiểu được rằng: Phàm quy (*Lokiyasaraṇagamana)* là Tam quy mới ở tầng hiệp thế (lokiya), chưa phải Siêu thế (lokuttara), chưa dứt mọi khổ đau được. Cho đến khi đạt thành Thánh quy (*Lokuttasaraṇagamana),* mới rũ sạch mọi khổ đau!

Điều này sẽ làm bạn ham thích nghiên cứu chú giải cho chuẩn. Vì chú giải ghi rằng:

- Khi Đức Thế Tôn thuyết giảng về sự quy y (saraṇa) bằng Đạo (magga), mới thuyết rằng: *"Thấy Bốn Thánh Đế bằng trí tuệ (paññā) thích hợp".* Như vậy, để nói về *niềm tin bất động* của Thánh quy ấy.

Thánh quy là sự tôn kính Tam Bảo, là nơi quy ngưỡng, với sự thấy Bốn Thánh Đế, làm chấm dứt mọi khổ đau ra sao? Bạn học và hiểu rồi đó, nhưng thuyết như thế nào, để cho người nghe thấy rằng: *"Sau khi thấy Bốn Thánh Đế, dứt được mọi sự đau khổ thật!"*. Khi bạn giảng cho bá tánh hiểu được, bạn sẽ thuộc phần thứ 2 của giảng sư, là *"dẫn chứng nhân - quả, chỉ dẫn tận tình cho người nghe hiểu".* Vậy bạn cần giảng ý nghĩa "Bốn Thánh Đế" ra sao? - Đó là:

1/ Trí thấy khổ đau (Khổ Đế) - *Dukkha ñaṇaṃ.*

2/ Trí thấy nguyên nhân khổ đau (Tập Đế) - *Dukkhasamudaye ñaṇaṃ.*

3/ Trí thấy sự diệt khổ (Diệt Đế) - *Dukkhanirodha ñaṇaṃ.*

4/ Trí hiểu biết con đường diệt tận khổ đau (Đạo Đế) - *Dukkhanirodhagāminipatipadāya ñaṇaṃ.*

Làm sao để hiểu biết Bốn Thánh Đế? Sự thấy và sự biết khác nhau hay như nhau?

- Trong Pāli đôi khi dùng chữ "thấy" thế chữ "biết" cũng có, dùng chữ "biết" thay chữ "thấy" cũng có! Như Phật ngôn trong kinh Chuyển Pháp Luân (Dhammacakkappavattana sutra):

"*Yavakīvañca me bhikkhave imesu catūsu ariyasaccesu evaṃ tiparivaṭṭam dvādasākāraṃ yathābhūtaṃ ñāṇadassanaṃ suvisudhaṃ ahosi.*

Neva tāvā'ham bhikkhave, sadevake loke samārake sabrahmake sassamaṇabrahmaṇiyā pajāya sadevamanussāya 'Anuttaraṃ Sammāsambodhiṃ Abhisambuddho'ti paccaññāsiṃ.

= Này các tỳ kheo, khi nào trí tu thấy rõ, biết rõ thật tánh Bốn Thánh Đế theo ba tuệ (học, hành, thành), thành 12 loại trí tuệ hoàn toàn trong sáng, thanh tịnh chưa phát sanh đến Như Lai.

Khi ấy Như Lai chưa công bố rằng, *'Như Lai đã chứng đắc thành Phật Chánh Đẳng Giác vô thượng trong ba cõi, toàn thế gian giới: thiên giới, ma giới, phạm thiên giới, sa môn, bà la môn, và toàn nhân thiên".*

"Ñāṇañcapan me dassanaṃ udapāli = Sự biết, sự thấy đã sanh đến ta". Nghĩa là: *"Sự giải thoát của ta không thể thay đổi, sanh đã tận. Giờ không còn tái sanh nữa".*

Như vậy, bạn nhận ra "sự biết", "sự thấy" là một!

Nhưng khi bạn suy gẫm đến mệnh đề khác, trong Pāli là: *"Ariyasacca Ānandassanaṃ etam mangalamuttamaṃ* - Này Ananda, sự thấy Bốn Thánh Đế là hạnh phúc tối thượng". Như vậy, bạn sẽ bần thần: "Ủa, sự biết - sự thấy không giống nhau chăng?". Nếu bạn so sánh các đối thoại

trong ngôn ngữ: biết và thấy, nghĩa khác nhau là: biết là mức thấp, thấy là loại cao! (?)

Như ta biết về nước Pháp (France), và thấy nước Pháp khác nhau. Sự biết ấy do nghe người khác kể, hay đọc sách, TV… Còn sự thấy, do mắt của mình.

Một vấn đề nữa: có khi thấy nhưng không biết cũng có, biết nhưng không thấy cũng có, vừa biết vừa thấy. Như con gà thấy viên ngọc, nhưng không biết đó là vật quý. Có người biết giá trị viên ngọc thì không thấy. Hoặc biết và thấy vật quý. Vậy, sự biết và sự thấy trong Pāli và trong ngôn ngữ của ta (Thái - Việt) khác nhau hay giống nhau?

- Giống nhau cũng có, khác nhau cũng có! Nếu **thấy bằng tâm** thì giống nhau, bạn sẽ tri kiến (ñānadassana => ñāna = biết, tri; dassana = thấy, kiến): sự biết và sự thấy trong Pāli ấy là một. Không phải bằng mắt nha!

Sự thấy hay sự biết Thánh Đế (Ariyasacca) KHÔNG dứt mọi khổ đau ấy, là thấy ra sao biết ra sao? *"Ta thấy sự khổ ra sao, biết nhân sanh sự khổ ra sao, biết sự diệt khổ ra sao, biết con đường dẫn đến sự diệt khổ ra sao?".* Do đâu ta không thoát khổ?

Ta biết, nhưng chưa chuẩn, chỉ mới bằng trí văn trên lý thuyết, tốt hơn mức chưa biết gì tí thôi, chớ chưa giải thoát nỗi! Biết chưa già dặn, chưa minh bạch, chưa chắc chắn. Khi nào mới già dặn, mới minh bạch, mới chắc chắn?

- Khi nào đắc Thánh, chính khi ấy!

- Vậy phải chờ thành bậc Thánh à?

- Đúng vậy! Sự biết sự thấy Bốn Thánh Đế của ta sẽ rõ ràng từng sát na *(đơn vị thời gian tâm sanh diệt).*

Xin hỏi thêm rằng:

- Thành Thánh trước mới biết Thánh Đế hay biết Thánh Đế mới thành Thánh?

Nếu bạn hiểu biết, sẽ đáp rằng:

- Sự biết Thánh Đế với sự thành Thánh không trước không sau, cùng nhau. Giống như mặt trời mọc và sự tối đen mất đi, không trước không sau, cùng lúc như thế.

Nếu thế, xin nhắc nhở bạn rằng, việc bạn chờ đợi để thành Thánh ấy sai rồi. Bạn phải cố gắng hành theo Thánh đạo, cho đến lúc biết Thánh Đế.

Biết ra sao mới gọi là biết thánh đế, thấy ra sao mới gọi là thấy thánh đế? Đoạn kinh Chuyển Pháp Luân đã dịch Pāli trên cho rằng biết và thấy liên kết với 3 Chuyển *(Thị chuyển, Khuyến chuyển, Chứng chuyển. Có vị dịch là 3 Luân, hay 3 Tuệ Luân)* và 12 Hành tướng *(trạng thái)* trong Bốn Thánh Đế. Tức là lấy 3 Chuyển nhân với 4 Thánh Đế = 12.

Biết rằng đây là khổ đau, đây là nhân sanh khổ đau, đây là sự diệt khổ đau, đây là con đường đưa đến sự diệt khổ đau. Khổ đế nên biết, Tập đế nên trừ, Diệt đế nên chứng, Đạo đế nên hành.

Khi hiểu rồi, bạn tìm lý nhân quả, kết luận cho người nghe hiểu rằng: Chính Thánh quy, mới làm dứt mọi khổ đau. Là khi tôn kính Tam Bảo: Tin tưởng Đức Phật, hành theo Giáo Pháp, noi gương Chư Tăng, chư Thánh Tăng, cho đến khi được biết - thấy Bốn Thánh Đế như trên.

Giảng cho họ nghe tiếp rằng:

Khi ta chưa thoát khổ, mỗi người chúng ta đều biết rằng: Sanh - già - bệnh - chết là khổ đau, ái dục là khao khát

muốn được điều này điều nọ, biết vậy nhưng ta vẫn chưa chấm dứt ham muốn được. Dứt ái là dứt khổ, theo con đường Thánh nhân, ta biết và ta đi theo, nhưng chưa rốt ráo đến nơi và chưa dứt khổ đau.

Nhắm người nghe chưa thông suốt, bạn nên giảng rộng nữa, đưa ra ví dụ thực tế:

Sự ăn trầu hút thuốc khi đã say mê cũng là khổ. Khổ vì phải kiếm miếng trầu điếu thuốc thường xuyên *(phần này cần khôi hài chút cho họ mỉm cười thấm ý!)*, rồi tiến xa hơn: Như quý vị nãy giờ cũng vậy, ai ghiền trầu ghiền thuốc rất khổ, đúng không? Hãy nghĩ xem! Khi ai khuyên ngăn cấm cản không cho dùng trầu và thuốc, tuy biết là đúng, nhưng do đâu vẫn khổ? Vì chưa dứt bỏ ham muốn, nghiện ngập (addiction). Không thì sẽ dứt khổ về chuyện ăn trầu hút thuốc, đúng không?

Phần này nên trông về hướng các đạo hữu già cả, đôi khi họ sẽ dạn dĩ trả lời rằng, *"Vâng, đúng vậy!"*. Nhưng đừng liếc nhìn mấy cô mấy bà, thiên hạ sẽ nghĩ bạn *"liếc mắt láy mi"* với phụ nữ.

(Người nghe thường ở thế bị động, mình phải kiếm chuyện nói cho thân tình, dí dỏm, dứt buồn ngủ, giúp họ tiếp thu và ghi nhận Pháp. Nói 10 ý, nghe được 7-8, đem về nhà (nhớ) 4-5, áp dụng hành Pháp được 2-3 ý thôi… là công đức vô lượng rồi vậy! - Dịch giả).

PHẦN IV
MỘT SỐ ĐỀ TÀI

A. 4 sự trau dồi, luyện tập (Pubbayoga), rất quan trọng của người sẽ thành giảng sư:

Sotānuggata - Nghe Pháp quen tai.

Manasānupekkhitā - Suy gẫm Pháp nhuần ý.

Vācuggatā - Nói Pháp nhuần miệng.

Diṭṭhiyā, Supatividdhā - Nằm lòng chi Pháp.

Trao dồi cho thông thạo, cộng thêm giỏi về các đề tài để giảng, dù thuyết đơn hay đôi, theo niệm và tuệ (của bạn), thêm dẫn chứng Pāli, tiêu hoá_suy ngẫm và nung nấu trong lòng thường xuyên. Mới thành giảng sư khá!

Đừng bao giờ nghĩ rằng chuyện thành giảng sư là dễ dàng, nếu vậy ai cũng thành giảng sư danh tiếng cả, ai nghe ai! Nhớ rằng, người trở thành bác sĩ có danh tiếng thường làm gì trước?

- Họ phải học hỏi rất nhiều, thực hành chữa trị rất nhiều, và danh tiếng có được sau nhiều *"hậu quả nghiêm trọng",* "cố gắng hết sức", thành bại - vui buồn từ việc tiễn bệnh nhân về cổng trước hay đưa ra cửa sau (nhà xác)…

Trước giờ, giảng sư danh tiếng vang dội thật sự, giúp người học Pháp - hành Pháp bằng nội lực thật sự, hiếm lắm! Gần như là một phần trăm hay phần ngàn, cả trong thời Đức Phật cũng vậy.

Người được nhận danh hiệu "Tối thắng" (Etadagga) ở phần thuyết giảng, trong tứ chúng: Chỉ dành cho một vị tỳ kheo, là trưởng lão Puṇṇa Mantānīputta, một vị tỳ kheo ni là trưởng lão Dhammadinnā, một thiện nam là ông Visākha, một tín nữ là tín nữ Khujjuttarā. Ngoài ra cũng có nhiều giảng sư, nhưng không đạt danh hiệu *(nhờ phát nguyện và tạo ba la mật từ nhiều đời)* như 4 vị này. Khó nha! Cần tương ưng với phước đức, đa văn đa tài.

Khi có *4 Pubbayoga* trên, lúc lên Pháp tòa, bạn sẽ cảm giác có nội lực mạnh mẽ, như người có thân lực - tâm lực oai hùng, đủ vũ khí tấn công và phòng vệ, giáp mặt với đối phương, dạn dĩ và thong dong, giữa sân khấu chợ đời.

Rajjakaraṇadhamma - 4 Pháp giúp dạn dĩ:

Saddhā - Đức tin.

Sīla - Nghiêm trì giới luật.

Bāhusacca - Bác học, sâu và rộng.

Viriyārambha - Tinh cần.

Paññā là trí tuệ, sự thấu hiểu, mà bạn đã học trong Phật học sơ cấp **("**nak tham tri **" -chương trình Phật học của Thái Lan):** Người có nhiều tài sản thường an vui trong việc buôn bán ra sao, người có sự hiểu biết Phật Pháp nhiều cũng an vui trong việc chỉ dạy, thuyết giảng như thế. Nên bạn cần trau dồi tri thức, cho nhuần tai - nhuần ý - nhuần miệng và nằm lòng chi Pháp, mới giảng khá.

Khi còn là học viên, học đến bậc nào tôi cũng nhuần nhuyễn bậc ấy. Lúc học Sơ cấp (nak tham tri) theo lối học thuộc lòng, tụng kinh cho nhuần miệng, nghĩ đến nhuần ý,

nắm vững chi Pháp, nghe lời giảng của thầy và học hỏi từ bạn bè. Lên Trung cấp Phật học (nak tham thô), cũng nhuần nhuyễn, nhưng vẫn bền bỉ ôn đọc phần Sơ cấp thường xuyên, các đoạn văn…

Kệ ngôn Pháp Cú thuộc làu. Học đến đâu đọc đến đó, học thuộc 4 câu kệ, đọc dẫn chứng và kệ ngôn trong kinh cho dứt. Khi đã thuộc 4 câu kệ, đọc đầu đề trong kinh Thanh Tịnh Đạo (Visuddhimagga) dịch cả 3 cuốn trôi chảy, trưa xem tối đọc. Còn được đọc kinh Mi Tiên Vấn Đáp (Milindapañhā) và *Sāmutthasamuccayya,* phần nói về Chuyển Pháp Luân. Đọc Hạnh Phúc kinh và *Sarathasamuccayya.* Sau đó bắt đầu thuyết đôi (vấn đáp) với một vị, bắt đầu vững vàng từ ấy (Phật lịch 2459. DL. 1915).

Bài giảng lần đầu của tôi là khi đối mặt với sa di Māgha, giảng theo một cuốn sách cổ, lời hùng biện, không ra vẻ lớn hơn sa di. Khi đọc dứt rồi, tôi nhớ cần phải ngừng, vì chưa có trí thông minh hùng biện (vohāra paṭibhāna). Cảm thấy nhiều e thẹn sợ hãi như thiếu nữ mới đi cưới hỏi, trẻ con như thế. Nhưng sau đó, sự e thẹn sợ hãi cũng từ từ mất đi, hơn nữa khi ghi nhớ làu làu các bản kinh trên, sẽ vững tin hết sợ hãi. Nhưng còn dè dặt, vì e có người khác hiểu biết nhiều hơn…

Thời gian sau, khi thấy người khác nhớ không nhiều như mình, bớt dè dặt đi. Nhưng chưa tự trấn an thích hợp, vì còn nghi ngờ, điều này cũng từ từ mất đi. Tôi không cho rằng mình thuyết nơi nào cũng cảm thấy an tâm, cảm giác hãnh diện rằng ta có nhiều vốn liếng không dễ sợ ai, nghĩ rằng ta giảng được rồi, giảng khá rồi!

Nhưng qua 7 năm kể từ ngày bắt đầu thuyết giảng, mới nhận thấy rằng: *"À! việc ta thuyết giảng không hẳn là thành*

công. Ta giảng được nhiều khi cũng bị trở ngại, chỉ là chướng duyên thôi!".

Một hôm, tôi giảng mà cảm giác như vậy khởi lên khi thuyết bài *"Ba vị Phật Ghosācāra",* Pháp tòa ở chùa Bājī (Santhānībājī). Theo thường lệ, khi thuyết xong, về nơi nghỉ ngơi tắm rửa khỏe khoắn là khuya rồi, nằm kiểm lại bài giảng trong ngày, *"Từ lúc bắt đầu trên tháp tòa hôm nay, ta đã nhất cử nhất động ra sao? Từng phần ta nói như thế nào?…".*

Hầu như mỗi lần đi giảng trong năm đều tự kiểm như thế.

*
* *

B. Dành cho giảng sư thuyết đơn

Chữ *Pubbabhāga patipatti* (phần thực hành trước) phần này dành cho giảng sư đơn, tiếp sau *Pubbayoga* như đã kể.

Nghĩa là bạn cần tập luyện, trang bị xong, rồi đọc thuộc bài đó. Khi chưa có người thỉnh giảng, bạn hãy tưởng như có người mời bạn giảng huấn dục dân chúng hay học sinh, bạn kiếm Pāli dẫn chứng, rồi dịch chừng một phần, ấn định 16 trang hay 21 trang, đủ thuyết được nửa giờ hay 1 giờ, kể cả cho trì giới và chỉ dạy về tính niên lịch *(Kiểu Thái Lan, họ dùng Phật lịch thay dương lịch).*

Khi đã chuẩn bị, hãy đọc trôi chảy, sau đó bạn tưởng tượng đang ngồi trên Pháp tòa, cầm sách bằng hai tay giảng cho họ nghe, rồi ngồi chồm hổm hay ngồi xếp bằng kiểu thiền định (samadhi), chỉ dẫn cho tốt, rồi dạy tính lịch, đặt tên bằng Pāli. Rồi tự quan sát mình: Tâm bình lặng chưa, tướng mạo điệu bộ ra sao, phần nào chưa vừa ý thì điều chỉnh.

Khi bạn đã làm vậy, rồi khi xem giấy (dàn bài, outline) mà bạn giảng chỉ trong giây lát, không lâu, bạn sẽ dễ tuột cảm hứng. Trước khi thuyết không xem giấy, tôi cũng đã tập luyện, đọc rồi tập nói đến nhiều lần (về 8 đề tài thuyết đơn). Sau đó nói suông (thuyết cương), tôi vẫn thấy không ổn lắm. Lời khuyên là bạn nên chuẩn bị và luyện tập cho thật kỹ theo gợi ý phía trên, khi thuyết về các phần mà mình chuẩn bị.

Để bạn thuận lợi trong việc tập luyện chuẩn bị, tôi đã kiếm vài bài cho bạn tập, đủ cả dẫn chứng Pāli, viết thành đại cương (Nikkhepapada) về 8 đề tài dành cho giảng sư thuyết đơn, mời bạn xem bên dưới!

*

* *

C. 8 đề tài tập thuyết đơn

Pháp để giảng huấn dân chúng cho hành thiện, bằng thân khẩu ý, nói về 3 thiện hạnh.

Phần Kinh đại cương (Nikkhepa):

"Kāyaduccaritaṃ hitvā vacīduccaritāni vā manouccaritaṃ hitvā yañcaññaṃ doasañhitaṃ Akatvā akusalaṃ kammaṃ tatvāna kusalaṃ bahuṃ kāyassa bhedā sappañño saggaṃ so uppajjatīti[1].

= Người nào có trí tuệ, từ bỏ thân trược hạnh - khẩu trược hạnh - ý trược hạnh và các tội lỗi khác, không hành bất thiện pháp, chỉ hành nhiều việc thiện. Người có trí tuệ ấy,

[1] Trích Itivuttaka, Dukanipāta, Tam Tạng quyển 25, trang 249.

khi thân hoại mạng chung, đã rã tan các uẩn (khandha), thường được sanh lên nhàn cảnh, cõi trời".

Khi bạn trích Pāli lên đầu của bài giảng *(tức là Tài liệu bậc I. Bài giảng không được đánh giá cao nếu không có trích dẫn Phật ngôn này! - Dịch giả)*, và lời dịch như vậy, bạn phải nghĩ rằng: Ta sẽ giảng về **Trược hạnh** (Ducarita), gồm 3 thân trược hạnh, 4 khẩu trược hạnh, 3 ý trược hạnh.

Rồi liên hệ đến các tội lỗi chi tiết, tội của 3 trược hạnh. Xong tóm lại rằng: 3 trược hạnh và các điều tội lỗi nói chung ấy gọi là Bất Thiện pháp (akusala dhamma), rồi chỉ bảo tiếp: - Đối lập 3 Trược hạnh là 3 Thiện hạnh. Chia 3 Thiện hạnh ra, nói về phúc đức của 3 Thiện hạnh. Chính là thiện (kusala), người hành 3 thiện hạnh như đã nói, khi chết thường được sanh lên nhàn cảnh, cõi trời.

Thuyết được 1 phần mới nói tiếp: "Evaṁ (Như vậy!)", rồi tụng bài Yathā…, Sabbī…, hay phúc chúc trước mới "Evaṃ" cũng được, tùy nơi tùy thời.

- Pháp để nhắc nhở dân chúng, xem xét lại cách ăn ở, theo Phân tích Pháp (Dhammavibhāga), có Pāli sơ lược:

"Paṭirūpe vasa dese ariyamittakaro siyā sammāpanidhisampanno pubbe puññakato naro. Dhaññaṃ dhanaṃ yaso kitti sukhancetaṃdhivattatīti[1].

= Người cư ngụ xứ sở thích hợp, nên có bạn tốt, tự trau dồi tốt, có phước quá khứ, thường được lúa gạo - tài sản - quyền vị - sự ngợi khen và sự an lạc".

Bạn biết rằng, ta phải giảng cho họ hiểu 4 điều: xứ sở thích hợp, bạn tốt, tự trau dồi, có phước quá khứ, này như

[1] Trích Catukanipāta, Tăng Chi Bộ Kinh (Anguttaranikāya), Tam Tạng quyển 21, trang 42.

thế nào. Nói về quả lành của 4 đều trên, đưa dẫn chứng liên quan, giúp lời giảng sáng tỏ thêm.

- Pháp để nhắn nhủ dân chúng tương trợ, giúp đỡ, chia sớt cho nhau, là 4 Nhiếp Pháp *(Sangahavatthu - những Pháp nhiếp phục lòng người),* có kệ ngôn Pāli sau:

"Dānañca peyyavajjañca atthacariyā ca yā idha samānattā ca dhammesu tatha yathaārahaṃ ete kho sangahā loke rathassānīva yāyato. Ete ca sangahā nāssu na mātā puttakāranṇā labhetha mānaṃ pūjaṃ vā putta kāranṇā. Yasmā ca sangahā ete samavekkhanti panḍitā Tasmā ca sangahā ete samavekkhanti panḍitā Tasmā mahattaṃ papponati pāsaṃsā ca bhavanti teti[1].

= 4 Nhiếp Pháp (Sangahavatthu) gồm:

Dāna - Xả tài.

Piyavācā - Ái ngữ.

Atthacariyā - Lợi hành.

Samānattatā - Đồng sự.

Chúng diễn tiến trong thế gian, như trục vận hành của chiếc xe. Nếu 4 Nhiếp Pháp này không có, mẹ cha cũng không được con cái tôn kính, cúng dường. Các bậc thiện trí thường quan tâm 4 Nhiếp Pháp này. Mới trở thành đại nhân, xứng đáng được ngợi khen.

Bố thí và ái ngữ,

Lợi hành và đồng sự,

Đối với những pháp này,

[1] Trích Catukanipāta, Tăng Chi Bộ Kinh (Anguttaranikāya), Tam Tạng quyển 21, trang 42.

Ở đời đối xử nhau,

Chỗ này và chỗ kia,

Như vậy thật tương xứng,

Và bốn nhiếp pháp này,

Như đỉnh đầu trục xe,

Nếu thiếu nhiếp pháp này,

Thời cả mẹ lẫn cha

Không được các người con

Tôn trọng và cung kính,

Do vậy bậc Hiền trí,

Đồng đẳng nhìn nhiếp pháp

Nhờ vậy họ đạt được,

Sự cao lớn, tán thán".

(Trích thơ dịch của HT. Minh Châu).

Nên giảng rộng 4 Tứ Nhiếp Pháp, và quả báo lành của chúng, theo kinh và thêm thắt thực tế cho dễ nuốt.

- Pháp để dạy dân chúng được lợi ích hiện tại, gọi là Hiện Ích Pháp, có Pāli:

"Cattārome Bayagghapajja dhammā kulaputtassa dṭṭhadhammahitayā saṃvattanti ditthadhammasukhāya kateme cattāro uṭṭhānasampadā ārakkhasampadā kalyānamittatā samajīvitāti[1]

[1] Trích Atthakanipāta, Tăng Chi Bộ Kinh (Anguttaranikāya), Tam Tạng quyển 23, trang 289.

= Này Bayagghapajja, hành 4 Pháp này, đem lại ích lợi an lạc ngay trong hiện tại. 4 Pháp này là:

Uṭṭhānasampadā - Nghị lực hoàn hảo.

Ārakkhasampadā - Phòng hộ hoàn hảo.

Kalyāṇamittā - Thiện hữu, bạn lành.

Sammajivitā - Chánh mạng, sự nuôi mạng chân chánh".

Bayagghapajja là tên người đàn ông nghe Pháp Phật.

"Cattārome Byagghapajja dhammā kulaputtassa samparāyahitāya samvattaniti samparāyasukhāya. Katame cattāro saddhāsampaadā silasampadā casampadā paññasampadāti[1]

= Này Bayagghapajja, 4 Pháp này diễn tiến để ích lợi an lạc trong vị lai tiếp theo, dành cho nam tử. 4 Pháp này là:

Saddhāsampadā - Tín thành tựu.

Sīlasampadā - Giới thành tựu.

Cāga sampadā - Xả thành tựu (buông xả, bố thí).

Paññā sampadā - Tuệ thành tựu.

Bạn cần giảng rộng 4 thành tựu (sampadā), nói về quả lành của mỗi phần, có dẫn chứng liên quan càng tốt.

- Pháp để giảng huấn dân chúng, vững chắc trong hai Ích Pháp, hiện tại và vị lai, kệ ngôn sau:

"Uṭṭhātā kamma kheyyesu appamatto vidhānavā samaṃ kappeti jīvitaṃ sambhataṃ anurakkhati saddho sīlena sampanno vadaññu vītamaccharo Niccaṃ maggaṃ visodheti

[1] Trích Atthakanipāta, Tăng Chi Bộ Kinh (Anguttaranikāya), Tam Tạng quyển 23, trang 292.

sotthānaṃ samparāyikaṃ Tecete aṭṭhā dhamma ca saddhassa ghesamesino Akkhā saccanamena ubbhayattha sukhāvahā diṭṭhadhammahitatthāya samparāyasukkāya ca Evametaṃ gahaṭṭhānaṃ cāgo puññaṃ pavaḍḍhātīti[1]

= Người cố gắng làm việc, không sơ ý, tinh cần, thường nuôi mạng được tốt, thường gìn giữ của cải được. Người có đức tin, giới hoàn tịnh, thương xót người khốn khó (yācaka, ăn xin), từ bỏ tâm bỏn xẻn, thường tạo ra đường đi trong vị lai an lành, trong sáng, bền vững… 8 Pháp đưa đến an lạc cho cả hai thế gian, có người giữ nhà là niềm tin.

Đức Phật, người có các hồng danh, đã thuyết, hầu đem lại ích lợi an lạc trong hiện tại và vị lai, sự buông xả và phúc đức, thường giúp mọi cư sĩ tiến hóa bằng cách đó".

- Giảng: 8 Pháp gồm:

Sự cố gắng làm việc, sự gìn giữ tài sản,

Có thiện bằng hữu, sự nuôi mạng chân chánh,

Và đức tin - giới luật - buông xả - trí tuệ. Bạn phải giảng cho sâu rộng tuỳ theo thời gian, gồm quả lành các Pháp ấy.

Tôi đã chọn lọc, dịch cho bạn phần Pāli ở Atthakanipāta (chú giải Kinh Tập): Một lần nọ, Đức Thế Tôn ngự tại thị trấn của dân Koliya, làng Kakkarapatta. Lúc ấy, một dân Koliya tên là Dīghajāṇu (đầu gối dài), đến yết kiến Đức Thế Tôn, đảnh lễ rồi ngồi xuống theo nơi phải lẽ:

- Thưa Đức Thế Tôn, chúng con là những gia chủ thọ hưởng dục lạc, sống trói buộc cùng vợ con, xài gỗ đàn

[1] Trích Atthakanipāta, Tăng Chi Bộ Kinh (Anguttaranikāya), Tam Tạng quyển 23, trang 293.

hương của dân Kāsī, và dùng các vòng hoa, hương liệu, phấn sáp, thọ lãnh vàng bạc. Kính xin Đức Thế Tôn hoan hỷ thuyết Pháp, hầu đem lại kết quả an lạc, lợi ích, trong hiện tại và đời sau, cho những người như chúng con đi!".

Đức Thế Tôn thuyết rằng:

- Này Bayagghapajja, 4 Pháp này đem lại an lạc, lợi ích trong hiện tại:

Uṭṭhānasampadā - Nghị lực hoàn hảo.

Ārakkhasampadā - Phòng hộ hoàn hảo.

Kalyāṇamittatā - Thiện bằng hữu.

Sammajīvitā - Chánh mạng.

"Này Bayagghapajja, *nghị lực hoàn hảo* là gì? Này Bayagghapajja, người trong thế gian này thường nuôi mạng bằng nhiều việc như: làm nông, buôn bán, nuôi bò, trình diễn nghệ thuật, kiếm cung, làm việc cho vua, hay bằng các kỹ năng nghề nghiệp nào đó… Sự khôn ngoan, không lười biếng trong việc ấy, dẫn đến kinh nghiệm trong công việc ấy, và khả năng sắp xếp, đủ để tự làm và điều khiển người khác, gọi là *nghị lực hoàn hảo.*

"Này Bayagghapajja, *phòng hộ hoàn hảo* là gì? - Người trong thế gian này có được tài sản do siêng năng tinh cần, dành dụm của cải bằng sức lực tay chân, làm việc bằng mồ hôi mới được. Được của cải hợp Pháp, muốn gìn giữ, suy nghĩ như sau: *"Làm sao cho những tài sản này không bị mất bởi vua quan, trộm cướp, lửa cháy, nước lụt, và không bị người thừa kế đáng ghét cướp đoạt, phá của?".* Chính đây, này Bayagghapajja, là *phòng hộ hoàn hảo.*

Này Bayagghapajja, *thiện bằng hữu* là gì? - Người trong thế gian này, nương trú ở thị trấn hay làng mạc nào, hội chúng nào, gồm những tri thức thanh niên hay người già, có sự tiến hóa, là người đầy đủ đức tin - giới luật - buông xả - trí tuệ, người ấy hoà hợp với mọi người, trò chuyện và tham gia thảo luận. Đàm luận học hỏi về đức tin - giới luật - buông xả - trí tuệ, họp thành một hảo hội chúng. Chính đây, này Bayagghapajja, gọi là *thiện bằng hữu*.

Này Bayagghapajja, *chánh mạng* là gì? Người trong thế gian này, biết sự tăng - giảm tài sản, nuôi mạng thích hợp, cân bằng, không quá phung phí, không quá bỏn xẻn, bằng suy nghĩ rằng: *"Làm như vậy, thu nhập sẽ bao phần chi xài, sự chi xài không được cao hơn thu nhập!"*.

Này Bayagghapajja, như người cầm cân đo hay kẻ phụ việc người cầm cân đo, biết rằng: *"Với chừng ấy, cân nặng xuống. Hay với chừng ấy, cân bổng lên"*. Nếu con người này có ít tài sản nhưng tiêu xài nhiều, người ta nói rằng: *"Người này tiêu tài sản như ăn trái sung (tức là phung phí, nhưng na ná thành ngữ "nằm chờ sung rụng" mang nghĩa lười nhác của Việt Nam! - Dịch giả)"*.

Nhưng nếu con người này có nhiều tài sản mà sống cơ cực quá, người ta nói rằng: *"Người này sống như người chết đói"*.

Khi nào, này Byagghapajja, người kiểm soát được sự tăng - giảm của tài sản, nuôi mạng bình ổn, cân bằng thu - chi, không quá hoang phí - không quá bỏn sẻn, bằng suy nghĩ sau: *"Làm như vậy, thu nhập sẽ bao phần chi xài, sự chi xài không được cao hơn thu nhập!"*. Chính đây gọi là *chánh mạng*.

Này Bayagghapajja, có 4 sự phá của *(Kinh dạy rất giống với "tứ đổ tường" của người Việt, chỉ khác phần nghiện hút được thay bằng "bất hảo bằng hữu". Ngày đó, chưa có những chất gây nghiện, xì ke ma tuý như giờ! - Dịch giả)*, là:

Đam mê phụ nữ *(ý nói người đẹp).*

Đam mê rượu.

Đam mê cờ bạc.

Giao du bất hảo bằng hữu.

Này Bayagghapajja, ví như một hồ lớn có 4 cửa nước chảy vào, có 4 cửa nước chảy ra. Có người ngăn đường nước chảy vào, mở đường nước chảy ra, mưa lại không rơi. Hồ ấy tất phải khô, hết nước, 4 cách suy giảm tài sản cũng như thế.

Này Bayagghapajja, có 4 sự giữ của (phát tài) là:

Không đam mê phụ nữ quá độ (sắc đẹp).

Không đam mê rượu.

Không đam mê cờ bạc.

Giao du thiện bằng hữu.

Này Bayagghapajja, 4 Pháp đưa đến an lạc, lợi ích trong tương lai là:

Saddhāsampadā - Tín thành tựu.

Sīlasampadā - Giới thành tựu.

Cāga sampadā - Xả thành tựu (buông xả, bố thí).

Paññā sampadā - Tuệ thành tựu.

Tín thành tựu là gì? - Là người trong thế gian này, có đức

tin, tin tưởng ở sự giác ngộ của Như Lai: *"Đây là Thế Tôn ... bậc Thiên Nhân sư, Phật, Thế Tôn "* (10 hồng danh Phật).

Giới thành tựu là gì? - Là người trong thế gian này, là kẻ chấm dứt việc sát sanh - trộm cắp - tà dâm - nói dối - uống rượu và chất say *(ngũ giới: Pānātipāta, Adinnādāna, Kāmesu micchacāra, Musāvāda, Surameraya majjapamādaṭṭhānā)*.

Xả thành tựu là gì? - Là người trong thế gian này, giữ nhà với tâm không bị cấu uế, xan tham chi phối, bố thí rộng rãi, với bàn tay mở rộng, vui thích từ bỏ, sẵn sàng nhận cầu xin, vui thích chia sẻ tài vật.

Tuệ thành tựu là gì? - Là người trong thế gian này, có trí tuệ, thành tựu trí tuệ về sanh diệt, với thánh thể nhập (quyết trạch), chân chánh chấm dứt khổ đau.

Chính 4 Pháp này là nhân sanh an lạc, lợi ích trong tương lai của kiếp người.

- Pháp chỉ dạy dân chúng hoan hỷ hành thiện, có kệ ngôn sau:

"Puññameva so sikkheyya āyataggaṃ sukhudrayaṃ danañca samcarriyañ ca mettācittañca bhāvaye Ete dhamme bhāvayitvā taye sukhasamuddaye Abyāpajaṃ sukhaṃ lokaṃ paṇḍito uppajjatīti[1]

= Họ nên học về công đức, là điều có quả báo tuyệt hảo, tập bố thí, hành sự thích hợp, và có từ tâm.

Bậc thiện trí hành 3 Pháp sanh an lạc này, thường sanh vào thế gian không có sự khổ, chỉ có an lạc".

[1] Trích Itivuttaka, Tam Tạng quyển 23, trang 241.

- Giảng: Bạn phải nói phước là gì? Chia phước ra 3 phần, hay Thập Thiện *(puññakiriyāvatthu),* nói luôn về quả báo của phước, dẫn chứng thích hợp, cho mọi người nghe hiểu rõ.

- Pháp để giảng cho dân chúng vững chắc trong 5 Cư sĩ Pháp (Gharāvāsa), có Pāli rằng:

"Yassete catturo dhammā saddhasa gharamesino saccaṃ dhammo dhiti cāgo sa ve pecca na so cati Ingha aññepi pechassu puthū[1]

= 4 Pháp là:

Chân thật (sacca).

Pháp (Dhamma).

Nghị lực (dhiti).

Buông xả (cāga).

Cư sĩ mạnh niềm tin, khi từ bỏ thế gian này thường không phiền não ưu sầu. Chào đón và học hỏi ở nhiều bậc xuất gia khác nếu có.

Có Pháp, chân thật, nghị lực, buông xả".

Giảng: Nên cho họ thấy rằng, cư sĩ thường vướng bận trong việc nuôi mạng và các vặt vãnh trần tục... Bạn cũng hiểu rằng chân thật, an trú Pháp, nghị lực, buông xả, là cần thiết!

*

* *

[1] Trích Tương Ưng Bộ (Samyuttanikāya), phẩm Sagātha, Tam Tạng quyển 15, trang 316.

D. 25 chủ đề mẫu thuyết đơn

Giảng sư chưa thành và đã thành thường bận tâm phần này. Tìm chủ đề bằng Pāli đặt lên phần đầu của bài giảng.

Tìm cho hợp với thời gian mời giảng, hợp với cách hành thiện của người thỉnh mời. Nếu thuyết thường xuyên, hằng ngày trong chùa, ngày lễ, giảng sư cần bận tâm trích dẫn Pāli, vì không dễ kiếm phần thích hợp.

Biết, và muốn giảng các Pháp ấy, phải dụng công kiếm Pāli *(Tài liệu bậc I: nguyên văn lời Phật = giá trị bài giảng chuẩn! - Dịch giả).*

Nhiều đoạn kết, vị giảng sư cần đọc lên kệ ngôn (kathā), tóm tắt đề tài. Không thì nên đọc Pāli có liên quan ít nhiều với chủ đề. Vì ở trong các ý chính, không phải chỗ nào cũng có kệ ngôn. Việc đọc lên kệ ngôn chủ đề ấy, do đâu thành quy định của mọi giảng sư trong thời chúng ta? - Do kệ ngôn ấy là một loại đọc để nhớ, rất tốt khi ngâm kệ và ngưng hơi theo từng đoạn, ngọt ngào, hay tuyệt như thi ca trong ngôn ngữ ta *(Thái - Việt).*

Bạn muốn thành giảng sư hay đã thành giảng sư rồi, hãy cố gắng đọc rồi dịch, giảng cho bá tánh hiểu rõ tuỳ ý nhưng luôn bám sát theo đề tài chính mình đưa ra, không cần tìm thêm gì nữa.

(Đừng nặng lòng với các tài liệu bậc II, III, là các trích dẫn không phải nguyên văn lời Phật, tức tài liệu bậc I - Dịch giả).

1. Nói về sự bố thí (dāna) có nhiều quả báo:

"Sekho ca asekho ca imassmiṃ loke āhuneyyā yajamānānam honti te ujubhūtā kāyena vācāya uda cetasā khettantaṃ yajamānānam ettha dinnaṃ mahapphalanti[1].

= Hữu học và vô học, là những bậc xứng đáng thọ lãnh (āhuneyyā) của tín thí trên thế gian này. Các vị ấy chuẩn mực thân khẩu ý, là phước điền của mọi người, là nơi nảy sanh nhiều quả báo cho mọi thí chủ.

- Giảng: Khi bạn đưa ra kệ ngôn này, là ra đề tài: - *Tôi giờ sẽ giảng về nơi làm phước cho quý vị, có Pāli và chú giải thích hợp!*

Nơi làm phước, Pāli gọi là ruộng (phước điền), gọi là ruộng vì ví như nơi sạ cấy rồi gặt hái kết quả là lúa gạo, tuỳ loại ruộng và thời tiết.

Nếu ruộng xấu mưa không tốt, được ít lúa, hay mưa tốt - được thêm ít lúa nữa vì ruộng xấu. Nếu ruộng tốt mưa tốt, được nhiều lúa. Mưa không tốt nhưng ruộng lại tốt, vẫn còn lúa kha khá.

Sau đây bạn phải giảng 8 phần ruộng tốt - ruộng xấu, như đã viết trong quyển 4 *"Quyền Hạn Giảng Sư":*

Một thuở nọ, trưởng giả Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika) yết kiến Đức Thế Tôn, đảnh lễ rồi ngồi xuống theo nơi phải lẽ. Khi đã ngồi xuống đàng hoàng, mới trình thưa rằng:

- Thưa Đức Thế Tôn, có mấy hạng người xứng đáng thọ nhận cúng dường trên thế gian? Nên dâng cúng tại đâu?

[1] Trích Tam Tạng quyển 20, trang 80.

Trích Buddhaṭīkā (chú giải về Đức Phật), Đức Phật dạy rằng:

Này trưởng giả, có hai hạng người xứng đáng thọ nhận cúng dường trên thế gian: Bậc hữu học và bậc vô học. Nên dâng cúng hai bậc này.

Nên dẫn kệ ngôn thành phần mở bài. Rồi dịch và giảng, nhưng xuống phần cuối hãy nói rằng: Không cứ bậc hữu học và bậc vô học, cũng tùy. Nếu làm phước đến sa môn bà la môn, là người có giới pháp tốt như các vị tỳ kheo - sa di đây, cũng có nhiều quả báu!

Điều này có trong kinh Cúng dường phân biệt (Dakkhināvibhanga sūtra), Đức Phật thuyết 21 loại bố thí, phân loại theo hạng người thọ nhận.

Tỳ kheo - sa di là một loại, hành bố thí cúng dường có nhiều quả phước gần như kể không được. Nếu bạn nhớ được 21 quả bố thí thì kể hết, không thì kể chỉ chừng này, rồi đúc kết: Do vậy, Phật tử hoan hỷ, vật thí chúng ta dâng cúng hằng ngày đến tỳ kheo - sa di là sự bố thí nhiều quả báu! Chấm dứt bài giảng.

2. Nói về người nên và không nên thân cận:

"Nihīyati puriso nihīnasevī na hāyatha kadāci tulyasevī seṭṭhamupanamaṃ udeti khippaṃ tamā attano uttariṃ bhajethātī[1].

= Người thân cận kẻ xấu xa đê tiện, thường lây nhiễm sự suy đồi! Thân cận với người chuẩn mực, thường không

[1] Trích Tam Tạng quyển 20, trang 158.

suy đồi, bất cứ khi nào. Chỉ tốt hơn nhanh chóng. Vậy nên thân cận người tốt hơn mình.

- Giảng: Khi đưa ra kệ ngôn này, tiến tới để liên tục bài giảng, nói luôn: "Bây giờ, là lúc hợp thời tôi sẽ giảng về người nên và không nên thân cận cho quý vị nghe!".

"Người nên thân cận và không nên thân cận", nếu không giảng, quý vị cũng tự hiểu rằng: Người nên thân cận là người tốt, người không nên thân cận là người không tốt. Hay là, nói về bậc thiện trí và người ngu. Nhưng về người tốt hay xấu, ngu hay bậc thiện trí, cần phải giảng rộng. "Người không tốt", Pāli là "người ngu": Xét theo hiện tướng hay dấu hiệu, có 3 loại. Rồi giảng theo kinh Mangaladīpanī!

Khi chấm dứt, hãy giảng đến hiện tướng bậc thiện trí. Xong, nói tiếp: - Còn 3 hạng nữa là:

1. Người không nên thân cận, liên hệ, gần gũi: - Là người thấp kém về giới - định - tuệ, **trừ khi vì lòng thương tưởng, vì lòng từ mẫn.**

2. Người nên thân cận, liên hệ, gần gũi: - Là người đồng đẳng với mình về giới - định - tuệ. Khi giao thiệp, sẽ nghe bàn luận tam học, sanh hoan hỷ an vui. *Vì cớ sao?*

- Với ý nghĩ: "Cả hai thiện xảo về giới, câu chuyện của chúng ta sẽ thuộc về giới, lợi ích cho chúng ta, đưa đến an lạc.

Cả hai là thiện xảo về định, câu chuyện của chúng ta sẽ thuộc về định, lợi ích cho chúng ta, đưa đến an lạc.

Cả hai là thiện xảo về tuệ, câu chuyện của chúng ta sẽ thuộc về tuệ, lợi ích cho chúng ta, đưa đến an lạc".

Cho nên, người như vậy nên gần gũi, nên sống chung, nên hầu hạ cúng dường.

3. Người đáng tôn kính, cần phải hầu hạ cúng dường, liên hệ, gần gũi, thân cận: - Là người thù thắng về giới - định - tuệ. Khi giao tiếp, ta sẽ tiến tu thêm, thanh tịnh và trong sạch hơn. *Vì cớ sao?*

- Với ý nghĩ: "Như vậy, nếu giới chưa đầy đủ, ta sẽ làm đầy đủ, hay nếu đã hoàn bị, ta sẽ hỗ trợ thêm bằng trí tuệ.

Hay nếu định chưa đầy đủ, ta sẽ làm đầy đủ, hay nếu đã hoàn bị, ta sẽ hỗ trợ thêm bằng trí tuệ.

Hay nếu tuệ chưa đầy đủ, ta sẽ làm đầy đủ, hay nếu đã hoàn bị, ta sẽ hỗ trợ thêm bằng trí tuệ".

Lại nữa, còn có 3 hạng người:

1/ Hạng nên ghét bỏ, không nên thân cận: Hạng không có giới pháp tốt.

2/ Hạng nên nhìn từ xa, không nên gần gũi: Hạng hay sân hận, chỉ chút ít cũng sân si.

Hạng người như vậy, này các tỳ kheo, cần phải nhìn với cặp mắt thản nhiên, không nên gần gũi, không nên sống chung, không nên hầu hạ cúng dường. Vì cớ sao? Vì nghĩ rằng: "Người ấy có thể nhục mạ ta! Người ấy có thể chửi mắng ta! Người ấy có thể làm hại ta!".

3/ Hạng nên gần gũi: Hạng có giới pháp tốt.

Giảng tội lỗi và ân đức của 3 hạng người này, tuỳ sự hiểu biết của bạn!

3. <u>Nói về người mù, người chột (1 mắt), và người tỏ:</u>

"Na ceva bhogā tathārūpa naca puññani kubbati.

Abhayattha kaliggaho andhassa hatacakkhuno.

Attāparāyamakkhāto Ekacakkhu ca puggalo.

Dhammādhammena saṃsaṭṭho bhogāni pariyesati.

Theyyena kūṭakammena musāvādena cūbhayaṃ.

Kusalo hoti saṃhātuṃ kāmabhogī ca mānavo.

Ito so nirayaṃ gantvā ekacakkhu vihaññati.

Dvicakkhu panakkho seṭṭho purisapuggalo.

Dhammaladdhehi bhogehi.

Uṭṭhānādhigataṃ dhanaṃ.

Dadāti seṭṭhasankappo Abyaggamanaso naso.

Upeti bhaddakaṃ ṭhānaṃ yattha gantvā na socati.

Andhānca ekacakkhuñca arakā parivajjjaye.

Dvicakhuṃ panassevatha seṭṭhaṃ purisapuggalanti[1].

= Có người không có mắt để có thể thấy, thâu hoạch được tài sản hay làm sanh lợi tài sản đã có.

Không có mắt để có thể thấy, biết được pháp thiện và bất thiện, tội và không tội, pháp liệt và thắng, pháp đen và trắng.

Gọi là người mù.

- Có người có mắt để có thể thấy, thâu hoạch được tài sản hay làm sanh lợi tài sản đã có.

[1] Trích Tam Tạng quyển 29, trang 163.

Nhưng vẫn không có mắt để có thể thấy, biết được pháp thiện và bất thiện, tội và không tội, pháp liệt và thắng, pháp đen và trắng.

Gọi là người chột.

- Có người có mắt để có thể với mắt, thâu hoạch được tài sản hay làm sanh lợi tài sản đã có.

Và có mắt để có thể với mắt, biết được pháp thiện và bất thiện, tội và không tội, pháp liệt và thắng, pháp đen và trắng.

Gọi là hạng người tỏ.

Ba hạng người này, này các tỳ kheo, có mặt, xuất hiện ở đời.

Vậy hãy tránh thật xa

Người mù, người một mắt

Thân cận người hai mắt

Bậc tối thắng trượng phu!

Trình bày về tội lỗi và ân đức của 3 hạng người ấy, cho họ hiểu đúng ý phần dịch kệ ngôn.

4. Nói về 3 hạng trí tuệ:

"Evekukkapañño puriso dummedho aricakkhane.

Abhikkhanaṃpi ce hoti gantvā bhikkhūna santike.

Ādiṃ kathāya majhañca pariyosānañca tādiso.

Uggahetuṃ na sakkoti paññā hissa na vijjati.

Ucchangapaṇṇo purriso seyyo etena vuccati.

Abhikkhanampi ce hoti gantvā bhikkhuna santiko.

Nisinno āsane tasmiṃ uggahetvāna byañcanaṃ.

Vuṭṭhito nappajānāti gahitaṃ hissa mussati.

Puthupaññho ca puriso sayyo etena vuccati.

Abhikkhanampi ce hoti gantvā bhikkhuna santike.

Ādiṃ tathāya majjhañca pariyosānañca tādiso.

Misinno āsane tasmiṃ uggahetvāna byañjanaṃ.

Dhāreti seṭṭhasankappo abyaggamnaso naro.

Dhammānudhammapatipanno

Dukkhassantakaro siyāti[1].

= Người có trí tuệ như cái bát úp, là người ngu, không biết gì. Gặp được các tỳ kheo dạy dỗ, không thể nhớ phần đầu - phần giữa - phần cuối của huấn từ, vì trí tuệ không có.

Người có trí tuệ như tấm vải rách, tốt hơn hạng trên chút. Gặp được các tỳ kheo dạy dỗ, ngồi xuống nơi ấy, nhớ phần đầu - phần giữa - phần cuối của huấn từ, nhưng lúc đứng dậy không biết thì quên mất.

Người có trí tuệ sâu rộng, tốt hơn hạng thứ 2 trên. Gặp được các tỳ kheo dạy dỗ, ngồi xuống nơi ấy, nhớ được cả phần đầu - phần giữa - phần cuối của huấn từ. Là người có tư duy thanh cao, người có tâm không xấu trong các cảnh. Hành Pháp, hợp với Pháp, dứt trừ khổ đau".

Giảng: Tức theo lẽ thường, khi có người rót nước hay mưa rơi, nước không vào trong bát được, như người lúc ngồi nghe Pháp không chú tâm nhớ phần đầu - phần giữa - phần cuối của bài Pháp được nghe, gọi là *"người có trí tuệ như cái bát úp".*

[1] Trích Tam Tạng quyển 20, trang 166.

Lẽ thường, vật trong tấm vải rách không được khâu vá thường rơi xuống hết khi người ấy đứng dậy, như người chỉ nhớ lúc ngồi nghe, quên hết lúc đứng dậy, gọi là *"người có trí tuệ như tấm vải rách".*

Người nào nhớ được cả lúc nghe và sau khi đứng dậy, gọi là *"người có trí tuệ sâu rộng".*

Đức Phật dạy:

- Này các tỳ kheo, có những người thường nghe Pháp. Các vị tỳ kheo thuyết cho người ấy, sơ thiện - trung thiện - hậu thiện, có nghĩa có văn, trình bày Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh.

Người ấy, tại chỗ ngồi, đối với bài thuyết giảng ấy, không tác ý đến đoạn đầu - đoạn giữa - đoạn cuối. Khi đứng lên, cũng không tác ý gì.

Ví như này các tỳ kheo, một cái bát bị lộn ngược, nước chứa trong ấy tuôn chảy hết. Này các tỳ kheo, đây gọi là *hạng trí tuệ lộn ngược như cái bát úp.*

- Có những người nghe Pháp, các tỳ kheo thuyết cho nghe.

Họ nhớ được lúc ngồi, đối với bài thuyết giảng, có tác ý đến đoạn đầu - đoạn giữa - đoạn cuối. Nhưng khi đứng dậy, lại không tác ý đến đoạn đầu - đoạn giữa - đoạn cuối, quên mất!

Gọi là "trí tuệ như tấm vải rách". Nhiều vật như mè, gạo, bánh... để trong vải rách không được khâu vá rớt xuống hết khi đứng dậy. Này các tỳ kheo, đây gọi là *hạng trí tuệ như tấm vải rách.*

- Này các tỳ kheo, có những người thường nghe Pháp. Các vị tỳ kheo thuyết cho người ấy, sơ thiện - trung thiện -

hậu thiện, có nghĩa có văn, trình bày Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh.

Người ấy, tại chỗ ngồi, đối với bài thuyết giảng ấy, có tác ý đến đoạn đầu - đoạn giữa - đoạn cuối. Cũng vậy khi đứng lên, có tác ý đến đoạn đầu - đoạn giữa - đoạn cuối bài giảng.

Ví như, này các tỳ kheo, một cái bát được dựng đứng, nước chứa được giữ lại, không chảy đi. Này các tỳ kheo, đây gọi là *hạng trí tuệ sâu rộng.*

Ba hạng người này, này các tỳ kheo, có mặt, xuất hiện ở đời.

Ngâm kệ, đọc phần dịch và giảng!

5. Nói về gia tộc có Phạm Thiên cộng trú (Brahma)

"Brahmāti mātāpitaro pubbācảiyāti vuccari.

Āhuneyyā ca puttānaṃ Pajāya anukampakā.

Tasmā hi ne namasseyya sakkarayya ca paṇḍito.

Annena atha pānena vatthena sayanena ca.

Ucchādanena mahāpanena pādānaṃ dhovanena ca.

Tāya paricariyaya mātāītūsu paṇḍitā.

Idheva naṃ pasaṃsanti pecca sagga pamodatīti[1].

= Mẹ cha, bậc thiện trí gọi là Phạm thiên. Là vị thầy đầu, là người đáng cúng dường của các người con, là người dưỡng dạy con cái. Chính vì thế, bậc thiện trí nên đảnh lễ,

[1] Trích Tam Tạng quyển 20, trang 168.

tôn kính cúng dường mẹ cha bằng gạo, nước, vải, nơi nằm ngồi, việc đấm bóp, kỳ cọ, tắm rửa cho... Mọi thiện trí thường tán dương song thân trong thế gian này. Bằng sự phụng dưỡng mẹ cha, khi lìa nhân thế thường được sanh về nơi nhàn cảnh.

- Giảng: Kệ ngôn này thích hợp cho việc dạy dân chúng theo kiểu mẫu mới, giảng trong lễ mai táng mẹ cha *(+ lễ Vu Lan - Dịch giả).*

Khi đưa ra kệ ngôn này, cần tiếp theo mẫu, tóm tắt rằng: *"Gia tộc có Phạm Thiên"* nghe khó hiểu, nhưng chỉ nói giống như *"Nhà có vị trời, nhà không có vị trời. Nhà có chùa, nhà không có chùa"* vậy!

Nghĩa là, nhà nào có chư tăng tỳ kheo ở, có chùa cho chư tăng tỳ kheo ở, gọi là *"nhà có chùa, có trời".* Không thì gọi là *"không có chùa, không có trời".* Rồi giảng cho họ hiểu nhà nào tốt hơn.

Giảng tiếp về Phạm Thiên cho họ nghe, đến khi họ hiểu ra: Phạm Thiên trong cõi nhân loại là, nhà nào còn mẹ cha và con cái hiếu thảo. Dành cho thiên giới là các vị Phạm Thiên (Brahma, người đã đắc thiền).

Giảng cho họ nghe, gia tộc nào không có mẹ cha, là nơi tôn kính cúng dường của con cái, gia tộc ấy gọi là "không có Phạm Thiên". Còn có đủ, gọi là "có Phạm Thiên". Cho họ thấy ra hạnh phúc của con cái, và bất hạnh đáng buồn ra sao...

Phần này phải giảng cho nhiều vào! Rồi đến 4 Phạm Trú (Brahmavihāra, tứ vô lượng tâm): Từ - bi - hỷ - xả của cha mẹ, việc làm thầy đầu tiên của mẹ cha, dưỡng dạy con cái (pubbācāriya), là người mà con cái nên tôn kính cúng

dường. Mới ngâm kệ ngôn, dịch kệ ngôn, nói về quả báo của việc đảnh lễ, tôn kính cúng dường mẹ cha bằng cơm, nước...

Xong, tóm lại: Đó là sự tán dương, và phước sanh về nhàn cảnh. Dứt bài giảng!

6. Nói về nhân tạo 3 nghiệp

"Lobhajam dosajañceva mohajañcāpi viddasu.

Yantena pakataṃ kammaṃ appaṃ vā yadi vābahuṃ.

Idheva taṃ vedanīyam vatthuṃ aññaṃ na vijjati.

Vijjaṃ uppādayaṃ bhikkhu sabbā duggatiyo jaheti[1].

= Người không hiểu biết thường tạo ác nghiệp từ tham - sân - si (lobha, dosa, moha). Nghiệp ít hay nhiều tùy theo, thường cho quả trong thế gian này, không có chuyện trái ngược *(nghiệp người này làm không cho quả đến người kia).*

Do đó, vị tỳ kheo hiểu biết, diệt trừ tham - sân - si. Làm khởi lên minh trí (vijja), từ bỏ mọi ác thú (duggati).

- Giảng: Nhân tạo ác nghiệp là tham - sân - si, nhân tạo thiện nghiệp là vô tham - vô sân - vô si (alobha, adosa, amoha):

1/ Hiện báo nghiệp: quả báo nhãn tiền (sát na I).

2/ Sanh báo nghiệp: cho quả đời sau (sát na VII).

3/ Hậu báo nghiệp: cho quả từ đời thứ hai về sau, không có hạn định (5 sát na đồng lực ở giữa).

Khi dứt trừ tham - sân - si hết, các nghiệp mới vô hiệu hoá. Như người ta đốt trái cây *(có hạt)* thành tro, rãi trong dòng nước xiết, hay cho bay theo gió, dứt tiệt mầm sống.

[1] Trích Tam Tạng quyển 20, trang 173.

Giảng rộng ra, tham - sân - si là nhân tạo nghiệp xấu ra sao? Vô tham - vô sân - vô si tạo nghiệp tốt ra sao? Loại nào là Hiện báo nghiệp, Sanh báo nghiệp, Hậu báo nghiệp.

7. Nói về thiên sứ (Devadūta)

"Coditā devadūtehi ye pamajjhanti māṇavā.

Te dīgharattam socantaṃ hīnakāyupagā narā.

Ye ca kho devadūtehi santo sappurisā idha.

Coditā nappamajjhanti ariyadhamme kudācdanaṃ.

Upādāne bhayaṃ disvā jātimaraṇasambhave.

Anupādā vimuccanti Jātimaraṇasambhave.

Te khemappattā sukkhita diṭṭhadhammābhinibbutā.

Sabbaverabhayāṭītā sabbadukkhaṃ upaccagunti[1].

= Những thanh niên được thiên sứ cảnh tỉnh mà còn say mê, thường thuộc về hạng xấu xa, bị phiền não lâu dài.

Những bậc chân nhân thanh tịnh được thiên sứ cảnh tỉnh, không coi thường Pháp khi thấy nguy hiểm trong chấp thủ, nhân sanh tử, mới giải thoát. Vì dứt sanh tử do không bám giữ, những bậc chân nhân đã thanh tịnh ấy là người đã diệt bản ngã này, trải qua khỏi mọi nghiệp chướng, dứt trừ mọi khổ đau".

- Giảng: Thiên sứ (devadūta), là người cảnh tỉnh thanh cao.

Có 3 chi - 4 chi - 5 chi:

3 chi: người già, người bệnh, người chết.

[1] Trích Tam Tạng quyển 20, trang 180.

4 chi: người già, người bệnh, người chết + *tội nhân.*

5 chi: sanh (baby) + người già, người bệnh, người chết *+ tội nhân.*

Người tạo ác hạnh (ducarita), được thiên sứ nhắc nhở mà chưa tự biết mình, chưa chịu tỉnh ra, còn cố làm ác. Ác!

Nghĩa là, thiên sứ thứ nhất là hài nhi, như nhắc nhở cho người trông thấy tự suy gẫm rằng: *"Mèn ơi, ta phải trong thai mẹ trăm ngàn vất vả, sanh ra khó khăn, đồ dơ tùm lum, đáng gớm, bẩn thỉu khiếp quá! Lúc mẹ tắm rửa, lau chùi kỳ cọ, mình vẫn nằm lẫn cùng phân tiểu, muốn đi đâu cũng không được, tự tẩy rửa cũng không được, ăn ỉa tại chỗ…*

Vì ta coi thường, phóng dật, không kịp hành thiện phước rốt ráo để chấm dứt sự sanh, là thành tựu Vô Vi Pháp (Níp Bàn). Rồi sẽ phải sanh lại hoài, khổ hoài!". Do đó, mong quý vị hãy đừng dễ duôi xem nhẹ, đừng mê đắm nữa! Hãy quan tâm đến thiện phước, giúp mình giải thoát sự sanh.

Xem như là trẻ sơ sanh cảnh tỉnh người nhìn thấy, nên gọi là "thiên sứ", nghĩa là "người cảnh tỉnh thanh cao", nhắc nhở tốt.

Thiên sứ thứ 2 là người già, như nhắc nhở cho người trông thấy tự suy gẫm rằng: *"Đến phiên ta cũng có sự già, là lẽ thường không qua khỏi được. Ta cần vội vã làm việc tốt, hành thiện bằng thân khẩu ý!".*

Do đó, người già 80 - 90 hay 100 tuổi, già yếu, cong như nóc nhà, lưng còm, chống gậy, vừa đi vừa run rẩy, bệnh hoạn, tuổi trẻ đã tận, răng rụng tóc bạc, hư rụng, hói đầu, da nhăn, đầu rung, tay chân da mồi khô đét, gọi là "thiên sứ", nghĩa là "người cảnh tỉnh thanh cao", nhắc nhở tốt.

Thiên sứ thứ 3 là người bệnh, như nhắc nhở cho người trông thấy tự suy gẫm rằng: *"Ta có bệnh hoạn là lẽ thường, không thoát khỏi. Người bệnh nặng thường nằm lẫn trong phân tiểu của mình, phải có người khác giúp đỡ lúc đứng lúc ngồi, ôi khiếp quá! Ta cần hành thiện gấp bằng thân khẩu ý…",* gọi là "thiên sứ", nghĩa là "người cảnh tỉnh thanh cao", nhắc nhở tốt.

Phần người chết và tội nhân thì bạn giảng đại loại như vậy, rồi nói: Người trông thấy 5 loại thiên sứ này, vẫn làm nghiệp tội lỗi, sẽ phải nhận lãnh khổ đau lâu dài. Nói thêm về sự khổ ở ác thú và lạc thú trên thiên giới (duggati và sugati), mới ngâm kệ ngôn, dịch - giảng thêm!

8. Nói về 3 trường hợp kiêu mạn, say mê:

"Bayādhidhamma jarādhamma atho maraṇadhammino.

Yathā dhamma tatha santā jigucchanti puthujjanāti[1].

= Bị bệnh và bị già
Lại còn phải bị chết
Kẻ phàm phu ghê tởm
Người khác bị như vậy
Nếu ta cũng ghê tởm
Chúng sanh bị như vậy,
Không xứng đáng cho ta,
Với ta được sống vậy
Nên ta sống như thật
Biết pháp không sanh y".

[1] Trích Tam Tạng quyển 20, trang 186.

- Giảng:

Yobbanāmado: Kiêu mạn của tuổi trẻ, sung sức.

Ārogyāmado: Kiêu mạn do không bệnh, còn sung.

Jīvitāmado: Kiêu mạn của sự sống.

Người có kiêu mạn như vậy, thường làm chuyện xấu bằng thân khẩu ý, rồi bị sanh đọa vào ác đạo, khổ sanh, địa ngục. Còn là người, dù là tỳ kheo cũng hoàn tục bởi 3 say mê này!

Say mê, nói gọn có 2 bề là ngoài và trong. Say mê bề ngoài là nghiện ngập rượu, thuốc phiện, cần sa, các lạc thú trần tục cấp thấp. Say mê bề trong là đắm chìm trong danh lợi, chức tước...

Đều là nguyên nhân tạo ra việc xấu bằng thân khẩu ý. Như kẻ say rượu thường có ý đánh đập, tổn thương người khác. Người nghiện ngập thường khao khát kiếm tiền mua thuốc phiện, cần sa, bằng mọi cách dù phi pháp, trộm cướp… Người đắm chìm trong danh lợi, chức tước, cũng có ý gây tội, khổ mình khổ người không thua ai kia.

Giảng tội lỗi 3 say mê trong kiêu mạn này, rồi ngâm kệ ngôn!

9. Nói về tăng thượng:

"Nathiloke raho nāma pāpakammam pāpakammam pakubbato

Attā te purisa jānāti saccaṃ vā yadi vā musā

Kalyāṇaṃ vât bho sakkhi attānam atimaññasi

Yo santaṃ attanī pāpaṃ atha naṃ parigūhasīti[1].

= Trên đời không giấu được
Ác nghiệp tự mình làm
Ngã của ông ta biết
Là thật hay là giả
Ông thật khinh thiện ngã
Mặt giáp mặt chứng kiến
Muốn che giấu tự ngã
Điều ác tự ngã làm".

(Trích bản dịch của HT. Thích Minh Châu)

Giảng: từ 4 Pháp phân tích *(Dhammavibhāgapariccheda)* cũng được, nhưng khá sơ lược, nên xiển minh ý chính trong Pāli của *Kinh thứ 10, phẩm thứ 4, Paṇṇasaka thứ 1, Tikanipāta, Tăng Chi Bộ (Anguttara Nikāya).*

Phần Pāli này nói rằng: *"Này các Tỳ kheo, có ba tăng thượng: Ngã tăng thượng, thế giới tăng thượng, pháp tăng thượng".*

Ngã tăng thượng (attādhipatayya), "Lấy mình làm trọng":

- Ở đây, này các tỳ kheo, vị tỳ kheo đi đến ngôi rừng, gốc cây, hay ngôi nhà trống, quán sát như sau: *"Không phải vì y áo - vì món ăn khất thực - vì sàng tọa - vì cần có mặt hay không có mặt ở đây, mà ta xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình.*

Nhưng do nghĩ rằng: Ta bị rơi vào sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não, rơi vào khổ, bị khổ chi phối. Có thể nhờ xuất gia, sẽ đoạn tận mọi khổ uẩn này.

[1] Trích Tam Tạng quyển 20, trang 189.

Và ta xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình, sau khi đoạn tận tất cả các dục vọng như vậy, ***lại còn đeo đuổi các dục vọng như kia hay còn ác tệ hơn.*** *Như vậy, thật không xứng đáng cho ta".*

Vị ấy quan sát như sau: *"Thắng tấn là tinh tấn của ta, không có thụ động; an trú là niệm của ta, không có thất niệm; khinh an là thân của ta, không có dao động; định tĩnh là tâm của ta, được nhứt tâm"*. Vị ấy làm cho tăng thượng tự ngã, từ bỏ bất thiện, tu tập thiện, từ bỏ có tội, tu tập không tội, gìn giữ cho tự ngã được thanh tịnh.

Thế giới tăng thượng (lokādhipatayya), "Xem thế gian và người đời là quan trọng":

- Ở đây, này các Tỳ kheo , vị Tỳ kheo đi đến ngôi rừng, gốc cây, hay ngôi nhà trống, quán sát như sau: *"Không phải vì y áo - vì món ăn khất thực - vì sàng tọa - vì cần có mặt hay không có mặt ở đây, mà ta xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình.*

Nhưng do nghĩ rằng: Ta bị rơi vào sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não, rơi vào khổ, bị khổ chi phối. Có thể nhờ xuất gia, sẽ đoạn tận mọi khổ uẩn này.

Và ta xuất gia, lại có thể suy nghĩ về **dục tầm** (kāmavitakka) hay có thể suy nghĩ về **sân tầm** (byāpādavitakka), hay có thể suy nghi về **hại tầm** (vihimsāvitakka).

Đông đảo và bao la đa dạng là đại chúng sống trong đời. Có các vị Sa-môn, Bà-la-môn có thần thông, có thiên nhãn, có tha tâm thông. Các vị này có thể thấy từ xa, tuy ở gần nhưng không thể thấy họ được, và họ có thể biết tâm ta, như sau: *"Hãy xem thiện nam tử này, tuy vì lòng tin xuất gia, từ*

bỏ gia đình, sống không gia đình, nhưng sống xen lẫn với các pháp ác, bất thiện".

Lại có các thiên thần có thần thông, có thiên nhãn, có tha tâm thông. Các vị này có thể thấy từ xa, tuy ở gần nhưng không thấy họ được, và họ có thể biết tâm ta, như sau: *"Hãy xem thiện nam tử này, tuy vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, nhưng sống xen lẫn với các pháp ác, bất thiện".*

Vị ấy lại quan sát như sau: *"Thắng tấn là tinh tấn của ta, không có thụ động; an trú là niệm của ta, không có thất niệm; khinh an là thân của ta, không có dao động; định tĩnh là tâm của ta, được nhứt tâm".* Vị ấy làm cho tăng thượng thế giới, từ bỏ bất thiện, tu tập thiện, từ bỏ có tội, tu tập không có tội, giữ gìn cho tự ngã được thanh tịnh.

*Pháp tăng thượng (*Dhammadhipatayya), "lấy Pháp làm trọng":

- Ở đây, này các Tỳ kheo , vị Tỳ kheo đi đến ngôi rừng, gốc cây, hay ngôi nhà trống, quán sát như sau: *"Không phải vì y áo - vì món ăn khất thực - vì sàng tọa - vì cần có mặt hay không có mặt ở đây, mà ta xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình.*

Nhưng do nghĩ rằng: Ta bị rơi vào sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não, rơi vào khổ, bị khổ chi phối. Có thể nhờ xuất gia, sẽ đoạn tận mọi khổ uẩn này.

Pháp được Thế Tôn khéo thuyết, thiết thực hiện tại, có kết quả ngay tức thời, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người có trí tự mình giác hiểu. Nay ta có những người đồng Phạm hạnh, họ sống biết và thấy. *Ta đã*

được xuất gia trong pháp và Luật khéo giảng như vậy, ***không lẽ ta lại có thể sống biếng nhác phóng dật.*** *Như vậy, thật không xứng đáng cho ta".*

Vị ấy lại quán sát như sau: *"Thắng tấn là tinh tấn của ta, không có thụ động; an trú là niệm của ta, không có thất niệm; khinh an là thân của ta, không có dao động; định tĩnh là tâm của ta, được nhứt tâm".* Vị ấy làm cho tăng thượng Pháp, từ bỏ bất thiện, tu tập thiện, từ bỏ có tội, tu tập không tội, giữ gìn cho tự ngã được thanh tịnh. Này các Tỳ kheo , đây gọi là Pháp tăng thượng.

Bạn nên tóm tắt rằng, dành cho bậc xuất gia (pabbajita) là vậy, phần cư sĩ cũng nên hiểu theo các giới hạn trên, là các tăng thượng.

Như nghĩ tưởng về chính mình, thấy việc tu tập cần thiết ra sao? Rồi cố lánh dữ làm lành.

Sự chấp giữ nặng lòng với thế giới bao la này, là tưởng nghĩ lo sợ người khác sẽ nói xấu, mới tu.

Sự chấp giữ Pháp vô lượng vô biên ấy, là nghĩ đến ơn đức Giáo Pháp, nên lo tu .

Đức Phật đã giảng 3 tăng thượng (adhipatayya) này: Không có sự thật kín đáo trong thế gian, kẻ khác không biết không thấy - tự mình cũng biết cũng thấy. Hằng suy nghĩ như vậy, sẽ không có can đảm làm những chuyện tồi bại dù ở nơi kín đáo hay không, trước mặt hay sau lưng người khác.

10. Nói về 3 bậc chân nhân

"Sabbhi dāhaṃ upaṇṇattaṃ ahimsā saññamo damo

Mātāpitu upaṭṭhānaṃ santānaṃ brahmacārinaṃ

Sataṃ etāni ṭhānāni yani sevetha paṇḍito

Ariyo dassanasapanno salokaṃ bhajati sivanti[1].

= Các bậc chân nhân chuẩn mực bằng: sự bố thí, không oan trái, thu thúc, tu luyện, và sự phụng dưỡng mẹ cha.

Các thiện trí thức liên quan các tư cách này của các bậc chân nhân, là các vị ưa tĩnh lặng, giảm thiểu chộn rộn, người hành Pháp, bậc phạm hạnh, là Thánh nhân. Người hoàn thiện bằng tri kiến, thường có ở thế gian an lạc".

Giảng: Nói về sự chế định bậc chân nhân (sappurisapaññatti), là người tốt, luôn vững vàng trong và ngoài thời kỳ các vị Phật, mọi lúc mọi nơi. Có 3 trường hợp là:

1/ Dāna: sự bố thí.

2/ Pabbajā (xuất gia): sự dừng lại, không gây oan trái.

3/ Sự phụng dưỡng mẹ cha.

Giảng về 5 quả báo bố thí cho họ nghe. Về không gây oan trái với kẻ khác, như *"Ahimsā saññama dama"* ở chú giải, ahiṃsa là vô hại, bi mẫn (karuṇā).

11. Nói về 3 sự tăng trưởng

"Yathapi pabbato selo araññasmim brah āvane.

Tam rukkham upanissāya vaḍḍhante te vanapappatī.

Tatheva sīlasampannam sadhim kulapaitm idha.

Upanissaya vaddhanti puttadana ca bandhava.

Amacca natisamgha ca yecassa anujivineti.

[1] Trích Tam Tạng quyển 20, trang 192.

Tvāssa silavato silam cagam sucaritani ca.

Passamananukubbanti ye bhavanti vicakkhana.

Idha dhammam caritvana maggam sugatigammam.

Nadino devalokassmin modanti kamakaminoti[1].

= Cây to nương ở núi lớn, trong rừng rậm, thường phát triển ra sao, vợ con thân quyến và người sống phụ thuộc, nương nhờ trong gia tộc hoàn hảo bằng giới và đức tin cũng tiến tu như thế.

Những người có trí tuệ, khi thấy sự trì giới bố thí, đức hạnh của người có giới, thường noi gương hành theo. Hành Pháp là con đường dẫn đến nhàn cảnh, được sáng lạng trong thiên giới, vui thích với dục".

Giảng: Kệ ngôn tán dương này nên thuyết trong việc làm phước của danh gia, giáo sư, ông chủ, người có nhiều thân tín. Cho họ sanh hoan hỉ (pīti), hỷ lạc (somanassa) trong việc tốt, là thân giáo cho tuỳ tùng noi theo.

3 sự tăng trưởng: tín - giới - tuệ

- "Chúng lớn lên về cành, về toàn bộ lá cây, vỏ trong và vỏ ngoài hay mầm non, giác cây và lõi cây. Dựa vào vua núi Tuyết Sơn (Himalaya), này các tỳ kheo, các cây sālā to lớn có ba sự tăng trưởng này.

Cũng vậy, tăng trưởng về tín - giới - tuệ, dựa vào người có lòng tin, này các Tỳ kheo , những người khác trong gia đình có ba sự tăng trưởng này.

Như núi đá sừng sững

Trong rừng sâu rừng rậm

[1] Trích Tam Tạng quyển 20, trang 193.

Các cây lớn dựa vào
Lớn lên những thần rừng
Cũng vậy, thiện nam tử
Có lòng tin giới đức
Vợ con và gia quyến
Dựa vào để lớn mạnh
Với tùy tùng bà con
Nhờ cậy để sinh sống
Thấy vị giới hạnh làm
Giới, bố thí, thiện hành
Nếu chúng có mắt sáng
Chúng làm theo vị ấy
Ở đây, làm đúng pháp
Con đường đến cõi lành
Trong Thiên giới hỷ lạc
Ước muốn được hoàn hỷ".

(Trích bản dịch của HT. Thích Minh Châu)

Ngâm kệ ngôn, và nói về các quả báo!

12. Nói về quả báo của sự trì giới

"Na pupphagandho pativātameti

Na candanaṃ tagarramallika vā

Satañca gandho pativātameti

Sabbā disā sappuriso pavāyatīti.

= Hương hoa thường không bay ngược gió, mùi gỗ chiên

đàn, gỗ trầm, mùi hoa lài cũng vậy. Hương đức hạnh của các bậc chân nhân bay ngược gió được, tỏa đi muôn phương".

- Giảng: Nói về quả báo của giới, trích Pāli, lý giải, để lợi ích đến mọi người, theo sự hợp thời.

Giới luật là gì? Nghĩa lý - tướng trạng - hương vị - hình tướng - tuỳ phụ - thiện giới ra sao?

Bạn phải nhớ theo sát Phật ngôn, lựa lọc từ kinh Thanh Tịnh Đạo phần Giới, đến phần "thiện giới ra sao", phải bảo rằng: *"Có nhiều loại thiện giới, nhưng tôi chỉ nói một loại, là "giới hương". Là làm thơm danh mọi nơi. Nữ hay nam, người nào có giới là dừng lại, dứt trừ việc sát sanh, không giết hại ai…".*

Khi thấy thính giả đều hiểu rõ, mới nói: *"Người có giới luật, vững chắc trong tam quy, hoan hỷ trong việc phân phát bố thí, gọi là chân nhân, là người có mùi thơm tỏa đi mọi hướng".*

13. Nói về 3 sự trong sạch:

"Kāyasucim vācāsuciṃ cetosucim amanāsavaṃ

Suciṃ soceyyasampannaṃ Ahu ninhātapāpakanti[1].

= Bậc thiện trí, là người trong sạch tâm, không có lậu hoặc (āsava), là người hoàn tịnh, đã dứt trừ mọi tội lỗi".

Giảng: **Sự trong sạch thân,**

là sự dừng lại, chấm dứt việc *sát sanh, trộm cắp, tà hạnh trong dục vọng (tà dâm*/ trong Ngũ giới).

[1] Trích Tam Tạng quyển 20, trang 352.

là sự dừng lại, chấm dứt trừ việc *sát sanh, trộm cắp, phi phạm hạnh (thông dâm/* trong Bát quan trai giới).

Phần đầu dành cư sĩ nói chung.

Phần 2 dành cho những cư sĩ giữ bát quan trai giới, người tu cao cấp hơn.

Sự trong sạch khẩu,

là dừng lại, chấm dứt việc *nói dối, lưỡng thiệt (vu cáo, đâm thọc), ác ngữ, ý ngữ.*

Sự trong sạch tâm,

là sự không có *tham ác, sân ác, tà kiến,*

Phần 2 là sự dứt trừ 5 chướng ngại pháp, sự trong sạch của tu sĩ.

Khi đưa ra kệ ngôn này, đặt thành đề tài, cần nói tiếp: *Tại đây, tôi sẽ giảng về 3 sự trong sạch, giúp quý vị thực hành hợp thời hợp lẽ đạo.*

Sự sạch sẽ, có 2 phần là, bên ngoài và bên trong. Sự sạch sẽ bên ngoài là người, thú, nơi chốn, đồ vật… sạch sẽ! Thân thể sạch do sự tắm rửa, hết mồ hôi và cáu ghét, rồi thoa phấn, chải đầu, trang điểm mình.

Sự sạch sẽ của loài thú, cũng là sạch sẽ về thân của chúng, tuỳ người ta chăm sóc như: tắm cho voi, ngựa, bò, trâu… Sự sạch sẽ của nơi chốn, là làm cho chỗ ở hết nhơ bẩn nhờm gớm, như quét lau nhà cửa, dọn nhà cho sạch. Sự sạch sẽ của đồ vật, là các đồ dùng được sạch sẽ. Liên quan đến thân, như khăn choàng đắp, y phục… Hay không liên quan đến thân, như chén bát sạch sẽ…

Nói cách khác, là *"sự sạch sẽ thế tục",* không phải *"sự trong sạch của Pháp".*

Đức Chánh Đẳng Giác, là bậc thầy tối thượng của tất cả các vị trời và nhân loại (Thiên Nhân Sư), dạy rằng: *"Có 3 loại trong sạch: sự trong sạch thân, sự trong sạch khẩu và sự trong sạch tâm".*

Chia sự trong sạch ra từng điều tỉ mỉ, giảng về sự dừng lại, dứt trừ việc sát sanh, v.v… gọi là "sự trong sạch của Pháp"

Rồi hãy giảng tội lỗi của sự không trong sạch, quả báo của sự trong sạch, theo sự hợp thời. Mới ngâm kệ ngôn đã đưa ra, thường khó khăn cho người chưa sắc sảo.

14. Nói về tịnh giả (munī)

"Kāyamunim vācāmuniṃ cetomunim amanāsavaṃ.

Muniṃ moneyyasampannaṃ Ahu sabbappahāyinanti[1].

= Tịnh giả, người toàn diện với tịnh hạnh các phần thân - khẩu - ý, người không còn lậu hoặc, đã dứt trừ mọi tội lỗi".

Giảng: **Tịnh hạnh phần thân,** là người dừng lại, chấm dứt việc sát sanh, trộm cắp, phi phạm hạnh (thông dâm).

Tịnh hạnh phần khẩu, là người dừng lại, chấm dứt việc nói dối, lưỡng thiệt (vu cáo, đâm thọc) ác ngữ, ỷ ngữ.

Tịnh hạnh phần tâm, là người thành tựu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, không còn lậu hoặc.

[1] Trích Tam Tạng quyển 20, trang 352.

Giảng 3 loại tịnh hạnh trên, nhằm hoàn mỹ kiến thức của thính giả. Có 2 loại tịnh giả: tại gia & xuất gia. Là những vị thấy Pháp, biết rõ Pháp.

Tức là 7 bậc Thánh hữu học (Sekkha munī):

Bậc Tu Đà Hườn đạo & quả.

Bậc Tư Đà Hàm đạo & quả.

Bậc A Na Hàm đạo & quả.

Bậc A La Hán đạo.

Asekkhamunī, là thánh vô học. Mumimunī, là đấng Như lai, bậc Ứng cúng, Chánh Đẳng Giác.

Các tịnh giả này, là tịnh hạnh phân loại theo người. Phân theo Pháp, là tịnh hạnh các phần thân - khẩu - ý. Chữ Munī còn mang nghĩa là bậc thiện trí, hay: *"Monaṃ vuccati monī tena nāṇena samannagato munī",* tương quan với sự hiểu biết, có sự phân tích sau: "ñana - trí" là sự hiểu biết, người tương ưng trí gọi là trí nhân. Như vậy, "munī - ẩn sĩ", dịch là người có sự hiểu biết hay tương ưng trí, bậc thiện trí, như đã kể trên.

Khi phân theo Pháp, có 3 loại là:

Kāyamunī - Thân tịnh giả.

Vācāmunī - Khẩu tịnh giả.

Cetomunī - Tâm tịnh giả.

Giải cho họ hiểu rằng: Do đâu người dứt trừ việc sát sanh… gọi là tịnh giả, bậc thiện trí (munī). Nói kèm theo về ân đức, quả báo của các vị trên, và ngược lại: tội lỗi của việc không thành tịnh giả, thiện trí thức.

15. Nói về giờ đẹp khắc tốt

"Sukkhattaṃ sumanglaṃ supabhātaṃ suhuṭṭhitaṃ.

Sukkhano sumututto ca suyittham brahmacārisu.

Padakkhinam kāyakammam vācakammam padakkhinam.

Padakkhinam manokammam panidhi te padakkhina.

Padakkhinani katvana sabhantatthe padakkhine.

Te atthaladdha sukhita virulha buddhassasane.

Aroga sukhita hotha saba sabbehi ñatibhiti.

= Giờ tốt, giờ an lành, sáng lạn, phát đạt, chính là giây phút thuận duyên cúng dường đến người hành thiện, tu tiến thân nghiệp - khẩu nghiệp - ý nghiệp.

Sự tiến hoá của người đã chú nguyện, người-người tiến tu, thường được lợi ích thạnh lợi. Những người ấy được lợi ích, an vui, hay thăng tiến trong Phật giáo. Mong đừng có bệnh, được an lành cùng quyến thuộc cả thảy!

Giảng: Đức Phật dạy rằng:

- Này các tỳ kheo, người nào hành thiện hạnh bằng thân - khẩu - ý vào buổi sáng, buổi sáng ấy là giờ khắc tốt lành của họ.

Người nào hành thiện hạnh bằng thân - khẩu - ý vào buổi trưa (giữa ngày), buổi trưa ấy là giờ khắc tốt lành của họ.

Những người nào hành thiện hạnh bằng thân - khẩu - ý vào buổi chiều, buổi chiều ấy là giờ khắc tốt lành của họ!

Chú giải giảng rằng: Người hành 3 thiện pháp vào ngày nào, ngày ấy gọi là giờ khắc tốt lành của họ!

Khi đưa ra kệ ngôn này làm đề tài, cần sơ lược rằng: *"Giờ đẹp khắc tốt ấy, có cả trong và ngoài Phật giáo!".* Bạn nếu biết thì nói chút xíu về kinh Mora (một loại chiêm tinh) của Bà la môn giáo (Brahmana).

Xong, mới giảng theo Phật giáo: - Trong Phật Pháp, duy trì những hành động cao đẹp lúc nào - lúc ấy mới gọi là "giờ linh", không thì coi như "xui"!

Người gây tội khi nào - bị tội khi ấy, làm phước khi nào - được phước khi ấy. Lúc không chú ý, sơ suất, chạm lửa khi nào - phỏng khi ấy, chạm tuyết khi nào - buốt giá khi ấy.

Do đó, Đức Phật thuyết rằng: *Này các tỳ kheo, những người nào hành thiện hạnh…* Rồi ngâm kệ ngôn, dịch và giảng theo lối ấy. Thấy người nghe chưa hiểu rõ, nên giảng thêm, bằng cách đưa ra chuyện mê tín, bám chấp giờ khắc hên xui…

16. Nói về bốn chánh cần

"Samyaro ccapahanca bhavana anurakkhana.

Ete padhana cattaro desitadiccabandhuna.

Yehi bhikkhu iddhatapi khayam dukkhassa papuneti[1].

= Tỳ kheo trong Pháp Luật này, là người có sự tinh cần, dứt trừ khổ đau bằng tinh cần. Đức Phật, Ngài là vầng thái dương (āditayagotara), đã giảng 4 loại tinh cần ấy là:

Sanvarapadhana - Thận cần.

Pahanapadhana - Trừ cần.

[1] Trích Tam Tạng quyển 20, trang 21.

Bhavanapadhana - Tu cần.

Anurakkhanapadhana - Bảo cần.

- Giảng: **Thận cần**, là sự cố gắng cẩn mật không cho sanh lên bất cứ tội lỗi bất thiện nào.

Trừ cần, là nỗ lực dứt bỏ tội lỗi bất thiện đã có.

Tu cần, là tinh cần tu tiến, làm sanh lên thiện pháp.

Bảo cần, là sự liên tục trì giữ thiên pháp đã sanh.

Thận cần, là tinh cần cẩn mật không cho sanh tham - sân từ ngoại cảnh, là bệnh hoạn từ lục nhập (sắc, thanh, khí, vị, xúc, pháp). ***Trừ cần,*** là tinh cần dứt bỏ 3 bất thiện tâm (tham, sân, si) đã sanh lên. ***Tu cần,*** là tinh cần làm cho sanh bảy giác chi. ***Bảo cần,*** là tinh cần gìn giữ định tướng, là việc ghi nhớ đề mục tử thi hoặc các đề mục thiền định khác. Điều này trực tiếp dành riêng cho bậc xuất gia, gián tiếp dành cho cư sĩ.

Nên giảng về bất thiện và thiện, chia ra cho họ thấy từng phần, tốt xấu ra sao, nói cho nhiều vào! 10 ác hạnh và 10 thiện nghiệp. Tội lỗi của tham sân, bất thiện, và ân đức của thất giác chi, định tướng. Ân đức của bốn chánh cần. Mới ngâm kệ ngôn, dịch và giảng theo sự hợp thời.

17. Nói về khuynh hướng:

"Chanda dosa bhaya moha yo dhammantivatti.

Nihiyati tassa yaso kalapakkhevacandima.

Chanda dosa bhaya moha yo dhammam nativatti.

Arupati tassa yasse sukkupakkhavacandimati[1].

[1] Trích Tam Tạng quyển 21, trang 42.

= Kẻ nào phạm pháp, thường bị si ám - lo sợ - sân ưu - ham muốn, quyền vị giảm sút, như trăng hạ tuần.

Người không phạm pháp, thường không bị si ám - lo sợ - sân ưu - ham muốn, quyền vị tăng thượng, như trăng thượng tuần.

Giảng: Agati, dịch là *"điều không nên đạt"* hay *"sai khuynh hướng".*

18. Nói về 4 bánh xe:

"Patirupe vase dese aryamittakara siya.

Sammapanidhi samano pubbe punnakato naro.

Dhanam dhanam yaso kitti sukhancetam dhivattatiti[1].

= Người ở quốc độ thích hợp, thân cận thánh hiền, trau dồi mình, tạo phước khi trước, thường được lúa gạo - tài sản - chức tước - sự ngợi khen và hạnh phúc.

- Giảng: Chữ *"bánh xe"* trong Pāli, ám chỉ đức hạnh. Một nghĩa khác là tướng trạng, oai nghi, như trong câu: *"bánh xe sanh ra vết bánh",* hay *"Như bánh xe lăn theo dấu chân bò"* (Pháp Cú câu 1).

Nghĩa là 4 bánh xe (iriyāpatha) ở câu *"Catucakkam navadvaram"*, tức thân này có 4 oai nghi, có 9 môn (dvara, cửu khiếu).

Nghĩa sự bố thí ở câu: *"Hãy bố thí và chi dụng tri túc, đừng dễ duôi, hãy hành đức hạnh".*

Nghĩa bánh xe quý (bảo luân) ở câu: *"Bánh xe quý đã xuất hiện lên ở đây".*

[1] Trích Tam Tạng quyển 21, trang 42.

Nghĩa Pháp bảo ở câu "Pháp Luật như ở đây".

Nghĩa vật sát sanh ở câu: "Giết bằng bánh xe răng cưa (khí giới)".

Nghĩa lằn sấm sét ở câu: *"Asanicakka, bánh xe là lưỡi tầm sét, là lưỡi tầm sét tại nơi bổ xuống".*

Nên nói rằng: - Cũng vậy, chữ ***"bánh xe"*** có nhiều nghĩa, như trên. Rồi nói đến bánh xe là đức hạnh sau đó: *"Bánh xe là đức hạnh, đem thiện lành đến cho người, an lạc. Có 4 loại là…".*

Xem kinh Mangaladipani khi giảng giải, dẫn chứng liên hệ, cho thấy sự quan trọng của đề tài, vì 4 bánh xe - đức hạnh này tạo nhiều lợi ích cho thế gian và Phật Pháp.

19. Nói về bốn Nhiếp Pháp:

"Dananca peyyavajjanca atthacariya cayaidha

Samanattāta ca dhammesu tattha tattha yatharaham

Ete kho sangaha loke rethassaniva yayato

Ete ca sangahanssu namata puttakarana

Yasma ca sangaha ete samavekkhanti pandita

Tasma mahattam papponti pasamsaca bhavantiteti[1].

= Pháp nhiếp phục gồm:

dāna bố thí - xả tài,

piyavācā ái ngữ,

atthacariya lợi hành,

[1] Trích Tam Tạng quyển 21, trang 42.

samanattāta đồng sự,

trong các Pháp tuỳ nghi tuỳ nơi, diễn ra trong thế gian như mấu chốt của cửa chiếc xe.

Nếu không có các Pháp này, mẹ cha cũng không được các con cung kính hay phụng dưỡng.

Bậc thiện trí thường xem các Pháp nhiếp phục này là chuẩn mực của đại nhân, và trở thành người đáng tán dương.

Bố thí và ái ngữ,
Lợi hành và đồng sự.
Hỡi các vị Tỳ kheo ,
Đây là bốn nhiếp pháp.

Bố thí và ái ngữ,
Lợi hành và đồng sự,
Đối với những pháp này,
Ở đời đối xử nhau.

Chỗ này và chỗ kia,
Như vậy thật tương xứng,
Và bốn nhiếp pháp này,
Như đỉnh đầu trục xe.

Nếu thiếu nhiếp pháp này,
Thời cả mẹ lẫn cha,
Không được các người con,
Tôn trọng và cung kính.

Do vậy bậc Hiền trí,
Đồng đẳng nhìn nhiếp pháp,
Nhờ vậy họ đạt được,
Sự cao lớn, tán thán.
(Trích bản dịch của HT. Thích Minh Châu)

Giảng: Chữ **sangahavatthu** dịch là nhiếp phục, cũng là nhân của sự nhiếp phục. Khiến người tâm phục - khẩu phục.

Dana **-** xả tài, là sự bố thí đến người đáng nhận.

Piyavācā - ái ngữ, là nói lời dễ thương, đến người thích ái ngữ.

Có người không thích bố thí, nhưng thích lời êm tai. Dù cho bao nhiêu, họ cũng chẳng cần, nhưng nghe hợp ý bèn đồng lòng! *Người như vậy cần thâu phục tâm bằng ái ngữ.*

Atthacariya - lợi hành, là sự chỉ dẫn những điều đem đến ích lợi cho người nên chỉ dẫn. Có người có bố thí hay ái ngữ, cũng cần phải hướng dẫn như thế. Hạng người này đáng thâu phục tâm bằng lợi hành, là sự chỉ dạy.

Chữ Atthacariya này, chú giải là Atthasamvaddhanakatha, là việc nói cho lợi ích thăng tiến. Dạy rằng: Điều nào nên làm, điều nào không. Người nào nên thân cận, người nào không.

Samanattāta - đồng sự, trong chú giải là Samanasukkhadukkhabhavo:

Sự đồng cam cộng khổ với nhau. Cùng ngồi, cùng nằm, cùng ăn…

Sự cộng sinh trong gia tộc, dành cho mọi người.

Giới hoà đồng tu, dành cho tu sĩ.

Cha mẹ không nhiếp phục con cháu, thì không nhận được sự cung kính hay cúng dường, phụng dưỡng từ chúng. *"Thượng bất chánh hạ tắc loạn!"*.

Kệ ngôn này nên thuyết trong những dịp làm phước, lễ chúc thọ, liên quan đến việc nhiếp phục con cái, như hướng nghiệp cho con, hay con trai xuất gia…

Khi bạn đưa ra kệ ngôn này, và tóm lược như đã nói, mới dịch chữ *sangahavatthu (nhiếp phục)*, nói cho chi tiết, sâu rộng. Nói về quả báo của sự nhiếp phục bạn bè, quan chức, bà con huyết thống, đệ tử, con trai, con gái, theo thứ tự. Mới ngâm lại kệ ngôn!

20. Nói về 4 tịnh tín

"Aggato ve pasannanam aggam Dhammam vijanatam

Agge Buddhe pasannanam dakkhineyye anuttare

Agge Dhamme pasannanam viragupasame sukhe

Agge Sanghe pasannanam punnakkhette anuttare

Aggasmim danam dadatam aggam punnam pavaddhati

Aggam ayu cavanno ca yaso kitti sukkham palam

Aggassa data medhavi aggadhammasamahito

Devabhuto manusso va aggappatto pamodatiti[1].

= Phước thù thắng thường tiến triển ở người tịnh tín trong các phần hoàn hảo, người tịnh tín nơi Phật bảo một

[1] Trích Tam Tạng quyển 21, trang 45.

cách hoàn hảo, người hiểu Pháp hoàn hảo, người cúng dường Tăng cao thượng.

Người tịnh tín ở Pháp bảo hoàn hảo, làm chói sáng, làm sáng tỏ, thanh tịnh, đem đến an lạc. Người tịnh tín ở Tăng bảo hoàn hảo, là phước điền cao thượng cho người cúng dường cũng hoàn hảo.

Tuổi thọ, sắc đẹp, chức quyền, danh vọng, an lạc và sức mạnh tuyệt hảo *(āyu vannam sukham balam)* thường phát sinh đến người ấy.

Người có suy nghĩ hiền thiện, cúng dường đến các phần hoàn hảo, vững vàng trong Pháp hoàn hảo, sẽ sanh về nhàn cảnh, thành các vị trời hay nhân loại.

Giảng: 4 sự tịnh tín hoàn hảo ấy là:

Tịnh tín ở Phật bảo.

Tịnh tín ở Pháp bảo, là Thánh đạo.

Tịnh tín ở Níp Bàn.

Tịnh tín ở Tăng bảo, đệ tử Phật.

Khi bạn đưa ra kệ ngôn này, giảng Phật bảo, Pháp bảo - là Thánh đạo với 8 chi, và *Viragadhamma* là Níp Bàn, cùng đệ tử của Đức Phật, tuyệt hảo ra sao? Nói về quả báo, phân loại, nhắm thích hợp mới ngâm kệ ngôn, dịch và giảng kệ ngôn theo sát ý chính, mới dứt bài giảng.

21. Nói về 4 tưởng điên đảo (saññavillāsa)

"Anicce niccasaññano dukkhe ca sukhasaññino

anattāni ca attani asubhe subhasaññino

Micchaditthihata satta khittacitta visaññio

Te yogayutta marassa ayogakkhemino jana

Yada ca buddha lokasmim uppacchanti pabhamkara

Temam dhammam pakasanti dukkhupasamagaminam

Aniccam aniccato dukkhum dukkhamanddakkhu dukkhato

Abattani anattāti asubham asubhatadasum

Sammaditthi samadana sabbam dukkham upaccagunti.

= Những người bị tà kiến, có tâm phóng đãng - không định tĩnh - hiểu biết sai quấy, thường cho vật **vô thường** là trường tồn, **khổ não** lại là an lạc, hiểu sai **vô ngã** là hữu ngã (*không gì là của ta cho là của ta*), cho mọi thứ **bất tịnh** *(không đẹp đẽ, nhờm gớm)* là tịnh.

Những người ấy gọi là, lệ thuộc Ma vương (Māra), không giải thoát nổi, là những chúng sinh thường trực sanh tử trong luân hồi.

Khi các vị Phật làm hào quang sanh lên trong thế gian, khi ấy các Ngài công bố Pháp tịch diệt khổ đau. Những người có tuệ duyên được nghe, hiểu được tâm mình, được thấy vật ***vô thường*** là vô thường, ***khổ não*** là khổ não, ***vô ngã*** là vô ngã, trì giữ chánh kiến **như nó là** vậy, sẽ vượt qua mọi khổ đau.

- Giảng: Khi dứt 4 tưởng điên đảo, nói rằng: Những chúng sanh không được nghe Pháp Phật, thường hiểu sai như trên. Đến như nghe được Pháp rồi cũng tuỳ, nếu chưa có tuệ và niệm vẫn hiểu sai mãi!

Chính vì nhân hiểu sai này, người còn là phàm phu mới có yêu - ghét, sân hận - tham ái - mê lầm, luôn tăng trưởng trong tâm.

Có tâm trạng dường như là: không biết đến bệnh - già - chết, chỉ biết tìm kiếm những gì mình thương yêu là 5 dục cảnh, ghét những gì mình không thương yêu, làm sanh sự căm giận, oan trái, thù oán, gây cừu hận đủ kiểu. Cái gì mình không vừa lòng thì không muốn nó tồn tại.

Nói về 3 ái dục, là dục ái… Phân loại chúng, nhấn mạnh rằng: 3 ái dục này thường sanh khởi do 4 sự hiểu sai trên, là nhân đầu tiên.

Xin chỉ bày dẫn chứng gần gũi cho bà con nghe, nói rằng: Chúng ta sẽ cùng thương yêu, cùng oán ghét, cùng sân hận, cùng mê lầm, cũng vì cùng nhau hiểu sai, và các sự hiểu sai lại khác nhau. Bên này hiểu rằng bên kia tốt đẹp, bên kia hiểu rằng bên này tốt đẹp. Điều không tốt đẹp có ở cả 2 bên nhưng họ đều không nhìn ra.

Chỉ nhìn thấy cái mà mình định đặt là tốt đẹp. Như vậy, dục ái sanh khởi mạnh mẽ trong tâm cả 2 bên. Đôi khi chỉ 1 bên hiểu sai còn một bên hiểu đúng.

Như trưởng lão ni Upalavaṇṇā là gương mẫu. Phần này nên đọc chuyện Bà Upalavaṇṇā trong kinh Pháp Cú - Dhammapada, cho họ nghe, rồi mới tiếp chuyện khác. Nói về 4 sự hiểu đúng đối trị, rồi ngâm kệ ngôn.

22. Nói về "con sông", 4 loại phước báu:

"Mahodahim aparimitam mahasaram

Bahubheravam ratanagananamaayam

Najjo yatha majjhaganasamghasevita

Puthu savanti upayanti sagaram

Seyyanisajjattharanassa dayakam

Punnassa dhara upayanti panditam

Najjo yatha varivahava sagaranti[1].

= Tất cả sông ngòi, là nơi nương nhờ của loài cá, thường chảy vào đại dương là nơi chứa nước không hạn lượng, là nơi chất chứa nhiều châu báu ra sao.

Con đường của phước báu sanh đến bậc thiện trí, là người bố thí cơm nước, chỗ nằm ngồi, như các con sông chảy vào đại dương thế ấy.

Giảng: Kệ ngôn này thuyết trong nhiều dịp làm phước, không riêng gì cầu siêu.

"Con sông là phước báu", ví phước như dòng sông. Lẽ thường, các con sông lớn nhỏ chảy vào đại dương ra sao, tất cả phước báu sanh lên cho người làm phước như thế.

Đức Phật dạy, *"con sông là phước báu",* là sự dâng cúng y áo - vật thực - sàng toạ (chỗ ở) - thuốc trị bệnh *(tứ sự)*, đến vị tỳ kheo đã thành tựu tâm Định (cetosamadhi), phước báu sẽ là vô hạn lượng. Đem lại an lạc, cảnh giới tái sanh tuyệt hảo…

Phần này nên đưa dẫn chứng người dâng cúng tứ vật dụng theo Hạnh phúc kinh, hay các kinh, tuỳ sự hiểu biết của bạn.

Nên giảng con sông là 4 trường hợp tạo công đức, là lòng tịnh tín vững chắc nơi trong Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo theo "Itipiso", và sự trì giới trong sạch. Rồi mới ngâm kệ ngôn, dịch và giảng theo sự hợp thời.

[1] Trích Tam Tạng quyển 21, trang 72.

23. Nói về quả của sự thí thực:

"Samkhatam bho janam yava deti
Sucim panitam rasasa upetam
Sa dakkhina ujugatesu dinna
Caranopapannesu mahaggatesu
Punnena punnam samsandamana
Mahapphalo lokaviduna vannita
Etadisam yannamanussaranta
Ye vedajata vijaanti loke
Vineyya maccheramalam samulam
Anindita saggamupenti thananti[1].

= Người thường bố thí vật thực mà mình chuẩn bị sạch sẽ quý báu, thơm ngon, tương xứng với vị nhận cúng dường.

Người đã bố thí đến người chuẩn mực, hạnh kiểm tốt, thanh cao, phước nối liền phước, có nhiều quả báu, được người hiểu rõ thế gian *(ý nói Thế Tôn)* tán dương.

Những người có sự hoan hỷ, nhớ tưởng đến phước như thế, loại trừ được tội lỗi là sự bỏn xẻn, tận gốc rễ, sanh về nhàn cảnh.

Giảng: Kệ ngôn này thuyết riêng trong dịp họ làm phước trai tăng là thích hợp.

"Người chuẩn mực", là người ngay thẳng là thân khẩu ý. *"Thanh cao",* là bậc A La Hán (Arahanta).

Khi bạn đưa ra kệ ngôn này, tóm lược trước rằng: - Cũng vậy, *"bố thí vật thực"* là đề tài giảng cho quý vị nghe

[1] Trích Tam Tạng quyển 21, trang 82.

bây giờ, là quả báo của sự dâng cúng thực phẩm đến các tỳ kheo Tăng trong Phật giáo.

Quả của sự dâng cúng vật thực được Đức Phật dạy: *"Ayu vannam sukkham balam",* là tuổi thọ, sắc đẹp, an vui và sức mạnh. Pāli có ý chính sau: Người dâng cúng "tuổi thọ, sắc đẹp, an vui và sức mạnh", sẽ được tuổi thọ, sắc đẹp, an vui và sức mạnh. Vừa thiêng liêng, vừa thuộc nhân gian.

Mong bà con hãy chú tâm nghe tiếp!

Đưa ra chuyện người dâng cúng vật thực bằng việc để bát hay trai tăng, chuyện nào tuỳ trí nhớ hay sự hiểu biết của bạn. bạn ghi nhớ được hoặc hiểu.

Xong, mới kết luận rằng: Do đâu sự dâng cúng vật thực được gọi là dâng cúng "tuổi thọ, sắc đẹp, an vui và sức mạnh"?

- Vì "sabbe satta aharatthitika - Nhất thiết chúng sinh duy thực tồn - Tất cả chúng sanh sống còn nhờ vật thực", họ có "tuổi thọ, sắc đẹp, an vui và sức mạnh" do thực phẩm. Nên dâng cúng vật thực gọi là dâng cúng hay bố thí tuổi "thọ, sắc đẹp, an vui và sức mạnh", nghĩa là cho gì được nấy, trong cõi nhân loại hay thiên giới, như đã nói.

Rồi ngâm kệ ngôn, dịch và giảng theo sát ý chính trên. Phần Pāli nói về quả báo của sự thí thực, còn có nhiều phần nữa.

24. <u>Nói về quả của sự thí thực (tiếp):</u>

"Yo sannatanam paradattabhojinam

Kelana sakkacca dadati bho janam

Cattari thanani anuppavecchati

Ayunca vannaca sukham balanca

Ayudayibladadi sukkham vannam ddo naro

Dighayu yasava hoti Yattha yatthaupadajjatiti[1].

= Người dâng cúng vật thực bằng sự tôn kính, hợp thời, nên dâng cúng đến những người có thu thúc lục căn. Người thọ dụng vật người khác cho thường nhận được 4 kết quả là tuổi thọ, sắc đẹp, an vui và sức mạnh. Nên người cho "tuổi thọ, sắc đẹp, an vui và sức mạnh" sanh vào nơi nào cũng có nhiều "tuổi thọ, sắc đẹp, an vui và sức mạnh" nơi đó.

Giảng: Kệ ngôn này phúc chúc (anumodana) trong việc họ làm phước trai tăng, là hợp thời. Hay thuyết kệ ngôn phúc chúc việc thí thực: *"Ayudo balado dhira (sống lâu, sức khoẻ, sáng suốt…"* cũng được!

25. Nói về 4 sự mong muốn khó được

"Bhutta bhoga bhata bhacca vitinna apadasu me

Uddhagga dakkhina dinna atho nañca bali kat

Upatthita silavanto sannata brahmacarino

Yadattham bhogamiccheyya panditogharamavasam

So me attho anuppatto ariyadhame thito anro

Edheva nam pasamsanti pecca sagge pamodatiti[2].

= Người vững vàng trong Pháp nghĩ rằng: *Ta đã được sử dụng tài sản, đã bảo dưỡng thích hợp, vượt qua các hiểm nguy, sẽ được cho quả tốt, đã hành cả 5 điều, là người có*

[1] Trích Tam Tạng quyển 21, trang 83.
[2] Trích Tam Tạng quyển 21, trang 89.

giới, thu thúc lục căn, là người hành Pháp cao thượng. Bậc thiện trí giữ nhà, gìn giữ tài sản hầu lợi ích nào, ta cũng đã thành tựu lợi ích ấy. Ta đã làm những điều ngăn ngừa khổ sở, như vậy thường sanh hỷ lạc.

Mọi người thường tán dương họ. Khi từ bỏ thế gian này, thường sanh vào nhàn cảnh.

Giảng: Kệ ngôn này giảng trong ngày Pháp lệ. Hay lúc họ họp bàn cùng nhau làm phước gì đó, cũng được.

4 sự mong muốn khó được ấy, Đức Phật dạy là:

*1/ Mong **tài sản** ta có được, bằng sự hợp pháp.*

*2/ Khi ta được tài sản hợp pháp, mong **chức quyền** có đến ta cùng gia quyến, cả các vị thầy, thầy tế độ - thầy tiếp dẫn.*

*3/ Khi ta được tài sản - chức quyền bằng sự hợp pháp, cùng gia quyến và những thầy tế độ - thầy tiếp dẫn, mong cho ta được **sống lâu.***

*4/ Khi ta được tài sản - chức quyền - thọ cao, mong sau khi chết được sanh về **nhàn cảnh.***

Muốn có 4 sự mong muốn khó được này, phải có 4 Pháp là:

1/ Đức tin.

2/ Giới luật.

3/ Xả bỏ.

4/ Trí tuệ.

Giảng rộng 4 Pháp trên, mới ngâm kệ và thuyết theo sát ý nghĩa của kệ ngôn.

PHẦN V
MỘT SỐ NGHI THỨC

A. Tư cách giảng sư

Vị giảng sư nên có tư cách đáng được tịnh tín đặc biệt, vì là người tạo niềm tin trong sạch, tôn kính, trong đường tội - phước của mọi người, hơn ai khác.

Hay một loại nữa gọi là giảng sư thu hút, là sự hấp dẫn của vị giảng sư. Sự hấp dẫn ấy là gì? - Bắt đầu từ cách ăn mặc đi đứng, cũng cần chỉnh tề đứng đắn, đừng để luộm thuộm…

Đừng như thằng hề, hay quá tươi trẻ như kẻ đa tình, hay mang vẻ đa sầu như vị tu đầu đà. Cần phải như tấm y nơi trong sạch đáng được trân trọng. Mặc vấn y phải đúng theo Luật. Lên giảng đường (sālā) cần thu thúc thân, và ánh nhìn.

Trước lúc lên Pháp toà, phải đảnh lễ bậc tôn kính mà họ đặt nơi đó (người thật hay hình tượng), nếu không có bậc tôn kính để đảnh lễ, hãy đảnh lễ vị cao hạ hơn 3 lần. Rồi mới lên Pháp toà, phải đi cho oai-oai, nghiêm chỉnh trong điệu bộ thu thúc, đừng liếc trái - phải làm hỏng tư cách bậc thầy.

Trên Pháp toà, nếu còn trẻ thì ngồi đặt mình ngay thẳng, nhìn xuống thấp, thu thúc mắt và tâm cho tốt. Còn có tuổi thì ngồi kiết già. Ngồi đàng hoàng rồi, nhớ đến kệ ngôn Kinh Tạng hay Kinh Hộ Trì (paritta) nào đó, để tưởng nghĩ những gì đã học. Không thì ngồi trầm lặng, cho đến khi truyền giới.

B. Truyền giới:

Cách truyền giới phải tuỳ theo "lời xin giới". Khi họ xin 5 giới, khi họ xin 8 giới. Lúc họ đã dứt lời xin, vị truyền giới cần cầm quạt đặt xa mình vừa phải, rồi truyền 3 lần "Namo…". Cách đọc "Namo…" để truyền giới, phải cho dứt nhịp ngắn, đừng đọc liên tục, cho họ thấm từng chữ, rồi mới truyền tam quy và truyền giới.

Giới ấy truyền bằng lời: *"Panatipata veramini sikkhapadam samadiyami* = Con xin vâng giữ điều học, là cố ý tránh xa sự sát sanh". Hay ngắt nhịp thành 2 phần là "Panatipata veraminisikkha- padamsamadiyami" cũng được. Các giới khác cũng vậy!

Lời dạy về quả báo trì giới phần cuối, tụng cho có nhịp điệu tốt, hoa mỹ, bằng tâm điềm tĩnh, đừng vội vàng nóng nảy cho xong. Để đạt được cung kính trang trọng trong khi truyền giới, nên kéo dài âm thanh theo khoảng cách, truyền cảm, giọng lướt qua dấu phẩy một chút!

*"Imani **pañca**sikkhapadani silena sugatim yanti, silenabhogasamdada silena nibbhutim yanti, tasma silam visodhaye*

*= Chư thiện nam, tín nữ sau khi thọ trì tam quy và **ngũ giới**, hãy ráng vơng giữ hành theo cho đến trọn đời, chẳng nên dễ duôi!*

*= Chư thiện nam, tín nữ sau khi thọ trì tam quy và **bát quan trai giới**, hãy vâng giữ hành theo, cho được trong sạch trọn ngày nay và đêm nay, chẳng nên dễ duôi!".*

Nếu là 8 giới thì dùng chữ **"attha (8)"** thay **"pañca (5)"** như đã nghe tác bạch, rồi đặt cây quạt xuống bên phải của mình.

*(Bên Phật giáo Bắc truyền, thầy bổn sư **thường** truyền quy giới chỉ một lần! Khác bên Nam truyền, Phật tử thường xuyên xin quy giới - Theo kinh nghiệm của dịch giả khi giảng tại các đạo tràng Bắc truyền, chúng ta phải cẩn thận, không nên tuỳ tiện truyền quy giới cho Phật tử, tránh hiểu lầm, như là có ý lôi kéo đệ tử của họ, sẽ không có lần mời thỉnh sau đó!)*

C. Nói về Phật lịch (kiểu Thái Lan)

Khi truyền giới xong, nếu chỉ một vị giảng - không phải thuyết đôi, thì chính vị truyền giới ấy cần phải công bố niên lịch tiếp theo. Nhưng trước khi tụng, phải cầm Kinh luôn bằng hai tay, tụng dần niên lịch tiếp theo. Dùng mẫu mới hay cũ tuỳ sở thích, mẫu cũ khó tụng đọc, nên hiện nay mẫu mới thông dụng hơn.

Cách tụng niên lịch, cần tụng cho có nhịp điệu tốt, ngâm giọng, để các phần cách khoảng, ít hay nhiều tuỳ dấu phẩy và dấu trường âm. Như sau:

"Idani tassa Bhagavato Arahato Sammasambuddhassa, parinibbanto patthaya catunavuti samvaccharuttara catusatadhikani dve samvaccharasahassani atikkantani. Paccuppannakalavasena cittamasassa pathanam dinam, varavasena pana ravivaro hoti. Evam tassa bhagavato parinibbana, sasana yukalaganana salakkhetabbati

= Sadhu Lành thay! Trong Phật giáo, từ khi Đức Thế Tôn, bậc Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác viên tịch Níp Bàn, giờ đã trải qua 2494 mùa hạ, Chủ nhật ngày 01 tháng 04. *(Phật lịch 2494 = Dương lịch 1950).*

Trong thời Phật giáo, từ khi Đức Thế Tôn viên tịch Níp Bàn, có tiền lệ được ấn định về việc tụng lại như vầy".

Đọc "Namo" 3 lần, rồi đọc chủ đề, rồi mới buông tay (khỏi chắp tay), cầm sách bằng 2 tay, khoảng cách xa mình và cao vừa phải.

Tên 12 tháng:

1/ Cittamāso - tháng Tư, 30 ngày.

(Thái, Lào, Cambodia là những xứ quốc giáo không dùng dương lịch hay âm lịch, chỉ dùng Phật lịch, và chọn bắt đầu năm từ đây - Tết, New Year - Dịch giả).

2/ Vesakhamāso - tháng Năm, 31 ngày.

3/ Jetthamāso - tháng Sáu, 30 ngày.

4/ Asalahamāso - tháng Bảy, 31 ngày.

5/ Savanamāso - tháng Tám, 31 ngày.

6/ Potthapadamāso - tháng Chín, 30 ngày.

7/ Assayujamāso - tháng Mười , 30 ngày.

8/ Kattikamāso - tháng Mười Một, 30 ngày.

9/ Makasiramāso - tháng Mười Hai, 31 ngày.

10/ Phssamāso - tháng Giêng, 31 ngày.

11/ Maghamāso - tháng Hai, 28 ngày.

12/ Phaggunamāso - tháng Ba, 31 ngày.

Niên lịch trong tiếng Māgadha (Pali) dùng tên trước, tiếng Thái đặt tên phía sau.

30 ngày trong tháng. Tiếng Magadha là *dinam:*

Pathanam dinaṃ - ngày 1.

Dutiyaṃ dinaṃ - ngày 2.

Tatiyaṃ dinaṃ - ngày 3.

Catutthnaṃ dinaṃ - ngày 4.

Pancanaṃ dinaṃ - ngày 5.

Chatthanaṃ dinaṃ - ngày 6.

Sattamaṃ dinaṃ - ngày 7.

Atthamaṃ dinaṃ - ngày 8.

Navamaṃ dinaṃ - ngày 9.

Dasamaṃ dinaṃ - ngày 10.

Ekadasamaṃ dinaṃ - ngày 11.

Dvadasamaṃ dinaṃ - ngày 12.

Terasamaṃ dinaṃ - ngày 13.

Cuddasamaṃ dinaṃ - ngày 14.

Pannarasamaṃ dinaṃ - ngày 15.

Solassamaṃ dinaṃ - ngày 16.

Sattarasamaṃ dinaṃ - ngày 17.

Attharasamaṃ dinaṃ - ngày 18.

Ethunavisatimaṃ dinaṃ - ngày 19.

Visatimaṃ dinaṃ - ngày 20.

Ekavisatimaṃ dinaṃ - ngày 21.

Bavisatimaṃ dinaṃ - ngày 22.

Tevisatimaṃ dinaṃ - ngày 23.

Catuvisatimaṃ dinaṃ - ngày 24.

Pañcavisatimaṃ dinaṃ - ngày 25.

Chabbisatimaṃ dinaṃ - ngày 26.

Sattavisatimaṃ dinaṃ - ngày 27.

Atthavissatimaṃ dinaṃ - ngày 28.

Ethunatimsatimaṃ dinaṃ - ngày 29.

Timsatimaṃ dinaṃ - ngày 30.

Ekatimsatimaṃ dinaṃ - ngày thứ 31.

Ngày trong tuần (sattaha):

Adiccavaro - 1. Chủ Nhật.

Candavaro - 2. Thứ Hai.

Kummavaro - 3. Thứ Ba.

Vudhavaro - 4. Thứ Tư.

Vihappativaro - 5. Thứ Năm.

Sukkhavaro - 6. Thứ Sáu.

Soravaro - 7. Thứ Bảy.

Tên khác để nói gọn cũng xài được, như Ravivaro - ngày Chủ nhật, Sasivaro - ngày Nguyệt, thứ Hai.

D. Cách thức đọc "Namo…" (Nam Mô)

Giữ tâm thành kính Phật Pháp Tăng, mới đọc "Namo" 3 lần. Cách đọc "Namo" ấy có âm điệu đáng nghe, chầm chậm.

Truyền giới cũng bắt đầu bằng âm thanh nhẹ chậm như vậy, cho âm điệu theo chấm phảy và ngừng hơi thở theo nơi xuống hàng, như:

*"**Namo** Tassa Bhagavato Arahato Sammasambuddhassa.*

Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammasambuddhassa.

Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammasambuddhassa."

Xin chỉ dẫn rằng, đọc cho hăng hái, từng hơi thở dài thành thứ lớp, qua lần thứ 3. Cần lên giọng lần thứ 1,2, càng cao nghe càng đã, đáng được chú tâm cung kính. Mong bạn thường tập riêng, hiểu rõ và đọc tốt hơn theo hướng dẫn này.

Người từng là giảng sư danh tiếng, vừa được nghe họ đọc "Namo" là cũng biết vị này sẽ thuyết thành hay không thành! Như võ sĩ vừa thấy ai ra quyền - cước, thì biết ngay võ sĩ này có tài nghệ hay không. Hay người rành rẽ trong việc róc đẽo cày, vừa thấy họ dá điệu búa hay dao thì biết liền, người này đẽo róc cây được hay không.

Xin bạn đừng nghĩ rằng, đọc sao cũng được, cần gì có kiểu mẫu. Vì việc nghĩ vậy không sanh quả tốt đến bạn và cả Phật giáo, mọi Phật tử. Phật giáo là tôn giáo rộng lớn, thanh cao, tăng thượng, khi giảng sư không làm điều thích hợp, đọc "Namo" giống trẻ con đọc chơi - chơi hay đọc như dân làng, sẽ không đáng được tôn kính.

Tôi từng nghe lời bàn ra tán vào rằng, *"Vừa được nghe đại đức đọc "Namo", lòng con đã dựng đứng xúc cảm nhiều lần!"*. Làm tôi hiểu 2 nguyên nhân là:

1/ Bằng âm điệu khi đọc.

2/ Riêng tôi, tôi chú tâm thành kính đến Tam bảo thật sự. Hay bằng cả 2 lý do này.

Do đó, mong bạn cố gắng đọc theo hướng dẫn đây. Các vị pháp sư giáo thọ từ xưa cho đến thời tôi cũng nói, "Namo" đọc cả đời, cho sanh lòng tịnh tín đến mọi người. Tùy tâm bạn nói gì đi nữa, nhưng luôn phải bắt đầu từ "Namo"!

Giảng sư giỏi thường tìm kệ ngôn làm chủ đề, vì âm điệu ngân nga tốt hơn đọc văn xuôi Pāli. Trừ khi các vị không hiểu, thì miễn bàn, là do ngâm kệ không dễ nghe...

Xin chỉ dẫn: Khi bạn đọc "Namo" đã dứt lần thứ 3, ngang hơi thở, dừng lâu chút đỉnh, rồi đọc kệ ngôn tiếp theo. Kệ ngôn ấy cần phải là 2 câu, rồi ngừng hơi, tiếp điều 2 rồi lại ngưng hơi, lên điều 3 cũng ngưng chút. Chẳng hạn như kệ ngôn thứ 1 trong kinh Pháp Cú (Dhammapada):

"Manopubbaṅgamā dhammā.

Manoseṭṭhā manomayā.

Manasā ce paduṭṭhena.

Bhāsati vā karoti vā.

Tato naṁ dukkhamanveti.

Cakkam'vā vahato padaṁ".

Như đã nói, kệ ngôn không cần có dấu phẩy, nhưng xuống hàng, chỉ có dấu chấm thôi. Khi dứt kệ ngôn, buông cả 2 tay, cầm kinh lá buông bằng cả 2 tay một cách cung kính. Đơn cử:

- Bây giờ, tôi sẽ giảng Cakkagatha nói về 4 bánh xe tiếp theo, để mang lại lợi ích đến mọi Phật tử, theo sự hợp thời!...

Giảng sư phải phát âm rành mạch, tròn vành rõ chữ.

Nói thiếu chủ ngữ là sai lầm nặng, cả ngữ pháp Việt (hay Thái) và Pāli, không biết ai giảng, người hay quỷ chăng, phải dùng câu *"**Tôi** sẽ thuyết"* mới được à nha!

Desana, dịch là sự thuyết giảng. **Visajjana,** dịch là lời giảng giải, giải đáp vấn đề. Sát theo nguyên văn của Đức Phật, Ngài thuyết điều nào thì ta hướng dẫn lại điều ấy thôi, không phăng diễn lung tung, tạo khẩu nghiệp, quả báo không nhẹ về lâu dài! Kiểu thuyết giảng như vậy là vì bản ngã, hư danh và các ích lợi phù du…

Như Ngài thuyết về hạng người phi chân nhân - chân nhân, ta cũng chỉ lại rằng:

- Tôi sẽ giảng hạng người phi chân nhân và chân nhân đến quý vị:

Này các tỳ kheo! Các tỳ kheo đáp: - Thưa vâng, bạch Thế tôn!... Bạn cần nói rõ trong lời mở đầu, bạn giảng gì và mục đích gì.

Như đề tài 4 bánh xe, cần nói chậm, như chuyển động của thuyền ra khỏi bến, như xe lửa rời sân ga vậy.

Lời mở đầu, nói văn chương hoa mỹ, chậm rãi, âm điệu dài, nhập đề được. Rồi tăng tốc dần, âm điệu liên tiếp. Làm cho đề tài thông suốt, khi nhặt khi khoan.

Chuyện kể rằng: Có một "đại sư" thuyết vào dịp tang lễ, trước thi hài. Vị ấy thuyết theo Kinh lá buông - (được viết chưa hoàn chỉnh). Khi thuyết giảng hăng say, lẽ ra vị ấy ngưng lấy hơi, lật sang lá kế rồi đọc tiếp "quăng nơi nghĩa địa", thì người nghe mới hiểu. Nhưng đại sư đã dừng, rất chậm đọc lá sau… Tang gia bối rối càng thêm bối rối!

=> kiểu như thầy thuốc cho toa, lật trang đầu rồi cho... Người bệnh oằn oại, chạy đến hỏi, he mới lật trang sau, có 2 chữ tiếp nối đã ko xem: "tắc tử"! (uống vậy... sẽ chết!)

Thời này (1950), nhiều chữ lóng, mang 2-3 nghĩa bóng, như chữ *kumbha* dịch là *"cái nồi"*, nếu không nhớ thì dịch là *cái chum* hay *cái chậu*. Dịch là *cái nồi*, phải có chữ *gạo*, hay *nồi nước*, *nồi thuốc*, thêm gì đó vào, khi thuyết cho người miền Trung (Thái Lan) nghe, bởi những chữ đơn như vầy thường chướng tai họ do thổ ngữ, khó nghe xưa nay. Nếu nói điều đó ở Thủ đô (Bangkok) thì có vẻ thích hợp hơn chăng.

E. Cách thuyết Pháp

Đây là nói đến kiểu thuyết thơ kệ, thuyết vấn đáp không như thế. Là như nói thường, nhưng cần có âm điệu tốt. Chỗ nào nên nhẹ nhàng thì nhẹ nhàng, chỗ nào nên cứng rắn thì cứng rắn. Ý chính nhấn mạnh hay nhu nhuyến cũng tuỳ trường hợp mới nói được.

Nếu có cảm hứng, cần nói cho hoa mỹ. Nhưng thuyết về Pháp hành, theo cảm hứng thì không nên, ý chính phải theo sát chú giải. Ngữ âm rành mạch, giúp người nghe hiểu rõ.

Ngoài ra, nếu thuyết không có cảm xúc, chỉ nói cho có âm điệu, giúp họ dễ ngủ và điều này không giảng sư nào muốn. Không cần nói năng hoa mỹ cho lâu, dù nói hay cũng là *"nói dài, nói dai, nói dại"*! Xe thuyền chạy suốt cũng cần ngừng nghỉ ở nhà ga.

Cuối bài giảng, cần chúc phúc theo thông lệ. Nên nói: *"Tôi đã giảng lại trong Kinh…",* chấm dứt như vầy,

"Evaṃ", rồi tụng *"Yatha…", "Sabbi…"* mới rời Pháp tòa. Đến đảnh lễ bậc đáng tôn kính mà họ thường đặt ở giảng đường (sala). Đảnh lễ tượng Phật trước, rồi các vị cao tăng đáng kính sau, như lúc lên Pháp tòa.

Sau đó, những người thính pháp sẽ chỉ dẫn nhau dâng cúng các món đến các vị giảng sư. Rồi giảng sư tuỳ thời gian mà ngồi lại đàm luận với bà con, tư cách vậy là chuẩn mực. Nếu là ngày Pháp lệ, nên ấn định 8 ngày hay 7 ngày, tới ngày đó họ mới cúng dường_theo lệ.

F. <u>Thuyết giảng và Chúc phúc cho công chúng</u>

Vị giảng sư phải học hỏi phong tục và cần viết đề tài thuyết giảng, xuống lá buông! Cách truyền giới, chỉ dẫn niên lịch (Phật lịch, kiểu Thái Lan).

Cuối bài giảng đôi - vấn đáp, nên: "Chúng tôi xin phúc chúc đến cho các vị Phật tử, các thí chủ, bằng kệ Ratanayapapakiṇṇaka bhāvābhiyācana, các kinh hộ trì Pakinnaka như sau:

"Ratanayānubhāvena ratanatyatejasā upadavantarāyā ca upasaggā ca sabbaso ma kadāci samphusimsu.

= Do nhờ oai lực Tam bảo, phước điền đầy đủ, xin mọi hiểm nguy tai hại, đừng có đến người!".

"Yandunnimittam avamangalanca…

= Nhờ uy linh của Đức Phật - Pháp bảo - Tăng bảo siêu việt, xin cho những điều bất hảo, bất lợi, tiếng điểu thú không vừa lòng, nghịch cảnh và mộng mị, bất mãn, thảy đều tiêu tan".

"Dukkhappattā ca niddukkhā,

Bhayappattā ca nibbhayā,

Sokappattā ca nissokā,

Hontu sabbepi pāṇino.

=Tất cả chúng sanh đến khổ rồi, xin đừng cho có khổ, đến sự kinh sợ rồi, xin cho cho kinh sợ, đến cơn phiền muộn rồi, xin cho dứt phiền muộn".

"Dānaṃ dadantu saddhāya,

Sīlaṃ rakkhantu sabbadā,

Bhāvanābhiratā hontu,

Gacchantu devatāgatā.

Mọi người hãy bố thí, trì giới, hãy là người vui thích tham Thiền thường xuyên. Chư thiên đã đến, xin thỉnh các ngài hồi quy".

"Abhivādanasīlissa,

Niccaṃ vuḍḍhāpacāyino,

Cattāro dhammā vaḍḍhanti,

Āyu vaṇṇo sukhaṃ balaṃ.

= Cả 4 Pháp chúc mừng là: *sống lâu, sắc đẹp, an vui, sức mạnh,* hằng thêm đến người. Là người năng nghiêng mình lễ bái, cúng dường đến Tam-Bảo, và có lòng tôn kính các bậc tu hành tinh tấn, nhứt là bậc trì giới, và bậc trưởng lão".

Nếu thuyết dịp tang lễ, phải hồi hướng sau cùng rằng: "*Lại nữa, cầu mong quả báo phước thiện, của việc bố thí,*

được thí chủ làm đầy đủ bởi bè bạn, gia quyến đồng huyết thống, đã thực hành đây, xin hồi hướng đến người đã quá vãng, mong quý vị có tái sanh vào nơi nhàn cảnh, sớm gặp chánh Pháp và tu học tinh tiến"

PHẦN VI
3 KIỂU THUYẾT BAN ĐẦU

A. Thuyết Được

"Thuyết được" là gì? Chỉ gọi là "được", theo đề tài họ thỉnh. Lợi ích đến người nghe hay không chưa biết. Như thuyết 7 thánh sản, cũng tuỳ sự hiểu biết, nhớ nhiêu - nói nhiêu!

Đề tài nào nên nói ít nói nhiều, đúng ý người nghe và làm theo hay không thì tùy ở họ, kiểu chỉ nói như người đọc sách nấu ăn. Không biết nấu làm sao sẽ ngon, vừa miệng vừa lòng người, sách dạy sao làm theo vậy thôi.

Nghĩa là, *"thuyết được"* là nói theo lý thuyết, kinh sách, theo sự hiểu biết học hỏi từ ai đó. Không biết rõ chuyện nào hay ý nào đưa ra thích hợp, như kiểu ngài Loḷudāyī, có trong kinh Pháp Cú (Dhammapada) rằng:

Trưởng lão Loḷudāyī muốn nói về đề tài An Lành, lại giảng những điều không tạo ra an lành! Như các ngạ quỷ đã vào nhà ta, thường đứng phía sau, ngoài cửa… tạo ra cảm giác không an lành, khi nghe chuyện ngạ quỷ thân quyến vua Bimbisāra. Các tỳ kheo nghe ngài giảng, mới đến thưa Đức Phật:

- Thưa Đức Thế Tôn, ngài Loḷudāyī khi giảng một kiểu lại sàng qua kiểu khác, tạo ra sự vừa an lành vừa không an lành!

- Này các tỳ kheo, không phải chỉ hiện giờ Loḷudāyī nói chuyện như vậy, kiếp xưa cũng vậy! Rồi Ngài kể lại tiền thân rằng:

"Trong thời quá khứ, có một bà la môn tên Aggidatta tại thành Bārāṇasī. Có con trai tên Somadatta, đã vào yết kiến vua Bārāṇasī và thành con nuôi của vua Bārāṇasī. Bà la môn ấy sinh sống bằng nghề nông. Bà la môn có 2 con bò nhưng chết một con, mới dạy con rằng:

- Somadatta ơi, con hãy đi xin vua một con bò cho cha!

Somadatta nghĩ: "Nếu ta xin của vua, nhân cách ta sẽ bị khinh thường!", nên thưa rằng:

- Xin cha hãy tự đi xin!

- Vậy con hãy dẫn cha vào hoàng cung!

Đứa con biết bà la môn là người khờ khạo, nói một đàng lại sàng đàng khác, ta phải cho tập trước mới dẫn đi. Somadatta dẫn cha đến nghĩa địa Viranathambhaka, rồi kiếm cỏ bện thành người nộm, tượng trưng là đức vua, phó vương, thượng thư, sắp đặt theo thứ tự… Mới thưa rằng:

- Cha vào đến cung vua, nên đi trước như vầy, nên trở lui như vầy, nên tâu trình đức vua như vầy, nên nói với Phó vương như vầy, như vầy… Khi yết kiến vua rồi, hãy tâu trình, hãy cảm thán đức vua.

Rồi cho học lời xin bò: "Tâu đại vương, hạ dân có hai con bò để làm ruộng, nhưng đã chết một con, xin bệ hạ hoan hỷ ban cho con thứ hai!".

Bà la môn ấy học lời xin bò này trong thời hạn một năm, thông thạo nhuần nhuyễn mới bảo người con biết. Đứa con nói:

- Vậy xin cha hãy đem theo lễ vật nào đó, con đi trước, sẽ đứng tại nơi yết kiến đức vua.

- Được rồi!

Ông ta cầm lấy lễ vật đánh bạo đến hoàng cung, khi Somadatta đang bên kề vua. Đức vua hỏi rằng:

- Này ông, lâu rồi ông mới đến! Ngồi xuống, và cần gì nói đi!

- Tâu đại vương, hạ dân có hai con bò để làm ruộng, nhưng chết một con. Xin bệ hạ hãy hoan hỷ ***nhận lãnh*** *con thứ hai!*

- Ông nói gì? Lập lại xem!

Ông ta cũng tâu như thế nữa, vua hiểu rằng, bà la môn này trình tấu sai, nên mỉm cười rồi đùa:

- Này Somadatta, nhà của ông có nhiều bò nhỉ!

Khi ấy, Somadatta xin trình:

- Tâu bệ hạ, bò mà Ngài ban cho, sẽ có nhiều!

Vua hoan hỷ với lời nói khéo léo của Somadatta, nên đã ban cho 16 con bò cùng y phục và nhà cửa đến bà la môn ấy, rồi cho Bà la môn ấy trở về, với nhiều chức quyền".

Khi Đức Phật kể hết, mới nhận diện:

"Vị vua khi ấy là tiền thân Ānanda, bà la môn ấy là tiền thân Loludayī, còn Somadatta là tiền thân của Ta.

Này các tỳ kheo, không phải mới bây giờ, khi trước Loḷudāyī cũng nói một đàng sàng đàng khác, do ít học.

Người học ít nghe ít, thường giống con bò già. Họ phát triển theo kiểu của họ thế thôi, trí tuệ không tiến hóa!

Có lời giải rằng: Người mệnh danh là *"nghe ít"*, vì không chịu học hỏi, chỉ một hai phần (paṇṇāsaka), hay chỉ một vài bài kinh (sūtra).

Về phần người học đề mục thiền rồi liên tưởng, chỉ gọi là người nghe nhiều chút đỉnh. Như con bò già khi muốn phát triển, mập béo lên cũng không được, muốn mang lợi đến cha mẹ hay thân quyến cũng chỉ trống không, chẳng ích chi.

Người ít nghe ít học không tạo nhiều lợi ích, chỉ có thụ hưởng tứ vật dụng rồi cũng xả ra... Chỉ tiến triển khoản dài lưng tốn vải mà thôi. Trí tuệ phàm hay thánh họ cũng không tiến hóa nỗi, có lắm chỉ chừng một ngón tay, còn lại chỉ tiến về ái dục - ngã mạn mà thôi, như con bò già không được sử dụng. Họ thả cho bò tự đi kiếm cỏ kiếm nước sống tuỳ thích, cũng có thân mình béo mập, nhưng không làm được gì, chẳng tích sự gì.

Bạn nghĩ xem, ngài Loḷudāyī không biết nơi nào thì nên thuyết cái nào, người nào thì nên thuyết, người nào thì không. Khi nên thuyết về sự bất hạnh lại giảng về sự an lành, và ngược lại, như đã nói. Là gương mẫu cho *"thuyết được", kiểu này thì* xài tạm cũng được!

Trở lại, khi thuyết 7 thánh sản, cũng thuyết theo trí nhớ, không biết nên giảng ra sao, nhiều ít thế nào, mới lợi ích cho người nghe. Như thuyết 7 thánh sản cho đạo tràng bình dân, đáng lý nên nói về tín - giới - tàm - quý cho nhiều, lại giảng về đa văn học rộng (Bāhusacca), làm chi thính chúng ngồi há miệng nghe, không hiểu tiếp thu cái gì!

Ngược lại, lúc giảng cho nhóm trí thức nghe, nên nói về đa văn hay trí tuệ cho nhiều, lại quay sang các chuyện khác...

Thuyết cho nhóm không có giới pháp nghe, như tội phạm trong tù, nên nói nhiều về tín - giới - tàm - quý, chuyện tội - phước, lại nói về xả bỏ (cāga), sự xả bỏ bố thí hoàn toàn (paricāgadāna), hay lại nói đa văn - trí tuệ cho dữ!

Thuyết cho nhóm chưa có niềm tin nghe, nên nói về đức tin cho nhiều, nhưng lại giảng về tàm - quý, hay lan man các chuyện khác...

Giảng cho nhóm chuyên nghề sát sanh *(đồ tể, ngư phủ, buôn bán cá thịt do tự mình giết cho tươi)* nghe, nên nói về tàm - quý nhiều, lại lan man các chuyện khác...

Những vị như vậy, chưa đạt *"thuyết thành"!* Vì không mang ích lợi đến người nghe, không ứng dụng trong cuộc sống được. Như thế, vì ít học và thiếu kinh nghiệm, mà không biết nên giảng CÁI GÌ - KHI NÀO - AI NGHE, nói nhiều hay ít. Phải BIẾT DỪNG ĐÚNG LÚC, nói đê mê cho hết ý họ nghe rồi quên sạch!

Lễ gì, cầu an - cầu siêu, hay dịp tạo phước nào, ta nên giảng gì? Còn khi họ thỉnh đề tài riêng, cần biết sau khi thuyết đề tài ấy, ta nên hồi hướng ra sao.

Tóm lại, việc thuyết *không phù hợp tâm tánh của thính giả, không hợp thời*, gọi là *"thuyết được"* chưa là "thuyết thành". Như bác sĩ cho thuốc, họ phải nghiên cứu nguyên nhân - triệu chứng trước, rồi mới ra toa. Giảng sư cũng vậy, phải xem xét tình hình các thứ kể trên.

Như khi khuyên dạy trưởng giả, đưa ra các Pháp hành của cư sĩ, nói về sự gìn giữ nhà cửa, làm sao thành người giàu có, là kiểu mẫu của **"thuyết không thành"!** Vì nếu họ chưa biết cách gìn giữ và gia tăng tài sản, họ đâu là đại gia. *Chẳng ai dạy người giàu cách xài tiền cả!*

Nên giảng cao hơn, nói về sự nguy hiểm của ngũ dục và xuất ly chúng, lợi ích vị lai - "hậu phần lợi ích" - đạo quả Níp Bàn, tức chân an lạc *(Nibbanam paramam sukham).*

Đức Phật thường nhìn ra tâm trạng người nghe, có dễ dạy hay thuần phục chịu nghe chưa, có bị những cú shock hay chán nản, căng thẳng cùng cực (depressed, stress) và trãi qua xong chưa, hết tưng tưng - tỉnh táo và tĩnh tâm chưa. Nếu đã lắng lòng và đủ duyên, Ngài sẽ dạy, ***"đi thẳng vào tâm (hadayam gama)".***

Nhưng các sư thầy là phàm đệ tử, không thấu tâm người. Thường thuyết cho đúng theo tánh tình của người nghe, theo căn cơ mỗi người không được, nhưng khi cố gắng quan sát người tại đó thường xuyên, cũng có thể nói vừa lòng họ. Như nơi ấy là nông dân, công nhân, ngư dân, doanh gia, hay quan chức. Xét rằng:

Từng nhóm có căn tánh riêng biệt:

Nông dân hay dân làm vườn ưa nghe kể chuyện trong kinh, chuyện tiền thân Bổn Sanh (Jataka), vui buồn lẫn lộn, những chuyện căn bản về tội phước. Cần nói thêm về ơn đức của sự tinh cần, cúng dường chư tăng, vì dân ruộng rẫy thường chất phác, cần cù, giản đơn. Nếu nói cho họ thấy, việc làm ruộng làm vườn là quá vất vả, không dễ như đi buôn hay làm quan, gọi là *"thuyết không thành"*! Do đâu? Do dân làm nông thường thích nghe chuyện tội phước mà không cần phân tích so sánh cao xa.

Ngư phủ là nhóm sinh nhai bằng cách bán cá, hay nhóm giết thú, thường không thích nghe tội sát sanh. Ai giảng giới này cho họ nghe, tóm tắt hay giải rộng, theo chú giải Pāli hay không, cũng bị xem là *"thuyết không thành"!* Vì không lợi ích đến người nghe. Nhớ: trong ý chuyện nếu phải đề cập đến tội giết thú, đừng nói cho họ sân ưu mặc cảm, phải nhẹ nhàng phủ dụ về từ bi tự mình và kẻ khác, nói

cho họ biết bụng người bụng ta, so sánh rồi chỉ dẫn trong giới pháp các thứ. Nói thêm về quả báo bố thí, thính Pháp…

Thương buôn không thích nghe chuyện gian dối, tráo trở, hay chuyện mua bán đúng đắn, mua đúng bán đắt. **Quan chức** không thích nghe chuyện phản nghịch. Do đó, thuyết về những chuyện gian manh, kém chân thật cho thương buôn cũng được, chuyện phản nghịch cưa ghế trước mặt nhóm quan chức cũng được, hay chuyện thiên vị, không chí công vô tư cho thẩm phán nghe cũng được, nói chuyện phỏng đoán, mơ-mơ hồ-hồ cho thủ trưởng các người ấy nghe cũng được. ***Tuy nhiên, phải biết cách nói, cực khéo léo,*** không thì cũng gọi là *"thuyết không thành"!*

Vì khi ta quan tâm chỉ dạy thương buôn không gian dối, không tráo trở, không nên bán đồ quá giá, ta cũng phải giảng nhiều đến tội lỗi của sự không nhân từ - ác đức, rồi giảng ơn đức của nhân từ cho họ nghe sau. Khi thấy tâm họ vừa chùn, chăm chú nghe và không muốn tái phạm, mới giảng tội của sự gian dối, tráo trở, mua đúng bán đắt cho họ nghe sau. Cuối cùng giảng cho họ thấy rằng, ***mọi tài sản khi đã chết đều mang theo không được!*** Tâm họ sẽ phai lạt tham ái ít nhiều.

Lúc chỉ dạy các hạng người khác cũng vậy. Muốn cho ai đoạn tuyệt một điều nào, phải dạy cho dứt bỏ điều ấy bằng sự thẳng thắn nhìn ra vấn đề, thực thể Pháp. C'est la vie! Đời mà.

Nhưng *"dạy không thành, thuyết không thành"* không đặng phước báu như ý. Xin kết luận, **thuyết được** gọi theo Pāli là: ADESANĀKOSALA = <u>không khôn ngoan trong thuyết giảng!</u>

B. Thuyết Rõ

Chúng tôi từng nghe phê bình của thính giả rằng, vị này thuyết rõ - vị kia thuyết không rõ!

Nhưng khi xin họ giải thích, họ cũng khó nói, không nắm quy luật nói sao cho lời rõ ràng mạch lạc, cả bạn cũng có thể như vậy! Riêng bạn khi bị hỏi vậy, sẽ có thể cảm nhận bực bội. Trong lúc bạn nghe thuyết hay đã nghe, bạn cần nhận ra vị ấy thuyết rõ hay không. Tâm bạn nhận ra, nhưng khó nói.

Vì có nhiều dạng, nếu nói hợp thời, đúng căn tánh của người nghe, hàm xúc, rành mạch, thính giả nghe đâu thấm đó, "đi thẳng vào tâm" *(hadayam gama).* Điều này sẽ được nhắc lại ở phần *Thuyết Thành*, gọi theo Pāli là Desanākosala dịch là "khôn ngoan trong thuyết giảng".

Vậy đó là thuyết vui đùa hí tiếu chăng? Không phải! Là thuyết lưu loát (không vướng kẹt), là nước chảy lửa tắt sao? Không phải!

Vậy, *"thuyết rõ"* là gì?

Là sự thuyết giảng hoàn bị, với 3 toàn hảo *(ādikaḷyānaṃ majjhekaḷyānaṃ pariyosānakaḷyānaṃ)*, "toàn hảo đoạn đầu - đoạn giữa - đoạn cuối".

Toàn hảo đoạn đầu, là khởi đầu tốt, đưa ra kệ ngôn đọc trước, mở bài. Phần giảng giải kể là thân bài, đoạn giữa, giảng cho thính giả hiểu rõ. Kết luận là đoạn cuối, tóm ý cho họ mang về ứng dụng trong cuộc sống, không thì bị xem là "trí tuệ bắp vế" *(đứng dậy quên sạch, như vật để trên bắp vế sẽ rơi lại!).* Đây gọi là *"thuyết rõ",* theo phân loại của giảng sư khắp nơi.

Lời tán dương Đức Phật *"thuyết rõ"* có trong nhiều Kinh, cả ở tạng Luật - cuốn 1, phần *Verañja kaṇḍa…*

Về tạng Kinh, đầu kinh Ambaṭṭhasūtra, lời tán dương ấy rõ ràng:

"So dhammaṃ deseti ***ādikaḷyānaṃ majjhekaḷyānaṃ pariyosānakaḷyānaṃ*** *satthaṃ sabyañjanaṃ kevalaparipuṇṇaṃ parisuddhaṃ brahmacariyaṃ.*

= Đức Thế Tôn thuyết Pháp sơ thiện - trung thiện - hậu thiện, nghĩa văn đầy đủ, trình bày phạm hạnh hoàn toàn, thanh tịnh.

Xem chú giải Verañja-kaṇḍa, bạn sẽ thấy sự phân biệt của Dhamma, có hậu thiện - sự hoàn hảo sau cùng (pariyosānakaḷyānaṃ). Và chú giải liên quan, có phần Pāli về nghĩa của *"sattha sabyañjanaṃ - nghĩa văn cụ túc"*, là sự phân biệt của phạm hạnh (brahmacariyaṃ).

Giáo Pháp được chỉ dạy đầy đủ. Gọi là ādikaḷyāna - sơ thiện, tức là giới (sīla) dẫn đầu. Gọi là majjhekaḷyāna - trung thiện, là thiền định, đạo quả. Gọi là pariyosānakaḷyāna - hậu thiện, tức Níp Bàn.

Hay là, sơ thiện do Đức Phật là vị hiểu rõ, trung thiện do Pháp tịnh hảo, hậu thiện là sự thực hành của chư Tăng.

Một cách nữa, gọi là sơ thiện bởi Phật Toàn Giác (Abhisambodhi) là người hiểu rõ, tối thượng, cho người đến nghe Pháp và tu tập. Trung thiện, tức Phật Độc Giác (paccekabodhi). Hậu thiện, là Thinh Văn Giác (sāvakabodhi).

Người nghe được chỉ dẫn hoàn hảo, là nhân đè nén các chướng ngại pháp, nên gọi là **sơ thiện.** Người thực hành chỉ dẫn lại hoàn hảo, nhân đưa đến an lạc, bằng thiền chỉ - quán,

gọi là **trung thiện.** Bền bỉ, nỗ lực tu tập, thành tựu quả của pháp hành, gọi là **hậu thiện.**

Hay là, sơ thiện là sự trong sạch, yếu tố đầu tiên để nương nhờ - trung thiện là sự trong sáng của ý nghĩa - hậu thiện là sự trong sạch trong tâm.

Chú giải Tīkāsāratthadīpanī ghi rằng: *"Kaḷyāna - sự hoàn thiện ấy, là sự hoàn hảo (bhaddaka), không có lỗi lầm (anavajja)"*. Đức Phật thuyết Pháp, luôn hoàn hảo tốt đẹp, không có lỗi lầm, phần đầu - phần giữa - phần cuối.

"Sự trong sạch, yếu tố đầu tiên để nương nhờ", tức là Pháp được chỉ dạy - thành nơi nương nhờ của chúng sinh. "Sự trong sạch của ý nghĩa", là Pháp không có phiền não (upakilesa). "Sự trong sạch trong tâm", là Tâm (citta), là sự thực hành tốt.

Hãy ghi nhớ 9 điều tiếp theo đây:

1/ Pháp được Đức Phật thuyết ấy, nếu là kệ ngôn thì chia ra 3 phần: câu đầu sơ thiện, những câu giữa là trung thiện, và câu cuối là hậu thiện.

2/ Nếu là kinh có sự liên quan, lời mở đầu kinh của trưởng lão Ānanda *"Evaṃ me sutaṃ… Như vầy tôi nghe…"* là **sơ thiện**, cuối kinh là *"Idhamavoca bhagavā - Thế Tôn đã nói như thế"* - là lời của những vị kết tập Tam Tạng thuật lại - là **hậu thiện**, nội dung ở giữa là **trung thiện**.

3/ Nếu kinh có nhiều nội dung khác nhau, sự liên quan đầu là sơ thiện, sự liên quan cuối là hậu thiện, phần giữa là trung thiện.

4/ Giáo Pháp bao gồm: giới - định - tuệ, đạo - quả, Níp Bàn. Giới là sơ thiện, chỉ - quán và đạo - quả là trung thiện, Níp Bàn là hậu thiện.

5/ Một cách nữa, giới - định là sơ thiện, thiền quán và đạo là trung thiện, quả và Níp Bàn là hậu thiện.

6/ Ý nghĩa của Đức Phật, là bậc thuyết Pháp thực chứng, là sơ thiện. Ý nghĩa của Pháp, là Pháp bảo, là trung thiện. Ý nghĩa của Tăng, là người thực hành tốt, là hậu thiện.

7/ Phật Toàn Giác là sơ thiện, Độc Giác là trung thiện, Thinh Văn Giác là hậu thiện.

8/ *Sự chỉ dẫn hoàn hảo, giúp tiếp thu tốt,* là sơ thiện. *Sự chỉ dẫn hoàn hảo, giúp thực hành tốt,* là trung thiện. *Sự chỉ dẫn hoàn hảo, giúp đem lại kết quả tốt của hành trì*, là hậu thiện.

9/ Sự trong sạch, là yếu tố đầu tiên để nương nhờ, là sơ thiện. Sự trong sáng của nghĩa lý, tức không có phiền não (upakilesa), là trung thiện. Sự trong sạch của tâm, là Pháp hành, là hậu thiện, vì tận cùng Giáo Pháp chỉ có sự thực hành.

Khi ghi nhớ 9 điều này, bạn sẽ hiểu Giáo Pháp là lời chỉ dạy của Đức Phật, tương ưng với 3 hoàn hảo, nhưng khó nói về việc thuyết ra sao mới là sơ thiện - trung thiện - hậu thiện.

Nghĩ đến sự hoàn thiện và không lỗi lầm nói trên, bạn sẽ cảm thấy cởi mở, thông suốt đề tài, thuyết cho thành sơ thiện. Giảng cho tốt, không có sai lầm ở phần giữa, để thành trung thiện. Rồi hậu thiện, là kết thúc bài giảng với dư âm tốt đẹp.

10 quy luật thuyết giảng:

Thuyết tóm tắt:

- Giải rộng câu đầu, khai mở đề tài cho rõ ràng ra.

- Phân loại tỷ mỉ.

- Làm đề tài sâu xa thành ngắn gọn.

- Làm sanh hỷ lạc và trí tuệ đến người nghe.

Liên hệ đến ngôn từ, mẫu tự (akkhara):

Câu cú (pāda)

Ngôn từ (byañjana)

Điều kiện (ākasa)

Ngôn ngữ (nirutti)

Xiển minh (niddesa).

Phần này có chi tiết trong Tạng, nhưng tóm tắt ý nghĩa rằng, *"Đức Phật thuyết đúng chuẩn theo mẫu tự (akkhara), cả sithila là giọng thấp, dhanita là giọng cao, dīgha là giọng dài, rasa là giọng ngắn, garu là giọng nặng, lahu là giọng nhẹ, niggahita là giọng mũi, sambandha là để từ ngữ liên đới, vavatthita là để từ ngữ ăn khớp, vimutti là để từ ngữ thanh nhã".*

Sự thuyết Pháp của Đức Phật đúng theo 10 quy luật trên, lời nói có giọng thấp thì để thấp, có giọng cao thì để cao, có giọng dài ngắn nặng nhẹ thì để theo dài ngắn nặng nhẹ, giọng mũi, có từ ngữ liên quan nhau nên để liên quan nhau, nên để từ ngữ ăn khớp, nên để từ ngữ thanh nhã, không ai chê được!

Thử nghĩ đến nhịp điệu tân nhạc mà họ gọi là "đồng ca", còn ca nhạc hồi xưa họ gọi là "nhạc tự do" *(âm nhạc của Thái Lan!).* Bạn mới hiểu điều này là, tân nhạc thường có giọng không đúng theo ngôn từ, vì có giọng nên thấp thì không thấp, nên cao thì không cao, nên nặng thì không nặng, nên nhẹ thì không nhẹ, khi nghe nó không được như chữ

Dhammapurī *(ngôn ngữ vùng của Thái!).* Khi nóng nảy, nhịp điệu thành Dhanapuharī *(ngôn ngữ vùng của Thái!)…*

Cổ nhạc mà họ gọi là "nhạc tự do" ấy, nghe đặng rõ ý chính, vì đúng theo ngôn từ, đúng cả 10 quy luật (văn phạm):

nơi cần giọng thấp thì thấp,

nơi có giọng cao thì cao,

nơi có giọng dài thì dài,

nơi có giọng ngắn thì ngắn,

nơi có giọng nặng thì nặng,

nơi có giọng nhẹ thì nhẹ,

cần giọng mũi thì dùng giọng mũi,

nơi có từ ngữ liên quan nhau thì để liên quan không chia cắt,

nơi có từ ngữ ăn khớp thì để ăn khớp,

nơi có từ ngữ thanh nhã thì để thanh nhã, không chê vào đâu được!

Do đó hãy nhớ rằng, bạn thuyết giảng phải phải phát âm đúng theo ngôn từ, theo 10 quy luật đã kể.

(Phần này, làm tôi nhớ trãi nghiệm khi giảng ở miền Bắc Việt Nam, tôi đã phải tập phát âm chuẩn giữa TÍN và TÍNH, buông XẢ và hỷ XẢ, v.v… Khi nói "ngũ song thức (5 cặp giác quan, nhãn - nhĩ - tỷ - thiệt - thân)", tăng ni sinh đã nghe giọng Nam của tôi thành "ngủ xong thức"!

Khi được hỏi: "Bữa giờ, quý vị có hiểu hết những gì tôi nói không?". Câu trả lời của họ, khiến tôi phải nói chậm lại, tập phát âm chuẩn, cẩn thận hơn! Và khi về Nam nếu quen

giọng đó, nhiều người cho rằng, "Dạo này sao sư nói chuyện điệu quá!" - Dịch giả)

Tóm tắt ý chính nghĩa là, bạn nói giọng rõ ràng để thính giả hiểu rõ mọi ý, ý chính (main idea) hay chi tiết (details), dụng ý và mục tiêu nhắm tới của đề tài. Cần dùng ngôn từ trẻ trung để họ nắm vững. Xem như đã thuyết đúng đắn cả phần đầu - phần giữa - phần cuối, mới được danh **thuyết rõ!**

Là thuyết không có lỗi lầm, đúng đắn cả phần đầu - phần giữa - phần cuối, theo từ ngữ như vậy. Có câu sau: *"Kevalaparipuṇṇaṃ parisuddham brahmacariyaṃ - Phạm hạnh thanh tịnh, viên mãn"* (Xem ở Quyền hạn Giảng Sư, quyển 5).

C. Thuyết thành

Là thuyết cho thành lợi ích đến người nghe, như việc nấu cơm. Việc thuyết **hợp nhu cầu - hợp tâm tánh** của người nghe tại nơi ấy nước ấy (địa điểm), **không gian - thời gian thích hợp**, gọi là *"thuyết thành"!*

Lẽ thường, giảng sư khôn ngoan thường phải để ý nhận xét đại chúng trước lúc thuyết và đang thuyết. Hầu biết họ thích gì, nhanh nhạy linh động, kể chuyện cho họ nghe cần liền mạch, như trưởng lão Xá Lợi Phất (Sārīputta, kể bên dưới!).

Một ngày nọ, tôi đi thuyết tại một làng lớn chuyên bán cá, cùng 2 người bạn, thuyết về chuyện ngài Malaya.

Vào giữa đêm, vị trụ trì nhắc rằng:

- Thời thuyết Pháp ngày mai, mong sư cẩn thận nha! Vì xóm này là xóm làm cá bán cá đó!

- Được rồi!

Rồi tôi quay sang bảo vị giảng sư kế bên: Mai đừng quên hỏi tôi rằng, "*Giết thú tội không?".* Nếu tôi nói *"Tội!"*, hãy hỏi tiếp, "*Nếu có tội, sao Đức Phật lại cho phép ăn thịt ăn cá?".* Rồi tôi sẽ giải đáp tiếp…

Sau buổi giảng, vị mà tôi dặn đã hỏi về chuyện tội phước:

- Thưa ngài, tôi có thắc mắc! Ngài nói về chuyện tạo phước. Giờ tôi xin hỏi chuyện tạo tội, hầu đem lại sự hiểu biết cho tôi và đạo tràng nơi đây, về phần tội lỗi. Ngài từ bi giảng giải được chăng?"

- Hoan hỷ! nếu sư có ý gì, hãy hỏi!

- Tội, sanh đau khổ cho ta kiếp này kiếp sau, ấy là gì?

- Là việc tạo những sự xấu xa, không tốt, bằng thân khẩu ý. Là sát sanh - trộm cắp - tà dâm, vọng ngữ - ác ngữ - lưỡng thiệt - ỷ ngữ, tham ác - sân ác - tà kiến. Và những sự xấu xa không tốt đẹp khác ngoài ra, đều là tội cả!

- Sát sanh là gì?

- Là việc giết thú!

- Giết thú là tội chăng?

- Tội chứ!

- Vậy tại sao Đức Phật cho phép dùng thịt cá?

- Vì Đức Phật có lòng từ bi, mong cho mọi người được phước, không để bị một tội nào. Nếu Đức Phật không cho phép dùng thịt cá, dân làng vẫn giết thú giết cá, thì bị một tội khi dùng thịt cá,

Nhưng khi dân làng giết thú lấy thịt, hay bắt cá ăn và bán, có khi làm phước, sẽ được nhiều phước. Đức Phật thấy nhân quả như vậy, mới cho phép dùng thịt cá!

(Đây là quan điểm cá nhân của một giảng sư khi thuyết cho giới bình dân tại một vùng quê Thái Lan, không phải nguyên văn Kinh! - Dịch giả)

Vừa lúc tôi giải đáp dứt, thấy một người đứng dậy rời giảng đường (sālā). Không bao lâu, người đó đã đem cả cần xé cá sặc loại lớn đến. Tại nơi có một đống cá sặc rồi đặt thêm 3 đống cá lớn nữa. Tiếp đó, tôi cùng các vị nói theo các đề tài khác. Lúc hết giờ, nhiều người bàn tán: *"Thuyết tài thật, giải đáp rõ thật!".*

Kể cho nghe, để bồi bổ thêm kinh nghiệm, để bạn chú ý rằng: Giảng sư phải là người khôn ngoan trong việc thuyết Pháp hợp thời!

Một lần nữa, tôi nhận lời thỉnh đi thuyết về chuyện Ngài Buddhaghosa ở chùa Đại Sân (Khẩu Thá Môn), tỉnh Kim Cang (Phếch). Lúc ấy, thí chủ là người già cả, mới trúng vé số được 2.000$ - vé số Pháp lần đầu xổ ở Thái Lan. Đi xe lửa cùng tôi và các vị trợ giảng, ông ngồi hàng thứ hai với tôi, có vợ và con gái bên cạnh.

Chuyện trò cùng tôi suốt quãng đường, mỗi lần ông ta quay đầu qua người vợ, bên đó cũng phải đưa ly rượu nho, như thế suốt đoạn đường. Trò chuyện ậm ừ qua lại, ông đã kể cho tôi nghe rằng, ông ta chẳng tin gì khác ngoài sự vô thường (aniccaṃ) và tội - phước.

Ông kể rằng khi ông còn nghèo, đi làm thuê, đào mương. Lúc đó ông thường nói rằng, khi nào có tiền sẽ uống rượu cho thỏa thích. Nói thế luôn trong 3 năm thì trúng vé số

lần thứ nhất, rồi ông tạo phước ở nhà, nhưng bắt đầu uống rượu ngoại, là loại rượu Pháp (France) mà họ cất giữ được 3 năm, cao giá trong thời ấy. Trong lúc chuyện trò, ông ta thường "Ồ!", và nói rằng không có cái gì thường tồn, không có gì tốt ngoài việc tạo phước cả.

Vừa đến chùa Đại Sân thì ông bỗng nổi giận, vì vị trụ trì không lấy xe đến rước, lại cho người mang bò đi rước. Đêm đó, ông ta to tiếng rằng: *"40$, 40$, cúng 40$ thôi đó!"*.

Lúc ấy khoảng 3 giờ, sư trụ trì đến nói với tôi: *"Thưa đại đức, quá thậm tệ rồi! Ông đại thí chủ nói là sẽ giúp 1.000$ cho việc xây tường chùa. Lần này, ông ta nổi giận, ông bảo là sẽ giúp 40$ thôi!"*. Tôi trấn an sư, nói là *"Không sao đâu, để tôi lo! Hừng sáng, sư sắp đặt giảng tòa, không cần đồ giải trí cho thí chủ làm chi, đặt 3 chiếc ghế dành cho ông ta cùng vợ con ngồi"*.

Sáng lại, vị trụ trì làm theo ý tôi dặn, định vừa lúc đứng bóng tôi sẽ lên thuyết. Tôi chỉ định vị sư thuyết cùng rằng: *"Phần Ghosakumāra vấn đáp, nhớ hỏi ngắn gọn về thiện - bất thiện ra sao?"*.

Đến lúc cùng bước lên Pháp tòa, tôi ngồi đối diện ông thí chủ, phần ông thì ngồi trên ghế có vợ ngồi bên, uống rượu lè nhè... Đến đoạn đã chuẩn bị, tôi giải phần thiện và bất thiện tỉ mỉ. Cuối cùng, kết luận rằng:

- Bất cứ vật gì, đều vô thường, đều không quan trọng cả! Quan trọng chỉ có tội và phước, chúng ta đã sanh phải già - phải bệnh - phải chết. Chết rồi phải đi theo tội phước đã tạo, vì thế gian là vô thường - khổ não - vô ngã.

Vô thường luôn trường tồn như vậy, do đó, chúng ta khi đã sanh ra, ai muốn tạo điều nào thì nên vội làm điều ấy, muốn tạo phần nào nên vội làm phần ấy.

Muốn sát sanh hay cứu mạng sống thì vội làm, muốn trộm cắp hay bố thí thì vội làm, muốn tà dâm hay từ bỏ tà dâm cũng phải vội làm cho kịp, muốn nói dối hay nói thật cũng vội nói, muốn uống rượu hay bỏ rượu thì vội uống hay vội bỏ.

Nếu không, họ sẽ chết trước khi làm được điều ấy, không sá chi những gì tôi đã làm là của tôi, tôi cho bao nhiêu là của tôi bấy nhiêu. Trì giới hay tu tiến hay sự nghe Pháp cũng vậy!

(Giảng như vầy, giống như kiểu nói lẩy của người Việt! - Dịch giả)

Chính đoạn này làm cho ông thí chủ đứng dậy, ngước cổ và đưa tay lên giữa hội chúng ở giảng đường, rồi công bố: *"Hai ngàn rưỡi!"*, rồi bảo vợ: *"Lấy ra, lấy ra! cúng phần Pháp thí 2.500$ ngay bây giờ!"*. Vợ ông mở ví lấy 2.500$, dìu ông ta đi bên trái bên phải, loạng choạng đến cúng vào phần Pháp thí, chỗ giữa hai cây đèn cầy.

Đoạn này tôi phải tạm ngưng, ông ta bỏ vào phần Pháp thí rồi về chỗ ngồi, tôi mới bắt đầu thuyết tiếp. Vừa chấm dứt, vị trụ trì hoan hỷ nhiều hơn ai hết, hết lời khen ngợi tôi tới tấp và dâng thêm 20$ nữa, và 2 cân đường thốt nốt. Phần vị khác chỉ được phần Pháp thí mỗi vị 20$ và 1 cân đường thốt nốt thôi.

Tôi thuyết tại nhà "Pó Na Kờ Lưa" và tại chùa Đại Sân, khoảng thời gian hơn 8 năm, là thời được xếp vào loại "thuyết thành"! Mang lợi ích đến thính giả, như hai

chuyện đã kể, mong bạn hãy cố gắng, từ "thuyết được" lên "thuyết thành".

Cho giống trưởng lão Xá Lợi Phất (Sāriputta) ở Pháp Cú kinh (Dhammapada), quyển 4, chuyện Tambadāthika coraghāta, phẩm Sahassa:

Có 499 kẻ trộm cướp, cướp bóc giết hại dân làng… Lúc ấy, có một người nam mắt trợn đa sắc, trắng vàng xanh đỏ, đi tìm bọn cướp ấy xin gia nhập: *"Hãy nhận tôi! Tôi sẽ kiếm cách nuôi mạng với các ông!"*. Tướng cướp thấy hắn thì nghĩ rằng: *"Kẻ này có thể cắt cổ cha uống máu, hay có thể cắt nhũ mẹ được, là người thô bỉ, phản bội!"*, mới từ chối. Kẻ ấy không chịu đi, được đưa đến phục vụ con út của tướng cướp, làm người con ấy vui lòng.

Người con ấy dẫn hắn đến tìm tướng cướp, cầu xin cha nhận lại:

- Thưa chủ tướng, kẻ này là người tốt, có ơn nghĩa đối với con, hãy giúp hắn đi!

Rồi thì tướng cướp nể tình cho gia nhập. Đến một ngày kia, dân làng hợp tác với nhiều thanh niên, bắt được bọn cướp ấy giao cho quan xử.

Các vị quan ra lệnh chặt đầu bọn cướp bằng búa, kế đó mọi người mới bàn nhau rằng: *"Ai sẽ giết bọn cướp này được?"*, không thấy ai dám giết, họ mới bảo tướng cướp: *"Ông mà giết bọn này, ông sẽ thoát chết và được trọng thưởng, hãy giết sạch những tên cướp này!"*.

Tướng cướp nghĩa khí, không nhận giết tùy tùng, để sống trên xác đồng đội, vì bọn cướp ấy từng tin tưởng, sống nương theo mình. Dân làng hỏi theo thứ tự, suốt đến 499

người cũng không ai nhận, mới hỏi người mắt trợn đa sắc, trắng vàng xanh đỏ, sau cùng.

Kẻ ấy liền nhận, *"Được!"*, rồi giết cả bọn từng là anh em, phần hắn được thoát chết và nhận trọng đãi.

Dân làng khác cũng dẫn 500 kẻ trộm cướp từ hướng nam của kinh thành trình cho các quan giống vậy. Khi các quan cho chặt đầu, cũng hỏi bọn cướp ấy, bắt đầu từ tướng cướp trở xuống. Khi không ai nhận lời nỡ giết 500 anh em, họ đã hỏi nhau: *"Lúc trước, có người nhận chặt đầu 500 tên cướp, giờ hắn ở đâu?"*. Có người nói: *"Ở đằng kia!"*, họ cho gọi hắn đến bảo: *"Ông hãy giết bọn cướp này, sẽ nhận được trả công!"*. Hắn nhận lời rồi hạ thủ chẳng lưu tình với đám đồng nghiệp ấy, xong nhận thưởng.

Mọi người bàn rằng: *"Thằng này mát tay nha! chúng ta phải xếp hắn làm thường trực đao phủ, để đoạn thủ phạm nhân!"*. Rồi họ ban cho hắn chức ấy, hắn đã giết những bọn cướp được dẫn đến từ hướng Tây, hướng Bắc… Mỗi hướng 500 anh em *(cướp phân bổ đều thật!)*, xếp theo ngày thì hắn giết được 2.000 tên cướp được đem đến từ 4 hướng với tình trạng như vậy.

Từ đó, những vị anh hùng hiệp sĩ của đất nước bắt đến cho hắn trung bình mỗi ngày 2 người. Và hắn đã thi hành công vụ như máy chém suốt 35 năm.

Về già, hắn không thể chặt đầu ngọt sớt một nhát được, có khi phải chặt hai ba cái, làm cho phạm nhân đau đớn khủng khiếp! Dân làng thấy khiếp quá: *"Phải kiếm thay thế thôi! Đao phủ này làm cho phạm nhân tột cùng đau đớn, cần chi người này nữa"*, rồi sa thải hắn.

Khi tại vị, hắn không cần lo về 4 vật dụng, là sự mặc y phục mới, sự dùng cơm trộn tinh chất sữa tươi, sự trang điểm cài hoa lài, dồi phấn thoa vật thơm... Vào ngày bị bãi nhiệm, hắn bảo vợ con rằng: *"Hãy nấu cơm bằng sữa tươi cho ta!"*, rồi cho người lấy vải mới, tắm rồi mặc vào, cài hoa, trang điểm mình bằng vật thơm, ngồi trước nhà. Tiếp đó, vợ con hắn lấy cơm nấu với sữa tươi (đề hồ phạn), rồi tìm nước rửa tay cho hắn.

Lúc ấy, trưởng lão Xá Lợi Phất xuất định, quán xét chỗ đi khất thực của mình: *Hôm nay, ta nên đi đâu? À, nên đến thọ nhận cơm sữa ở nhà đao phủ. Khi ông ấy thấy ta sẽ phát tâm cúng dường, sẽ đặng công đức lớn!*

Nên đắp y mang bát đến xuất hiện ở cửa chính nhà của đao phủ ấy, ông ta vừa được thấy trưởng lão thời khởi tâm trong sạch, nghĩ rằng: *"Ta thực thi bổn phận giết người, hành bất thiện pháp theo bổn phận quá lâu năm rồi. Bây giờ cơm đề hồ hiện có trong nhà ta, và vị trưởng lão đang đứng ở cửa chính, ta nên dâng vật thí đến ngài trong lúc này!"*

Nên đã dâng cơm mà vợ con để trước mặt mình sớt vào bát một phần, bước đến Trưởng lão đảnh lễ, xong mời Ngài vào ngồi trong nhà, lấy cơm đặt bát tiếp, sớt bơ vào rồi đứng quạt trưởng lão. Lúc bấy giờ, ý tưởng thèm muốn cơm sữa bỗng khởi lên mãnh liệt, vì lâu rồi ông không được ăn. Trưởng lão biết được ý tưởng ấy, bèn bảo:

- Này thiện nam, hãy dùng cơm của mình đi!

Ông đưa quạt cho người khác rồi tự ăn cơm trưởng lão cho phép. Trưởng lão gọi người nam đứng quạt rằng: *"Hãy đến quạt cho trưởng lão kia!"*. Đao phủ ấy có người quạt cho, thời đã dùng cơm đến no nê, rồi đứng quạt trưởng lão.

Khi trưởng lão thọ thực xong và nhận lại bình bát, bắt đầu cho lời phúc chúc (anumodanā), nhưng ông không thể hướng tâm theo Pháp giảng, trưởng lão nhận ra nên hỏi:

- Này thiện nam, do đâu người không thể hướng tâm theo Pháp giảng được?

- Bởi con đã tạo nghiệp thô bạo (kakkhasa), đã giết bao nhiều cái đầu của 500 anh em rồi, đã hơn nửa đời người từng tự tay chấm dứt bao nhiêu người… Nên nhớ lại những lúc hạ đao, không thể nào hướng tâm theo Pháp giảng của Ngài được.

Trưởng lão nghĩ rằng, *"Ta sẽ trấn an kẻ này!":*

- Này thiện nam, ông làm vì đam mê hay kẻ khác xui khiến?"

- Dạ, đức vua đã sai con làm!

- Này thiện nam, khi làm do người khác sai khiến, ông có phải mang các tội ác bất thiện chăng?

*(Đây **chỉ là câu hỏi,** nhằm dẫn dụ tâm ông ta không nặng lòng với dĩ vãng nên không nghe Pháp được, ngài Xá Lợi Phất **không xác định** "làm theo lệnh vua, do bị sai khiến" là không tội! - Dịch giả)*

Ông ta là người chân chất hồn nhiên, nghe trưởng lão hỏi vậy lại tự xác định là, *"mình vô tội!"*, bèn thưa rằng:

- Nếu thế, thỉnh ngài hãy thuyết Pháp!

Khi trưởng lão thuyết, ông chú tâm vững chắc từng lời từng ý, kiên nhẫn (khanti), thể nhập vòng thánh dự lưu (sotāpattiphala), tức chứng Tu Đà Hườn quả.

*(Bồ tát **dùng cơm đề hồ trước khi đắc** toàn giác, còn ông này - nhờ phúc duyên quá khứ - **cúng cơm đề hồ rồi đắc** sơ quả! - Dịch giả)*

Khi trưởng lão từ giã về, ông tiễn đưa một đoạn rồi về nhà. Trên đường về, có một nữ dạ xoa biến dạng thành con bò cái, húc vào ngay ngực ông ta. Sau khi chết, ông được sanh lên cõi trời Đâu Xuất (Tusita).

Bạn hãy nhớ rằng, trưởng lão Xá Lợi Phất là người thông thạo việc thuyết Pháp tăng thượng, linh động, đáng là gương mẫu cho mọi giảng sư!

Một chuyện nữa, cũng minh chứng sự thông thạo lão luyện trong việc thuyết Pháp của trưởng lão Xá Lợi Phất, vị thượng thủ Thinh Văn tối thắng về trí tuệ. Có trong Tam Tạng quyển 14 - trang 464, kinh Giáo Giới Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍikovādasūtra), phẩm Lục Xứ (Saḷāyatanavagga), Trung bộ (Majjhimanikāya, Uparipabbāsaka), rằng:

Một lần nọ, Đức Thế Tôn ngự tại chùa Kỳ viên (Jetavanārāma), thành Xá Vệ (Sāvatthi). Lúc ấy, trưởng giả Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika) bị bệnh nặng, đã nhờ một người nam đến trình Đức Thế Tôn, rồi nhờ đi thỉnh trưởng lão Xá Lợi Phất đến thăm.

Khi trưởng lão đến, ngài hỏi:

- Này trưởng giả, ông còn đủ khả năng chịu đựng được không? Bớt đau chưa? Độ cao nhất của khổ thọ đang có triệu chứng thuyên giảm, hay không tăng trưởng rõ rệt chăng?"

- Thưa ngài! Con hết chịu nỗi rồi, không làm sao hết được, khổ thọ của con chỉ có tăng không giảm, không thấy rõ sự thuyên giảm. Như nam nhân có sức mạnh dùng mũi

khoan bén nhọn xoáy vào đầu ra sao, gió cuồng cũng đâm thốc vào đầu con như thế ấy!

Như nam nhân có sức mạnh xiết đầu bằng sợi dây mây rắn chắc ra sao, gió cuồng với thời tiết đâm thốc đầu con như thế ấy!

Người giết bò (đồ tể) hay kẻ phụ việc của người giết bò, rạch bụng bò bằng con dao mổ sắc bén ra sao, gió cuồng cắt bụng con như thế ấy!

Hai nam nhân có sức mạnh nắm hai tay của một người không mạnh khỏe căng ra cho nóng tại một hố than hừng ra sao, sự nóng trong thân con tăng trưởng như thế ấy!

Con không thể chịu đựng được nữa, khổ thọ của con chỉ có tăng trưởng, không thuyên giảm, chỉ có nặng thêm, không thấy rõ sự giảm bớt. Đau quá ngài ơi!".

Bạn nghĩ xem trưởng lão sẽ nói sao, sẽ giáo giới hay thuyết Pháp gì, để giảm thiểu nỗi đớn đau tột cùng kiếp nhân sinh của một đại thí chủ hết lòng vì đạo pháp. Hay Ngài sẽ im lặng?

Trong phần Pāli có ghi: Trưởng lão Xá Lợi Phất không lặng im trước niềm đau vạn nhất ai cũng gục này. Ngài giáo giới rằng:

- Chính vì vậy, ông nên suy nghĩ là, ta sẽ không chấp thủ mắt, nhãn thức mới không nương nơi ta.

Ta sẽ không chấp thủ tai, nhĩ thức mới không nương nơi ta.

Ta sẽ không chấp thủ mũi, tỷ thức mới không nương nơi ta.

Ta sẽ không chấp thủ lưỡi, thiệt thức mới không nương nơi ta.

Ta sẽ không chấp thủ thân thể, thân thức mới không nương nơi ta.

Ta sẽ không chấp thủ ý, ý thức mới không nương nơi ta.

Này trưởng giả! ông nên suy nghĩ là, ta sẽ không chấp thủ cảnh sắc, sự nhận thức sắc mới không nương nơi ta.

Ta sẽ không chấp thủ âm thanh, sự nhận thức âm thanh mới không nương nơi ta.

Ta sẽ không chấp thủ các mùi, sự nhận thức các mùi mới không nương nơi ta.

Ta sẽ không chấp thủ vị, sự nhận thức vị mới không nương nơi ta.

Ta sẽ không chấp thủ sự xúc chạm, sự nhận thức xúc mới không nương nơi ta.

Ta sẽ không chấp thủ cảnh pháp, sự nhận thức pháp mới không nương nơi ta.

Này trưởng giả! ông nên suy nghĩ là, ta sẽ không chấp thủ nhãn thức, sự nhận thức nhãn thức mới không nương nơi ta.

Ta sẽ không chấp thủ nhĩ thức, sự nhận thức nơi nhĩ thức mới không nương nơi ta.

Ta sẽ không chấp thủ tỷ thức, sự nhận thức nơi tỷ thức mới không nương nơi ta.

Ta sẽ không chấp thủ thiệt thức, sự nhận thức nơi thiệt thức mới không nương nơi ta.

Ta sẽ không chấp thủ thân thức, sự nhận thức nơi thân thức mới không nương nơi ta.

Ta sẽ không chấp thủ Pháp, sự nhận thức nơi ý thức mới không nương nơi ta.

Này trưởng giả! ông nên suy nghĩ là, ta sẽ không chấp thủ nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc, ý xúc, sự nhận thức nơi các xúc này mới không nương nơi ta.

Này trưởng giả! ông nên suy nghĩ là, ta sẽ không chấp thủ thọ, sự sanh nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc, ý xúc, sự nhận thức nơi thọ được sanh bởi các xúc này mới không nương nơi ta.

Này trưởng giả! ông nên suy nghĩ là, ta sẽ không chấp thủ địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, hư không giới, ý thức giới, sự nhận thức nơi các giới này mới không nương nơi ta.

Này trưởng giả! ông nên suy nghĩ là, ta sẽ không chấp thủ sắc - thọ - tưởng - hành - thức, sự nhận thức nơi ngũ uẩn mới không nương nơi ta.

Này trưởng giả! ông nên suy nghĩ là, ta sẽ không chấp thủ vào không vô biên xứ, thức vô biên xứ, vô tâm sở xứ, phi tưởng phi phi tưởng xứ, sự nhận thức nơi các xứ vô sắc này mới không nương nơi ta.

Này trưởng giả! ông nên suy nghĩ là, ta sẽ không chấp thủ vào đời này và đời khác, sự nhận thức nơi đời này và đời khác mới không nương nơi ta.

Này trưởng giả! ông nên suy nghĩ là, điều nào được thấy - được nghe - được hiểu - được cảm nhận - được suy tìm -

được du hành bằng tâm rồi, ta sẽ không chấp thủ vào điều ấy, sự nhận thức nơi điều ấy mới không nương nơi ta.

Hãy ghi nhận rằng: Trưởng lão Xá Lợi Phất giáo giới trưởng giả Cấp Cô Độc đang bệnh nặng, không chấp thủ vào gì cả, là sự lão luyện tuyệt vời của ngài. Vì sự nhận thức đó là cảm nhận điều này điều kia, sự cảm nhận là khổ - là lạc hay phi khổ phi lạc (xã), thường sanh bởi chấp thủ.

Do đó, khi ông được nghe Pháp giảng thì sáng tỏ khổ thọ. Vào lúc ngài từ giã về chùa thì ông sanh về cõi trời Đâu Xuất (Tusita). Giữa đêm, ông xuống hầu Đức Phật, tán thán đại tự Kỳ Viên (Jetavanamahāvihāra) mà mình đã kiến tạo, rồi từ giã về.

Mong bạn nghĩ đến việc thuyết giảng hay chỉ dạy cho đúng theo tình hình hoặc tâm tánh của người nghe như vậy!

Trưởng lão Xá Lợi Phất giảng dạy đây gọi là: *"chỉ dạy thành, hay thuyết giảng thành công"* một cách tuyệt hảo. Còn chúng ta là phàm phu, không chỉ dạy hoặc thuyết giảng như ngài nỗi, chỉ ngang với rìa bài giảng vào của Ngài là giỏi lắm rồi. Hãy ghi nhớ, gọi là "thuyết thành" ấy, theo Pāli là **Desanākosala** = *"lão luyện trong việc thuyết giảng".*

D. 4 chi phần của thuyết thành

Gọi là "thuyết thành", cần đủ 4 chi phần:

Sanadassetā = "thuyết giỏi", là nói sao cho thính giả dễ hiểu.

Samādapeta = "cho nắm vững", là nói sao cho họ nắm ý vững vàng, khéo chú tâm và nhận định các ý chính - ý phụ là gì, như thế nào.

(*Nghĩ những gì mình nói, không nói hết những gì mình nghĩ, lan man làm họ phân tán, không nắm ý chính và các ý phụ! - Dịch giả)*

Samuttejatā = "cho can đảm" là nói sao cho họ lên tinh thần, dạn dĩ, dấn thân thực hành những gì đã nghe. Dám dứt bỏ, buông xả, cho nhẹ lòng… Thoát!

Sampahamsanatā = "cho hoan hỷ" là nói sao cho họ hoan hỷ với các tư duy làm lắng lòng (calm down), yên tịnh, thanh thoát!

Nhiều giảng sư nói chuyện hàm xúc, tóm gọn không được, nghĩ rằng: Khi nghĩ đến ý này ý này, ta sẽ nói như thế này, thế này... Nhưng lúc nói lại không nói được như đã nghĩ, đôi khi định nói ít sau lại thành nhiều, định nói nhiều sau lại quên mất tiêu, định nói sâu xa sau lại thành nông cạn, định nói nông cạn lại cảm hứng sâu sắc. Sắp kết luận nhưng không chấm dứt được, càng cố càng lạc đề, nói tràn lan lung tung, buông mic không được như lâu quá mới được cầm vậy!

(Tuy viết vậy, nhưng tác giả e độc giả không nhớ, đã dùng lối văn trùng ý rất nhiều. Tôi rất phân vân khi rút gọn cho thích hợp với dân Việt, đỡ nhàm!

Nhiều giảng sư cũng thế, sợ thính giả chưa nắm ý mình nên thường lặp lại và hỏi, "Quý vị hiểu chưa?" => Điều này tối kỵ nha, không lịch sự lắm, chẳng khác nào cho rằng họ ngu nên mình đê mê nói hoài! Nên để tùy duyên họ tiếp thu, vô duyên thì có Đức Phật hay ngài Xá Lợi Phất cũng không điều trị được.

** Đừng trách "tiếc thay đàn khảy tai trâu", hãy trách chính mình không biết khảy đàn! - Dịch giả).*

Khi còn mang danh là *"thuyết không thành",* là khi bạn nghĩ *"ta sẽ nói cho họ hiểu đề tài này…",* lúc lên nói bạn lại cảm thấy họ chưa hiểu, bạn cố nói cho họ tin tưởng vững chắc, nhưng rồi không như ý!

Bạn nghĩ rằng, ta sẽ nói cho họ từ bỏ - bớt chấp thủ, mạnh dạn trong việc buông xả, nhưng rồi nói không được như ý. Bạn nghĩ rằng, phần này sẽ nói cho họ hoan hỷ, vui vẻ; phần này sẽ nói cho họ lắng tâm, yên tĩnh, cho im ắng cả giảng đường (sāla), mà rồi cũng không được như ý. Vỡ chợ!

E. "Thuyết được" có 4 kiểu mẫu

"Thuyết được" có 4 chi phần là, thuyết cho hiểu cho họ *dễ hiểu, nắm vững, mạnh dạn thực hành, hoan hỷ,* cho đến nay chưa thấy có sách nào nói đến.

Như Đức Phật thuyết ở kinh Chuyển Pháp Luân (Dhammacakkappavattana sūtra), kinh Vô Ngã Tướng (Anattālakkhana sūtra), kinh Phiền Não Lửa (Ādittapariyāya sūtra)… đều đủ 4 phần như thế. Ai cũng vậy, giảng riêng hay vấn đáp, nên đủ 4 phần này.

Các vị đệ tử Phật có Ngài Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên (Moggallāna), Ānanda, v.v… đều giảng có 4 phần trên, nhưng nói vào thời ấy e nhiều người không nhận ra, nên xin đưa ra kiểu mẫu, là sự thuyết giảng của trưởng lão Hộ Quốc (Raṭṭhapāla).

Ở kinh Ngài Hộ Quốc (Raṭṭhapāla sūtra), Trung Bộ (Majjhimanikāya), Majjhimapaṇṇasaka: Trưởng lão Hộ Quốc đã trả lời vua Koravaya như sau: *"Bần tăng xuất gia vì được nghe 4 điều Pháp giảng (Dhammuddesa) của Bậc Chánh Đẳng Giác (Sammāsambuddha). 4 điều ấy là:*

Upanīyatiloko uddhuvo = *thế gian vô thường, thường xuyên bị chuyển biến.*

Attāno loko anabhissaro = *thế gian vô hộ, không ai gánh được khổ đau cho mình.*

Assako loko sabbaṃ pahāya gamanīyaṃ = *thế gian vô ngã, không có vật nào là của ta, ra đi phải bỏ lại hết.*

Ūno loko atitto taṇhādāso = *người thế gian bất túc, không biết đủ, luôn thiếu thốn, là nô lệ của ái dục".*

Vua Koravaya chưa thương tình cho qua, nên hỏi rằng:

- Ngài nói, thế gian thường bị chuyển biến, nên hiểu như thế nào, thưa ngài?

- Thưa đại vương, có kẻ thường dân 20 tuổi hay 15 tuổi, có sức lực tay chân đầy đủ, thông thạo đường voi - đường ngựa - đường xe - đường cung kiếm, giỏi giang, từng gia nhập chiến cuộc chăng?

- Có chứ! Nhưng tham chiến vài lần, trẫm không thấy kẻ nào luôn có sức bằng trẫm, làm như trẫm có thần lực siêu việt vậy!

- Thưa đại vương, bây giờ đại vương và họ có sức lực tay chân, có khả năng, có sự dạn dĩ trong cuộc chiến vẫn thế, hay hết rồi?

- Vì bây giờ, trẫm già rồi, đã 80 tuổi, có lúc định đặt chân xuống nơi này chân lại lạc xuống nơi khác!

- Đó đó! thưa đại vương, Đức Thế Tôn bậc Toàn Tri, đấng Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác, vẫn bị sự già dẫn dắt, chỉ dạy bần tăng những gì đã hiểu biết, đã thấy đã nghe, nên bần tăng xuất gia trong Pháp Luật này.

- Thưa ngài Hộ Quốc, thật đáng ngạc nhiên khi nói cả hoàng gia này, có sức voi - sức ngựa - sức xe - sức trinh thám đi bộ (ngự lâm quân) luôn phòng vệ, lại cho rằng thế gian này không có kẻ phòng vệ, hộ trì, không có ai gánh hết khổ đau cho mình, nghĩa là sao ạ?

- Đại vương từng có sự bệnh hoạn chăng?

- Đã từng!

- Khi đó bạn bè, quan lại, cận thần, thân quyến đồng huyết thống, vây quanh đại vương cầu nguyện: *"Giờ đây vua Koravaya đã đến lúc cần, mong các vị chia sẻ khổ đau của đại vương bớt đi!".* Hay là đại vương vẫn ôm lấy đớn đau cho riêng mình! Bần tăng không có bạn bè, quan quyền, thân quyến, để sẻ chia khổ thọ cho giảm bớt, nên phải chấp nhận khổ bệnh ấy chăng?

Thưa đại vương, chính vì vậy, nên mới cho rằng: "*Thế gian vô hộ, không ai gánh được khổ đau cho mình*".

- Điều này đáng ngạc nhiên thưa ngài Hộ Quốc! Dù phũ phàng đúng thật. Nhưng nói, kể cả hoàng gia này, nơi có nhiều vàng bạc, lại cho rằng: "*Thế gian vô ngã, không có vật nào là của ta, ra đi phải bỏ lại hết",* thưa ngài?

- Đại vương vui lòng giải đáp điều này ra sao: Bây giờ đây, đại vương thụ hưởng đầy đủ ngũ dục công đức, nhưng có gì bảo đảm đại vương sẽ luôn đầy đủ ngũ dục công đức như vậy, hay kẻ khác sẽ được chiếm đoạt và cai quản tài sản này, còn đại vương có lúc cũng tay trắng tay?

- Thưa ngài, trẫm sẽ không đặng đầy đủ ngũ dục công đức như vậy hoài đâu, mọi tài sản này sẽ phải rơi vào tay kẻ khác. Trẫm phải đi theo nghiệp riêng.

- Chính vì thế Tâu đại vương, nên cho rằng thế gian này không có gì là của ta, sẽ phải dứt bỏ mọi vật rồi lủi thủi ra đi…

- Thưa ngài Hộ Quốc, nhận ra sự thật đáng buồn này cũng đáng ngạc nhiên! Nhưng ngài cho rằng: Người thế gian luôn thiếu thốn, không biết đủ, là nô lệ của ái dục, là sao ạ?

- Đại vương cai trị địa phận Kuru rộng lớn phải chăng?

- Phải!

- Bệ hạ là vua, nếu có người có niềm tin, đến từ hướng Đông, tâu lên rằng: *"Mong Đại Vương hiểu cho! Tôi đến từ hướng Đông, đã thấy đông đảo đại nhân, nhiều người có sức voi - sức xe - sức ngựa - sức trinh thám, có nhiều ngà voi và da thuộc, có nhiều vàng bạc, nhiều phụ nữ, đẹp có xấu có. Hẳn có thể chinh phục được!".* Đại vương sẽ đối phó ra sao?

- Thưa ngài, trẫm sẽ phải đánh bắt vua ấy, cho dưới sự cai quản của riêng tôi!

- Nếu một người nữa đến từ hướng Tây - đến từ hướng Bắc - đến từ bờ biển bên kia, cũng tâu trình như vậy, đại vương tính sao?

- Trẫm phải đi đánh bắt từng nơi!

- Tâu đại vương, chính vậy nên gọi là: người thế gian luôn thiếu thốn, không biết no đủ, là nô lệ của ái dục.

- Kỳ lạ thay! Thưa ngài, điều này đúng thật.

Kế đó, trưởng lão Hộ Quốc, bậc A La Hán, thuyết tiếp rằng:

- Tôi đã thấy bọn người có tài sản trong thế gian là *người ngu si rỗng không*! Nghĩa là được tài sản rồi không bố

thí không chia sẻ đến ai, chỉ có gom thâu tích trữ, luôn mong tăng đừng giảm. Đại vương cai trị một quốc gia rộng lớn, có đại dương là ranh giới suốt dãy liền bờ, cũng chưa vừa bụng, còn cần bờ bên kia nữa... Ai cũng không dứt trừ ái dục, cho đến khi chết, bỏ lại hết.

Nhiều người khát khao, thiếu thốn, không biết đủ trong cảnh dục. Lúc chết, thân quyến xõa tóc khóc lóc kể lể. Họ thường van xin: *Mong chúng tôi đừng chết!* Nhưng rồi mọi người cũng đưa kẻ được liệm bằng vải đi thiêu ở nghĩa địa. Khi hỏa táng, bị đâm bằng chĩa, dù một mảnh vải cũng không còn dính mình, phải dứt bỏ mọi tài sản đi!

Họ chết, không thân thuộc bạn bè giúp đỡ được gì. *Không còn ai, đường trần đâu có gì.* Những kẻ khác nhận lấy gia tài, thừa kế hay chụp giựt mà mang đi, còn người ấy thì đi theo nghiệp riêng, không có vợ con tài sản nhà cửa nào đi theo.

Người không hổ thẹn, quen hám vật chất, cũng không trị bệnh hay chống già bằng tài sản được. Các bậc thiện trí nói rằng: *Đời sống này là nhỏ nhoi ít ỏi, không lâu dài bền vững, luôn đổi dời, kể cả giàu nghèo, ngu khôn, cũng thế thôi!*

Nhưng nói về kẻ ngu, khi vương khổ đau thường ưu sầu, tỏ ra nguy hiểm. Người trí thì không động tâm, *tâm bất biến giữa dòng đời vạn biến.* Chính vì thế nên các ngài nói rằng: Trí tuệ làm thành tựu Níp Bàn, hơn tài sản nhiều!

Người chưa thành tựu Níp Bàn, còn ngu si, thường tạo nghiệp không tốt đẹp trong cảnh nhỏ cảnh lớn, cảnh này cảnh khác, cảnh giới xấu cảnh giới tốt, mọi nơi. Kẻ có ít trí tuệ như vậy, luân hồi sanh tử mãi.

Bọn cướp bị bắt giữ thường âu lo bởi tiền án - tiền sự của mình ra sao, người tạo nghiệp xấu cũng khổ sở bởi hành động của mình trong quá khứ như thế. Cảnh mà ta yêu thương vừa lòng thường chuyển biến khác đi, người trí nhìn thấy sự nguy hiểm của dục công đức như vậy. Nên bần tăng mới xuất gia.

Mọi người, già trẻ gì cũng chết như nhau, trái cây sống hay chín đều rơi. Bần tăng biết vậy nên trở thành sa môn, là điều không lầm lạc, là điều thanh cao. Xin đại vương ghi nhận rằng: *Bần tăng xuất gia vì đã biết - đã thấy - đã cảm nhận - đã nghe như nó là!*

Bạn thấy rằng trưởng lão Hộ Quốc thuyết Pháp được 4 phần kể trên. Do đó, nên cố gắng hoàn thiện 4 phần tùy thời và hợp lý, cho riêng bạn.

Chẳng hạn, bạn thuyết 5 quả báo bố thí theo kinh Sư Tử Hống (Sīha sūtra), bộ Pañcakanipāta, Tăng Chi Bộ (Aṅguttaranikāya) rằng: Quả bố thí có 5 loại, 4 quả trong hiện tại và 1 quả trong vị lai.

4 quả trong hiện tại là:

Người bố thí, thường là nơi thương yêu vừa lòng của nhiều bậc chân nhân, thiện trí.

Các vị thiện trí ưa thân cận, giao du với người bố thí.

Người bố thí thường có danh tiếng tốt.

Người bố thí thường dạn dĩ giữa đám đông.

Quả vị lai là, sanh lên nhàn cảnh.

Bạn suy gẫm xem, tại sao:

Người bố thí, là nơi đáng yêu của các vị thiện trí?

Các vị thiện trí ưa thích giao du với họ?

Người bố thí, có danh tiếng tốt?

Họ dễ dàng dạn dĩ giữa hội chúng?

Được sanh lên nhàn cảnh?

Khi hiểu rõ, bạn mới nói cho kẻ khác hiểu được. Nói cho họ hiểu được, họ sẽ tin tưởng, mạnh tay bố thí, và hoan hỷ nghe tiếp!

Hay nói về "quả báo trì giới" theo bộ kinh Pañcakanipāta, Tăng Chi Bộ (Aṅguttaranikāya). Trì giới có 5 quả báo là:

Là nhân phát tài.

Danh thơm tiếng tốt.

Dạn dĩ, không ái ngại giữa hội chúng.

Không lú lẫn khi gần chết.

Sanh lên nhàn cảnh.

Bạn suy gẫm 5 quả báo ấy xem! Khi hiểu rõ mới thuyết giỏi.

Hay nói về quả báo định và tuệ rằng: "*Định làm sanh tri kiến thực chứng, tuệ tẩy sạch mọi phiền não"*. Cũng cần nghiền ngẫm nhiều trước khi ngồi tòa sư tử! Dạy người giải thoát, còn mình cứ ngồi đó dạy hoài…

Hay giảng về tội lỗi: của bỏn xẻn, của sự không có giới - không có định - không có trí tuệ. Bạn nên thuyết rằng:

Người bỏn xẻn không sanh lên nhàn cảnh được! Hay, người không có giới thường lãnh 5 tội:

Suy mòn tài sản.

Hư hại danh tiếng.

Không dạn dĩ.

Lú lẫn khi gần chết.

Rơi vào đọa xứ.

Cần tìm hiểu rõ từng nơi giảng như thế nào… Khi đặt vấn đề lên trước, chuyện gì cũng vậy, thường làm cho bạn phân vân, sanh nghi ngờ hay quẫn trí, nên cố gắng suy nghĩ, xem xét, tự thắc mắc và tự giải đáp theo sự hiểu biết của mình trước, rồi ghi nhớ từng điều mà mình sẽ giảng.

Bạn sẽ hiểu rõ khi thường làm như vậy, từ từ sẽ trở thành đa văn (bahusūta), thông suốt các đề tài. Khi không tập đặt vấn đề để động não cho quen, bạn chỉ nên ngồi gõ chuông thôi, suốt đời ăn cơm bá tánh lo chuyện âm thanh.

Điều cực quan trọng là cần tham khảo nhiều về chuyện muốn nói. Nên dịch sách và xem Pāli chú giải, cố xem cho nhiều. Đời khó nói! Khi đã lên cao, không còn thời gian mà cố như ngày nào. Nếu bạn dịch sách không được, thì xem sách mà họ đã dịch, đã sáng tác, cho nhiều vào.

Xin chỉ rằng: Sự thuyết giảng, nói cho thính giả hiểu rõ hay thấy đúng ấy, phải suy gẫm và theo sát nguyên văn trong Tam Tạng và các chú giải Pāli chính thống. Thường đưa ra những điều được mắt thấy tai nghe hay những điều dễ nhận ra, như trưởng lão Hộ Quốc. Ngài đưa ra sự việc được vua Koravaya hiểu liền, thành kiểu mẫu.

Đọc 3 cuốn Phát Trí (Paṭibhāṇa), bạn sẽ thấy rõ rằng, thính giả thấy đúng theo những gì được nghe, những chuyện

gần gũi. Như ở kinh Niyajātika, Trung Bộ (Majjhimanikāya), Majjhimapaṇṇāsaka:

Một lúc nọ, Đức Thế Tôn ngự tại chùa Kỳ Viên (Jetavāmārāma) thành Xá Vệ (Sāvatthī). Khi ấy, có đứa con yêu quý của một trưởng giả chết, nên họ không làm được việc, không ăn uống, suốt ngày chỉ khóc lóc ở nghĩa địa rằng: *"Con trai nhỏ duy nhất của cha ơi, con đi đâu vậy! Ahichic…"*.

Cho đến một ngày, trưởng giả ấy yết kiến Đức Phật, đảnh lễ rồi ngồi xuống nơi phải lẽ. Đức Thế Tôn hỏi rằng:

- Này trưởng giả, hãy xem quyền lực (indriya) của ngươi không đặt trong tâm của ngươi, quyền lực luôn biến chuyển.

- Thưa Đức Thế Tôn! Quyền lực đổi thay, là chuyện nhỏ! Đứa con trai cưng bé nhỏ và độc nhất của con đã mất. Con không làm gì nỗi, không ăn uống, chỉ khóc lóc thê thảm ở nghĩa địa thôi!

- Như thế, này trưởng giả! Mọi đau buồn, than vãn, sầu khổ (dukkhadomanassa), quẫn trí, mê sảng, sanh từ sự thương yêu, ái luyến.

- Thưa Đức Thế Tôn! Đau buồn hay hân hoan, đẹp lòng, cũng đều từ sự thương yêu à.

Trưởng giả không tỏ ra hoan hỷ, nhưng cũng không phản bác lời Thế Tôn. Từ giã, lại đến gặp bọn du đãng cờ bạc kể chuyện đàm thoại với Đức Phật.

Bọn chúng đồng tình: "Đúng thế trưởng giả! Đau khổ hay hân hoan, đẹp ý, đều sanh từ ái luyến à". Ông thấy lời mình cũng hạp ý tụi trẻ trâu, chém gió hả dạ rồi bỏ đi.

Phần này để thấy rằng, ông ấy chỉ chấp nhất vào niềm tin là, *không hẳn các khổ đau đều có từ sự thương yêu. Vì còn*

cho rằng, sự thương yêu cũng làm sanh nhiều hạnh phúc được. Nhưng **họ không phản đối nên Đức Phật không giải rộng!** Chúng sinh không duyên khó hầu hạ mà, hơi đâu…

Chuyện đến tai hoàng cung, *(truyền tin xưa cũng nhanh thật!).* Nhà vua Pasenadi Kosala hỏi hoàng hậu Mallikā rằng:

- Sa môn Cồ Đàm (*Gotama*) thuyết rằng: *Mọi đau buồn, than vãn, sầu khổ, quẫn trí, mê sảng, sanh từ sự thương yêu, ái luyến.* Phải chăng?

- Tâu đại vương, nếu lời Đức Thế Tôn đã thuyết ra, thì luôn đúng vậy!

- Này Mallikā, vị thầy nói gì, đệ tử cũng phải tỏ ra hoan hỷ à. Vị thầy này ra sao? Này Mallikā, sa môn Gotama nói gì, khanh cũng tin y chang! Hãy đi đi này người xấu xa, đừng đến đây! Biến đi kẻ khốn nạn, đừng đứng ở đây!

Vua Pasenadi Kosala giận dữ, phán phang như vậy do thấy bà Mallikā về bên phe Đức Phật. Vua cho rằng: *Thương yêu chỉ làm sanh hân hoan, đẹp ý đê mê, sao lại khổ đau!*

Kế đó, bà Mallikā Devī kêu bà la môn Nālijangha đến hỏi Đức Phật rằng: *"Bà Mallikā nói vậy đúng chăng?"*. Bà la môn làm theo lời căn dặn, Đức Phật dạy: *"Bà ta nói vậy đúng rồi!"*.

Rồi Ngài kể chuyện những nữ nhân có mẹ hay con gái chết, những nam nhân có con gái hay vợ chết, ở thành Xá Vệ (Sāvatthī) cho nghe rằng: Những người ấy đều có sự đau buồn, hối tiếc, đến nỗi mê sảng điên khùng, chạy nhảy khóc la trên đường lộ…

Rồi Ngài kể chuyện một bà nọ ở thành Sāvatthī bị những thân quyến cách ly với chồng để cho dan díu kẻ khác. Bà ấy

bất cần, bảo chồng rằng: *"Người nhà muốn cách ly tôi, muốn đem trái ngang chia lìa lứa đôi ta, muốn gả tôi cho kẻ khác, tôi không ham thích đâu. Chỉ thương mình thôi!"*. Ông chồng vừa nghe được liền bảo: *"Thôi thì hai ta hãy cùng chết đi, gặp nhau bên dưới không ai cản ngăn!"*. Chưa kịp nghe đồng tình hay cản ngăn, hắn chém đứt ngang mình người dấu yêu, rồi tự đâm vào giữa bụng mình chết theo.

Kể dứt rồi, Ngài mới thuyết rằng: *"Chính do nhân này, này bà la môn, ông nên hiểu, mọi đau buồn, than vãn, sầu khổ, quẫn trí, mê sảng, sanh từ sự thương yêu, ái luyến!"*.

Bà la môn Nālijangha hoan hỷ, tỏ ra thỏa mãn lời Thế Tôn, đảnh lễ từ giã, về tâu lại cho hoàng hậu. Bà Mallikā mới yết kiến vua Pasenadi Kosala.

- Tâu đại vương, nàng Vajīrīkumārī là người yêu dấu yêu của bệ hạ phải chăng?

- Đúng vậy, này Mallikā, Vajīrīkumārī là nơi yêu dấu của trẫm!

- Tâu đại vương, nếu Vajīrīkumārī có chuyển biến, già móp đi, tình cảm của bệ hạ cũng chuyển biến, thành sầu khổ chăng?

- Sầu khổ chứ, này Mallikā! Nhưng chắc không sao đâu…

- Tâu đại vương, nên đức Thế Tôn - bậc Toàn Tri - đấng Ứng Cúng - Chánh Đẳng Giác - đã thuyết chính ý như vậy: *Mọi đau buồn, than vãn, sầu khổ, quẫn trí, mê sảng, sanh từ sự thương yêu, ái luyến!* Tâu đại vương, nàng Vāsabhakhattiyā là nơi yêu dấu của Ngài chăng?

- Là nơi yêu dấu của trẫm!

- Nếu nàng Vāsabhakhattiyā bệnh hoạn hay già xọp đi, bệ hạ sẽ buồn tình, than van, đau khổ quẫn trí hay chăng?

- Chắc chắn, trẫm sẽ như thế! Nếu không thì sao?

- Tâu đại vương, Đức Thế Tôn đã thuyết chính ý nghĩa như vậy: *Mọi đau buồn, than vãn, sầu khổ, quẫn trí, mê sảng, sanh từ sự thương yêu, ái luyến!*

Rồi bà đưa ra chuyện quan cận thần (senāpatī) Viḍḍaka và chính bản thân bà, suốt tận vùng Kāsī Kosala, tâu hỏi vua Pasenadi rằng, phải là nơi thương yêu dấu vua hay chăng? Khi đức vua đáp: *Phải!* Bà mới nói tiếp theo kiểu trên.

Nghe thông suốt rồi, vua sanh lòng tịnh tín tăng thượng với Đức Phật. Hoan hỷ đến nỗi vội vàng rửa tay chân, xúc miệng, đứng dậy chỉnh y phục, hạ thấp một bên vai, chắp tay lại, hướng về nơi Đức Phật đang ngự, tán tụng 3 lần: *"Namo Tassa Bhavagato Arahato Sammāsambuddhasa - Con xin kính lễ đức Thế Tôn - bậc Ứng Cúng - Chánh Đẳng Giác ấy".*

("ấy", là từ xác định Đức Phật Gotama, không phải các vị Phật quá khứ hay vị lai! - Dịch giả).

Khi đọc hết chuyện này, bạn có thể nắm ý chính, là nói sao cho thính giả thấy đúng sự việc theo chân đế không dễ! Như Đức Phật đưa ra chuyện những người có thân nhân chết cho bà la môn nghe, và bà Mallikā đưa ra dẫn chứng cụ thể về nàng Vajīrīkumārī, nàng Vāsabhakhattiyā... cho vua nhận ra vấn đề. Gõ cho vua tỉnh không dễ! Là kiểu mẫu.

Do đó, khi bạn nói đề tài nào có những ví dụ mắt thấy tai nghe, thính giả mới hiểu thông.

Một chuyện nữa, để bạn thấy rõ rằng, việc đưa ra những dẫn chứng cụ thể cho thính giả dễ hiểu và thấy đúng cũng

tùy. Là khi Đức Phật bác bỏ một chủ thuyết của Bà la môn, cho rằng Bà la môn sanh từ miệng trời Phạm Thiên:

- Này Vāseṭṭha, này Bhāradvāja! Sự thật phũ phàng luôn hiện hữu, là các nữ bà la môn vẫn có kinh nguyệt, hành sự (action), mang thai và sanh con, cho con bú. => Suy ra các bà la môn đều sinh ra từ cửa mình của nữ bà la môn. Họ sanh ra từ nơi nào ở miệng Phạm thiên, các ngươi thấy chăng?

Khi ấy, chàng trai Vāseṭṭha và chàng Bhāradvāja, những con trai dòng bà la môn thưa:

- Vâng, chúng tôi thấy vậy thật!

- Khi mắt cũng thấy vậy mà do đâu cho rằng sanh từ miệng Phạm Thiên? Các bà la môn đã dối trá, vọng ngữ, gạt đời, phỉ báng Phạm thiên là những vị trời thanh cao không bao giờ sanh đẻ, làm sao họ sanh từ miệng Phạm Thiên!

Cả hai chàng trai ấy đã đồng thuận.

Nên cần nói hay thuyết cho người ta thấy đúng, cần theo sát nhiều nguyên văn trong Tam Tạng, dẫn chứng cập nhật, thực tế, như đã nói trên là kiểu mẫu, nhất về tội phước hay ân đức của bất cứ Pháp nào.

Như thuyết về việc xây cầu cống đường xá, có quả báo ra sao? Nên tán dương việc xây dựng cầu cống đường xá vùng quê của các hội từ thiện hay các thí chủ Mạnh Thường Quân, dịp khánh thành chẳng hạn, để họ dễ thấy. Như thuyết rằng: *"Nếu không có cầu thì phải vất vả trong sự đi lại, như vậy…"*.

Rồi mới tiếp rằng, việc tạo sự thuận tiện cho giao thông, qua sông và di chuyển nói chung, gọi là xây cầu - làm đường có nhiều quả báo. Xong, bạn ***thuyết theo tuần tự*** cao lên,

được sanh về thiên giới nhàn cảnh, hưởng ngũ dục công đức. Sau khi thấy *vị ngọt của thiện quả - ngũ dục,* cho họ thấy *sự nguy hiểm của chúng*. Có chúng thì ngọt miệng, không có thì thèm, khổ. Khi tâm họ thuần tịnh, mới giảng về *sự xuất ly chúng*, không thèm nữa, buông! Là giải thoát, **Níp Bàn,** hết đau.

PHẦN VII
PHÂN LOẠI THUYẾT GIẢNG
(tiếp theo)

A. Giảng về Pháp học (pariyatti)

Là thuyết theo lý thuyết, trí văn, không khó gắng công, vì nhớ nhiêu nói nhiêu. Chẳng hạn ghi nhớ Phân tích Pháp (Dhammavibhāga), theo cuốn sơ cấp ("Nakthamtri") là được rồi.

Chẳng hạn, thuyết về Pháp có nhiều công đức, như hai chi là sự ghi nhớ và biết mình (sati-sampajañña), khi bạn đưa Pāli ra thành mẫu đề tóm lược (nikkhepa), bắt đầu thuyết theo đó (vohāra), bày tỏ sự sáng suốt (patibhāna) rằng:

Trí nhớ, niệm (sati) là gì? Nhiều công đức không? Nhưng nếu nhắm chính mình còn ít hiểu biết, bạn sẽ cảm thấy rối trí ít nhiều ở việc giải ý chính tỉ mỉ.

(Không nên vì bản ngã hay gì đó, do thiếu kiến thức, phăng diễn theo tư kiến riêng, không theo nguyên văn lời Phật, chánh tạng, rồi mang nghiệp nặng! Muốn nói theo ý mình thì cần nhấn mạnh: *"Theo ý tôi,… Theo thiển kiến riêng tôi, vấn đề này là…"*. Cực cẩn thận khi nói *"Phật nói…",* trích Phật ngôn luôn cần xuất xứ, kinh nào - chương nào - bộ nào…! *Điều này tôi học được khi sống nhiều với chư tăng nước ngoài, bị bắt bẻ hoài - Dịch giả).*

Vì cho rằng chỉ có hai chi Pháp như thế, bạn thuyết cho vừa với thời gian, sẽ phải suy nghĩ thành nhiều trang giấy hay nhiều mặt lá buôn, thường khó gặm.

Nếu bạn hiểu biết nhiều, ít bối rối quẫn trí hơn nhưng vẫn có, đừng tự ti rằng chỉ là giảng sư, hay Pāli bậc thấp quá, cả các vị cao cấp Pāli cũng vậy thôi.

Thuyết Pháp vất vả như thế, đến khi thâu gom nhiều kiến thức và kinh nghiệm rồi, bạn mới yên tâm. Chỉ cần tìm hiểu chủ đề (Pāli) để đưa thành phần đầu bài giảng, có kiểu mẫu rồi. Bạn cũng vẫn cảm thấy bối rối, nhưng lúc kiếm được thêm nhiều tư liệu chính, bạn sẽ mạnh dạn hơn, nói dễ dàng.

Việc tìm phần Pāli làm chủ đề mỗi bài Pháp, bạn phải nghiên cứu Tam Tạng. Nếu có ít sự hiểu biết, không thể nghiên cứu hay nghiên cứu khi đúng khi trật, thì tham khảo học hỏi từ vị khác.

Phần tiếp theo sẽ có những kiểu mẫu, phần Pāli tóm lược **(tài liệu bậc I),** dành cho một số đề tài. Từ Tam Tạng và chú giải, lời giải rộng. Hầu giúp bạn trong việc giảng - dạy Pháp dễ dàng hơn.

B. Giảng về Pháp hành (paṭipatti)

Nghĩa là chỉ dẫn con đường thực hành, ứng dụng Pháp, để mọi người hiểu biết phương thức từ bỏ những điều không đem lại lợi ích, tu tập những điều đem lại lợi ích, làm lợi ích sanh lên bằng những bài Pháp.

Thuyết để thực hành, ở đề tài nào nói đến phước - tội rõ ràng, thì giảng dễ dàng. Phước - tội rõ ràng, nhưng về phương thức áp dụng, thường khó nói hơn, phải nương vào nhiều tri kiến và kinh nghiệm.

Như chuyện bồ tát Vessantara làm phước, bố thí vợ con, là công chúa Jālī và hoàng hậu Madrī, các vị trời cũng thốt lên *"Sādhu! Sadhu Lành thay! Ngài Vessantara là người*

làm được việc khó làm, cho được vật khó cho". Có ai áp dụng không?

Muốn thành người được thiên hạ tôn trọng vững chắc, tâm phục khẩu phục, hãy cố thành tựu điều khó ai làm! Đức Phật là bậc kỳ tài trong đời, vì Ngài đã thành công điều khó làm. Khởi đầu từ các Pháp hành bồ tát (Bodhisatta), đến khi đắc thành Phật quả.

A2. Kiểu mẫu thuyết về Pháp học

"Dve Dhammā bahukārāti katame dve dhammā bahukārā. Sati ca sampajaññañca ime dve dhammā bahukārāti. (Tam Tạng quyển 11 trang 290).

= Thế nào là hai Pháp có nhiều tác dụng? Chánh niệm và tỉnh giác. Đó là hai Pháp đa dụng".

- Bây giờ, tôi sẽ thuyết Pháp có nhiều ơn đức theo Pāli có ở kinh Thập Thượng (Dasasūtra), Trường Bộ (Dīghanikāya), phẩm Pātika.

Điều mà trưởng lão Sārīputta, vị thượng thủ Thinh Văn tối thắng về trí tuệ đã thuyết, hầu để quý vị hiểu biết theo thời phải lẽ. Phần Pāli tóm lược đưa lên thành phần đầu bài giảng là:

Trưởng lão Sārīputta đã thuyết thay mặt Đức Phật, rằng: Hai Pháp đa dụng, có nhiều ơn đức ấy là gì? - Là:

Chánh niệm, sự ghi nhớ (sati).

Tỉnh giác, sự ghi nhận - biết mình (sampajañña).

Chữ upakāra là sự giúp đỡ, hỗ trợ, tiếp tế, ủng hộ. Chữ upakāra để dễ hiểu đến thính giả, phải dịch là ơn đức (guṇa).

Đức Phật thuyết trong kinh Nāthakaraṇadhammasūtra, phẩm Nāthakanraṇa, Paṭhamapaṇṇāsaka, Dasakanidāta, Tăng Chi Bộ (Aṅguttaranikāya):

"Puna caparaṃ bhikkhave bhikkhu satimā hoti paramena satinepakkena samannāgato citakatampi cirabhāsitampi satitā sanussaritā ayampidhammo nāthakaraṇo.

= Lại nữa, này các tỳ kheo! Vị tỳ kheo là người có niệm (sati), tương ưng với sự ghi nhớ cẩn thận (Satinepakka) tăng thượng, nhớ lại được những điều làm từ lâu, những lời đã nói từ lâu, chính đây gọi là tạo một nơi y chỉ, nương nhờ".

Satinepakka là gì? Chú giải các kinh cho rằng: Nepakka là trí tuệ (paññā), vì thế chữ Satinepakka cũng là Satipaññā.

Bây giờ, bà con nên hiểu đề tài tiếp rằng: *"Sati - chánh niệm, sự ghi nhớ được những điều đã làm, những lời đã nói từ lâu ấy, có nhiều ơn đức ra sao..."*.

Nên giảng rộng ra, là mỗi chúng ta từng được trông thấy - được cảm nhận - được nghe - được làm - được nói nhiều điều như thế.

- Khi bạn (thính giả) hồi tưởng những điều bạn đã trãi qua, đôi khi bạn sẽ nhớ không ra, nói không đúng. Như bạn nghĩ đến lúc vẫn còn là bé trai bé gái (dāraka dārika), bạn đã làm những gì…

Chính bạn cố lắm cũng nghĩ không ra, nhưng nếu ai nghĩ được rằng: Khi ta còn bé, mẹ cha đã phải tắm rửa và đút cơm cho, phải mớm cơm và sữa, phải tẩy rửa nước tiểu và phân khi ta đại tiểu tiện, nếu mẹ cha hay người chăm nuôi chỉ nhìn mà không giúp, thì ta phải ngủ vùi trong phân tiểu ấy. Lúc muỗi hút máu ta, đuổi và đập chúng cũng do

mẹ cha của ta, quạt muỗi cho ta, lau sạch máu do đập muỗi dính bẩn ta…

Bạn nào nhớ và suy nghĩ được vậy, bạn ấy hiểu biết đức lành của mẹ cha nhiều hơn, cao dầy lên. Lúc ta trưởng thành, chạy nhảy nô đùa được, mẹ cha ta cũng rất vui, trông nom từng bước ta luôn, trông chừng mọi sự đi đứng nằm ngồi.

Ngoại trừ kẻ giàu sang hưởng phúc, mới có anh nuôi chị vú đi kèm. Bạn sẽ hiểu đức lành của cha mẹ thêm nhiều nữa, là mẹ cha ta thương yêu ta nhiều vô tận, như yêu đôi mắt của các ngài. Bạn cẩn thận không để cát bụi hay vật gì trúng mắt ra sao, các Ngài trông nom cẩn thận không cho điều gì quấy rầy ta, để sinh bệnh dường thế ấy.

Ngay lúc ta đang bò chơi hoặc nô đùa, té xuống, các Ngài thấy liền la hoảng "chu choa!" ngay, vội vàng đến bồng lên, chăm lo sự u đầu của ta bằng nhiều cử chỉ dịu dàng. Khi ta lớn lên chút đỉnh, mẹ cha hay những người trông nom khác muốn cho ta được tinh thông nên đã giúp bằng nhiều lời răn dạy, bắt đầu chỉ dạy cho ta biết cô, cậu, chú, bác, dì, thím, ông bà nội, ông bà ngoại...

Lúc ta vào học ở trường hay trường tại chùa, cha mẹ đã phải chăm sóc chỉ dạy thêm thường xuyên. Tìm học cụ cho ta, cho đến đồng phục, tiền học tiền ăn tiền xài các thứ, vì các ngài muốn ta được tốt đẹp, tinh tường, đừng tinh tướng! Bạn nào hồi tưởng được vậy, sẽ rõ đức lành của mẹ cha nhiều thêm nữa.

Hay bạn nào nghĩ ra việc ta có thân thể và đời sống tâm tánh phát triển chừng này, cũng do mẹ cha đã bồi dưỡng nâng niu từ hồi còn trong bụng mẹ, đến lúc ta đã phát tướng được, nếu mẹ cha không nuôi dưỡng, làm sao to lớn thêm chừng này.

Hay, chăm sóc ta nhưng không chỉ dạy từng chút, cho biết cô, cậu, chú, bác, dì, thím, ông bà nội, ông bà ngoại…. phải, trái, nặng, nhẹ, nông, sâu, mỏng, dày, ta sẽ không hiểu biết gì, bị đời dạy ngu trở thành trẻ trâu, ta sẽ không thành người giỏi như vầy được.

Hoặc các ngài không cho ta đi học ở trường, ở chùa, hay một nơi nào, ta sẽ không được giáo dục, trở thành trí thức như vầy.

Nhớ đến ơn đức mẹ cha được nhiều, sẽ có lợi ích đến bạn và mẹ cha như sau: Bạn sẽ nỗ lực cho bản thân thăng tiến lên, do nghĩ rằng, mẹ cha đã nuôi dưỡng ta rất khó khăn và vất vả, mong cho ta thành người hiểu biết, người tốt (trí và đức). Nếu ta là người khờ dại xấu xa sẽ uổng công mẹ cha. Bạn sẽ cố gắng luôn làm việc tốt, đền đáp đức lành mẹ cha. Do cố gắng tạo thiên pháp luôn khi, bạn sẽ được nhận thiện quả đã tạo.

Do hiếu nghĩa với mẹ cha, ai-ai cũng khen ngợi bạn là người tốt, có Pháp tri ơn (kataññū). Phần mẹ cha của bạn cũng được hạnh phúc thân tâm, an vui, khoan khoái, hỷ dạ, là không uổng sự chăm sóc, nuôi dưỡng con cái. Bạn nhận quả lành và mẹ cha bạn nhận sự đền đáp hiếu thuận.

Là điều có nhiều ơn đức (upakāra-guṇa) đúng chăng? Bạn, hay ai đó cũng phải đáp là đúng. Sẽ thấy được: *Sati - chánh niệm, sự ghi nhớ những điều đã làm, những lời đã nói từ lâu, có nhiều ơn đức như vậy!*

Cả việc bạn nhớ được ơn đức của thầy cô, hay thân quyến bạn bè một người nào, rằng: Người ấy đã thi ơn đến ta như thế, là nguyên do để ta cố công làm việc tốt, không phụ lòng họ, hầu đền đáp thiện ơn của các vị ấy.

Nên cho rằng **niệm là sự ghi nhớ**, không chỉ những điều đã trải qua - những ơn phải mang, nếu giảng cho quý vị hiểu dễ dàng thì phải đưa dẫn chứng. Ví như chuyện ngày trước/ tháng trước/ năm trước, bạn đã chôn tiền hay cất giữ của cải một nơi nào đó rồi lại quên mất. Khi nhớ ra, chôn tại đó hoặc cất giữ tại đó, bạn sẽ cảm thấy vui mừng, vì khó kiếm đồ kiểu đó được. Là nói về sự nhớ đến điều đã quên, có nhiều đặc ơn đến bạn như vậy.

Khi là học sinh, bạn quên hoài những điều đã học, nhưng lúc nhớ ra bạn sẽ vui lắm. Hơn nữa, bạn nghĩ ra vào lúc thi cử càng hữu dụng hơn, mừng lắm luôn. Mới nói: Sati - chánh niệm, sự ghi nhớ có nhiều tác dụng, có nhiều ơn đức. Sự ghi nhớ bất cứ gì đã trải qua, thường mang lại lợi ích như thế.

Vì vậy, Đức Phật thuyết rằng: *"Sati sabbattha patthitā = Chánh niệm - sự ghi nhớ, nên ở mọi nơi".* Khi một sự việc nào sanh lên, và khi suy nghĩ lời nói nào trong khi nói, nên tưởng nghĩ trước là điều này ta đã từng nói từng nghĩ đến chưa? Điều này đem lại ơn đức hay tội lỗi cho ta và kẻ khác, đôi khi ta đã từng nói ra sao trong dĩ vãng.

Như nghĩ rằng, vấn đề này ta từng được nghe lời giảng giải ra sao, hay đã từng giải đáp thế nào? Khi nghĩ ra, sự nghĩ ra sẽ thành lợi ích trong việc nói điều ấy, và giải đáp vấn đề ấy. Do đó, nên cho là sati - chánh niệm, sự ghi nhớ có nhiều lợi hại như vậy.

Có ý nhấn mạnh rằng, PHẢI GHI NHỚ được tất cả những điều trải qua, và nên tái sử dụng trong lúc nói hay làm điều tốt mỗi khi cần. Cả việc cơm nước, ta không quên bỏ muối ra sao, thì ở bất kỳ việc gì con người cũng không nên bỏ qua trí nhớ, để đãng trí như thế.

(Có những giây phút, quên lãng hay nhớ chậm sẽ cực nguy hiểm, như lính nhảy dù, nhảy khỏi máy bay mới dùng trí nhớ, để nhớ ra mình quên mang dù… Điều này là không thể, khó tin, như chân tu quên niệm vậy! - Dịch giả).

Tiếp đến, nói về sampajañña = Tỉnh giác - sự ghi nhận, biết mình, để quý vị nghe:

Nghĩa là khi ta đi đứng nằm ngồi, ăn uống, làm, nói và suy nghĩ, cho đến cả đại tiểu tiện, ta luôn có ghi nhận là vật che chở, phòng hộ. Nếu ta không biết mình lúc ta đi đứng nằm ngồi, ăn uống, làm, nói và im lặng… ta sẽ phải nhận lãnh một kiểu hiểm nguy tai hại nào đó.

Nói cho dễ thấy, lúc ta đi trên đường đang đông xe các loại thường xuyên chạy qua lại, nếu ta *không tỉnh giác, ghi nhận - biết mình rằng ta hiện đang đi trên con đường có xe máy v.v… luôn chạy qua lại, ta sẽ bị đụng, xe cán chết chắc!*

Ngay lúc bạn đang ngồi nghe Pháp đây, nếu bạn quên mình đi, không tỉnh giác, ghi nhận - biết mình rằng: đang ngồi nghe Pháp, bằng sự lờ mờ phóng tâm vào chuyện khác hay suy nghĩ vu vơ, bơ phờ ngắm một vật nào, Pháp âm vang vào tai bạn cũng như không, như đàn khảy tai trâu mà thôi! Phí.

Nhưng nếu bạn luôn biết mình, bây giờ đây ta đang ngồi nghe Pháp, chú tâm nghe Pháp, sẽ thấm hiểu Pháp âm hữu ích như vậy. Nói đến sampajañña là luôn luôn tỉnh giác, ghi nhận mọi thứ, không ngoại trừ điều nào. Cùng sati là chánh niệm, ghi nhớ nhất cử nhất động. Mọi lúc - mọi nơi.

Phân loại của tỉnh giác, có 4:

Ghi nhận - biết mình trong **4 oai nghi** (iriyapatha).

Ghi nhận rõ việc đi - đứng - ngồi - nằm đây, **không phải là TA đi, chỉ có SỰ đi… đứng, ngồi, nằm.**

4 oai nghi chỉ do thân, **diễn tiến theo quyền hạn của gió** (phong đại) như thế.

Tỉnh giác - ghi nhận, biết mình như vậy, cho ích lợi cao tột là giải thoát (vimutti), Níp Bàn.

Đức Phật thuyết 4 loại tỉnh giác nữa là *(sẽ giảng rộng ở phần sau)*:

Satthakasampajañña - *Ích sát tỉnh giác.* Tỉnh giác trong lợi ích của thân.

Sappāyasampajañña - Tỉnh giác trong an lành.

Gocarasampajañña - *Hành xứ tỉnh giác.* Tỉnh giác trong thuận cảnh.

Asammohasampajañña - *Bất mê tỉnh giác.* Tỉnh giác trong việc không sai lầm.

Sau đó, đưa ra *chuyện đạo sĩ Lomakassapa, người đánh mất chánh niệm - tỉnh giác vì trần cảnh đáng yêu quá, rồi sau thức tỉnh.* Cho thính giả nghe tiếp:

Trong kinh bổn sanh Lomakassapa, Jātakanavankanipāta: Vào thời quá khứ xa xưa, bồ tát tiền thân Đức Phật của chúng ta đây, sanh làm đạo sĩ tên Lomakassapa, tu chứng thiền định (Jhānasamāpatti) dũng mãnh đến nỗi làm cho chiếc ngai của đức Đế Thích (amarinadrādhi) rung động thành tiếng.

Đức Đế Thích dùng thiên nhãn hiểu được sự việc. Vào giữa đêm khuya, ngài từ cõi trời giáng vào phòng ngủ của vua thành Bārāṇasī phán rằng:

- Dậy đi, này đại vương! Ta là Đế thích đây, nếu ngài có mong ước làm chuyển luân vương toàn Diêm phù đề (Jambū), thì hãy giao công chúa Candavatī là ái nữ của ngài cho quan đại thần Sayyaha. Kêu dẫn đến khiêu tình đạo sĩ Lomakassapa, rồi bảo đạo sĩ Lomakassapa đến giết thú tế thần. Làm vậy, ngài sẽ không già không chết như Ngọc hoàng Đế thích (Indra) ta, được làm chuyên luân vương trong cõi Diêm phù.

Nói rồi Đế thích về thiên cung. Sáng hôm sau, vua ban chiếu chỉ, ra lệnh quan đại thần Sayyaha vời công chúa Candavatī lên xe, trang hoàng bằng 7 món báu vật, đến nơi đạo sĩ Lomakassapa. Quan đại thần Seyyaka nhận chiếu chỉ, cùng nhiều quan thuộc hạ và quân lính, mời nàng Candavatī lên xe hướng vào rừng Himbānata.

Khi họ đến tịnh thất đạo sĩ Lomakassapa, cùng lễ bái đạo sĩ, nói lên rằng: *"Thưa ngài, hiện có chiếu chỉ của đức vua thành Bārāṇasī, lệnh cho dẫn công chúa Candavatī đến dâng ngài, xin ngài hãy giết thú tế thần. Tế thần xong, ngài sẽ được tôn xưng thành vị vua duy nhất cùng công chúa đây!".*

Đạo sĩ Lomakassap trông thấy công chúa Candavatī, người tựa như tiên nữ hạ phàm, thì mất chánh niệm - tỉnh giác (sati-sampajañña), lập tức đứt thiền đắc chứng, trả lời: *"Được rồi!".* Đạo sĩ vào thành Bārāṇasī, dự định giết thú tế thần, cầu vương miện.

Lúc ấy, công chúng hội họp tại đó đã trông thấy, bèn cùng la làng nhắc nhở:

- Ngài đang làm điều không thích hợp! Ngài đang làm điều khó coi quá!

Mặt trăng có sức mạnh riêng, vì đêm đen không còn bởi mặt trăng. Mặt trời còn mãnh liệt hơn, có thể loại trừ tăm tối ban ngày.

Các sa môn, bà la môn là người tương ưng với sức mạnh nhẫn nại - sức mạnh tri kiến. Cũng là người có sức mạnh chịu đựng mọi trần cảnh, việc đúng - sai. Như bờ đại dương ngăn nước biển tràn vào.

Nhưng các sức mạnh này, đều không bằng sức mạnh người nữ. Phụ nữ thường có sức mạnh hơn năng lực của mặt trăng, mặt trời, sa môn - bà la môn. Ôi!

Hãy xem việc nàng Candavatī được trao tay đạo sĩ Lomakassapa - là người có trì giới (sīla) và thiền định (jhāna) mãnh liệt, giờ đến nông nỗi này, phải giết thú tế thần hầu ích lợi cho công chúa. Đây là tấm gương! Ôi".

Nhưng dù âm thanh kêu gào náo nhiệt của mọi người có tính chất nhắc nhở khẩn thiết, vẫn không làm đạo sĩ Lomakassapa giao động đôi mày đang phê, không tỉnh thức và chánh niệm lại được!

("Ôi! Đàn bà, là những niềm đau…", từ xưa đã thế! - Dịch giả).

Đến khi Lomakassapa đã dá cây gươm quý lên với ý định chặt cổ con voi tế thần, con voi thấy vậy liền kinh hãi, rống lên bằng tiếng rống thảm thiết. Mọi giống thú khác, voi ngựa và bò, nghe tiếng voi bèn phát hoảng, cùng hí rống ầm ĩ khủng khiếp lên, cả con người đông đảo tụ nơi đấy cũng la lên!

Bỗng Lomakassapa động tâm, chánh niệm và tỉnh thức chợt bùng lên từ tro tàn nữ sắc: *"Ta đây là đạo sĩ, trông hình tướng ta hiện nay thật đáng kinh khiếp, gây động lòng cho*

chúng sinh thật!”, suy nghĩ được rằng: *“Việc tạo ác nghiệp không thích hợp đối với ta, ta sanh ra để tu mà!”*.

Vừa nghĩ vậy thì cũng nghĩ đến đề mục hoàn tịnh (kasina) đã từng tu luyện, làm cho thiền chứng đã đứt sanh lại. Khi đắc thiền - có thần thông lại, đạo sĩ bay lên, thuyết Pháp ban lời giáo giới cho đức vua và mọi người, làm biến mất hầm tế thần để sinh linh thoát việc cúng tế.

Về rừng Himbānata về với chính mình, khi hết tuổi thọ, đạo sĩ sanh lên cõi Phạm Thiên (brahmaloka).

Quý vị nhớ cho: Chánh niệm - tỉnh giác của đạo sĩ Lomakassapa cực hữu ích, giúp mọi người và các loài thoát việc bị giết để tế thần. Và giúp chính ngài đắc lại thiền định - thần thông, sanh lên cõi Phạm Thiên. Không thì sau đó sanh về cõi nào? Thật tê tái.

Chỉ vì …ái thôi.

B2. Kiểu mẫu thuyết về Pháp hành

Kinh Thanh Tịnh Đạo (Visuddhimagga) đã phân tích thần thông (abhiññāniddesa), phần nói về Túc Mạng trí (pubbenevāsa ñāṇa, trí nhớ tiền kiếp) như sau:

Cách vị tỳ kheo bắt đầu tu luyện cho thành tựu Túc Mạng trí: Lúc đi khất thực về và thọ thực xong, ngồi nơi độc cư yên tĩnh. Nhập vào 4 bậc thiền theo thứ tự, xuất tứ thiền (catutthajhāna) - nền tảng thần thông (abhiññāṇa), rồi ***hồi tưởng ngược thời gian lại, bắt đầu từ nhất cử nhất động gần nhất, ngược về quá khứ gần - xa,*** từ việc mới ngồi, tuần tự nhớ nghĩ đến những điều mình đã làm.

Suốt đêm ấy ngày ấy hồi tưởng, nhớ đến ngồi trên chỗ nào, việc bước vào chỗ ngụ, cất giữ y bát, lúc thọ thực, lúc

từ xóm về, lúc đi khất thực trong xóm, lúc vào xóm để khất thực, lúc ra khỏi tịnh xá (vihāra), lúc lễ bái bảo tháp - cây bồ đề - đấng Đại Giác, lúc rửa bát, lúc cầm lấy bát, cho đến lúc rửa mặt. Rồi nhớ nghĩ đến tư duy lúc gần sáng, lúc giữa canh (majjhimayāma), lúc đầu canh (paṭhamayāma), hồi tưởng lại theo tuần tự như vậy.

Những điều đã làm đây sẽ hiện trong tâm thường nhiên, và sẽ xuất hiện thêm ở tâm định trong việc sắp xếp thứ tự. Nhưng nếu không có gì hiện lên lúc nhập thiền nữa, nên xuất thiền rồi tưởng nghĩ lại. Khi tưởng nghĩ, các điều sẽ hiện lên như cây đèn đang sáng tỏ, trong những ngày kế cũng nên tập tưởng nghĩ vậy hoài. Tưởng nghĩ đến những điều đã làm trong ngày đầu (hôm nay), rồi hồi tưởng đến những điều đã làm trong ngày thứ 2 (hôm qua).

Khi đã nghĩ ra, hồi tưởng đến những ngày thứ 3, thứ 4. thứ 5… tuần tự cho đến 1 năm (365 ngày). Rồi tập hồi tưởng theo cách đó, đến những điều đã làm trong năm thứ 2 và thứ 3… 10 năm, 20 năm… mãi tới năm mình ra đời.

Khi đã tưởng nghĩ thông suốt, sẽ nghĩ ra sự tái sanh (paṭisandhi) của mình đời này. Nghĩ đến danh - sắc (thân tâm) diễn tiến vào lúc chết trong đời trước, vì một vị Tỳ kheo có trí (paṇḍita) ngay tức thì có thể bỏ tái sanh mà lấy đối tượng là danh sắc vào lúc chết.

Nhưng danh sắc trong đời trước đã chấm dứt không dư tàn và danh sắc khác sinh khởi, do đó trường hợp này như thể bị đóng lại trong bóng tối, và thật khó cho một người ít tuệ có thể thấy được nó. Tuy thế vị ấy cũng không nên bỏ dở công việc, nghĩ rằng: "Ta không thể bỏ tái sanh và lấy danh sắc vào lúc chết làm đối tượng". Trái lại hành giả hãy nhập

thiền căn bản nhiều lần, và mỗi lần xuất định hãy tác ý đến trường hợp ấy.

Cũng như một người có sức mạnh, đẵn một cây to để làm nóc nhà, nhưng không thể đốn với một lưỡi rìu đã cùn nhụt vì chặt cành lá. Ông ta vẫn không bỏ dở công việc, trái lại đến thợ rèn nhờ mài cái rìu rồi trở lại tiếp tục, khi rìu lụt lại đi mài và tiếp tục như cũ. Chặt hoài cây nào rồi cũng ngã. Vì mỗi lần làm, không phải chặt lại những gì đã chặt, và những gì chưa bị chặt sẽ bị chặt mỗi lần đứt thêm một ít.

Cũng thế khi hành giả xuất thiền căn bản, thay vì hướng tâm đến những gì đã hướng tâm, vị ấy chỉ nên hướng tâm đến tái sanh, và cuối cùng bỏ tái sanh, làm cho danh sắc sinh ra lúc chết thành đối tượng cho vị ấy. Và ý nghĩa này cũng cần được sáng tỏ bằng ví dụ người đẵn cây và người chẻ tóc.

Khi giữ theo quy luật như đã nói đây, mang lại ý nghĩa là, việc làm cho chánh niệm sanh lên cần tập tưởng nghĩ đến những điều đã trải qua. Lần đầu phải tập nhớ riêng những nơi hiện diện trong một ngày trước, lúc tập nhớ nên để giữa khuya, đến sáng đi nằm, khi vào nằm đàng hoàng rồi, nhớ đến các điều khác.

Trước khi ta vào nằm đây, ta làm gì? Lúc nghĩ ra rồi mới nên nhớ tiếp rằng, vào đầu hôm ta làm gì? Lúc nghĩ ra rồi nên nhớ tiếp rằng, trước chạng vạng tối ta đã làm gì? 5pm chiều làm gì? 4pm làm gì? 3pm làm gì? 2pm làm gì? 1pm làm gì? Giữa trưa làm gì?

4am sáng làm gì? 3am làm gì? 2am làm gì? 1am làm gì?, Hừng sáng, trước hừng sáng, lúc ta mới ngủ thức dậy… làm những gì?

Hay sẽ tưởng nghĩ thô thiển bao quát trước rằng, trước lúc ta vào nằm ta làm gì? Chiều làm gì? Trưa làm gì? Giữa trưa làm gì? Trước giữa trưa làm gì? Sáng làm gì?

Khi hồi tưởng được vậy, trong một ngày rồi, tập cho nhớ đến ngày thứ 2, thứ 3, thứ 4, thứ 5, thành tuần tự cho suốt tháng, rồi nhớ tháng trước làm gì? Năm trước làm gì? Thường xuyên nhớ như vậy, chánh niệm - ghi nhớ sẽ sanh lên mỗi lần một chút đến lúc già dặn, khi sự ghi nhớ đã già dặn thì nghĩ được đến những điều khác đã trải qua.

Ở đây trí phát sinh có đối tượng là khoảng thời gian từ lúc ngồi xuống vừa qua cho mục đích này, trở lui về tái sanh thì không gọi là trí túc mạng, nhưng nó được gọi là chuẩn bị trí (parikamma), vài người gọi là "trí biết quá khứ" (atītamsañāṇa), nhưng nó không thích hợp với sắc giới.

Lại nữa, chú giải kinh Đại Niệm Xú (Atthakathā Mahā satipaṭṭhāna sūtra) Papañcapasūdanīya có ghi:

Việc làm sanh chánh niệm, là thực hành nhiều trong sự chân chánh tác ý (yonisomanasikāra). Tưởng nghĩ đúng đường sẽ sanh chánh niệm, tưởng nghĩ như thế nào mà chánh niệm sanh lên thì tưởng nghĩ như thế cho nhiều.

Lại nữa, cần tránh xa người không có chánh niệm, đừng giao du với kẻ sai lầm dễ quên. Chỉ giao thiệp với người có sự ghi nhớ vững bền, chăm chú trong tu tập chánh niệm thôi.

Còn làm cho sanh tỉnh giác thì, phải làm theo chỉ dẫn ở chú giải kinh Đại Niệm Xứ, được giảng tỉ mỉ bằng cách phân loại 4 tỉnh giác đã kể. Tu tập 4 loại tỉnh giác là, mỗi lúc làm bất cứ điều nào, đi đứng nằm ngồi, đi đâu đến đâu, nói điều nào, đều thành lợi ích, đem đến an vui cho ta, đúng cảnh ta, không sai lầm. Như vậy thường xuyên!

(1986, thiền sư dạy tôi rằng: Làm điều gì phải tự xét 3 điều "mục đích, vị trí, tư cách".

*- **Mục đích** là cần uống nước chẳng hạn, **vị trí** là phải xuống bếp lấy, **tư cách** thì không có, vì chiều còn xuống bếp dễ gây hiểu lầm là đi ăn vụng! Cần xét lại vị trí, đi chỗ khác kiếm nước.*

*- **Mục đích** là thuyết Pháp, **vị trí** là chánh điện, **tư cách** là có được thỉnh mời => Ổn!*

Luôn xét 3 điều này, đem lại lợi ích - an lành, không sai lầm, không bị khiển trách => tu tập chánh niệm tỉnh giác là đây! KHÔNG VẬN ĐỘNG DƯ THỪA, THẤT NIỆM - Dịch giả)

=====“Evaṃ Như vậy!”=====

A3. Kiểu mẫu thuyết về Pháp học

- Bây giờ là lúc hợp thời, tôi sẽ thuyết 2 Pháp hộ trì thế gian (Lokapāladhamma), theo Pāli và chú giải để quý vị nghe! Theo Pāli ở Tăng chi bộ (Aṅguttaranikāya), chương Hai Pháp (Dukanipātā), đã đưa lên thành phần đầu của bài giảng. Đức Thế Tôn, bậc Ứng cúng, Chánh Đẳng Giác của chúng ta, đã từ bi thí Pháp rằng:

“Dveme bhikkhave sukkā dhammā lokaṃ pāsenti katame dve hirī ca ottappañca ime kho bhikkhave dve sukkā dhammā lokaṃ pāseyyaṃ Nayidha paññayetha mātāti vā mā tucchāti vā mutulānī ti vā ācariya bharriyati vā garūnaṃ dāvāti vā sambhedaṃ koko agamissa yathā ajeḷakā kukkuṭasūkarā soṇasigālāni.

= Này các tỳ kheo, 2 Bạch Pháp (trắng) hộ trì thế gian, là những gì? - Là:

***Hiri** (tàm, hổ thẹn tội),*

***Ottappa** (quý, ghê sợ tội).*

Nếu 2 Bạch Pháp này không che chở, hộ trì thế gian, sẽ không có ai trong đời này hiện là mẹ, hay cô, dì, cậu, vợ của thầy (guru)... thế gian sẽ đi đến hỗn loạn như giữa cừu đực - cừu cái, gà, heo, chó và sói.

Này các tỳ kheo, 2 Bạch Pháp này bảo hộ thế gian, nên biết rằng người này là mẹ hay cô, dì, cậu, vợ của thầy (ācāriya), hay vợ các vị tôn trưởng".

Bạch Pháp, tàm - quý (hiri ottappa) này bảo bọc thế gian, không để vượt qua giới hạn, không để lẫn lộn trong sự giao hoan (loạn luân) như thú vật, để có sự tôn trọng kiêng nể nhau, rằng người này là mẹ hay cô, dì, cậu, vợ của thầy…

Phần giống thú như cừu đực - cừu cái, gà, heo, chó, sói… không có tàm quý, nên hỗn mang vượt qua giới hạn của nhau trong sự ăn ở, không biết tôn trọng kiêng nể nhau, chung chạ lẫn lộn, do không phân biệt ai ai.

Cỏi Nhân loại được ấn định từng phần rõ ràng, vững chắc, cho đến ngày nay do đâu? Bởi khi nhân loại không hổ thẹn, không nể sợ nhau, muốn làm gì tùy thích, ăn ở hay ăn-ở cũng tùy hứng, thì sẽ như thú vật, sát hại và ăn nhau như thực phẩm (āhāra). Có những giống ăn thịt nhau, cá lớn ăn cá bé. Có những giống chỉ ăn thịt thú khác, không ăn thịt nhau, như loài cọp, sư tử (sīha)… thường không ăn đồng loại.

Mong quý Phật tử hãy suy xét, nếu nhân loại chúng ta ăn thịt nhau, lòng đầy thú tính, chúng ta sẽ không còn nhiều

như hôm nay, cùng ngồi nghe Pháp giảng, bên nhau - nhìn nhau, mãi thèm thuồng!

Lại nữa, xin nghĩ xem! Nếu nhân loại ăn-ở hỗn loạn, do không phân biệt ai ai cả, giống loài thú! Vợ chồng không biết hổ thẹn và nể sợ nhau, không tôn trọng nhau, muốn nói gì thì nói, nhân gian sẽ ra sao? Khái niệm vợ - chồng, và các quan hệ khác cũng không có.

Loài người sẽ đánh mất trước khi có, mọi hạnh phúc, văn minh, tiến triển, tình trạng vẫn còn ở cấp độ khỉ. *Khi thấy như vậy, sẽ thấy được là chúng ta có tình trạng khác xa súc vật, dù còn nhiều người xảo trá, gian manh.* Vì tàm quý hộ trì, là nhân tiên quyết của văn minh kiếp-người- tạm bợ, cho đến ngày nay.

Trong một thời đại nào, một nhà nào, một nước nào với nước nào, bất cứ nơi nào lúc nào, thiếu tàm quý, sẽ xuất hiện sự tan nát, sát hại, làm cho nhau khốn khổ và đau thương, chết chóc.

Chẳng hạn, vợ không hổ thẹn và nể sợ chồng, muốn ngoại tình, bạn không cần phải suy nghĩ cho tốn giờ, là người chồng sẽ làm gì? Bởi bạn đã tin chắc rằng người chồng phải làm 1 trong 2 việc, là ly dị hoặc sát hại người vợ ấy hay vừa đánh mắng và ly dị luôn thể!

Còn ngược lại, người vợ sẽ làm gì? Bạn trả lời được tức khắc: *Nhẫn nhịn, không thối chuyển! dù có chết cũng không cho phép chồng chia lìa, thanh xuân mình qua rồi…* Nhưng không nguôi giận dữ, mặc cảm, không dứt sân ưu oán thù, luôn hâm nóng lỗi lầm nhau, cà ràm - cà ràm! Đối diện nhau mà đã không còn e ngại, nể sợ, thì càng dữ tợn hơn.

Do đó, bạn hãy hiểu rằng, ở gia đình vợ chồng đoàn kết (sāmaggī), cảm thông và giữ được tình thương yêu bền vững với nhau, đến lúc có con cái với nhau, tiến hóa bình yên bằng mưu sinh, nhờ hổ thẹn và nể sợ nhau.

Nếu mẹ cha và con cái không hổ thẹn và nể sợ nhau, cũng không cai quản chăm nuôi được, không giúp con cháu trưởng thành được.

Nếu thầy trò không có tàm quý, thì không thành thầy trò. Tôi và chúa, tớ và chủ, dân chúng và quốc hội hoặc vua quan… cũng vậy, đa phần các quan hệ đều cần *hiri* là sự hổ thẹn với nhau, *ottappa* là sự nể sợ nhau, hộ trì đùm bọc, cùng tiến hóa trong kiếp con người.

Nếu có lời hỏi rằng: *"Khi có tàm quý hộ trì thế gian như vậy, cần gì phải có Luật Pháp hay người cai quản nữa?"*.

Đáp rằng: Luật lệ và người cai quản, bảo đảm cho tàm quý, và giúp cho tàm quý đang có, được mạnh mẽ lên. Bởi người trần gian thường có nhiều tâm tính, căn cơ khác nhau. Có những người tính nết thấp kém bần tiện, tàm quý mỏng manh hay gần như không có, mặt chai mày dầy. Có những người bậc trung, thì đỡ hơn. Có người tâm tính cao thượng, tàm quý cao, còn gọi là LƯƠNG TÂM, không cần Luật Pháp hay kẻ khác giám hộ, canh giữ trông chừng, bởi họ biết kiêng dè.

Lại nữa, không phải chúng sanh nào sanh ra rồi lớn lên tự trở thành trí thức hiểu biết được liền, mà là trẻ con trước, còn suy nghĩ non nớt, còn hiểu ít thấy ít, phải có người giám hộ, mẹ cha thầy cô giáo dưỡng.

Khi ta lớn lên, trở thành trí thức, ít nhiều hiểu chuyện, thường có nhiều phiền não (kilesa), đau buồn, có nhiều

ham muốn, giận hờn và sai lầm, từ từ có đủ thứ. Khi tham sân si tăng trưởng theo tuổi tác và lấn át mọi thứ, mãnh liệt, đôi khi cố đưa tàm quý vào quên lãng, giả như vô tình, lạnh lòng chai mặt, có những việc không còn biết ghê sợ và hổ thẹn tội lỗi.

Chẳng hạn như việc gây sự với nhau, những người hiếu chiến hiếu thắng (aggressive), có chủng tánh gây gỗ, thường không biết hổ thẹn và nể sợ ai, nói lời không nên nói, thô tục, phơi bày những điều đáng hổ thẹn hoặc đáng kiêng dè, mọi sự thô tháo dông dài đều hiển lộ.

Nói chi xa xôi, chỉ cần nhìn lại vợ chồng mình từng thương nhau, lãng mạn hết sức, hổ thẹn và nể sợ nhau, nói với nhau chỉ bằng lời dịu ngọt, khách khí. Nhưng khi họ ẩu đả thì dứt đi sự hổ thẹn với nhau, dứt đi sự nể sợ kiêng dè nhau, gát tàm quý sang một bên, lời dịu ngọt trở thành chua chát đắng cay: mày, tao, thằng này, con nọ… Ôi! Tệ hơn nữa, thượng cẳng chân hạ cẳng tay.

Lại nữa, Luật Pháp và người cai quản chỉ kềm chế thân và khẩu, hành động và lời nói. Chỉ có tàm quý mới quản trị cả thân khẩu ý, hành động - lời nói và tư tưởng.

Và quyền hạn của Luật Pháp và người cai quản chỉ có tác dụng lúc còn sống, còn tàm quý theo sát kiếp luân hồi của chúng sinh, không kể kẻ ấy chết sẽ sanh nơi nào… Nên cho rằng tàm quý hộ trì thế gian.

Người có tàm quý mạnh mẽ thường ***không dám làm việc tồi bại dù ở nơi kín*** hay không kín, lúc đối diện có người khác hay sau lưng. Nếu làm gì không tốt sẽ cảm thấy hổ thẹn và ghê sợ.

Như chuyện các đức bồ tát (bodhisatta), có ngài Mahissāsakumāra, kinh Pháp Cú (Dhammapada):

Vào thời xưa thật là xưa, đức bồ tát là tiền thân Đức Phật chúng ta đây sanh làm hoàng tử (Rāja-orasa) của thành Bārānasī, tên là Mahissāsakumāra, có một người em cùng mẹ tên Candakumāra (Nguyệt Nhi).

Khi mẹ bồ tát quy tiên, đức vua tôn vinh một bà khác làm chánh hậu. Hoàng hậu đó sanh một hoàng tử tên Suriyakumārā (Dương Nhi). Vua mừng vui, ban thưởng đặc ơn cho hoàng hậu mới, là *muốn gì sẽ được như ý*. Khi hoàng tử mới trưởng thành, hoàng hậu bèn nhắc lời hứa, xin vua truyền ngôi (rājasampatti). Đức vua lẩn tránh nhiều lần, nhưng cuối cùng cũng phải hành vương thí (rājadāna), vì lỡ dại hứa với phụ nữ rồi.

Ngài mới phán dạy hai hoàng tử lớn, Mahissāsakumārā và Candakumārā:

- Các con ơi, cha lỡ hứa chúc mừng khi Suriyakumārā sanh ra như vậy, *mẹ nó* giờ xin ngai vàng! Không cho thì sợ bà ta sẽ nghĩ xấu hai con, thôi thì hai con hãy dẫn nhau tránh vào rừng trước. Khi trẫm qua đời hãy dẫn nhau về lấy lại!.

Rồi ngài đành lòng để hai hoàng tử từ giã vào rừng. Lúc ấy, Suriyakumārā đang dạo chơi ở vườn thượng uyển, đã thấy và hiểu sự việc ấy, cũng bỏ theo hai hoàng huynh.

Khi ba hoàng tử vào rừng, bồ tát là anh cả (Mahissāsakumārā), đã dẫn đầu cuộc du hành, rồi nghỉ ở một gốc cây, bảo Suriyakumārā đi múc nước ở hồ Māsevaya. Suriyakumārā xuống hồ thì bị thủy thần (mada) bắt lấy, hỏi:

- Ông biết thiên pháp (devadhamma, Pháp của thiên thần) chăng?

- Biết, thiên pháp ấy là mặt trăng mặt trời!

- Không đúng! Người không biết thiên pháp, sẽ bị ta ăn thịt.

Rồi đè cổ nhận xuống nước, đưa về thủy cung của mình.

Bồ tát thấy sao Suriyakumārā đi lâu quá, nên sai Candakumārā đi tiếp, Candakumārā cũng bị thủy thần bắt giữ. Bồ tát bèn đi, và nghĩ: "*Hình như có nguy hiểm gì ở hồ này!*". Nên đi xem vòng quanh, thấy dấu vết hai hoàng tử đi xuống, không có dấu đi lên, mới nghĩ: "*Hồ này có thủy thần gìn giữ!*", nên tra gươm vào lại rồi giương cung đứng đợi.

Thủy thần thấy bồ tát không xuống, mới hóa thành người làm việc trong rừng, đến hỏi:

- Bạn đi đường đã mệt mỏi, sao không xuống tắm và uống nước ăn sen, và hái hoa sen ở hồ này đi!

Bồ tát vừa trông thấy thủy thần, thì biết là thủy thần, nên hỏi:

- Ông bắt giữ các em trai của tôi phải không?

- Vâng, tôi bắt!

- Sao ông bắt chúng?

- Vì ai xuống hồ này, tôi có quyền hạn bắt ăn được cả!

- Ông bắt ăn được hết sao?

- Không! Ngoại trừ ai biết thiên Pháp.

- Ông cần biết thiên Pháp chăng?

- Cần!

- Vậy, tôi thuyết cho nghe đây!

- Làm ơn thuyết đi!

- Tôi có thân hình ủ dột, mất các em, buồn quá làm sao thuyết được!

Thủy thần mới để bồ tát tắm, uống nước, và trang điểm thân thể. Cho xây bảo tọa, đặt hoa sen giữa bảo tọa, mời thỉnh bồ tát lên ngồi trên hoa sen, thuyết thiên Pháp cho nghe. Bồ tát thuyết:

"Hiri ottappasampannā sukkadhamma samāhitā santo sappurisā loke devadhammāti vuccare.

= Bậc chân nhân yên tịnh, hòa dịu, người đầy đủ tàm quý, vững vàng trong Bạch Pháp, gọi là thiên pháp".

Thủy thần nghe liền phát tâm trong sạch:

- Thưa bậc thiện trí, tôi có đức tin với ngài, xin trả ngài một người em, ngài chọn ai?

- Hãy trả đứa nhỏ cho tôi!

- Này bậc thiện trí, ngài hiểu biết thiên pháp như thế, nhưng không hành theo thiên pháp?"

- Sao nói vậy?

- Bởi ngài gác em lớn lại, nhận em nhỏ. Là Ngài không tôn trọng người lớn.

- Này thủy thần! Tôi hiểu biết và thực hành theo thiên pháp. Chúng tôi do trốn tránh hiểm ác mà vào rừng, cũng vì đứa em nhỏ này: Mẹ nó xin ngai vua của cha chúng tôi để cho nó, cha vì giữ lời hứa nên phải cho, nhưng nó lại theo chúng tôi. Khi trở về, nếu chúng tôi bảo mọi người rằng đứa

em nhỏ đã bị thủy thần bắt ăn thịt mất rồi, ai sẽ tin tưởng chúng tôi. Tôi kiêng dè, sợ sự chê bai như vậy nên xin nhận đứa em nhỏ!

Thủy thần nghe càng phát tâm trong sạch:

- Sadhu lành thay! Hỡi bậc thiện trí! Ngài biết và hành theo thiên pháp!

Rồi dẫn trả bồ tát hai đứa em.

Bạn biết không, nếu không nhận lại em nhỏ, cõi thị phi sẽ cho là ngài giết nó để giành lại ngai vàng!

B3. Kiểu mẫu thuyết về Pháp hành

Yesaṃ ce hiriottappaṃ

Okkantā sukkhamūlā te

Yesañca hiriottappaṃ

Virūṭhabrahmacariyā

Sabbadā ca na vijjati

Jāti maraṇagāmino

Sadā dhammāupaṭṭhitā

Te sento khīṇa punabbhavāti

(Tam Tạng cuốn 25, trang 257).

Kinh Paramatthadīpanī, chú giải của bộ Phật Thuyết Như Vậy (Itivuttaka) viết rằng:

*Hiri (**Tàm**, hổ thẹn) & Ottappa (**Quý**, ghê sợ):*

Tàm hướng nội, samuṭṭhāna (nguyên nhân, nguồn gốc) bên trong. Quý hướng ngoại, samuṭṭhāna bên ngoài.

Tàm lấy ta làm trọng. Quý lấy thế gian làm trọng.

Tàm vững vàng bằng đặc tánh, trạng thái (sabhāva) của sự hổ thẹn, có sự nhận định là tướng trạng (lakkhaṇa). Quý vững vàng bằng đặc tánh của sự ghê sợ, có sự trông thấy tội lỗi hiểm nghèo là tướng trạng.

- Tàm hướng nội, sanh bởi 4 nhân là:

Gia tộc.

Lứa tuổi.

Mức độ dạn dĩ.

Đa văn (nghe nhiều học rộng).

Nghĩa là:

Tàm - sự hổ thẹn tội lỗi, sanh khởi vì **gia tộc**, muốn gìn giữ gia phong tốt đẹp. Làm ác thì ăn nói làm sao với liệt tổ liệt tông, sao nhìn bàn thờ!

Người xem xét **tuổi thọ** của mình rằng, sự tạo tội là chuyện để tụi nhỏ khờ dại, trẻ trâu làm, người đứng tuổi như ta đây thì không nên nữa. Thấy vậy rồi không tạo tội như sát sanh, trộm cắp… (pāṇātipāta…). Hoàn lương!

Người xét **mức độ dạn dĩ** của mình rằng, *không dám làm việc tồi bại dù ở nơi kín*. Nghĩ vậy rồi không tạo tội.

Người xét mình là người có ăn học, **đa văn**, việc tạo tội ác hay lỗi lầm là lãnh vực của kẻ ngu si, không phải việc của bậc thiện trí. Nghĩ như vậy rồi không tạo tội, gọi là làm cho sanh tàm vì nương vào sự đa văn của mình.

"Ottappa hướng ngoại" nghĩa là gì? - Là khi nhận định thấy rằng: *Nếu ta tạo tội ấy, ta sẽ bị chê trách ở 4 hội chúng, mọi người biết sẽ chỉ trích, như dân làng chỉ trích việc bẩn thỉu! Những người có giới sẽ tránh xa, ta sẽ ra sao?*

Tàm lấy ta làm trọng: Nghĩa là **thể diện**, có những kẻ trên đời này trọng bản ngã (ego), nghĩ rằng ta là trọng đại, rồi không tạo sự tồi bại: "*Việc tạo chuyện ác xấu này không thích hợp, thật là nghiêm trọng với người quan trọng như ta đây!".* Do đó, Đức Thế Tôn mới thuyết:

"Người làm cho ta trở thành quan trọng, thường dứt bỏ bất thiện, trau dồi thiện, dứt bỏ điều có tội, trau dồi điều không có tội, gìn giữ mình trong sạch".

Quý lấy thế gian làm trọng: Nghĩa là **ngán đánh giá**, có những kẻ trọng tiếng đời thị phi, thế gian là trọng đại, không xem thường được, rồi không tạo tội bằng tư duy: "*Thế gian ta đang ở bao la vô biên, nhiều người có thần thông quyền lực, thiên nhãn, thiên nhĩ và tha tâm thông, sẽ nhận thấy việc xấu ta làm đây!".*

"Tàm vững vàng bằng đặc tánh, trạng thái của sự hổ thẹn".

"Quý vững vàng bằng đặc tánh của sự ghê sợ", nghĩa là do ghê sợ tội lỗi trong đoạ xứ *(địa ngục*), như người ghê tởm vật dơ bẩn_hầm phân và sắt nung đỏ... Có 2 viên sắt đỏ, một viên nguội lạnh từ hầm phân ô uế, một viên nóng bỏng, người ghê tởm vật dơ bẩn không nắm bắt vì tởm phân dơ, người hiểu biết cũng không nắm bắt vì sợ sẽ phỏng tay ra sao. Bậc thiện trí ghê sợ và hổ thẹn, không tạo sự tồi bại bất thiện nghiệp dường thế ấy.

"Tàm có sự nhận định là tướng trạng", nghĩa là có những người sanh tàm - sự hổ thẹn, do **4 sự tôn trọng** *(hàng phật tử)***:**

Nhận định về đại gia tộc của Đức Phật.

Nhận định về sự trở thành vĩ đại của Đức Phật

Nhận định về đại thánh sản.

Nhận định về các bạn đồng tu, đồng phạm hạnh là những người chín chắn.

Rồi không tạo sự việc xấu xa!

"Quý có sự trông thấy tội lỗi hiểm nghèo là tướng trạng", nghĩa là có những kẻ thấy sự nguy hại sanh từ việc bị người khác chỉ trích, sanh từ hình luật của Vua, ở khổ cảnh đọa xứ, rồi buông tay! Không dám làm ác nữa.

Ý chính đã giảng đây: *Tàm - quý sanh lên bằng 4 nhân, và bằng sự tưởng nghĩ đến ta, tưởng nghĩ đến thế gian, tưởng nghĩ đến sự nguy hiểm tai hại… nhiều cách nữa.*

Ý chính ở kệ ngôn ấy là: *Người rời xa tàm - quý sẽ phải sanh tử luân hồi triền miên. Còn người thường xuyên có sự hổ thẹn và ghê sợ tội lỗi, sẽ giải thoát khổ đau luân hồi sanh tử. Chắc chắn! Không nghi ngờ.*

Dứt ý chính trong Pháp hộ trì thế gian (Lokapāladhamma).

"Evaṃ Như vậy"!

Khi đọc phần cuối của bài giảng này dứt rồi, bạn sẽ thấy thuyết để hành là thuyết cho từng người trau dồi tu luyện, thường khá khó! Nhưng cố lên đi, từ từ quen rồi sẽ dễ, bởi không phải phần Pháp nào cũng khó. Vài đề tài cũng dễ, như bạn sẽ thấy trong kiểu mẫu tiếp theo đây.

A4. Kiểu mẫu thuyết về Pháp học

"Dve me bhikkhave puggalā dullabhā lokasmiṃ katame dve yo ca pubbakārī yo ca kataññū katavedī imekho bhikkhave dve puggalā dullabhā lokasminti" (Tam Tạng cuốn 20, trang 109).

- Bây giờ, tôi sẽ thuyết 2 hạng người khó tìm, theo phần chú giải Pāli, hầu để quý Phật tử được nghe, theo sự hợp thời. Có ở Phẩm thứ 1, Paṇṇāsaka thứ 3, chương 2 Pháp (Dukanipāta), Tăng Chi Bộ (Aṅguttaranikāya).

Bậc Đạo Sư, Chánh Đẳng Giác, đã từ bi thuyết lại bằng Pāli, được đưa lên thành phần đầu của bài giảng rằng:

"Có hai hạng người này, này các Tỳ kheo , khó tìm được ở đời. Thế nào là hai?

Người thi ơn trước (pubbakāri), và người biết ơn - báo ơn đã nhận (kataññūkatavedī).

Hai hạng người này, này các Tỳ kheo, khó tìm được ở đời".

Xin quý vị Phật tử hãy chú ý ghi nhớ lời giảng tiếp. Chữ Pubbakāri là *"người ban ơn trước,* ***thi ơn****"*. Chữ Kataññū là *"người biết ơn đã nhận,* ***tri ơn****".* Chữ Katavedī là *"người* ***báo ơn*** *đã nhận"*. Kataññūkatavedī hợp lại là *"người tri ơn và báo ơn".*

Là những ai? Giảng rằng:

Mẹ cha và con cái.

Thầy cô và học trò.

Là những người tạo ơn cho nhau và đền ơn cho nhau. Khi nói theo kinh, có 6 đôi là:

Đôi 1 - *người thi ơn và không mong đền ơn*, như mẹ cha, thầy cô ; và người tri ơn rồi đền ơn, như con cái, học trò làm điều tốt cho cha mẹ, thầy cô vui lòng.

Đôi 2 - người nhân từ không có căn và người nhân từ có căn.

Đôi 3 - người thi ơn, không có ý mong được đền đáp; và người báo ơn, làm với ý là họ đã thi ơn đến ta giờ nên đền đáp.

Đôi 4 - người đã tối đen rồi sáng rực lên và người đã sáng được sáng thêm.

Đôi 5 - người thuyết và người hành.

Đôi 6 - Đức Phật và các vị Thinh Văn.

Nghĩa là:

Đôi đầu: Người thi ơn trước như mẹ cha, thầy cô nuôi dạy con cái, học trò *bằng lòng từ bi.*

Đôi 2, *"người nhân từ không có căn"*, là người nhân từ không do chủng nhân từ, nghĩa là giúp người cũng được không giúp người cũng được, tuỳ hứng, nhưng giúp người *cũng bằng lòng từ bi.*

Như thấy có người té xuống nước nên nhảy xuống cứu... ta giúp hay không cũng được, không có sai trái gì theo Luật Pháp đời hay đạo. Không cứu giúp thì không phải là sẽ bị lãnh tội lỗi hiểm nguy nào, nhưng đã nhảy xuống thì giúp bằng tâm từ bi. Người như vậy gọi là người nhân từ không có căn, do không có sự bắt buộc.

"Người nhân từ có căn", là phải giúp người, như kẻ té xuống nước đó là mẹ cha, thầy cô hay ông chủ của mình hay ngoài ra, là người mình buộc phải cứu. Nếu ta không giúp thì bị lãnh tội lỗi ngặt nghèo theo Luật Pháp nhà nước, theo phong tục tập quán của dân trong quốc gia đó, thời đại đó. Hoặc sẽ bị mọi người chỉ trích, nên buộc phải giúp.

Đôi 3, *"người thi ơn bất cầu báo"*, là kẻ thừa sức trợ giúp và không mong đền ơn. "Người báo ơn", là người giúp lại ơn nhân trên tinh thần trả nợ, nợ ơn tình.

Đôi 4, *"người đã tối đen rồi sáng rực lên"*, là kẻ cùng đường mạt vận, với việc sanh trong gia tộc hèn mạt, nghèo khó, thiếu thốn, không hãnh diện với mọi người được, do tà hạnh quá khứ. Nhưng nếu kiếp phù du này họ tạo được thiện hạnh, sẽ là người sáng lạng tương lai, thấy được ánh sáng cuối đường.

"Người đã sáng rực được sáng thêm", là kẻ tạo thiện hạnh rồi sanh vào gia đình cao sang, an lạc thân tâm, được giáo dục tốt, có sự hiểu biết rộng rãi, có vốn sẵn lại biết tu tập, sẽ là người sáng lạng trong kiếp sau nữa.

Đôi 5, "người thuyết", là người giảng dạy điều tốt đẹp, chỉ dẫn Pháp. Không nhất thiết phải là giảng sư trên tòa, cư sĩ cũng có thể hướng dẫn người khác, cũng là Pháp thí.

Kể cả người chỉ bảo kiến thức kỹ thuật (silapavidayā), nghề không mang tội, cũng được xem là bậc thầy.

"Người hành", là người làm theo lời chỉ dạy tốt đẹp, làm theo kiến thức khoa học kỹ thuật không có tội ấy.

Đôi 6, *"Đức Phật"*, là Phật Toàn Giác và Phật Độc Giác,

"Các vị Thinh Văn", là những bậc thánh A La Hán.

6 đôi này là những hạng người khó tìm trong thế gian.

Nếu có lời hỏi:

- Mỗi chúng ta thường có mẹ cha, thầy cô hầu hết như thế, do đâu cho rằng *người thi ơn trước* khó tìm? Còn con cái và học trò đền ơn cha mẹ, thầy cô vẫn có nhiều, sao lại nói khó tìm?"

Đáp:

- Người thi ơn cho kẻ khác mà không mong gì như mẹ cha, thầy cô thật khó tìm kiếm! Hãy nghĩ xem, có ai mà tốt

cho ta như mẹ cha, vì họ có lòng từ bi đến ta thật, chỉ muốn ta luôn hạnh phúc và khỏi khổ đau. Được vậy thì mẹ cha vui mừng (muditā) lắm, không nóng mắt ganh tỵ như kẻ khác.

Lẽ thường lúc ta ăn ngon, cha mẹ yên lòng, là trung dung, không vui buồn gì cả! Có ai có lòng từ bi hỷ xả đến ta như cha mẹ ta không, không có đâu, kể cả vợ chồng hay nam nữ yêu thương đắm đuối, cũng chưa từng thương nhau như vậy.

Sao nói vậy? Vì ở vợ chồng hay nam nữ ái luyến nhau, nếu một bên nào làm việc gì không tốt, tồi bại xấu xa, ngoại tình chẳng hạn, một nửa còn lại ghét bỏ giận hờn, hết từ bi liền. Nhưng ở mẹ cha, họ dễ dàng tha thứ, không dễ mất lòng từ bi.

Thường thì kẻ khác ngoài mẹ cha, khi thấy ta bệnh hoạn nằm lẫn phân tiểu hay vật thực bẩn do ói mửa ra, thường ghê tởm. Dù là vợ chồng và nam nữ đang quấn quýt nhau cũng tuỳ nha, đôi khi cũng cảm thấy nhờm gớm chết được! Còn cha mẹ không như vậy, thường lau chùi phân tiểu và đồ ói mửa của con cái.

Kẻ khác ngoài thầy cô mà muốn cho ta được sự hiểu biết, thật khó tìm! Dù thầy cô chỉ dạy nam sinh nữ sinh theo nhiều trường lớp theo tiền lương tháng. Vào thời xưa, có tiền quà dâng cho thầy cô, tuỳ trò nghèo giàu, nhưng họ đều mong học trò mình công thành danh toại, không màng ký thóc cân khoai. Đó là vào thời xưa !.

Còn kẻ tri ơn - báo ơn, càng hiếm hoi! Hãy nhớ xem, đã mấy ai được ta thi ơn lại biết ơn đáp ơn, nhiều khi làm ơn mắc oán… Bạn sẽ thấy rằng, hiếm thật! Hay tự hỏi rằng, ta tri ơn và báo ơn ân nhân khác được như ta đền đáp ơn mẹ cha, thầy cô mấy lần?

Bạn có tưởng nghĩ mỗi lúc hay không, là an lạc, lợi lộc và may mắn ta có được từ công việc này nọ có bằng kiến thức đã học từ thầy cô, cũng do mẹ cha nuôi dưỡng. Bạn hạnh phúc khi nghĩ vậy không? Bạn sẽ tự đáp rằng không, vì nhiều người chúng ta thường nghĩ là những gì có được do chính mình, không nhớ tưởng gì đến thầy cô và mẹ cha.

Khi đi trên con đường được người ta xây đắp để phục vụ giao thông, thuận tiện cho dân chúng, lúc ấy bạn nghĩ đến thiện ơn của những kẻ đắp xây chăng? Hay được ngồi nghe Pháp an vui đây, bạn có nghĩ đến công lao những kẻ dựng xây giảng đường này cho ta ngồi, xếp họ thành người có thiện ơn? Hay có nghĩ chăng, vị sư đang thuyết giảng cho bạn nghe đây là người có thiện ơn? Khi bạn đáp rằng Không, thì hiểu liền, tại sao nói tìm người tri ơn - báo ơn rất khó!

Kẻ sanh trong gia đình không khá, nghèo nàn, suốt đời bon chen tìm kiếm cơm nước - y phục - nơi nương trú - thuốc trị bệnh khó khăn, là người khó bố thí, trì giới. Như người ăn xin chẳng hạn, bạn không từng thấy họ bố thí, trì giới và nghe Pháp, đúng không? Họ khó thi ơn, hay tri ơn - báo ơn.

"Người đã sáng được sáng thêm", là người có phước lành sanh vào nhà khá giả, có danh tiếng, hãnh diện với mọi người, rằng người con đó người cháu này thành ông nọ, bà kia… Là người đã có hạnh phúc, hiểu biết đức lành rằng, *"Ta sanh nơi tốt đẹp hạnh phúc như vậy cũng do phước đã tạo, trong kiếp trước cho đến kiếp này, ta cần phải tạo phước nữa!"*. Rồi cố gắng tu tập thêm, bạn thấy dạng biết suy nghĩ vầy nhiều hay ít? Vẫn ít lắm, nên cho rằng rất khó tìm kẻ hiểu về nhân và quả, tri ơn và báo ơn.

Lại nữa, người biết nghĩ rằng ta được sanh làm người, bằng thiện hạnh đã tạo, ta nên tạo thiện hạnh nữa, để được sanh làm người nữa. Cũng hiếm hoi!

Đức Phật dạy:

"Taṇhābhūtattā". Do mọi chúng sanh trên đời *có* ***ái dục (taṇhā) che lấp,*** nên tìm người ban ơn cho kẻ khác khó được. ***Avijjābhibhūta vô minh bao phủ,*** nên tìm người tri ơn và báo đáp khó được. "Evaṃ".

Giải: Bởi mọi chúng sanh trên đời là những kẻ có sự thương yêu ham muốn, bám chấp, bỏn xẻn tiếc nuối, vẫn ngăn cản thường xuyên tự tâm tánh, được bao nhiêu cũng không biết đủ, nên nhân từ khó sanh để trợ giúp kẻ khác.

Như có nhiều vàng bạc, vật thực, vật dụng, nơi trú ngụ, ruộng vườn và con đường làm ăn lớn, ít ai chia đều cho kẻ khác ngoài con cháu chắt chít của mình. Nên nói tìm người thi ơn khó được, bởi *ái dục che lấp!*

Lẽ thường, họ thường không thích nghĩ đến việc tốt của kẻ khác, như khi ta đặng sự an lành, tiến hoá và lợi lộc rồi, cũng ít nhớ đến thầy cô và mẹ cha.

Kẻ bộ hành được tiện lợi nhờ con đường đã đắp xây, người an lạc nhờ nghỉ ngơi ở các sāla *(nhà nghỉ mát, dành cho khách dừng chân bên Thái),* cũng hiếm ai nhớ thiện pháp của người xây dựng. Vì *sự không thích nghĩ đến việc tốt của kẻ khác* đây, nhiều người mới không nhận ra ơn đức của kẻ khác.

Nên cho rằng tìm người tri ơn và báo ơn khó được, do mọi chúng sanh trên đời nó bị *vô minh che lấp.*

Khi hiểu vậy, mới thấy người tốt khó tìm, nghĩa là vật hiếm quý chính là vật có giá trị cao, như nhẫn ngọc, vàng bạc, kim cương và "nin chin đa"[1] là chẳng hạn. Hơn thế nữa, như ngọc manī sáng rực vô giá của vua, vì cực hiếm. Nên hãy cố trở thành người gọi là *"người khó tìm trên đời"!*

Nếu tự nhủ là không muốn thành người hiếm có, chỉ sống bình thường hay dưới mức đó, thì hãy biết, đang làm người mà không muốn nên người! Bạn sẽ được hạnh phúc chăng?

Khi thấy ta vẫn cần lắm sự an lành, ngồi hưởng phước, bạn hãy tự dạy mình phải tạo phước lành cho kẻ khác luôn khi, phải có từ bi nhân đức.

Lúc thấy kẻ khác sa đoạ, khổ đau, khó khăn, đừng làm ngơ! Nên xót xa bi mẫn cho thiên hạ nhờ, tùy sức giúp được nhiêu hay nhiêu, giúp hết nổi thì nên cầu nguyện, *"Mong người này vượt qua khó khăn, vất vả này đi! Khổ quá mà".*

"Người khó tìm trên thế gian", xứng lời Phật dạy!

B4. Kiểu mẫu thuyết về Pháp hành

Chú giải của bộ Nhân Chế Định (Puggalapaññatti) có viết về dạng *"thi ơn cầu báo".*

Bổn sanh Kedāla có nói về bồ tát kiếp sanh làm chúa loài chim "khẹc tấu" (một loài chim), thuyết Pháp đến bà la môn Kosiyagotama rằng:

"Con chim ấy là con thơ của ta, chưa có lông cánh nhiều. Ta đã nuôi dưỡng nó, nó sẽ phụng dưỡng lại sau này, nên ta mới thi ơn cho nó". Nó nghĩ, "Mẹ cha ta già rồi, ta

[1] Một loại ngọc quý

tha bông lúa sālī bằng cái mỏ về dành cho mẹ cha, ta được báo hiếu, đáp ơn tình xưa!".

Việc đền ơn rồi kể cho người khác biết rằng, kẻ ấy có ơn với ta… thì ơn nhân như chủ nợ, và người báo ơn như con nợ. Có kẻ không thấy ơn mà người đã giúp để báo ơn, trong khi có khả năng thi ơn đến người kẻ chưa hề giúp gì mình.

Lại nữa, *người nhân từ không có căn gọi là thi ơn, còn người nhân từ có căn gọi là tri ơn - báo ơn.*

Người tối đen rồi sáng rực gọi là thi ơn. Người đã sáng lại sáng thêm gọi là tri ơn - báo ơn.

Người thuyết Pháp là người thi ơn. Người hành theo Pháp được nghe gọi là tri ơn - báo ơn.

Bậc Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác, gọi là bậc thi ơn cho nhân thiên. Chư Thinh Văn đệ tử gọi là những vị tri ơn - báo ơn.

Đó là theo chú giải của bộ Nhân Chế Định. Cả 6 đôi tóm tắt thật ra chỉ là 1 đôi, là người thi ơn và người báo ơn, thế thôi.

Hành thiện hạnh thêm để thấy rằng ta được sanh làm người như vầy do phước đã tạo, chỉ nằm trong số người được nhận lãnh lời chỉ dạy của Đức Phật hoặc đệ tử Phật, không có ngoài Giáo Pháp này.

Hỏi: - *Khi chúng ta sanh nhờ quả phước rồi, do đâu có những kẻ lại nghèo khổ, có những kẻ giàu sang, hạnh phúc?*

Đáp: - Khốn khó ấy do thiếu phước và ác nghiệp đã tạo, giàu sang hạnh phúc do thiện nghiệp dồi dào!

- Không mâu thuẫn với lời cho rằng, phước đưa đi sanh chăng?

- Không mâu thuẫn!

- Vì sao?

- Bởi người được sanh và người đau khổ hay an lành không phải là một. Nghĩa là, chúng sinh được sanh làm người do một loại phước, còn khoản khổ đau hay an lành do một phước - tội khác. Vì nghiệp có nhiều loại:

Jānakakamma - sanh nghiệp.

Upatthambhakkamma - trì nghiệp.

Uppīkikkamma - chướng nghiệp.

Upacchedakkamma - đoạn nghiệp.

Còn có nhiều loại khác, nhưng tóm tắt làm 2 là: tội và phước. Tội thì không sanh làm người, phước thì được sanh làm người, nhưng khi đã làm người, còn nhiều loại tội phước đa dạng.

Đủ nhân duyên, thì tội làm cho người ta đau khổ từ khi sanh đến khi chết cũng có. Trong khi nhiều người phước trổ giúp sung túc thân tâm cả đời. Lại có người vừa tu vừa không, nên quả thiện và bất thiện đan xen, lúc vui lúc buồn, khi khổ khi lạc. Nhưng xin hiểu rằng, ***chúng ta được sanh làm người, chỉ sanh lên bằng phước - không do tội.***

Còn tội làm sa đọa, sanh làm súc vật, địa ngục, ngạ quỷ hay a tu la… Thú sanh ra cũng khổ - lạc khác nhau: giống giúp việc, giống lấy sữa hay để giết thịt, hay thú cưng ngủ chung với chủ, còn sướng hơn người thiếu phước bên lề cuộc đời.

Khi thấy rằng ta sanh làm người nhờ phước, nên tu tập thêm, đền đáp ơn đức của phước, tạo phước để lại nữa,

người ấy gọi là người tri ơn và báo ơn đến phước. Người như vậy khó kiếm thật. Thậm chí người biết ơn mẹ cha, thầy tế độ thầy giáo thọ, và những ơn nhân khác - đền ơn, cũng khó kiếm rồi!

Bởi vô minh và ái dục che phủ đời ta, nên người thi ơn - tri ơn, báo ơn khó tìm. Khi đoạn giảm tham muốn, ta mới nhân từ giúp đỡ kẻ khác dễ hơn.

Tư duy trong tu luyện, động não làm rạn nứt vô minh, về sự vô ơn của kẻ khác, sẽ giúp thành người tri ơn báo ơn. Làm sao để vô minh giảm nhẹ, cho mục đích này? Làm như sau: *phải tập nghĩ đến việc tốt người khác ban cho ta, khởi đầu bằng ơn đức của mẹ cha và các vị thầy.*

Mới thành người tri ơn - báo ơn kẻ khác được, theo tuần tự. Bắt đầu là nghĩ tưởng đến các vị ơn nhân lớn, vừa vừa bậc trung, và người có chút đỉnh ơn đức sau cùng.

Sẽ thấy rằng, người thi ơn thường được quý trọng, người đền ơn cũng thế…

PHẦN VIII
(Tập 2)

A. Thuyết về Pháp thành (Vesanāpativedha)

Tức là, thuyết cho rõ ràng thông suốt về Pháp và quả của sự thực hành Pháp.

Giải rằng: Thuyết cho người nghe nhận rõ như thấy bằng mắt, liễu tri được là điều rất khó, ngoại trừ là người có phước độ mạnh, có tri thức trong Pháp Luật nhiều mà thôi.

Như chúng ta đã nghe Pháp hành Minh Sát (Vipassana) rất nhiều, chẳng hạn như kinh Vô Ngã Tướng nói về mọi vật là vô thường - khổ đau - vô ngã, nhưng chúng ta vẫn chưa tiêu hóa hết cho đến mức phát sanh nhàm chán, thành tựu đạo quả, như các vị phước độ mạnh, như năm vị Kiều Trần Như…

Hoặc như chúng ta nghe kinh Lửa Phiền Não (Ādittacariyāya) nói về mọi vật là lửa, mà chúng ta không thấm thía được mọi vật là lửa, được như các vị có phước độ nhiều, như nhóm 100 đạo sĩ Jatila...

Chúng ta đã từng nghe Bốn Thánh Đế cả phần tóm tắt, phần giữa và phần giải rộng nhiều lần, nhưng chúng ta cũng chưa đắc gì.

Chỉ tốt hơn không biết gì (better than nothing), biết vừa đủ nói cho nhau, đàm luận, dạy và chia sẻ cho nhau, còn các vị có phước độ mạnh như ngài Xá Lợi Phất (Sāriputa), ngài Mục Kiền Liên (Moggallāna) nghe thuyết Thánh Đế chỉ 2 câu kệ, đếm chữ thì chỉ 32 chữ thôi, các ngài đã đắc Thánh!

Đừng nói gì đến Pháp cao như kinh Vô Ngã Tướng, kinh Lửa Phiền Não và Pháp Thánh Đế, mà chỉ là Pháp phổ thông thấp hơn, chúng ta cũng không tường tận, phần nhiều chỉ biết vừa đủ để nói. Người thuyết phần nhiều cũng chỉ nói theo trí văn, lý thuyết mà thôi. Biết được do suy nghiệm tự thân thật sự cho đến mức chánh kiến - chánh hạnh rất ít, nói gì những Pháp sâu xa.

Càng nói quả của Pháp hành thì càng khó thấy. Quả của Pháp hành bậc cao là về thiền chỉ - quán, hay gút lại chỉ nói đến quả của sự thực hành Pháp bậc thấp như bố thí - trì giới, mà cũng khó!

Do vậy, cố gắng suy nghiệm cho thẩm thấu về Pháp mà bạn sẽ thuyết, cùng với quả của Pháp hành mỗi lần giải nghĩa là: Thuyết chi Pháp nào hay phẩm nào, bạn phải suy nghiệm sâu rộng về quả của sự thực hành Pháp theo chi Pháp ấy hoặc phẩm ấy, theo Pāli hay chú giải, hoặc nói tóm tắt theo điều bạn đã học. Mình hiểu mới nói cho người ta hiểu được!

Như bạn thuyết về đề tài bố thí, thì bạn phải xem kinh sách nói về bố thí cho nhiều, biết về bố thí rộng rãi, cùng với quả báo của việc bố thí, chung và riêng. Bố thí là gì? Có bao nhiêu loại? Thứ nào có quả trong ngay hiện tại và vị lai như thế nào? Khi nói chung chung rồi, nói quả báo từng loại bố thí như thế nào? Cho dẫn chứng.

Khi bạn nhớ được - hiểu được rõ ràng, mới thuyết về Pháp thành, tức là quả thấp hoặc quả chế định, như về quả báo tổng quát của sự bố thí. Theo Pāli là 5 quả báo như đã nói.

Tức là thuyết làm sao cho họ hiểu được là: *Người bố thí thật sự là nơi thương yêu của mọi người, thật sự là nơi giao*

du của các bậc chân nhân hiền trí, thật sự có danh tiếng tốt, thật sự dạn dĩ trong hội chúng, bấy nhiêu đó bạn cũng đủ cảm thấy khó rồi, càng giảng cho thấy: *người bố thí sau khi chết sẽ sanh về cõi trời,* thì càng cố gắng nhiều.

Phải tìm nguyên nhân hay ví dụ, dẫn chứng cho họ hiểu dễ hơn, một cách chi tiết như: bố thí vật gì thường được lại vật ấy, như bố thí y phục thì được y phục, bố thí vật thực thì được vật thực, bố thí trú xứ thì được trú xứ, bố thí thuốc chữa bệnh thì được thuốc trị bệnh, bố thí xe cộ thì được xe cộ, bố thí vòng hoa vật thơm thì được vòng hoa vật thơm, bố thí dù thì được dù, bố thí giày dép thì được giày dép, bố thí bát thì được bát hay sao?

Hay bố thí dao cạo thì không được dao cạo? Bố thí kim thì không được kim? Bố thí nội y thì không được nội y? Không phải như vậy, sẽ được lại vật tương xứng: Bát là dụng cụ để vật thực hay bát giống *như nồi cơm thiên*[1] hay được vật thực, bố thí dao cạo thì được gương thần, bố thí kim chỉ thì được cung thần, bố thí dép thì được dép ngọc, như trong chuyện đức vua Jabūpadī bố thí dù thì được dù lọng được làm vua. Nên tìm Pāli nêu lên rồi giải rộng ra. Chẳng hạn:

"Yāsaṃ vappato bījaṃ tādīsaṃ labhato phalaṃ = (Ai) gieo giống nào thì gặt quả ấy".

Nêu ra những gì mắt thấy tai nghe, cùng những gì mắt không thấy được, đưa lên ví dụ của người bố thí y phục - vật thực - chỗ ngụ - thuốc trị bệnh, như trong chú giải kinh Hạnh Phúc (Mangalasutra) hoặc các kinh khác, mới có thể giúp họ thấy sự thật.

[1] Tức là nồi cơm múc hoài không hết!

Như là: Người bố thí y phục gọi là cho sắc đẹp, thì phải được sắc đẹp! Cho vật thực gọi là bố thí tuổi thọ, được màu da đẹp - an lạc - sức mạnh - trí tuệ. Người bố thí chỗ ở gọi là cho tất cả, như tuổi thọ… Bố thí thuốc men gọi là cho sự không bệnh, sẽ được sức khỏe, không bệnh. Giải rộng ra, chỉ cảm thấy khó trong phần cuối của việc *"bố thí y phục gọi là cho sắc đẹp"*, giảng dễ nhưng thuyết phục là họ sẽ được đẹp, không biết sẽ nói như thế nào.

Khi bạn thuyết về giới xong, nói đến quả thông thường của giới, Đức Phật dạy có 5 loại:

Bhogassampadaṃi: sung túc, phát tài và không tán tài.

Rayānakitti: nức tiếng vang danh.

Visāradaṃ: làm cho dạn dĩ.

Asammulahaṃ: giúp không mê lẫn lúc gần chết.

Sugatiparāyanaṃ: sanh lên nhàn cảnh.

Hoặc theo ngài Phật Âm (Buddhaghosa), quả của giới có 8 loại:

Malvissodhamaṃ: giới, thanh lọc cấu uế.

Parilafhavupasammanaṃ: giới, giảm khổ đau.

Sucigandhavāyanaṃ: giới, hương lan tỏa.

Saggamnibbānādhigamupāyam: giới, là nhân sanh thiên giới và giải thoát, Níp Bàn.

Sobhālankārapasā dhamma: giới, phục trang dung sắc.

Bhavavidhamanami: giới, bảo vệ tránh nguy hại.

Kittijannaṃ: giới, bảo đảm danh tiếng tốt.

Pānojjaṃ: giới, bảo an thân tâm.

Nói về quả của từng giới tức là: *người không sát sanh thì được trường thọ, không trộm cắp được giàu có, không tà dâm được thành người tốt - ổn định (không phải bóng lại cái), không nói dối thì không bị vu khống, không uống rượu thì không bị mê mờ tâm trí, sanh làm người điên.*

Phải trình bày cho họ thấy hiện tại trước, để so sánh nhân hiện tại ra sao thì quả tương lai như thế. Nêu ví dụ minh họa.

Về phần bất thiện, trái ngược với bố thí trì giới, khi bạn thuyết về bỏn xẻn và ác giới xong, nói về quả báo tức là tội lỗi của bỏn xẻn và ác giới theo Pāli:

"Na ve icadariya devalokam vajanti.

= Người bỏn xẻn không được sanh lên thiên giới".

Bhogajāni: ác giới làm mất tài sản, tán tài.

Pāpacitti: hư danh tắt tiếng.

Avisārada: hết dạn dĩ, chùn bước e dè.

Sammulaha: trợ giúp si mê.

Nirayapaga: rơi xuống đọa xứ, địa ngục.

Hãy nói rằng, nếu người ấy là tu sĩ thì không phải là nơi thương yêu của các vị đồng tu.

Không là nơi tưởng nhớ của các đồng phạm hạnh.

Sẽ buồn rầu khi nghe tán thán người có giới.

Có màu da xấu, xanh mét.

Giúp kẻ đồng lõa cùng rơi xuống khổ cảnh.

Làm cho quả bố thí của thí chủ giảm đi.

Khó thanh tịnh tâm, như hầm phân lâu năm.

Mọi người xa lánh.

Như ngọn đuốc đang cháy 2 đầu, dù mình có tuyên bố rằng mình là tỳ kheo, cũng không được công nhận, như con lừa bám theo đàn bò.

Là chỗ ghê tởm của các vị thiện trí, như người thích gây hấn không nên sống chung, giống xác chết, không đáng là nơi cúng dường của bạn đồng phạm hạnh.

Như lửa trong nghĩa địa, không là nơi cúng dường của chúng sa môn. Không thể thấy đặng Pháp thượng nhân, như người mù không thấy gì nữa, không xứng đáng cho Pháp thượng nhân.

Như con chiên (cừu, trừu) của người chiên đà la *(giai cấp thấp nhất ở Ấn Độ xưa, "bần cố nông")*, không xứng đáng với tài sản vương quốc. Như vậy, hoặc bạn nói rằng: vị tỳ kheo không có giới thà ngồi ôm đống lửa chết còn hơn…

(Kinh Phật dạy từ bi. Nhưng khi mạt sát kẻ hành bất thiện pháp cũng phải dùm lời lẽ nặng nề! Nhằm giúp họ chừa cải, là "thương cho roi cho vọt", thương cho họ, đời này đời sau. - Dịch giả).

Hay nói về ơn đức của giới có 10 loại là:

vị tỳ kheo có giới dùng y bát của thí chủ, là nơi đáng tịnh tín,

sự xuất gia của *vị tỳ kheo có giới* là sự xuất gia trong sạch,

vị tỳ kheo có giới thường không bị chỉ trích về giới,

vị tỳ kheo có giới trông đẹp như ngày trăng rằm,

vị tỳ kheo có giới thường là nơi tin tưởng của các vị trời và loài người,

khi các Phật tử gặp vị *tỳ kheo có giới* thường đảnh lễ cúng dường, được quả phước nhiều,

vị tỳ kheo có giới thường không bị lậu hoặc, phiền não xâm nhập,

vị tỳ kheo có giới được gọi là: đoạn tận gốc khổ trong kiếp sau,

vị tỳ kheo có giới thường được nhân sản, thiên sản một cách dễ dàng,

vị tỳ kheo có giới thường thỏa thích với sự mát mẻ thân tâm, an lạc.

Nói thì nói vậy, giải cho họ thấy sự thật, thật sự không dễ!

Khi nói về định xong, thì thuyết đến quả của định, theo nguyên văn Pāli Đức Phật thuyết trong kinh Trung bộ, bài kinh Mūlapaññāsaka:

"Nakho panete cundari yassa vinaye sallekhā vuccanti ditthadhammasukkhavihārāte ariyassa vinaye vuccanti.

= Này Cunda, có tỳ kheo nghĩ rằng: Ta sẽ sống với sự sát trừ phiền não, do năng lực của tầng thiền thứ 1, thứ 2, thứ 3, thứ 4 hay bất cứ thiền nào như vậy, không do khổ hạnh. Tức là: Sự sát trừ phiền não trong giới luật của bậc thánh gọi là Hiện tại an lạc trú (ditthadhammasukhavihāra)".

Hay nêu câu Pāli Đức Phật thuyết trong Tương Ưng Bộ, phẩm Khandiravāra:

"Samadhi bhikkhave bhavetha sāmāhito bhikkhave bhikkhu yathābhūtaṃ pajānāti.

= Này các tỳ kheo, hãy tu tập định. Vị tỳ kheo tu cho sanh tuệ thấy như thật".

Hay bạn nêu câu Pāli Đức Phật thuyết trong Tikanipata, Tăng Chi Bộ:

"So yassa yassa ca abhiññunāti sati sati ayatane.

= Vị tỳ kheo hướng đến sự liễu tri, thấu triệt các Pháp cần thấu triệt, cần làm thấu triệt Pháp nào khi xứ đang có, tức chánh niệm, vị tỳ kheo ấy trở thành người có năng lực. Tức là, thành tựu các Pháp ấy, là định làm cho đạt được 5 thắng trí như vậy".

Hay nêu câu Pāli Đức Phật thuyết trong Tạng Luận, bộ Phân Tích là:

"Pathamajjhānaṃ paritūtaṃ bhāvetvā kattha appajjanti brahmapārisajjānaṃ devā nay sahabyataṃ uppajjati.

= Người hành sơ thiền bậc thấp tái sanh ở đâu? - Tái sanh trong cõi Phạm thiên, thành Phạm chúng thiên (brahmapārisajjā).

Hoặc bạn thuyết: Định trong sự làm phước thì tái sanh về cõi trời, cũng được.

Hay nói: Bậc Thánh nhập thiền diệt gọi là Níp Bàn ngay trong hiện tại, cũng được.

Định trong 4 bậc thiền, là nhân cho sự an lạc ngay trong hiện tại, khác với an lạc thông thường. Nghĩa là, người nào nhập định, thường không có điều gì làm cho tâm rắc rối, tâm luôn luôn trong sạch, không vẩn đục bởi 5 Pháp cái là: tham - sân - hôn trầm - phóng dật - hoài nghi. Cực an lạc, do ly dục sinh!

Phật ngôn điều 2: *"định làm sanh tuệ",* giải là: khi tâm định trụ chắc chắn, thường phát sanh hiểu biết, quán xét, thấy các Pháp như nó là, thấy được nhân quả theo sự thật. Đặc tính như mặt nước lặng và trong vắt, ta có thể thấy được các vật tận đáy, như biết ngũ uẩn đúng bản chất nó là vô thường, khổ đau, vô ngã, nên gọi là định sanh tuệ.

Phật ngôn điều 3: *"Định làm thành tựu thắng trí"*, tức là: đắc định rồi, mới tu đạt 5 thắng trí, thuộc phàm:

Thần thông,

Thiên nhĩ thông,

Thiên nhãn thông,

Túc mạng thông,

Sanh Tử thông.

Phật ngôn điều 4: *"Định giúp sanh về cõi Phạm thiên"*. Bậc thánh nào có 8 bậc thiền, nhập được thiền diệt, thường an lạc như Níp Bàn.

Câu *"Định trong việc tạo phước thiện giúp sanh về thiên giới",* giải rằng: Chỉ mới là cận định (upacārasamadhi), tức là tâm bám chặt theo tiến trình của cảnh, như bám theo đề mục ơn đức Phật theo tuần tự hồng danh… thí làm cho tái sanh trong 6 cõi trời dục giới.

Khi giải theo chú giải căn bản như vậy rồi, trong từng câu bạn nên dẫn chứng câu chuyện kết hợp càng tốt, vì làm minh bạch sáng sủa.

Khi thuyết tuệ xong, mới thuyết đến các quả của tuệ, chẳng hạn:

"*Paññalokasmī narānaṃ ratanaṃ:* Tuệ là ngọc quý của quần chúng.

Paññalokasmī pajjoto: Tuệ là vật sáng chói thế gian.

Nānākilesaviddhaṃsnaṃ: Tuệ sát trừ các phiền não.

Ariyaphārasamubhavanaṃ: Tuệ làm cho nếm được vị thánh quả".

Giải cho họ thấy sự thật theo lời nói trên thường khá khó, đôi khi không mấy cần thiết. Cả những điều tiếp theo cũng không cần giải, để tự họ suy nghĩ, động não, là lúc bạn nêu Phật ngôn:

"Saccaṃ bhate kujjheyya dajjā appampi yācito etehi tīhhi thaānahi gacehe devānasantike.

= Được sanh về thiên giới có 3 dạng này: Người nói lời chân thật, không phẫn nộ, bị xin xỏ dù có ít cũng cho".

3 trường hợp cũng khó giải nha!

Hay nêu một câu kệ trong kinh Pháp Cú, dẫn chứng như sau:

"Manopubbangamā dhammā manoseṭṭhā manasāce duṭṭhena bhāpāsati vā karoti vā tato naṃ dekkhamanveti cakkaṃva vahato padaṃ.

= Ý dẫn đầu các pháp,

Ý làm chủ, ý tạo;

Nếu với ý ô nhiễm,

Nói lên hay hành động,

Khổ não bước theo sau,

Như xe, chân vật kéo".

(HT. Minh Châu dịch)

Hoặc bạn nêu câu kệ thứ 2, chỉ khác với câu thứ 1 ở đoạn cuối là, nếu người có tâm thiện dù nói hay làm, an lạc sẽ theo sau họ như cái bóng theo họ. Bạn hãy cố giảng, giúp họ thấy sự thật, khó nha!

Do lẽ trên, nói về quả của sự thực hành thường thâm sâu, tức là: Bốn Thánh Đế, hay 12 Nhân Duyên càng khó nữa. Vì chính người thuyết còn chưa chứng đắc, chưa thông suốt! Ngoại trừ người nghe là người có phước độ mạnh như đã nói.

Khi chưa thấy sự thật, bản thể Pháp, xin hỏi là bạn sẽ thuyết thế nào cho người nghe thấy sanh là khổ thật, ái là nguyên nhân sanh khổ - là nhân tác tạo tái sanh luân hồi, không có ái là diệt khổ, và bát chánh đạo là con đường đưa đến diệt ái thật sự.

Sẽ thuyết như thế nào cho người nghe thấy sự thật rằng: Vô minh là duyên sanh hành, hành là duyên cho thức sanh, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên tái sanh, sanh duyên lão tử, già - bệnh - chết - sầu - bi - khổ - ưu - não...

Hãy hiểu là, sự thuyết "Pháp thành" tức là thuyết cho người nghe thấy được sự thật theo ý nghĩa Pháp, và theo quả của sự thực hành Pháp, thường rất khó. Các vấn đề đã nêu trên kể từ bố thí cho đến Duyên tương sinh này, chỉ trừ vấn đề định, còn lại bạn tự suy gẫm cho phân minh về Pháp.

Điều quan trọng của sự thuyết Pháp thành có 2 điều:

Thuyết cho người nghe hiểu đúng theo nghĩa của lý Pháp.

Thấy được sự thật, theo quả của sự thực hành đó, khi bạn nêu lý Pháp nào lên thuyết, xin hãy giải cho rõ ràng, ***làm sao người nghe tin chắc, tu thì sẽ thành*** *như vậy thật sự.*

Một điều quan trọng nữa, bạn là những giảng sư, thì phải cố gắng thuyết cho thông suốt lão luyện 3 loại: Pháp học - Pháp hành - Pháp thành. Nhưng không giải theo kiểu thông thường, cần thâm sâu hơn!

Pháp học là sự phân chia ý nghĩa của Pháp, và Pháp hành là Hành Pháp Tùy Pháp *(Dhammānudhamma paṭipati: 4 đạo, 4 quả và Níp Bàn).* Kết quả tương xứng với việc hành Pháp ấy, các "*ditthiya supatividdha",* tức là: Sáng tỏ ý nghĩa Pháp, và quả của Pháp hành. Vậy thôi!

Do vậy, bạn hãy xem bài mẫu nói về căn bản 5 Pháp, và các bài khác, sẽ phát sanh trí tuệ. Bài mẫu về *"đúng - sai của 4 hạng người"* dưới đây giúp bạn thuyết cho dân chúng tốt đẹp hơn, trong bất cứ khóa lễ nào.

B. Bài mẫu về đúng - sai với 4 hạng người:

Bây giờ, bần đạo sẽ trình bày "đúng - sai với 4 hạng người" là nguyên nhân chính đưa đến phước - tội cho bạn nghe thích hợp với thời gian.

Câu "đúng - sai với 4 hạng người" ấy sẽ nêu lên đây. Được Đức Phật thuyết ở kinh thứ 4, Phẩm thứ 1, Pannāsaka thứ 1 trong kinh Catukampātaṃ gmāranikāya:

"Mātari pitari cāpiro yo micchā paṭipajjati tathāgate ca sambuddhe athavā tassa sāvake bahuñca so pasavati apuññaṃ tādoso naro tāya adhammacariyāya mātā pitāsu panditā adheva naṃ garahanti peccāpāyañca gacchati mātari pitari cākhi you samma paṭipajjati tathāgate ca sambuddhe abhavā tassa sāvake bahuñca so pasavati puññaṃpi tā disco tāya adhammacariyāya mātā pitāsu panditā idheva na pasaṃsanti pecca sagge pamodatiti[1].

[1] Tam Tạng quyển 21, trang 5.

= Này các tỳ kheo, kẻ ngu xử sự sai với 4 hạng người, kẻ ấy là kẻ tự hại mình, là người lỗi lầm, là người bị các vị thiện trí khiển trách, là người nhiều tội nặng. 4 hạng người ấy là ai?

- Cha, mẹ, Đức Phật, Thinh Văn.

Còn bậc thiện trí xử sự đúng và tốt đối với 4 hạng người là: Cha, mẹ, Đức Phật, Thinh Văn, người ấy không tự làm hại mình, là người không có tội lỗi, là người không bị bậc trí quở trách. Là người có nhiều phước".

Hãy nghĩ xem, hành động đúng với 4 hạng người ấy thì được đại phước là sao? Vì cha mẹ là những vị có rất nhiều ơn đức đối với các con, Đức Phật và Thinh Văn có nhiều ơn đức đối với chúng sanh.

Do đó mới trình bày cho bạn nghe điều này trước, rồi mới đến tội và phước, xin bạn hãy chú tâm lắng nghe theo tuần tự. Tức là, cha mẹ thường là người có bốn vô lượng tâm: từ, bi, hỷ, xả đối với các con.

Kể từ lúc chưa sanh, khi cha mẹ biết là có con trong bụng thì rất vui mừng! Khi thấy được mặt đứa trẻ (siêu âm), người mẹ biết vật thực nào cay nóng hay chua mặn quá mức, không thích hợp, sẽ làm cho baby trong bụng bị ảnh hưởng, dù ngon hảo thế nào cũng cố gắng nhịn không ăn.

Về phần cha, càng nỗ lực làm việc nhiều hơn vì con trong bụng, khi sanh ra rồi thì càng vui mừng, cùng nhau chăm nom. Chăm sóc từng chút, khi cho uống, đút cơm, rửa sạch phân, trải chỗ nằm cho tốt, không cho muỗi mòng, các loại bò sát… đến quấy phá, dù là con ruồi đậu cũng không cho, vì bé nằm trên đệm sẽ bị dính cứt ruồi vào thân.

Khi lớn lên, lúc người mẹ tắm rửa, đút cơm, bé tươi cười thì lấy làm vui mừng, bé khóc vì con ruồi đậu hay các loài bọ sát, hoặc chỗ nằm không được êm, thì cha mẹ lo sợ, phần người mẹ vội vàng dỗ dành đưa võng cho ngủ. Lúc đứa bé lớn lên biết đi biết chạy, mẹ cha rất vui sướng. Nhất là lúc trưởng thành, thiếu niên thiếu nữ, song thân càng vui mừng hơn.

Khi thấy đứa bé chăm lo học hành hay làm việc theo Pháp Luật của quốc gia, cha mẹ rất hoan hỷ. Khi con có nhận thức, càng làm cho cha mẹ vui mừng thích thú. Lúc sống bình thường, sóng lặng gió yên, cha mẹ không mấy gì lo, chỉ chú ý sợ bị bệnh, sợ bị ăn hiếp, không khôn lanh bằng người khác mà thôi. Nói tóm lại, cha mẹ có tâm **từ** tức là sự thương yêu con, muốn cho con được hạnh phúc hơn người khác, không ai thương yêu con hơn cha mẹ.

Cho đến trai gái hay vợ chồng yêu nhau cũng không bằng cha mẹ thương con. Tức là trai gái hay vợ chồng ***chỉ thương yêu nhất thời*** mà thôi, nhưng lúc nào một bên thất thế thì bên kia hành Pháp ***buông xả***! Hay lúc bệnh hoạn dơ bẩn tùm lum thì bên kia ghê tởm, không muốn rửa ráy dọn dẹp dùm, còn cha mẹ thì hoan hỷ không có ghê tởm. Chính điều này cho thấy người khác thương con hơn cha mẹ không có, nhưng tại sao vẫn có chuyện thường xảy ra là: Cô gái tên ấy, con ông ấy, cháu ông kia, ở nhà nọ, trốn theo trai. Hay anh ấy quyến rũ cô gái, cùng nhau bỏ cha mẹ ra đi?

Thật ra như *con voi đến mùa* mà thôi, gái trai khi bị ngăn cản đều sẵn lòng từ bỏ mẹ cha và tất cả. Không phải là họ thương người khác hơn cha mẹ, nhưng phần đông con cái không biết thương cha mẹ như cha mẹ thương mình. Nên phần nhiều không biết ơn đức của cha mẹ.

Lẽ thường cha mẹ là người có tâm **bi** mẫn là, thấy đứa con bệnh thì luôn cầu mong nó qua khỏi. Chúng ta từng nghe rằng, nhiều cha mẹ đã thốt lời nguyện lúc con bệnh là: *"Thà tôi chịu bệnh còn hơn, nếu căn bệnh của con mà chuyển qua thân tôi được thì xin bề trên chuyển đi, tôi sẵn sàng!".*

Thấy con nghèo khổ thì cha mẹ thường khổ lây, nhưng con nào có biết như vậy, không thấy được ơn đức của cha mẹ. Lẽ thường cha mẹ có tâm tùy **hỷ**, luôn luôn hoan hỷ với hạnh phúc con có. Thấy con mạnh khỏe thì vui trong lòng, con có hạnh phúc thì mừng cho, không hề ganh tỵ như kẻ khác! Nhưng có đứa nào biết vậy, nên không biết được ơn đức của cha mẹ.

Lẽ thường, cha mẹ có tâm **xả** là: Luôn xem xét trong lúc đứa con sinh sống bình thường, hay lúc nó lập gia đình, tự nuôi sống được rồi, nhưng có đứa nào biết được như vậy, nên không thấy được ơn đức của cha mẹ. Không nuôi dưỡng khi ta mới sanh ra thì ta sẽ như thế nào, chỉ có chết chắc mà thôi! Sự nuôi dưỡng ta đây là cho ta mạng sống đó.

Khi ta trưởng thành thì ta nhìn thế gian đầy đủ cảnh khả ái, đáng thỏa thích hoan hỷ, vậy là cha mẹ đã nuôi ta là làm cho ta thấy được thế giới. Khi ta vị thành niên hay thành niên, cha mẹ cố gắng dạy cho biết thiện - ác, nếu có trường có tiền thì cho đi học, không thì cho học các nghề theo phong tục của làng.

Cha mẹ là ông thầy đầu tiên của chúng ta, dạy cho biết mọi điều, như dạy cho biết gọi cha, mẹ, ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, anh, chị, cô, cậu, dạy cho biết lửa, nước… Đó là ơn đức vô lượng đối với con, nên chính Đức Phật đã dạy: "***Người hành động sai với cha mẹ rất nặng tội!".***

Giải rằng: Sẽ mang tội nặng và nhiều hơn việc xúc phạm đến người khác, trừ Đức Phật và các vị Thinh Văn! Nói nặng hay chửi rủa cha mẹ dù chỉ một lần cũng nặng tội. Hay đánh đập người khác dù một trăm người, cũng không bằng tội chỉ đánh cha mẹ một lần. Ra tay giết hại hàng ngàn hay trăm ngàn người, cũng không bằng tội giết cha hay giết mẹ. Tức thuộc **Ngũ Nghịch Đại Tội** - 5 tội khủng, chắc chắn và bảo đảm: sanh về địa ngục, sau kiếp đó!

Xem câu chuyện hoàng tử A Xà Thế (Ajātasatthu) giết vua cha, làm gương cho hậu thế thấy mà sợ! Dù sau đó ngẩng đầu đăng quang và gục đầu ân hận, vua A Xà Thế đã tranh thủ tạo rất nhiều công đức, nhiều hơn các vị vua cùng thời, nhưng phước ấy cũng không cứu ngài thoát được địa ngục A Tỳ (Avīci) khá sâu và lớn nhất, còn ở đó đến nay và đang bị thiêu cháy thê thảm. Đến lúc lửa hủy hoại trái đất vĩ đại này, mới thoát khỏi!

Đại nhân Mục Kiền Liên (Moggallana), đã tạo đầy đủ phước Ba la mật, nhưng trong một kiếp vô tình nghe lời vợ đã *giết cha mẹ* giữa rừng.

(Chỗ khác thì cho là, ngài chỉ để cha mẹ mù lòa lên xe, đẩy vào bìa rừng rồi giả giọng cướp mà đập! Khi nghe cha mẹ la lớn: "Con hãy chạy đi, mẹ cha già rồi trước sau cũng chết, con hãy thoát thân về lo cho vợ-con!", ngài hối hận sụp xuống sám hối, đưa cha mẹ về và đuổi vợ đi!

*Tính ra theo **kinh Pali,** ngài Mục Kiền Liên khá bất hiếu trong tiền kiếp, không như kinh các tông khác! - Dịch giả).*

Ngài sau đó phải sa xuống địa ngục A Tỳ suốt thời gian lâu dài không thể tính được, khi thoát khỏi địa ngục A Tỳ phải bị giết 100 kiếp *kể cả kiếp đã là Thượng thủ thinh văn*

Đại Mục Kiền Liên (Mahā Moggallana). Nhưng nếu không thì sẽ bị giết vô lượng kiếp!

Thanh niên Mittavinduka đã xô mẹ té xuống, rồi chạy thuyền đi buôn, phải xuống ***địa ngục ngay hiện tại*** suốt thời gian lâu dài: Khi y xuống thuyền buôn vừa chạy được 7 ngày thì dừng lại, giống như bị chìm xuống giữa biển. Nhóm lái buôn mới nói rằng: *"Sẽ có một người xấu số trên con thuyền này!"*. Mới chia nhau bắt thăm, thăm xấu ấy trùng ngay Mittavinduka đến 3 lần! Họ bèn bắt y bỏ xuống chiếc bè cho trôi đi.

Y đã gặp một hòn đảo gọi là địa ngục Usada, tức là địa ngục trên mặt đất. Khi y leo lên đảo ấy, ác nghiệp mà y đã xô mẹ té xuống ấy xui khiến cho y thấy địa ngục là cảnh giới thiên đàng! Khi y đi được một chút, gặp một chúng sanh địa ngục đã đối xử sai với cha mẹ giống y, có vòng tròn răng cưa quấn trên đầu, khóc la rên rỉ, máu chảy, thân thể tàn tạ…

Y vừa thấy thì nghĩ rằng chúng sanh địa ngục ấy là một tiên nam. Y nghe tiếng khóc rên rỉ của chúng sanh địa ngục lại như tiếng hát các vị trời. Thấy máu chảy, thân thể tàn sụi của các chúng sanh với vòng tròn răng cưa lại như bông sen, ***do nghiệp lực xui khiến,*** mới lại gần nói rằng: *"Thưa bậc đại tiến hóa, xin ngài hãy cho vòng hoa trên đầu đến ta!"*.

Chúng sanh địa ngục ấy nói đấy chẳng phải bông sen, nhưng y nài nỉ xin đi xin lại nhiều lần, chúng sanh đấy mới nghĩ rằng: *"Thanh niên này chắc đã gây tội với cha mẹ, giống như ta, hôm nay ác nghiệp của ta có lẽ hết rồi!"*, mới chuyển vòng hoa lên đỉnh đầu của Mittavinduka. Y đã bị cái vòng răng cưa xoay trên đầu, cảm thọ khổ đau, khóc la rên rỉ, máu chảy đầy thân, suốt thời gian lâu dài.

Các câu chuyện trên là bài mẫu, để thấy rằng, sự tạo tội với cha mẹ là người có ơn đức vô lượng dù chỉ chút ít cũng là nặng nề, tạo tội nhiều thì không thể lường được! Chỉ là tội không thể thấy được lúc này, còn cái mà chúng ta thấy được là: Sự coi thường, khinh dễ, mắng nhiếc chửi rủa, nhưng không đến đỗi đánh giết, hay không phụng dưỡng cha mẹ trong khi đủ sức nuôi nấng. Người ấy sẽ bị người đời chê bai là, không biết công ơn cha mẹ.

Khi người ấy có con, thì con sẽ xử sự với như y xử sự với cha mẹ. *"Hiếu thuận hoàn sinh hiếu thuận tử. Ngỗ nghịch hoàn sinh ngỗ nghịch nhi".*

Như một phụ nữ đang sống hiện tại đây làm thí dụ: Bà ấy lập gia đình, lúc mẹ già đến thăm không cho lên nhà trên, lấy cơm bỏ vào cái gáo cho mẹ ăn ở nhà dưới, luôn đối xử như vậy! Khi bà có con cái trưởng thành, lập gia đình và sống nơi khác, bất cứ khi nào bà đến thăm con gái, con gái hỏi: *"Bà nội này đến hoài!"*. Bà ấy khóc lóc, lủi thủi trở về, có khi con gái lấy cơm bỏ vào gáo cho ngồi ăn ở nhà dưới không cho lên nhà trên, như xưa kia nó từng thấy mẹ nó xử sự với ngoại. Bà ta chỉ biết khóc lóc than thở là con bất hiếu mà thôi, cho đến lúc chết cũng chưa hiểu vì sao.

Một câu chuyện trong kinh nữa là:

- Vua A Xà Thế sau đó bị con trai giết chết, mong đoạt ngôi vua, giống như ông giết cha khi xưa. Vua con đó lại bị con mình giết để chiếm ngôi y theo "truyền thống" vậy. Vua cháu của vua A Xà Thế cũng bị con giết, cứ như vậy riết… Dòng tộc vua ấy cứ hoàng tử giết vua cha để đoạt ngôi, liên tiếp đến nhiều đời!

Các quan đại thần cùng dân chúng bèn đảo chánh, trục xuất dòng tộc vua ấy đi, bởi nghĩ là dòng tộc vua không tốt, là dòng tộc con giết cha truyền kiếp. Do đó, bạn thử nghĩ xem, sự tạo tội đối với cha mẹ thường chịu nhiều khổ sở dây chuyền khiếp thế nào…

Còn người xử sự sai với Đức Phật và đệ tử của Ngài thì mang tội còn khiếp hơn, vì Đức Phật và các vị Thinh Văn có ơn đức cao thượng hơn muôn loài, trời - người. Không có người nào trong tam giới cao thượng hơn! Nhất là về giới đức.

Như đức Thiện Giác (Suppabuddha Sakya) là cha của nàng Da Du Đà La (Bhimbā Yasodharā), tính ra là cha vợ của thái tử Sĩ Đạt Ta (Siddhattha), đã xử sự sai với Đức Phật, bằng cách bày ra bàn nhậu, cản đường đi bát của Đức Phật, vì tức giận rằng Ngài đã bỏ rơi con gái của mình đi xuất gia. Vua liền bị đất rút xuống địa ngục A Tỳ trong vòng 7 ngày kể từ hôm đó.

Cản đường đi bát của Đức Phật với ý nghĩ bất thiện ấy là sai quá, vì *ngăn cản tục lệ chư Phật*, chỉ là cản đường đi của Đức Phật thôi cũng đủ bị tội theo luật quốc gia.

Một chuyện nữa là:

- Đề Bà Đạt Đa (Devadatta) lăn tảng đá từ trên núi Linh Thứu (Gijjhakūta) xuống với ý sát hại đấng Thập Lực. Nhờ Phật lực, khiến cho có 2 cục đá lớn giống như có tâm thức cản đỡ tảng đá ấy, tảng ấy mới bể tung ra, có một mảnh nhỏ văng trúng mu bàn chân của Đức Phật vừa đủ rướm máu! Chút thôi, dù vậy Devadatta vẫn phải rơi xuống địa ngục A Tỳ cho đến hôm nay.

(Theo chú giải, không ai có thể xâm hại thân Phật, làm chảy máu, trừ khi Ngài cố tình cho nó rỉ ra.

Đời Ngài, Ngài chỉ cho nó ứa ra hai lần: Một lần cho lương y Jivaka trị bệnh. Và lần này, vì lòng đại từ đại bi, Ngài chủ động cho ứa máu để Đề Bà Đạt Đa hả hạ ít nhiều, không tạo nghiệp nặng hơn! - Dịch giả).

Một chuyện nữa:

- Dạ xoa Nanda đánh vào đầu của ngài Xá lợi Phất bằng búa sắt, rồi bị đất rút, thiêu cháy trong địa ngục A Tỳ.

Đêm rằm ngày 21, ngài Xá lợi Phất ngồi nhập thiền ở sân chùa, lúc ấy có 2 con dạ xoa chánh kiến và tà kiến trông thấy trưởng lão. Dạ xoa tà kiến không có niềm tin, khởi lên ganh tỵ tức thì, nói với dạ xoa chánh kiến rằng: *"Này bạn! ta sẽ đánh vào đầu của sa môn đầu trọc này cho đến chết mới được!"*. Dạ xoa chánh kiến khuyên cản rằng: *"Đừng đừng bạn ơi! Đừng làm chuyện hại mình!"*.

Dạ xoa tà kiến không nghe, đã bay xuống đánh lên đầu trưởng lão Xá Lợi Phất bằng búa sắt! Nhưng khi bay được một chút, bỗng rơi từ trên không xuống mặt đất, tức thì lúc ấy có lửa địa ngục phún lên quấn lấy dạ xoa ấy, kéo xuống thiêu cháy trong địa ngục A Tỳ.

Một câu chuyện nữa là:

- Thanh niên Nanda đã cưỡng hiếp nữ thánh Upalavannā, bị đất rút xuống A Tỳ địa ngục ngay lập tức!

Anh ta tương tư nàng Upalavannā, con ông trưởng giả, và ngỏ ý cầu hôn khi nàng chưa xuất gia, nhưng nàng quyết tâm bỏ đi xuất gia làm tỳ kheo ni. Mặc dù vậy, Nanda không bỏ cuộc ngày nhớ đêm mong, luôn luôn cố gắng tìm cơ hội.

Một hôm, anh ta biết nữ thánh đang độc cư trong liêu thất giữa rừng, bèn núp gần đó. Khi thấy tỳ kheo ni đi khất thực về, thì lẻn vào núp dưới gầm giường. Nữ thánh sau khi cất y bát, lên giường nghỉ, thanh niên mới chui ra, leo lên cưỡng ép, phó mặc nữ thánh cản ngăn đủ cách cũng không nghe!

Lúc đó tỳ kheo ni Upalavannā đã thành đạt A La Hán, đã cắt đứt mọi phiền não, không còn thỏa thích dục vọng nữa. Sau khi Nanda thỏa mãn dục vọng, leo xuống rời đi. Nhưng vừa khuất tầm mắt nữ thánh, liền bị đất rút xuống địa ngục A Tỳ.

Những câu chuyện kể đây cho thấy rằng: Hành động sai đối với Đức Phật và các vị Thinh Văn là hành động đưa đến nhiều tội lỗi nhất!

Một câu chuyện nữa:

- Khi Đức Phật Ca Diếp (Kassapa) vừa viên tịch Níp Bàn, nhiều người cùng nhau xây tháp để thờ xá lợi Phật. Một hôm nọ, có một thiện nam A Na Hàm quả đi kêu gọi hùn phước, được vật dụng, tiền của, vàng bạc rất nhiều.

Lúc đang hướng dẫn đoàn xe bò chuyên chở đồ quyên góp qua 1 khu rừng già, thì có 500 tên cướp lao ra cướp bóc, bắt vị thiện nam A Na Hàm ấy móc mù cả hai mắt, rồi thả vào giữa rừng, rồi mang hết tiền của cướp được bỏ đi. Nhưng chưa bao xa, tức thì cả 500 tên cướp đều bỗng thấy tắt ánh sáng, mù lòa cả! Do gây ác nghiệp với vị A Na Hàm.

Một câu chuyện nữa là:

- Chuyện sai khiến chó cắn tỳ kheo, trong thời Đức Phật chúng ta còn tại thế.

Có một ông thợ săn cùng bầy chó vào rừng săn, lúc ra khỏi làng thì thấy một vị tỳ kheo đang trên đường khất thực đến làng. Ông ta nghĩ rằng: *"Hôm nay gặp ông trọc đầu này xui lắm, chắc không săn được thứ gì!".* Lúc vào rừng, quả thật y không săn được gì cả, trở về thì lại gặp vị ấy nữa.

Vừa thấy vị tỳ kheo từ xa, y mới xịch bày chó cắn cho chết. Vị sư ấy sợ quá, liền trèo lên cây tránh đàn chó. Thợ săn chạy đến, y đâm mũi giáo chọt lên trúng chân vị ấy, vị tỳ kheo van xin rằng: *"Xin ông đừng giết bần tăng, bần tăng là người vô tội!".* Nhưng ông ta không nghe, lại đâm liên tiếp, khi bị thương quá đau vị ấy rút cẳng lên tránh. Ông ta lại đâm cẳng kia, vị ấy lại rút cẳng kia lên, cứ như vậy…

Sự đau đớn làm cho vị tỳ kheo chịu không thấu, mất chánh niệm tỉnh giác, rớt chiếc y xuống đầu thợ săn. Không nhận ra chủ mình, đàn chó tưởng vị sư té xuống, mới cùng nhau nhảy vào cắn xé chủ mình cho đến chết, rồi cùng nhau ăn thịt. Khi ăn xong chúng lui ra nhìn lên cây, thì thấy vị sư vẫn còn trên đó, nên biết là đã ăn thịt chủ mình, mới cùng nhau chạy vào rừng. Vị tỳ kheo ấy leo xuống đi về chùa, thoát chết!

Ác nghiệp trả quả nhãn tiền, câu chuyện này cho thấy hành động sai đối với tỳ kheo hay sa di là đệ tử của Đức Phật thường mang tội rất nặng, có thể bị trả quả lập tức, như câu chuyện ông thợ săn trên. Ngoài ra còn rất nhiều câu chuyện giống vậy.

Muốn nhiều phước, chúng ta nên làm việc phải lễ với mẹ cha bằng thân khẩu ý, tức là: **Thân,** là phải tôn kính đảnh lễ mẹ cha, làm giúp phận sự của mẹ cha như tìm cơm nước, y phục, chỗ nằm chỗ ngồi và chỗ ở cho cha mẹ, hơn thế nữa là múc nước rửa chân cho song thân!

Không làm bằng thân được thì nên làm bằng **khẩu**, như bảo người khác làm thay khi mình không tiện làm, kiếm tiền cho họ làm thay. Dù ở xa đi nữa cũng phải cố gắng gửi tiền, vật dụng đến, tùy theo khả năng. Nói năng với cha mẹ cũng phải luôn luôn muốn cho cha mẹ thân tâm được an lạc.

Cha mẹ có lòng từ đối với mình như thế nào thì phải đền đáp cho cha mẹ như thế, cha mẹ đối với mình như thế nào thì phải đối đáp lại như thế. Như lúc mình còn bé, cha mẹ giặt quần áo dính dơ nào là phân, nước tiểu thế nào, giờ mình phải lau chùi, rửa ráy thế ấy. Cha mẹ được bình thường an vui, phải mừng cho cha mẹ như cha mẹ hoan hỷ với mình khi xưa.

Hãy cố gắng làm đúng theo ý muốn cha mẹ, gần như bất cứ gì có thể. Nếu cha mẹ thích theo con đường bất chánh, ráng khuyên giải sửa chữa tùy duyên.

Như câu chuyện tiền thân của Đức Phật chúng ta, lúc còn đang tạo ba la mật:

Một thời, bồ tát sanh làm con một ông thợ săn. Một hôm, người cha rủ bồ tát vào rừng, rồi đào một cái hố để dẫn mẹ già mù lòa vô dụng, tức bà nội của bồ tát, chôn sống ở đó. Bồ tát nói khéo với cha rằng: *"Khi cha già, con sẽ chôn cha giống vậy nha!"*. Người cha nghe chợt hết hồn, thấy ra vấn đề, sợ con làm thật, mới thôi đào hố, cùng con trở về.

Do đó nếu bạn nào thấy điều nào bất chánh không tốt thì không nên làm, tìm cách tránh né, giải bài cho cha mẹ như trên. Vì sự trái ý cha mẹ, thẳng thắn làm cho cha mẹ buồn phiền là không nên, vì cha mẹ có nhiều ơn đức.

Còn việc nào là đúng, chân chánh, thì con cái phải làm theo ý muốn cha mẹ, dù đôi khi không muốn làm nhưng

cũng buộc phải làm, vì nó đúng và đúng theo ý cha mẹ, làm song thân hoan hỷ vui mừng. Như cha mẹ muốn cho con học lên cao, hạnh kiểm tốt, nghề nghiệp chân chánh, thì con phải cố gắng học giỏi, có đạo đức tốt và nghề nghiệp vững chắc, cha mẹ sẽ vui mừng cả chính mình cũng được tiến bộ,

Điều quan trọng của con cái là lúc còn trẻ, thanh niên, cần lập gia đình cho song thân yên tâm. Người hôn phối ấy phải vừa đẹp mắt đẹp lòng cha mẹ, là người từng trải, nhiều kinh nghiệm. Trừ khi cha mẹ là người "chậm tiến, cổ hủ" hơn mình thì mới lẳng lặng không nghe theo dù bên ngoài vẫn phải gật gù.

Do nhân này giới trẻ ngày nay ỷ y như vậy, trở thành "trẻ trâu", nhiều đứa tự tung tự tác, tự làm theo ý riêng, tự lập gia đình không hỏi ý kiến cha mẹ, rồi khi đau khổ về ôm chân mẹ cha rên rỉ!

Mong rằng chúng ta phải rõ biết cách dạy dỗ con cái trở nên người tốt, dạy và dỗ. Nếu ai chưa có gia đình hãy ghi nhớ điều này cho kỹ, đừng làm theo tư kiến của mình, nên xin ý kiến cha mẹ, lấy đó làm TRỌNG, thì mới an vui hạnh phúc về sau. Người hiếu thuận như vậy, sẽ gặt được phước báo to lớn, được người-người ca ngợi khi sống, lúc chết chắc chắn sanh về thiên đàng.

Còn hành động đúng với Đức Phật và các vị Thinh Văn, đệ tử Phật, bằng thân khẩu ý là: Cúng dường bốn nhu cầu thiết yếu, bốn vật dụng *(y phục, thực phẩm, chỗ ngụ và thuốc men)*, đảnh lễ và cung kính… Những hành động này đem lại quả an vui rất lớn!

Kinh có ghi: *"Chỉ nhìn chư Tăng với tâm tịnh tín thôi, người ấy sẽ được sáng mắt trong nhiều trăm ngàn kiếp. Chỉ*

cần cung kính, dù không cúng dường gì cả, vẫn được sanh về cõi trời!", như thanh niên Maṭṭhakunalī…

Quả được hưởng ngay hiện tại là: Khi làm đúng theo lời dạy của Đức Phật và chư Tăng, hành được Pháp nào thì chắc chắn nhận được quả tốt đẹp về Pháp hành ấy, được nhiêu hay nhiêu. Chẳng hạn, hành bố thí thì sẽ được 5 quả báo ngay trong hiện tại như đã nói trên *(nhiều người ưa thích, giao du bạn tốt, tiếng tốt đồn xa, dạn dĩ giữa đám đông, sanh về cõi trời).*

Hành về trì giới được điều nào sẽ được quả báo về điều ấy, như giữ Adinnādāna nghĩa là không trộm cắp, không lấy của không cho, không cướp hay xén, thì ngay hiện tại sẽ không bị trừng phạt, sau khi chết sẽ không bị sanh làm người thiếu thốn, nghèo nàn. Các điều khác cũng tương đương. Tịnh tín cúng dường đến Đức Phật và các vị tỳ kheo, sa di, tu nữ, thường được quả phước to lớn như đã trình bày.

Do đó, xin bạn hãy cố gắng xử sự cho đúng đối với cha mẹ và Đức Phật, luôn cả tỳ kheo Tăng đệ tử của Ngài, bằng thân khẩu ý như đã thuyết, để được quả báo an vui to lớn lâu dài, được tăng trưởng tiến hóa đời này đời sau, và được sanh về cõi trời. Như vậy mới đáng quý. Xin chấm dứt thời Pháp chỉ có bấy nhiêu. Evaṃ!

Trong bài Pháp này, mục đích chỉ cho họ thấy quả báo của sự thực hành Pháp, nên từ bỏ tà hạnh và tu dưỡng chánh hạnh đối với 4 hạng người mà thôi. Không phải cho họ hiểu chi Pháp thâm sâu hoặc ý Pháp sâu sắc gì, vì việc thuyết về nhân - quả cho người nghe hiểu thường đem lại lợi ích rất nhiều cho họ.

Phần đông người nghe là giới bình dân có kiến thức Phật Pháp chưa cao, không phải giới nghiên cứu. Giới nghiên cứu thì ít chịu ngồi nghe lắm, đừng lo! Nếu chúng ta nêu ra các Pháp hoặc lý lẽ cao thâm quá, thường dân có nghe cũng không hiểu, có hiểu cũng không thực hành nỗi, vượt ngoài khả năng. Họ cần thời gian mưu sinh nhiều hơn!

Như thuyết về 5 Pháp Cái *(Nivaranā: tham, sân, hôn trầm, phóng dật + hoài nghi = si)* đầy đủ, cùng sự tai hại và cách đoạn diệt cho họ nghe, mặc dù họ hiểu nhưng chuyện đoạn trừ được 5 Pháp Cái xa vời quá! Hoặc khi nêu ra 7 Giác chi, cùng ân đức và cách thức tu tập, dù có hiểu nhưng họ cũng không thể thực hành theo được, vượt ngoài khả năng.

Việc đoạn diệt 5 triền cái - dưỡng luyện 7 Giác chi, thường phù hợp với những người chuyên tu, như tỳ kheo - sa di - tu nữ, không bận tâm lắm về cơm áo gạo tiền… Còn với dân thường thì lẻ loi chiếc bóng, người hữu duyên bỏ ăn bỏ ngủ ngồi xếp bằng suốt không nhiều, khó cho họ lắm. Theo phong trào làm bồ tát hứng, tu đột xuất mà thôi.

Vậy cũng tốt!

*

* *

Con Đường Hoằng Pháp

- Sư Chánh Kiến, 1996

Mục Lục.

I) - Hoằng Pháp là gì? Định nghĩa và nguồn gốc
- Chuyển Pháp Luân
II) 1. Chuẩn bị cho hoằng Pháp
2. Một số đoạn kinh hướng dẫn hoằng Pháp
3. Vài ứng xử của Đức Phật đối với ngoại đạo
4. Vài trãi nghiệm
5. Ứng xử với các vị ngọt. Sự nguy hại...
III) Tâm niệm nên có của giảng sư

"Này các Tỳ kheo, hãy ra đi! Đem lại sự tốt đẹp cho nhiều người, đem hạnh phúc lại cho nhiều người. Vì lòng thương tưởng đời, hãy đem lại sự tốt đẹp, lợi ích và hạnh phúc cho các vị trời và nhân loại. ***Mỗi người hãy đi mỗi ngã, chớ có đi hai người một chỗ!***

Này các Tỳ kheo, hãy hoằng dương Giáo Pháp, hoàn hảo ở đoạn đầu, hoàn hảo ở đoạn giữa, hoàn hảo ở đoạn cuối cùng, hoàn hảo trong cả hai: văn và nghĩa. Hãy công bố đời sống thiêng liêng vừa toàn thiện vừa trong sạch.

Có những chúng sanh vương ít nhiều cát bụi trong mắt và nếu không nghe được Giáo Pháp sẽ sa đoạ. *Cũng sẽ có những người hiểu được Giáo Pháp. Chính Như Lai cũng đi. Như Lai sẽ đi về hướng Uruvela ở Sanànigàma để hoằng dương Giáo Pháp.*

(Lời Phật dạy 60 vị ***Thánh Tăng*** *đầu tiên,*
trích từ Luật Tạng)

~o~o~o~

I/ Định nghĩa và nguồn gốc của hoằng Pháp:

- "Nếu vị tỳ kheo thuyết Pháp về sự yểm ly, ly tham, đoạn diệt vô minh, như vầy là đủ để được gọi là giảng sư".

(Phẩm Vật Thực, Tương Ưng Nhân Duyên)

Trong Phật giáo, hoằng Pháp mang một nghĩa chung cho các phương tiện truyền bá giáo lý nhà Phật. Trong tiểu luận này, chúng ta chỉ xét đến hoằng Pháp trong trọng tâm là thuyết giảng, không bàn đến các Phật sự khác như in ấn kinh sách, các Pháp thí ngoài ra…

Bất cứ ai đã ăn cơm bồ đề, dù tu với một nguyên nhân thầm kín nào, cũng đều có thể giải thích hai chữ Phật và Pháp cho người khác hiểu. Vì hoằng Pháp**,** là bổn phận suốt kiếp, là nhiệm vụ chưa thành, là việc đền đáp áo cơm cho đàn na và để góp phần cùng các cao tăng tiền bối, không phụ lòng Phật đã chuyển Pháp luân!

Theo kinh Buddhavamsa *(Phật Sử),* thì các vị Phật quá khứ nhiều vô kể, đã chuyển Pháp Luân và tứ chúng của các Ngài đã hoằng Pháp, không thể xác định ai là người đầu tiên. Các Ngài truyền bá giáo lý là những gì tu chứng, thấy như thật, không phải do sáng tạo ra.

Chuyển Pháp Luân

Đang đêm tăm tối, một người bỏ nhà ra đi, bỏ lại tất cả, cung vàng điện ngọc, vợ đẹp con thơ... Tất cả lợi dưỡng tuyệt đỉnh, tất cả. Vì tất cả chúng sanh và vì Nhất Thiết Chủng Trí (Sabbannu), tịnh chỉ tất cả hành, người là Người.

Chúng ta hãy xem tâm trạng của Người sau sáu năm khổ hạnh tuyệt đỉnh, từ bỏ khổ hạnh, hành trung đạo và đạt quả vị vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, qua bài kinh Thánh Cầu *(Trung Bộ):*

"Ta, kẻ tìm cái gì chí thiện, tìm cầu vô thượng tối thắng an tịnh đạo lộ. Ta tự mình bị sanh, già, bệnh, chết, sầu khổ, ô nhiễm. Sau khi biết rõ sự nguy hại của chúng, tìm cầu sự xuất ly chúng, sự vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Níp Bàn, và đã chứng được. Trí và Kiến khởi lên nơi Ta, sự giải thoát của Ta là bất động. Nay là đời sống cuối cùng của Ta, không có sự tái sanh nữa.

Nhưng Pháp do Ta chứng được thật là sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, cao thượng, siêu lý luận, vi diệu, chỉ người trí mới hiểu thấu. Còn quần chúng này thì ưa ái dục, khoái ái dục, ham thích ái dục. Thật khó mà thấy được định lý Y Tánh Duyên Khởi Pháp (idapaccayatà paticcasamuppada). Sự kiện này thật khó thấy: tức là sự tịnh chỉ tất cả hành, sự trừ bỏ tất cả sanh y, ái diệt, ly tham, đoạn diệt, Níp Bàn.

Nếu nay Ta thuyết Pháp mà các người khác không hiểu Ta, thời như vậy ***thật mệt mỏi cho Ta, thật bực mình cho Ta !".***

Đức Phật đã hướng tâm về vô vi thụ động, không muốn thuyết Pháp! Đúng theo thông lệ (tục đoan) của các vị Phật, vì Pháp vị có giá trị vô song nên phải có người cầu thỉnh, và Phạm thiên Sahampati đã thỉnh cầu.

"Này các Tỳ kheo, sau khi biết được lời Phạm thiên yêu cầu, vì lòng từ bi đối với chúng sanh, với Phật nhãn, Ta nhìn quanh thế giới. Ta thấy có hạng chúng sanh ít nhiễm bụi đời, nhiều nhiễm bụi đời, có hạng lợi căn, độn căn, có hạng

thiện tánh, ác tánh, có hạng dễ dạy, khó dạy, và một số ít ***thấy sự nguy hiểm phải tái sanh thế giới khác và sự nguy hiểm làm những hành động lỗi lầm****".*

Ngài ví chúng sinh như sen vậy, có loại dưới nước, có loại vươn tới mặt nước, có loại vượt khỏi mặt nước nên không bị đẫm ướt ái thủy. Sơ thời, Đức Phật muốn hóa độ hai đóa sen không vương bụi trần trong mắt là các đạo sĩ Àlàrà Kàlàma và Udaka Ràmaputta.

Nhưng bất hạnh thay, các vị *"trí thức, đa văn sáng suốt, đã từ lâu sống ít nhiễm bụi đời"* này vừa rũ bụi trần gian, mạng chung sanh về Phạm thiên giới. Và trước khi đến với năm thầy *Kiều Trần Như* (Kondanna) để chuyển vận bánh xe Pháp, thì người mà Ngài tiếp xúc đầu tiên sau khi thành đạt Đạo Quả là tà mạng ngoại đạo Upaka, ông ta trả lời sau khi nghe Ngài giáo huấn như sau:

"Này Hiền giả, mong rằng sự việc là vậy!", lắc đầu rồi đi mất. Thật là cay đắng cho Người, trong buổi đầu gặp lại con người, Người sống lại từ khổ hạnh oằn oại, sống chết cho giác ngộ cho mình và người, vì lòng từ mẫn mong đem Pháp bậc trí giảng đời vô minh.

"Tự mình Chánh Đẳng Giác

Ta an tịnh, thanh thoát

Để chuyển bánh xe Pháp

Ta đến thành Kàsi

Gióng lên trống bất tử

Trong thế giới mù loà".

II/ 1. Chuẩn bị cho hoằng Pháp

Ngoại đạo Upaka không bác bỏ cũng không chấp nhận giáo lý, và Đức Phật biết trước nhưng vẫn gặp gỡ để gieo duyên lành trong tương lai cho ông ta. Dường như Ngài cũng báo cho chúng ta hay, qua sự kiện này, là con đường hoằng Pháp không phải lúc nào cũng được rắc đầy hoa trong sự tôn vinh của quần chúng, đôi khi chỉ là sự gieo duyên tương lai cho họ.

Với bản thân giảng sư, thì sự trau dồi tự luyện để giảng sư vẫn luôn là giảng sư với nhiều bài khác nhau, sâu sắc và bổ ích hơn. Không phải là một giảng sư với một số bài nằm lòng, đi trả bài ở các Pháp tòa khác nhau. Do vậy, trước khi là giảng sư, ta hãy nhớ lại buổi đầu trước khi mở đạo của bồ tát Sĩ Đạt Ta (Siddhatta).

- Từ bỏ lợi dưỡng tột bậc của một thái tử, không chấp thủ khổ hạnh siêu phàm của một vị bồ tát sẽ toàn giác, mức khổ hạnh mà không một đạo sĩ nào có thể đạt được:

"Ta nín thở vô - ra ngang qua miệng, mũi, nghiến răng, dán chặt lưỡi lên nóc họng, lấy tâm chế ngự tâm, đánh bại tâm, mồ hôi toát ra, dầu cho ta có chí tâm tinh tấn, tận lực, thân của ta vẫn bị khích động, không khinh an, bị chi phối bởi sự tinh tấn, do tinh tấn chống lại khổ thọ... Một tiếng gió động kinh khủng ngang qua tai, kinh khủng như tiếng gió ở lò rèn... Một ngọn gió kinh khủng thốc lên đau nhói trong đầu, như sức chém của một lực sĩ bằng kiếm sắc bén... Ta bị đau đầu kinh khủng, như bị một lực sĩ niền bằng dây da cứng rồi xiết mạnh... Một ngọn gió kinh khủng cắt ngang bụng... Một sức nóng kinh khủng trong thân như bị nướng trên than hồng... Tuy vậy, ***khổ thọ ấy khởi lên nơi ta, được tồn tại, nhưng không chi phối tâm ta****".*

"Vì Ta ăn quá ít, thân Ta hết sức gầy yếu. Tay chân Ta như những gọng cỏ hay đốt dây leo khô héo, bàn toạ Ta như móng chân lạc đà, xương sống Ta như một chuỗi banh (tràng hạt), xương sườn gầy mòn như rui cột hư nát, con ngươi long lanh sáng trong hốc mắt như ánh nước trong một giếng nước thâm sau, da đầu như trái bí trắng non bị phơi khô, nhăn nheo khô cằn.

Nếu Ta rờ da bụng, thì chính xương sống bị Ta nắm lấy. Nếu ta rờ xương sống thì chính da bụng bị Ta nắm lấy. Da bụng bám chặt xương sống. Khi Ta xoa bóp chân tay, các lông tóc hư mục rụng khỏi thân Ta. Khi Ta muốn đi đại, tiểu tiện, thì Ta ngã quỵ, úp mặt xuống đất. Vì Ta ăn quá ít."

(Đại kinh SACCAKA, Trung Bộ)

Một số các vị trời tưởng lầm Ngài đã tịch diệt!

Chúng ta có thể xem thêm những khổ hạnh khác của bồ tát như **bần uế thực**: "*Nửa đêm bò vào chuồng bò, ăn phẩn bò con, rồi dùng lại phẩn chính mình"*. Hay **hạnh viễn ly**: "*Ta như con nai gặp thợ săn. Khi gặp con người, Ta bỏ chạy từ đồi này sang đồi nọ, từ thung lũng này sang thung lũng kia"*... Rất nhiều khổ hạnh kinh khủng của Ngài.

"Càng hiểu biết Ngài con càng tôn kính Ngài.

Càng tôn kính Ngài con càng hiểu biết Ngài"

(HT. Narada Mahathero)

Xem xét các khổ hạnh của bồ tát càng làm chúng ta tôn kính Ngài hơn nữa, để thấy rằng sự khổ luyện để trở thành giảng sư *"mở Đạo dạy đời"* của chúng ta chưa tới đâu, không là gì cả. Điều này cần tâm niệm!

Thế học, có những tài liệu tôi luyện khả năng đứng trước công chúng mà khỏi phải im lặng một cách kỳ lạ như sau:

1/ Nguyễn Hiến Lê: Nghệ Thuật Nói Trước Công Chúng, Luyện Văn, Nghề Viết Văn, Hương Sắc Trong Vườn Văn...

2/ Nguyễn Hiến Lê và Nguyễn Quang Thắng: Tôi Tập Viết Tiếng Việt.

4/ Đắc Nhân Tâm, Nguyễn Hiến Lê dịch từ "How to win friends and influence people" - Dale Carnegie.

3/ Nghệ Thuật Phát Biểu Miệng, E.A.Nogin

5/ Bien Parier Public, Marc Lequenne.

Rất nhiều! Muốn hỗ trợ khả năng biện giải để hoằng dương Phật Pháp, một bản lãnh lăn trôi theo các Pháp toà, thì giảng sư cần thiết phải luyện văn viết để hỗ trợ văn nói. Học ở các tác giả và tác phẩm thể loại này. Ngoài ra, còn phải học hỏi các tài liệu tâm lý, giáo dục, v.v... chấp nhận dạy đời là chấp nhận đắng cay của kiếp dâu trăm họ, rể mọi nhà, nên đọc "Gương Hy Sinh" của Nguyễn Hiến Lê trước cuốn "Gương Thành Công".

Kể cả luật và tâm lý hôn nhân gia đình cũng cần xem qua, là kiến thức đôi khi cần trong việc hướng dẫn thiện nam - tín nữ gieo duyên hay đang gặp chướng duyên.

Nếu được cũng cần chút thơ thẩn, thuần thục thi tứ, lão luyện thi văn, phòng bị trường hợp tạo cho thính chúng một niềm hoan hỷ với Pháp vị một cách quá đáng, đến quên cả phương tiện đưa rước ta về thì lúc ấy, giảng sư nên sống trong tâm trạng một thi sĩ ! Các bác tài thường cho những khuôn mặt ngơ ngác như vậy quá giang.

Để luyện chất thép trong hùng biện, riêng tôi khi xưa thích đọc sách Luật, như *"Pháp Luật Thông Khảo" (gs. Vũ Văn Mẫu), "Quốc Tế Công Pháp", "Bang Giao Quốc Tế" (gs. Tăng Kim Đông)...* chẳng hạn. Biết qua vài Luật hiện hành tại các quốc gia hay địa phương *(location)* nhằm tránh ân hận khi giảng xa nhà…

Ta chỉ có thể bình tâm giảng thuyết ở những buổi lễ được phép, dạy những trường lớp hợp pháp và chính ta cũng phải có những giấy tờ hợp lệ giúp ngồi kiết già vững chãi trên Pháp toà bốn chân. *"Cựu pháp triêu triêu lạc - Khinh công nhật nhật ưu".*

Gặp trụ trì, chủ lễ hay người trong ban tổ chức và hỏi thẳng về giấy phép của họ một cách khiếm nhã, xâm phạm bản ngã của họ, có thể giúp ta miễn việc hôm đó và vĩnh biệt nơi đó dễ dàng. Ta có thể mào đầu bằng cách hỏi thăm sức khỏe của mọi người dù chưa quen, và tình cảm của chính quyền sở tại dành cho họ tới đâu rồi.

Để lý luận chặt chẽ hơn, tôi xem *"Luận lý toán học đại cương" và "Hiện tượng luận về Hiện sinh"... của gs. Lê Thành Trị* chẳng hạn. Khi luyện mắt nhìn xa, thử đọc *"Nguyễn Trường Tộ, con người và di thảo" của Lm. Trương Bá Cần,* cùng những cuốn tương đương. Ngoài ra, xem thêm:

- Personality fulfillment in the Religious life (Adrian Van Kaam)

- Emile on de L'éducation (Jean Jacque Rousseau),… nhằm huân tập đầu óc tổ chức giáo dục.

Xưa kia, Đức Phật đôi khi đã dựa theo kiến thức Phệ Đà *(Veda)* để tiếp độ các đạo sư tà phái khác. Và vì vậy, ngoài kiến thức về các nền triết học lớn của Ấn - Hoa, về Nho học

thì đọc *Khổng Học Đăng - Phan Bội Châu, chẳng hạn.* Ta cần tìm hiểu các tôn giáo bạn khác, thấu đáo tôn giáo sử của Ấn Độ *("Nhập môn Triết học Ấn Độ" - gs. Lê Xuân Khoa, v.v...),* vì đó là nơi mà không có nó thì không có mình.

Đức tin nào cũng có giá trị của nó, nếu người không tin ta, muốn theo một tà thuyết nào đó... thì thôi vậy! Hiểu biết về tôn giáo bạn không có nghĩa là đầu tư cho việc xâm phạm các hình thức giáo phận của họ. Nếu ta đúng, và ta cho là họ đang bị gạt, *"muốn bị gạt",* thì hãy để họ yên!

Vì duyên lành chưa có nên họ tất bị đày đoạ bởi các tư tưởng, quan niệm, lý tưởng tà kiến, phụng thờ và hành Pháp sai lạc từ nhiều kiếp. Nên rãi từ tâm thương họ, không duyên thì dù gặp Đức Phật cũng không tế độ được! *Và chắc chắn họ cũng có tư duy tương tự khi gặp mình.*

Ta chưa hơn ai thì đừng *"Kiến nghĩa bất vi vô dõng giả. Gian nguy bất cứu mạc anh hùng",* ta sẽ có duyên lành với búa rìu cuồng tín và rồi từ chín tầng mây tức tưởi kia, ta vẫn chưa hiểu tại sao huynh đệ mình lại tụng kinh siêu độ? Ta đã phạm cái tội *"ăn đồ cúng"* của họ. Cần xét lại kiến thức về *"Bang Giao Quốc tế"* trong các sách Luật đã đọc, trước khi trở nên linh thiêng.

Ta nên có một ít hiểu biết về Nhân tướng học, vì phải tiếp xúc đủ loại người, nam phụ lão ấu, mọi giai tầng trong xã hội, bất cứ lúc nào: Phật tử thuần hành, đức tin qua đường, khách hành hương, thân hay sơ... Nên vừa chừng, do phá tướng hay ẩn tướng không rõ, tránh thành kiến trong giao tiếp do môn này, hối hận không kịp. Nhưng nó cần thiết.

Lại phải xem những cuốn như "Tâm thần học" của Gs. Trần Đình Xiêm... chẳng hạn, vì chúng sanh thì nhiều ảo

tưởng lắm tâm thần! Theo tác giả thì hơn phân nửa nhân loại mắc các loại ảo tưởng, ảo giác và theo Phật thì chúng sanh vô minh toàn phần.

Về thế học, giảng sư nên tham khảo ít nhiều, như xưa kia thái tử Sĩ Đạt Ta thông suốt ba Phệ Đà vậy. Vì kiến thức không phải môn nào cũng ứng dụng, biết chỉ để nói năng cho khéo léo, tế nhị! Như khi dạy quán bất tịnh, thể trược... Dĩ nhiên, tri kiến về giáo lý nhà Phật tuyệt đối là *KIẾN THỨC XƯƠNG TỦY*. Thực hành những gì mình giảng, như thiền sư, bội phần khó khăn hơn là chỉ *"làm thầy thiên hạ"* về mặt lý thuyết!

Tóm lại, giảng sư là người hiểu biết sâu rộng mọi điều mà người ta còn đang lơ mơ hay chỉ thấy một vài. Nhưng xem như chưa biết gì cả, vì chưa có Nhất Thiết Chủng Trí (Sabbannu) như Đức Phật Toàn Giác. Do vậy, ta tập làm giảng sư.

Trên đây là vài tài liệu đơn cử để tham khảo về kỹ năng thuyết giảng. Dưới đây chúng ta chỉ xét đến những đoạn kinh liên quan đến hoằng Pháp, cách ứng xử với ngoại đạo của Đức Phật và vài điều cần ghi nhận khi giảng dạy của giảng sư ngày nay...

*

* *

2. <u>Vài đoạn Kinh nói về giảng sư</u> *(Tăng Chi Bộ):*

4 chi Pháp của giảng sư:

1. Nghe Pháp nhuần tai
2. Nói Pháp nhuần miệng
3. Nghĩ Pháp nhuần ý
4. Nằm lòng chi Pháp

5 điều đưa giảng sư rơi vào ác đạo, địa ngục, không ai cứu nổi:

1. Thuyết phi Pháp cho là Pháp
2. Thuyếp Pháp cho là phi Pháp
3. Thuyết phi Luật cho là Luật
4. Thuyết Luật cho là phi Luật
5. Giả như không biết, hành Tăng sự khác

4 loại lời nói cao thượng:

1. Không thấy nói không thấy
2. Không nghe nói không nghe
3. Nói không đúng, nói rằng nói không đúng
4. Không biết rõ rệt, nói rằng không biết rõ rệt

5 loại lời nói nên nói:

1. Nói lời chân thật
2. Nói lời hữu ích
3. Nói hợp thời

4. Nói lời đem lại sự hoà hợp

5. Nói bằng tâm từ mẫn (giọng hiền hoà)

4 Khẩu ác nghiệp cần tránh:

1. Nói dối

2. Nói đâm thọc (lưỡng thiệt)

3. Dùng ác ngữ (lời dữ dằn, tục tĩu)

4. Dùng ỷ ngữ (nói nhảm nhí, lời vô ích)

Theo Luật tạng, người không nghiêm trì giới luật là người không thể dạn dĩ trước hội chúng, chốn đông người. Nên giảng sư phải thông Luật, trì Giới. Người có giới hạnh, có đức tu thiền, khuyến tu chỉ cần vài lời, giá trị cao hơn nhiều bài giảng, điều này thực tế đã cho chúng ta thấy! Do người nghe hấp thu phần nào **cái thần** Pháp giảng = **thân giáo.**

+ Vài đoạn trích từ Bộ Luật Tạp Sự (Parivàra, dịch từ tiếng Thái):

5 Điều của vị nói trước hội chúng:

1. Biết sự tranh luận (vấn đề)

2. Biết nguồn gốc sự tranh luận

3. Biết hành vi tranh luận

4. Biết cách giảm tranh luận

5. Thông thạo trong việc xét xử tranh luận

5 Điều của vị nói trước hội chúng, là người mà hội chúng vừa lòng, ưa thích:

1. Không là người có tư duy tối tăm, bế tắc.

2. Không nói nặng người khác

3. Tế nhị, thông thạo trong lời nói hàn gắn, hoà hợp
4. Tố cáo tội theo Pháp Luật thích hợp
5. Điều chỉnh tội theo Pháp Luật thích hợp

Thêm 5 điều:

1. Không là người khoác lác, khoe khoang
2. Không là người đâm thọc và ác ngữ
3. Không là người tin tưởng và trì giữ phi Pháp
4. Không là người chống báng Pháp
5. Không là người nói lời thiếu lợi ích, ỷ ngữ

5 điều nữa:

1. Không nói lời đe dọa, uy hiếp
2. Nói cho người khác cung kính
3. Tố cáo theo tội trong Pháp Luật thích ứng
4. Điều chỉnh theo tội trong Pháp Luật thích ứng
5. Giải thích theo sự thấy.

* Giảng sư nên biết Giới - Luật cả hai bên Tăng & Ni.

*

* *

Trên đường Phật sự, nếu gặp người chỉ trích thì Đức Phật dạy:

- *"Này các tỳ kheo, nếu có người hủy báng Ta, hủy báng Pháp, hay hủy báng Tăng, các người chớ có vì vậy sanh*

lòng công phẫn, tức tối, tâm sanh phiền muộn. Thời sẽ có hại cho các người. Các người có thể biết được lời nói của những kẻ ấy là đúng hay sai lạc chăng? nếu các ông công phẫn và phiền muộn."

Thậm chí, khi được khen ngợi:

- "Này các Tỳ kheo, nếu có người tán thán Ta, tán thán Pháp hay tán thán Tăng, các người chớ có vì vậy mà hoan hỷ, vui mừng, tâm thích thú. Thời sẽ có hại cho các người. Các ông hãy công nhận những gì đúng sự thật là đúng sự thật: Như thế này, điểm này đúng sự thật, điểm này chính xác, việc này có giữa chúng anh, việc này xảy ra giữa chúng anh".

(Kinh PHẠM VÕNG - Brahmajàla, Trường Bộ I)

- "Này các tỳ kheo, những Pháp Ta giảng cho các ông với thượng trí, như là Bốn niệm xứ, Bốn chánh cần, Bốn như ý túc, Năm căn, Năm lực, Bảy bồ đề phần, Thánh đạo tám nghành. Ở đây, các ông phải học tập tất cả, ***trong tinh thần hoà đồng, hoan hỷ, không tranh cãi nhau.***

... Rồi một Tỳ kheo nào của phe bên kia mà các ông nghĩ là nhu thuận, dễ nói hơn, hãy nghĩ đến vị ấy và nói như sau: "Giữa các ngài, có sự đồng nhất về nghĩa, sai khác về văn.... Đây chỉ là một vấn đề nhỏ nhặt. Các ngài chớ có tranh cãi nhau chỉ vì một vấn đề nhỏ nhặt.

Như vậy, cái gì dễ nắm giữ (sự đồng nhất) phải thọ trì là dễ nắm giữ, cái gì khó nắm giữ (sự sai khác) phải thọ trì là khó nắm giữ. Sau đó, cái gì thuộc về Pháp về Luật phải được nói lên!"

(Kinh NHƯ THẾ NÀO, Trung Bộ III)

+ Trích từ "Kho Tàng Pháp Bảo" (HT. Bửu Chân soạn):

1. Dànakathà: thuyết về bố thí

2. Sìlakathà: giải về trì giới

3. Saggakathà: giải về sự an lạc cõi trời

4. Kàmàdinavakathà: giải về tội Ngũ trần

5. Nekkhammakathà: quả báo sự xuất gia

Giảng sư chân chánh có 5 phần:

1. Thuyết theo thứ tự, không bỏ sót lý kinh, mà nói lạc đề

2. Thuyết dùng nguyên nhân, lý lẽ giúp người dễ hiểu Pháp

3. Có tâm bác ái muốn cho Thính giả được sự lợi ích

4. Không chú tâm đến lợi lộc, chỉ mong người nghe thoát khổ.

5. Thuyết, không khen mình chê người

Phật Giáo mau tiêu hoại do 5 nguyên nhân:

1. Không cung kính khi nghe Pháp

2. Không cung kính khi học hỏi Pháp

3. Không cung kính khi hộ trì hay gìn giữ Pháp

4. Không cung kính khi suy xét lý Pháp mà mình gìn giữ cho chu đáo

5. Không cung kính khi thực hành theo lý kinh đã hiểu biết

Thầy đối với trò có 5 điều:

1. Dạy dỗ học trò cho tốt đẹp

2. Giảng giải, huấn luyện học trò cho thuần thục Pháp

3. Không giấu giếm, dạy trọn vẹn sự hiểu biết của mình cho trò.

4. Khen tài học trò trước bạn bè và quan quyền (cho nó đầu tư tương lai nó)

5. Có ý bảo bọc học trò trong mọi sự.

4 Cách nói của bậc Thánh:

1. Thấy nói thấy

2. Nghe nói nghe

3. Tiếp xúc nói có tiếp xúc

4. Biết rõ nói biết rõ

4 Cách trả lời:

1. Đáp liền

2. Hỏi lại mới đáp

3. Phân tích đầy đủ khi đáp

4. Im lặng

5 cách hỏi:

1. Hỏi do chưa biết

2. Hỏi để biết thêm

3. Hỏi để dứt khoát hoài nghi thắc mắc

4. Hỏi để được xác nhận ý mình

5. Hỏi để nếu người không biết thì mình tự trả lời.

- Có khi họ hỏi để đạo hữu bên cạnh biết được điều họ đã biết. Một tu sĩ giảng thì nghe ra linh thiêng hơn chính họ giải bày!...

Giảng sư xem học trò như 4 thứ con:

1. Con đẻ
2. Con sanh ra trong thiện phận của mình
3. Con nuôi
4. Đệ tử

4 Pháp hành trong ngày của Giảng sư:

1. Quán ơn đức Đức Phật
2. Quán sự chết
3. Quán thể trược (Bất tịnh)
4. Rãi tâm từ

8 hạng người không thể suy xét lý Pháp sâu xa:

1. Nặng tham ái
2. Nặng về lòng sân hận
3. Nặng về tánh si mê, ngu tối
4. Tánh ngã mạn, tự cao
5. Tư cách thấp hèn
6. Tánh lười biếng, trễ nãi
7. Cố chấp theo ý riêng
8. Người hung dữ.

- Vì công đức mà giảng cho họ, sẽ tốn công sức, chẳng tới đâu! Phật nói: "Thật là mệt mỏi, thật là bực phiền cho Ta"! (Trung Bộ)

25 Pháp làm tâm giảng sư trở nên yếu hèn:

1. Hung dữ
2. Thù oán
3. Bạc ơn
4. Làm oai, kiêu hãnh
5. Ganh tỵ
6. Bỏn, xẻn
7. Giả dối
8. Phản phúc, khoe khoang
9. Cứng đầu
10. Ngang ngạnh
11. Ngã mạn
12. Tự cao
13. Say đắm
14. Dễ duôi
15. Hôn trầm thụy miên, uể oải
16. Lười nhác
17. Mỏi mệt, chậm trễ
18. Yếu đuối, bạc nhược
19. Thân cận bạn ác
20. Vui thích theo sắc
21. Vui thích theo thinh
22. Vui thích theo hương

23. Vui thích theo vị

24. Vui thích theo xúc

25. Khao khát, tham dục

Giảng sư có 6 cách tránh hôn trầm - thụy miên, tức uể oải, buồn ngủ:

1. Xem xét và tri túc trong vật thực

2. Thay đổi oai nghi đi- đứng- nằm- ngồi, cho điều hòa.

3. Chú ý nhìn xem chỗ có ánh sáng (quang tưởng)

4. Ở nơi trống trải. Không ở nơi khuất lấp, u tối.

5. Thân cận bạn lành

6. Nghe và nói lời phù hợp

5 quả báo của sự nghe Pháp.

1. Nghe Pháp chưa từng nghe

2. Càng rõ rệt Pháp đã nghe

3. Dứt hoài nghi

4. Thuần hoá kiến thức chân chánh

5. Thanh tịnh tâm

5 quả báo của sự bố thí (Pháp thí)

1. Được nhiều người thương mến (dễ tăng trưởng danh lợi, cẩn thận!)

2. Các bậc thiện trí ưa thân cận (dễ tăng trưởng NGÃ, cẩn thận!)

3. Tiếng lành đồn xa

4. Dạn dĩ trước công chúng

5. Sanh về nhàn cảnh

5 điều làm cho người trở nên có giá trị

1. Người thông thạo
2. Người tánh dạn dĩ
3. Nghe nhiều học rộng
4. Nhớ nhiều Giáo Pháp
5. Thực hành đúng Pháp

1. <u>Vài ứng xử của Đức Phật với ngoại đạo:</u>

Khi gặp Ambattha, một thanh niên tà kiến, hỗn xược chỉ trích Ngài, Ngài bảo: - ***"Này Ambattha, hình như người đến đây với một ý định gì? Ông hãy khéo tác ý đến mục đích đã đưa ông đến đây".***

Bà la môn Pokkharasàdi, thầy của Ambattha rầy Ambattha như sau: - *"Này Ambattha, ông càng công kích ngài Gotama bao nhiêu, lại càng bị ngài Gotama lật tẩy chúng ta bấy nhiêu. Ông thật là nhà học giả đốn mạt của chúng ta! Người thật là nhà đa văn đốn mạt của chúng ta! Ông thật là nhà tinh thông ba quyển Vedà đốn mạt của chúng ta! Người ta nói, những ai có sự cư xử như vậy, khi thân hoại mạng chung, sẽ phải sanh vào cõi ác, đoạ xứ, địa ngục".* Bà la môn Pokkharasàdi tức giận, bực bội, dùng chân đá thanh niên Ambattha bổ lộn nhào rồi lập tức muốn đi đến gặp Thế Tôn.

(Kinh Ambattha, Trường Bộ I)

Đức Phật bao giờ cũng tôn trọng sự suy tư, nhận xét và quyết định của người khác. Ngài không muốn ai tuân theo giáo huấn của Ngài một cách mù quáng cả. Vì làm thầy kẻ thiếu trí tuệ phán đoán rất tai hại, bất cứ lúc nào, thà làm trò bậc thiện trí còn tốt hơn.

- "Này những người Kàlàmà, các ông nghi ngờ những điều đáng nghi ngờ là phải! chớ có tin theo vì được nghe lập lại nhiều lần, chớ có tin vì truyền thống, vì tin đồn, vì đã được ghi trong thánh kinh, chớ có tin vì là lời phỏng đoán, vì là một định lý, vì là lời ngụy biện, vì tự mình có ý thích tin như thế, hay do dựa vào uy tín người khác, hay do nghĩ rằng "Đây là thầy Ta".

Này những người Kàlàmà, khi nào các ông biết rằng: Những việc này là xấu, là bất thiện, bị bậc trí khiển trách, những việc này nếu tuân theo và thực hiện sẽ mang lại tai hại và xấu xa, thì các ông hãy từ bỏ chúng.....

Này những người Kàlàmà, khi nào các ông biết rằng: những việc này là tốt, là thiện, được bậc thiện trí tán thán, những việc này nếu tuân theo và thực hành sẽ mang lại lợi ích và tốt đẹp, thì các ông hãy chấp nhận chúng".

(Kinh Kàlàmà, Trung Bộ)

Một giáo sư Mỹ tại Đại học Yale hơn hoan đón HT. Thích Minh Châu với câu nói sau: *"Tôi sung sướng đón chào Thầy, vì tôi chắc rằng Thầy đến đây không phải để cải hoá tôi theo đạo của Thầy".*

"... Chúng ta sung sướng vì Đức Phật làm chúng ta cảm thấy "Con Người" trong chúng ta có những tiềm năng nhận xét khá chính xác, khỏi đóng vai trò nô lệ cho ai cả".

(Bài *"Sung sướng thay, được một bậc thầy như Đức Phật"*, HT. Thích Minh Châu, Tư Tưởng 2, 15/4/1971)

Một lần nọ, có một bà la môn thỉnh Đức Phật đến thọ thực, nhưng khi Ngài đến thì ông ta đã vận dụng gần như trọn vẹn khả năng chửi bới để hủy báng Ngài. Ngài từ tốn

nói: *"Này Bà la môn, ông thỉnh mời Ta đến thọ thực và những gì nãy giờ ông tiếp đãi Ta, Ta xin trả lại cho ông, những lời lẽ khó nghe."*

Đạo Phật là đường hướng giải thoát đầy trí tuệ nhuộm lòng từ mẫn, Đức Phật không bao giờ lạm dụng thần thông, Phật lực để tế độ ai cả. Và khi Ngài sử dụng thần thông là để người thấy rõ điều khó tin nhưng có thật, trong những trường hợp bất đắc dĩ, như khi Ngài giáo hoá ngoại đạo Kassapa. Ngài dùng những ví dụ và ý nghĩa so sánh dễ hiểu, có trong giáo lý ngoại đạo để hướng dẫn họ đến với Pháp.

"Chính nhờ Như Lai Lực này, Như Lai tự nhận cho mình địa vị Ngưu Vương, rống lên tiếng rống con sư tử trong các hội chúng, và chuyển Pháp Luơn".

(Đại kinh Sư Tử Hống, Trung Bộ I)

*** Tăng Chi Bộ** - Anguttara Nikaya. Chương II - Hai Pháp. *HT. Thích Minh Châu phiên dịch:*

- "Này các tỳ kheo, có hai hạng người này xuyên tạc Như Lai. Thế nào là hai?

Người nêu rõ Như Lai có nói, có thuyết là Như Lai không nói, không thuyết,

và người nêu rõ Như Lai không nói, không thuyết là Như Lai có nói, có thuyết".

- "Những tỳ kheo nào, này các tỳ kheo , chặn đứng cả văn và nghĩa, bằng cách *nắm giữ sai lạc các kinh điển và những văn tự thích ứng,* thì những Tỳ kheo ấy, này các tỳ kheo , *chịu trách nhiệm về bất hạnh cho đa số,* không an lạc cho đa số, không lợi ích cho đa số, bất hạnh - đau khổ cho chư thiên và loài người.

Ngoài ra, các tỳ kheo ấy, này các tỳ kheo , **chất chứa nhiều vô phước làm cho diệu pháp biến mất**".

(Kinh Bắc truyền có câu: *"Ly kinh nhất tự tức đồng ma thuyết. Y kinh giải nghĩa tam thế Phật quang",*

*"*Tứ Y: *Y Pháp bất y nhân. Y nghĩa bất y ngữ.*

Y trí bất y thức. Y liễu nghĩa bất y bất liễu nghĩa"!)

- Và này các tỳ kheo, thế nào là hội chúng được huấn luyện trong khoa trương, không được huấn luyện trong chất vấn?

Ở đây, này các tỳ kheo, tại hội chúng nào, các tỳ kheo đối với các *kinh điển do Như Lai tuyên thuyết, thâm sâu, ý nghĩa sâu kín, siêu thế, liên hệ đến Không, khi các kinh điển ấy được thuyết giảng, họ không khéo nghe, không lóng tai, không an trú tâm để hiểu biết chúng, không nghĩ rằng các pháp ấy cần phải lãnh thọ, cần phải học thuộc lòng.*

Nhưng đối với *các kinh điển thi văn do thi sĩ làm ra, với các nguyên âm hoa mỹ, với các phụ âm hoa mỹ, các kinh thuộc ngoại giáo, được các đệ tử ngoại giáo nói lên, khi các kinh điển ấy được thuyết giảng, họ khéo nghe, họ lóng tai, họ an trú tâm để hiểu biết chúng, họ nghĩ rằng các pháp ấy cần phải lãnh thọ, cần phải học thuộc lòng.*

Và sau khi học thuộc lòng các pháp ấy, họ không hỏi đi hỏi lại cùng nhau, không có mở rộng ra để thảo luận với những câu hỏi như: *"Cái này là gì? Thế nào là ý nghĩa của cái này?"* Họ không mở rộng những gì được che kín, hạng không phơi bày những gì không được phơi bày, **họ không giải nghi về những điểm nghi vấn trong Chánh Pháp.**

Chương V - Tăng Chi Bộ kinh: - Này các Tỷ-kheo, **nghe pháp** có năm lợi ích này. Thế nào là năm?

Được nghe điều chưa nghe, làm cho trong sạch điều được nghe, đoạn trừ nghi, làm cho tri kiến chánh trực, làm cho tâm tịnh tín.

Trích **Tăng Chi Bộ** - Anguttara Nikaya. Chương Ba Pháp:

- "Với sự thảo luận, này các Tỳ kheo , một người có thể biết được là có **khả năng nói chuyện** hay không? Nếu người nào, này các Tỳ kheo , khi được hỏi một câu,

không trả lời dứt khoát *câu hỏi cần phải trả lời dứt khoát,*

không trả lời một cách phân tích *câu hỏi cần trả lời một cách phân tích,*

không trả lời bằng một câu hỏi ngược lại *câu hỏi cần phải trả lời bằng một câu hỏi ngược lại,*

không gạt qua một bên *câu hỏi cần phải gạt qua một bên.*

Như vậy, này các Tỳ kheo , một người như vậy, không có khả năng để thảo luận.

… (và ngược lại, là người có khả năng thảo luận!)

- Lại nữa: Nếu một người, này các Tỳ kheo , khi được hỏi một câu,

không xác nhận là đúng hay không đúng, hay là một giả thuyết, hay là quan điểm của bậc trí, hay là sở hành thường làm.

Nếu là như vậy, này các Tỳ kheo , người ấy không có khả năng thảo luận.

… (và ngược lại, là người có khả năng thảo luận!)

- Lại nữa: Nếu một người, này các Tỳ kheo , khi được hỏi một câu,

tránh câu hỏi ấy bằng câu hỏi khác, hướng câu chuyện ra ngoài vấn đề, bày tỏ sự phẫn nộ, sân hận, bất mãn.

Nếu là như vậy, này các Tỳ kheo , người này không có khả năng thảo luận.

… (và ngược lại, là người có khả năng thảo luận!)

- Lại nữa: Nếu một người, này các Tỳ kheo , khi được hỏi một câu,

lại mắng chửi, đánh đập, nhạo báng, chụp lấy chỗ sơ hở.

Nếu là như vậy, này các Tỳ kheo , người này không có khả năng thảo luận.

… (và ngược lại, là người có khả năng thảo luận!)

- Với sự thảo luận, này các Tỳ kheo , có thể biết được một người có duyên hay không?

Không có lóng tai, này các Tỳ kheo , là không có duyên. Có lóng tai là có duyên.

Người có duyên, thắng tri một pháp, biến tri một pháp, từ bỏ một pháp, chứng đắc một pháp.

Do thắng tri một pháp, liễu tri một pháp, từ bỏ một pháp, chứng đắc một pháp, vị ấy cảm thấy chánh giải thoát.

Như vậy, này các Tỳ kheo , là lợi ích của thảo luận, đàm luận, như vậy là lợi ích có duyên, lợi ích nghe lời khuyên, tức là tâm giải thoát, không có chấp thủ.

Nói chuyện với hiềm thù. Thiên chấp và kiêu mạn.

Nghịch lại giới đức bậc Thánh. Bới móc lỗi lầm nhau.

Thích nghe nói xấu người. Người lầm, người bối rối.
Người bị thua, bị hại. Bậc Thánh không làm vậy.
Nếu muốn cùng đàm luận. Bậc hiền biết thời gian.
Câu chuyện của bậc Thánh. Liên hệ pháp, pháp nghĩa.
Người có trí nói chuyện. Không hiềm thù kiêu mạn.
Với tâm không chấp trước. Không hiềm hận độc đoán.
Không để tâm lơ đãng. Nói lên với chánh trí.
Hoan hỷ lời khéo nói. Không vui lời vụng về.
Không học cách chỉ trích. Không chụp sơ hở người.
Không nhiếc mắng đánh đập. Không nói lời vu vơ.
Lời nói của bậc Thánh. Vừa dạy vừa hoan hỷ.
Như vầy bậc Thánh nói. Như vầy Thánh luận đàm.
Bậc trí biết rõ vậy. Nói lời thật khiêm tốn.

2. <u>Vài trải nghiệm:</u>

Ngoài những kỹ năng trong các tài liệu thế học, khi thuyết giảng, chúng ta cần phân biệt thính chúng để tiện bề hướng dẫn họ, cho ngang tầm dễ hiểu.

a/ Lớp bình dân, nặng về đức tin và cúng dường. Hay khách vãng lai, du lịch, không thuộc tầng trí thức học giả... Hãy giảng cho họ những thiện pháp đưa đến quả báo nhân và thiên giới. Đừng quá cao xa, ngoài tầm tam giới và tầm tay họ, họ có thể gieo duyên Níp Bàn! Không thì ta có phần công dã tràng nên khi hé mắt nhìn xuống thì thính chúng cũng nhắm mắt như tượng rồi, *"chán giảng sư quá! thuyết*

đê mê như có người dựa vậy, chẳng để ý thái độ tiếp thu của mọi người và gì gì cả".

b/ Các bậc thức giả, thiên về trí nhiều: Cần lập luận chặt chẽ trong Pháp giảng, trong khi hạng (a) trên thường ưa thích được nghe kể chuyện Phật, những tích xưa...

Cần đưa ra những Pháp lý với lập luận logic khó bị bắt bẻ, cật vấn, tránh từ ngữ có thể bị nói lái, chơi chữ trong tiếng Việt, ứng dụng thực tế với những ví dụ mang hình thái hiện đại và pha chút hài cho đỡ buồn ngủ khi triết lý nhiều... Đề cập kiếp lai sinh với họ cần một khả năng dẫn dắt khéo léo. Từ từ có đức tin rồi, họ sẽ nghĩ đến các vấn đề có phần siêu hình nhưng có thực.

* Khi giảng dạy tăng ni sinh, đừng bao giờ kết hợp lý Pháp liên quan đến việc hỏi thăm lai lịch họ. Một lần, do dạy kinh Chân Nhân *(Trung Bộ)*, tôi hỏi một ni sinh có vẻ mặt sáng sủa mà tôi nghĩ là cô *xuất thân từ một gia đình không tệ, nếu vậy thì cô có xem thường những bạn đồng tu khác không?* Từ đó, định ứng dụng lý Pháp trong kinh để ôn bài cho cả lớp, và họ sẽ dễ hiểu bài kinh hơn qua một ví dụ thực tế!

Nhưng khi tôi hỏi: *"Thân phụ, thân mẫu cô làm nghề gì?",* cô ta không trả lời! Tôi ngạc nhiên, lập lại câu hỏi, và bất ngờ thấy cô ta rướm lệ, mắt đỏ hoe. Nghe bên dưới cho biết ni cô này là một *"cô nhi"!* Tôi giựt mình, vội vàng xin lỗi nhiều lần bằng giọng dỗ dành trẻ con! Sợ khóc ròng, tôi đã nhanh chóng chuyển sang một câu khác, cần vận dụng trí để trả lời, giúp cô tỉnh táo lại.

Rất nhiều hoàn cảnh phũ phàng đưa đẩy, giúp tăng lượng tu sĩ lên, đừng bao giờ hỏi về thân phận học trò mình! Chợt nhớ người Hồng Kông có câu, *"Ra giang hồ, anh hùng*

không hỏi xuất xứ!". Tôi hối hận, tặng hết tiền xe trường cúng cho ni cô xài vặt, dù cô không dám nhận với lý do mọi sinh hoạt đã có sư bà lo, nhưng tôi *"ra lệnh"* cô nhận dùm, để giảng sư ra đi cho lòng thanh thản…

Hỏi một Ni sinh khác:

- Cô có gì vượt trội hơn bạn đồng tu khác không?

Cô khiêm tốn đáp:

- Dạ, không!

- Vậy thì do không hơn người nên "không tự khen mình, chê người" (nguyên văn trong kinh CHÂN NHÂN), là Chân nhân phải không?

Ni sinh đã nhanh trí: *- Cái đó thầy nói, con không nói!*

5. <u>Ứng xử với các vị ngọt, sự nguy hại...</u>

Sinh lợi từ lợi sinh. Ứng xử của Giảng Sư với các vị ngọt, sự nguy hại.... cần xuất ly chúng, trong quá trình hoằng Pháp, cần thiết như thế nào?

"Này các Tỳ kheo, hãy là những người thừa tự Pháp của Ta, đừng là những người thừa tự tài vật (Dhammadayada na amisadayada). Ta có lòng thương tưởng các ông và Ta nghĩ: Làm sao cho những đệ tử của Ta là những người thừa tự Pháp của Ta, không phải là những người thừa tự tài vật.

Nếu các người là những người thừa tự Pháp của Ta, Không phải là những người thừa tự tài vật, thời không những các người mà cả Ta cũng trở thành người mà người ta nói:"Cả thầy và trò đều là những người thừa tự Pháp, không phải là những người thừa tự tài vật".

(Kinh Thừa Tự Pháp, Trung Bộ I)

"Này các Tỳ kheo Ta thuyết Pháp không phải do cần y áo, do cần vật thực, do cần trú xứ (sàng tọa), hay do cần thắng bại với người. ***Với từ tâm, vì lợi tha và do lòng từ, Ta thuyết Pháp".***

(Kinh Như Thế Nào, Trung Bộ III)

"Quả thật là vũng lầy đầy cạm bẫy hiểm nghèo, ẩn náu dưới mặt nước phẳng lặng hiền từ. ***Những lễ bái, vật cúng dường và yến tiệc của thí chủ giàu sang, cũng tựa hồ như lưỡi gươm sắc bén đâm sâu vào thịt của người lầm đường lạc nẻo, khó mà quay lại"***

(Mahà Kassapa Theragàthà - 1053)

"Khó mà quay lại"! Phải, quên cả lối về.

Đừng đua đòi làm giảng sư để bon chen vì lợi danh phù du mà đúng ra phải bứt bỏ trọn vẹn *(nếu có)* trước khi xuất gia kia rồi. Tung hoàng khắp chốn, mượn chữ hoằng Pháp nói chuyện trên trời dưới bể, thực chất là làm QUẤN Pháp: "Phi Pháp cho là Pháp, Pháp cho là phi Pháp - Phi luật cho là Luật, Luật cho là phi Luật" *(Tạp Sự Bộ, Parivàva - Luật Tạng, Bộ V, cuốn 8).* Kiếp lai sinh sẽ không sáng sủa gì lắm, hén!

Tuy nhiên trong đời sống hiện tại, nếu các nơi thỉnh giảng lý tưởng hoá các giảng sư, sử dụng thuyết vô sản *"tất cả vì Đạo Pháp"* trên mà làm lơ các nhu cầu tối thiểu nếu giảng sư cần, như lo đưa rước hay mua vé máy bay, thì những nơi đó sẽ có diễm phúc được tiếp đón các vị giảng sư chân tu rất hiếm thấy và nhiều giảng sư khác có dịp chỉ một lần ghé qua. Chân tu mà có tiền tự mua vé bay đi giảng không cần cúng dường thì hiếm thật, có lẽ đã có một đại thí chủ cũng rất hiếm thiện chí lo hết *(nhận cái bao này đôi khi nguy hiểm hơn nữa!).*

Nói ra điều này hơi kỳ, nhưng không nói thì đôi khi thiên hạ cố tình không để ý, thiệt thòi cho du tăng hoằng Pháp. Nhiều nơi rất lo lắng cho các ca sĩ: mua vé bay, hotel, ăn uống nhà hàng, đưa đi chơi… và tiền cát sê sau đó rất cao. Trong khi một bài hát chỉ khoảng 5 phút đã học thuộc lòng đi hát các nơi, còn giảng sư phải bỏ thời gian và chất xám đến với mình, động não *(cũng có luyện thanh nữa!)* để giảng và giải đáp thắc mắc đôi khi hơn 2 giờ, giúp mình an lạc thoát khổ. Nhưng chính giảng sư thì khổ, vì *"xong xôi rồi việc",* gặp nơi không nghĩ đến việc tạo phước cho chính họ, giảng sư nhận bao thơ đôi khi chỉ bằng nửa vé máy bay!

Tôi chỉ hoan hỷ giảng giáo lý, không hứng thú tụng cầu an cầu siêu. Nhưng một lần ở Vũng Tàu, phải nghe theo trụ trì tôi đi đám cùng chư tăng. Khi đưa đám vào một lò thiêu tận Sài Gòn, một đứa nhỏ chuẩn bị cúng dường mỗi thầy một ổ bánh mỳ chay chừng một gang tay, vì trễ ngọ thì chiều không được phép ăn nữa. Bà mẹ bảo rằng, *"Nè, nửa ổ thôi, quý thầy sống nhờ hương khói, không cần ăn nhiều thế đâu nhá!"…*

Một Phật tử Hà Nội thỉnh tôi bay từ Bangkok về giảng, họ cho tài xế ra phi trường rước, tài xế hỏi:

- Bây giờ mình về đâu thầy?

- Anh hỏi tôi, tôi hỏi ai?

Khi giảng xong, đạo tràng hoan hỷ, nhưng họ đắn đo: *- Thầy có cần con cúng lại tiền vé máy bay không ạ?* Tôi chỉ cười cười. Gỡ rối tơ lòng hay trả lời Phật Pháp thì được. Những đạo tràng dù lớn hay nhỏ, xem việc *"được giảng"* tại chùa họ là vinh dự của giảng sư thì không bao giờ tôi đến nữa, tuyệt đối không cầu giảng! Tiếc cho những tấm chân tình cầu Pháp trong đạo tràng có quái lãnh đạo.

Nói rõ như vầy sẽ bị ném đá là đi bán Pháp, giảng sư nào cũng im re. Nói ra còn bị ăn đòn, *"chắc thầy giảng dở quá!"*. Giảng xong, *"ai cũng hiểu, chỉ một người không hiểu",* chính là giảng sư. Có nơi ra vẻ ngạc nhiên, *"Là Việt kiều, sao cũng nhận tiền xe?"* => Làm tôi ngạc nhiên hơn họ, lạ! Thâm hụt vốn bổn mạng, sao đi giảng đường dài được. Không ai làm giàu khi đi rao giảng, nhưng ít ra cần lấy lại tiền xe hay vé máy bay, và lúc thao thao bất tuyệt không bị phân tâm bởi lý do lãng xẹt ấy. Đây là **phép lịch sự tối thiểu khi thỉnh mời**, nhiều người *"giả bộ vô tình làm rớt cánh bằng lăng"...*

Ngược lại, có nơi khá nặng về lễ phẩm, thích cúng kiến cầu nguyện hơn là tiếp thu giáo lý. Tôi sau khi thọ nhận, cúng lại hết cho chùa hay quý thầy tại địa phương. Những người nặng vật chất sẽ nhìn mình theo lăng kính của họ! Đó là thực hành *4 Pháp Nhiếp phục: Xã tài, Ái ngữ, Đồng sự và Lợi hành*. Dạy người xã bỏ tất cả nhưng phòng mình thì đầy vật phẩm, thậm chí có món để quá hạn *(date)*, sau khi chết có chắc là ra khỏi căn phòng ấy được không?!

Một lần nọ được thỉnh ở phòng VIP của một trụ trì mới qua đời, tôi phải ra sức dọn sạch trong 2 ngày mới hết đồ đạc đủ thứ. Tăng ni ngạc nhiên, tôi nêu lý do *"Tôi sợ ma, nên không muốn người quá cố quyến luyến nơi này, mong thầy vãng sanh!"*. Thật ra tôi có *"bệnh ghét đồ đạc"*.

Người mang vác nhiều quá làm sao phượt - hoằng Pháp được, trong ba lô tôi toàn "*những thứ tối cần thiết không thể nhỏ hơn được nữa"*, quen rồi! Cái ba lô ấy, mất cũng không tiếc, dù có túi ngầm nhưng không có gì phải đo bằng cara hay cân tiểu ly. Giảng sư không bụi được như vầy, tôi

khuyên nên nằm ở chùa chờ xe đến rước, xách vali nặng lắm. Và những chiếc xe ấy, khi không thỉnh được ai nổi tiếng hơn, may mắn mới đến phiên mình.

Lợi lộc sanh từ Pháp giảng thì nên san xẻ cho huynh đệ hay học trò. Từ bi ấy được gọi là Đức. Có như vậy thì lúc nào đó, do mệt mỏi ta giảng dở ẹt cũng vẫn được chăm chú lắng nghe, tịnh tín lắng nghe, ít ra là mấy đứa học trò.

Trên khía cạnh khác, Đức Phật căn dặn tỳ kheo không nên tiếp xúc người khác phái *(Luật: tỳ kheo phải là nam giới thật sự (real men). Không thì tăng sự thọ giới ấy chỉ là hình thức, không thành tỳ kheo thật sự!).*

Nếu phải tiếp xúc thì không nên nói chuyện nhiều, nhất là chỗ kín mắt kín tai, nếu phải nói chuyện thì nên gìn giữ CHÂN CHÁNH TÁC Ý *(Yonisomanasikàra)*, tức cảnh giác tâm ý của chính ta từng chút một. Vì các vị giảng sư, những người xưa nay thường được xem là người có đủ điều kiện sống và làm việc dễ gục ngã nhất, mà sự thật đúng như vậy! Nhắm tâm mình còn yếu thì không nên ra gió, đừng làm giảng sư. Tự nghĩ rằng tâm mình vững chắc, không ai đánh gục được, càng không nên làm giảng sư.

Kinh Tăng Chi trang đầu: *"Không có một sắc, thinh, hương, vị, xúc nào khác, xâm chiếm và ngự trị (hadayam titthati) tâm người nam bằng sắc, thinh, hương, vị, xúc của người nữ".* Nếu gục ngã trên chiến trường tâm linh, trên đường Phật sự thì đó không là *"anh hùng liệt sĩ"* mà là *"được người tiếp độ trước khi giáo hoá người"*. Gục, bởi một bóng hồng hay bông bụp, đều có phương cách Phật dạy đối trị trước khi sự đã rồi.

Bông bụp, tượng trưng cho một đóa hoa dưới điểm trung bình 5/10, dài rộng như nhau, trước sau như một, chẳng hạn. Được hái bởi những người trọng tình nghĩa qua gắn bó, qua thân cận hay qua các công tác tôn giáo trong quá trình hoằng Pháp, không vì sắc vốn không có. Đức Phật dạy, *"Có 2 nhân nên duyên: đã từng là vợ chồng kiếp trước, và do thân cận kiếp này"!*

Người trọng tình nghĩa nên quán vô thường, theo ngày tháng thì ta thấy rõ rệt cái hậu vận ê chề rằng: Ngày mai, tâm phục vụ hôm nay sẽ cầm chổi rượt mình nếu không đủ tiền chợ, tiền thuốc thang hay học phí cho đám nhỏ. Tâm phục vụ nếu vẫn là tâm phục vụ, thì thật là bẽ bàng, nhục khí anh hùng cho đấng mày râu tu mi từ nhỏ chỉ quen quét lá, lau bàn thờ và đã từng oai phong trên bục giảng, còn đâu thời oanh liệt trên Pháp toà...

Rãi tâm từ, vì lòng bi mẫn mà hoằng Pháp, thì không có nghĩa là chiều theo mọi ý muốn. Ái là đối nghịch của Từ Bi, giảng sư có ánh mắt hiền từ dễ "bị thỉnh", bị chăm sóc cẩn mật nhất.

Trên thực tế, nhiều tu sĩ gục từ trong tim, chuyển sự nhớ tưởng đêm ngày đến bậc Đạo Sư - Phật, Chúa sang những tín đồ trông rất hiền lành phúc hậu, hơn là những vẻ đẹp sắc sảo, diêm dúa từ ngoài vào. Cũng như trên các lệnh Truy Nã, những khuôn mặt *"trông rất hiền lành phúc hậu"* thường mới gạt được số tiền rất lớn, đôi khi gây ra ác nghiệp hơn những mặt rô dữ dằn, trông khó tin tưởng!

Nên tôi khuyên cẩn thận với Nhân tướng học là vậy, trong đời sống luôn có những lúc bất đắc dĩ, đâu ai muốn thế. Họ hiền lành phúc hậu thật sự, nên *Tướng tự Tâm* sanh mới được vậy.

Người nặng sắc dục nên quán bất tịnh.

Kinh Girimànanda:

Imasmim kesà lomà nakhà dantà taco... Thân này bao gồm tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gơn, xương, tủy, thận, tim, gan, (hoành cách mạc), bao tử, lá lách, phổi, ruột già, ruột non, vật thực chưa tiêu hoá, phẩn, mật, đàm, mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, dầu trong da, nhớt ở khớp xương, nước miếng, nước mũi, nước tiểu...

32 uế trược trong mọi tấm thân. Nếu ngắt từng cánh hồng ra, dù là hồng nhung, hồng trắng hay hồng vàng, chẳng còn hồng nữa.

Ở VN, thỉnh thoảng tôi vào "bắt cảnh" tại cửa sổ phòng Cấp cứu BV. Chợ Rẫy, rất nhiều thân xác máu me với các tai nạn giao thông được thống kê như thành tích hằng năm, để làm đề mục quán. Lần nọ một sư bạn dẫn vào một nhà xác *(Có quen người làm việc tại đây mới được cho vào, họ biết chư tăng chỉ lấy cảnh quán tu vài phút nên không sao!)*, mùi hóa chất *(phormon?)* ban đầu làm chúng ta rất dễ buồn nôn. Nhưng khi quen rồi, xem kỹ các xác được mổ xẻ, tôi đố ai còn có thể ăn lẩu *(dù chay hay mặn)* được hôm ấy!

Hãy xem: tấm thân bao phủ bằng một lớp da như nylon, trong chứa thịt, gơn, xương, tủy, thận... ngoài được trang trí bởi tóc, lông, móng, răng, da... rồi được người cài đặt dây chuyền, cà rá, hột xoàn... Tô son trét phấn viền lọ nghẹ trong cả một nghệ thuật tân trang nội ngoại thất.

Và rồi ta chợt nhớ đến những hàng thịt ngoài chợ: Họ phân loại thịt, xương, da, ba rọi, đồ lòng... Ta có thể là ơn làm phước cho chính mình, sau khi quán tổng thể như trên, ta phân biệt rõ ràng các uế trược như anh hàng thịt, anh ta

muốn bán hết thịt còn ta thì hãy "bán mùi" tham ái bằng quán thể trược. Có phần vũ phu như vậy, còn hơn là để bị gạt gẫm đến trơ xương, đến mức phải từ bỏ hết mọi sự nghiệp, chôn vùi cuộc đời trên một mớ thịt da bầy hầy đầy mồ hôi nước dãi.

Ta khó lòng dùng tô canh mà trong đó rơi vãi vài sợi tóc tơ dù từ một suối tóc đẹp mượt mà, và ta cũng từ chối ly nước người mời ta dù móng tay có được làm nail tuyệt mỹ, vì cô ta cầm ly như kẹp giấy và cũng không thể...

Quán tử thi đến lúc nào đó, trên đường phố đông người (downtown), ta sẽ có cảm giác đoàn người như những khung xương di động! Những ham muốn bám chấp vào xác thân, nghĩ rằng thân này là của mình, được giảm rất mạnh, huống chi nhìn thân xác khác! Tối thiểu là giảm được thời gian "make up"(xí xọn), không còn cố gắng níu kéo dung nhan đã ra đi, dành thời gian cho tu tập.

Khi Đức Phật thuyết Pháp quán bất tịnh nhằm tiếp độ một đôi vợ chồng, lại mích lòng một giai nhân tuyệt sắc con của họ. Cho là Đức Phật bôi xấu mình, oán thầm trong tâm, nên giai nhân đã trả hận khi may phước lên ngôi Hoàng hậu *(Magandiya),* và đã lãnh trọn ác quả ngay trong hiện tiền do xúc phạm thánh nhân. Đức Phật biết trước mọi sự, nhưng vì tế độ cha mẹ hữu duyên của cô, còn nghiệp ác của chúng sanh thì không ai cứu được!

Đẹp là phước, nhưng không khéo tác ý thì thành duyên gây tội. "*Trung ngôn nghịch nhĩ*", sự thật thường phủ phàng, nói ra thì tàn nhẫn, còn im lặng đâu thể hiện từ bi truyền đạt bản thể Pháp. Lời Phật luôn là chân lý nên có là hoàng hậu tuyệt mỹ thì thể trược vẫn là thể trược. Mỏng môi nhọn mỏ,

tứ lợi khẩu, nói ai cũng nghe theo đắm đuối, cũng là phước, nhưng giảng sư không khéo tùy dụng thì trở thành liệt sĩ vô danh, chết không ai hay, thực sự là vô danh!

Ở đây ta quán bất tịnh ngăn đoạn dục tình, không có ý bác bỏ các thể loại tình cảm do tinh thần, bằng lý trí hay tự trong tim! Nhưng VÔ NGÃ *(anattā, Non-self)*, nghĩa là không có gì của ta. Cái TA còn không có, chính mình hiểu mình trọn vẹn chưa xong, nếu xong thì thành Thánh rồi. Mong chi cái TA khác tri âm tri kỷ, thông cảm và hiểu biết tương đối cái TA này.

Chưa kể trong tình cảm, đôi khi ta thường ích kỷ, mong mỏi *"chỉ còn lại đây ta với ta"*, nhưng TA ấy cũng đã và sẽ của nhiều cái TA khác.

Giảng sư cũng không thể nào bác bỏ các tiêu chuẩn của Thẩm mỹ học nhưng tùy theo mục đích mà xét đến những khía cạnh thích hợp. Đẹp vẫn là đẹp, dơ vẫn là dơ, uế trược là uế trược . Thường người ta cho rằng, sống trên đời, mục tiêu cuối cùng của nam giới là sự nghiệp, công thành danh toại. Phần nữ giới là lập gia đình, một mái ấm cho mẹ tròn con vuông, nương tựa nơi một bóng tùng quân chở che, bảo bọc và đưa tiền chợ hàng ngày. Biết yêu đương là biết tồn tại, duy trì cho mai hậu. Nhưng giảng sư hoàn toàn không có bổn phận đó, nhiệm vụ đó đối với xã hội hay giòng giống.

Và nếu lỡ có một di truyền đào hoa nào theo bản năng sinh tồn của nhân loại, thì xin hãy cứ xem như một đoá hoa, maximum của tình thẩm mỹ ấy chỉ là ngắm hoa, mà giảng Pháp ly dục. Đừng thử, dù chỉ một lần: sức mạnh Pháp giảng và sức mạnh của một nụ cười mỉm, một lần liếc xéo... Sức hút nào mạnh hơn? => *Pháp dục của phần đông chưa đủ mạnh hơn Tham dục.*

III/ <u>Tâm niệm nên có của giảng sư:</u>

1. Ngày và đêm hằng qua mau lẹ, ta đã làm được chi chăng? Có giảng Pháp cho ai hôm nay chưa?

2. Những Pháp giảng của ta chưa bao giờ là đủ, đừng xào đi nấu lại. *Phải dạy chính mình trước bằng thiền định, đó là "nấu Pháp" trước khi đãi khách.* Coi danh lợi, sự nổi tiếng của người khác là phù du, đừng chạy theo. Có chạy cũng không kịp, khập khễnh lắm!

Trong Thanh Tịnh Đạo, *10 Chướng Ngại Pháp trong Pháp Hành, có đoạn cực hay:*

"Đồ chúng" là một nhóm học trò Kinh hay Luận. Nếu vì dạy dỗ, trả lời những câu hỏi của đám này mà không có thì giờ thực hành Sa môn hạnh thì đồ chúng ấy trở thành một chướng ngại! Vị ấy nên trừ chướng ngại bằng cách sau:

Nếu những Tỳ kheo đã học xong phần chính, chỉ còn một ít, thì nên dạy cho xong mà đi vào rừng. Nếu họ chỉ mới học một ít, còn lại nhiều, vị ấy nên đến một Giáo thọ sư khác ở cách không quá một lý và nhờ dạy họ tiếp.

Nếu không tìm ra vị nào thay, thì ***nên giã từ lớp học để làm phận sự tu tập của mình"***

Theo Kinh điển, vậy thì Pháp Hành vẫn luôn đứng ở vị trí ưu tiên trong đời tỳ kheo. Khi Đức Phật dạy 60 vị đệ tử đầu tiên đi hoằng Pháp thì cả 60 vị đều đã là A La Hán. Không có một nơi ở nhất định, một mình và không tiền của, tha phương hoằng hoá. Ngoài 3 tấm y che thân và bình bát khất thực, các Ngài chẳng có gì cả. Phạm vi hoạt động thì bao la mà các Ngài luôn lẻ bóng một mình: *"Hãy ra đi, này các Tỳ kheo, vì lòng từ bi, vì hạnh phúc cho các vị trời và nhân loại.* ***Chớ có đi hai người một chỗ****".*

Các Ngài đều đã thoát tục, vượt ra khỏi mọi sự trót buộc của vật chất. Nhiệm vụ của quý Ngài là công bố đời sống phạm hạnh hầu đem lại hạnh phúc, giải thoát cho những ai có tai muốn nghe, nâng đỡ đời sống đạo đức người khác bằng cách nêu gương lành và ban truyền giới luật.

"Đức Phật không khuyên tất cả mọi người nên rời bỏ đời sống gia đình để đắp y mang bát, trở thành tu sĩ không nhà cửa, không sự nghiệp. Một người cư sĩ cũng có thể sống đời cao đẹp, thích ứng với Giáo Pháp và đắc quả Thánh. Cha mẹ và vợ của ngài Yasa là những cư sĩ đầu tiên theo dấu chân Phật, tất cả đều tiến triển đầy đủ về tinh thần để thành tựu quả vị Tu-Đà-Hườn (Sotàpattiphala)"

(Đức Phật và Phật Pháp, HT. Nàrada)

Đời sống tinh thần của Phật tử ngày nay và các Tăng Ni hậu bối phần nào đang chờ chúng ta thi hành tốt đẹp nhiệm vụ hoằng Pháp bằng trí văn, trí tư, và nhất là trí tu chứng của chúng ta. Tuy nhiên:

** Này các Tỳ kheo, có người phi chân nhân là người thuyết Pháp. Vị ấy nghĩ: "Ta là người thuyết Pháp được, còn các vị khác thuyết không được", vị này khen mình chê người như vậy, là phi chân nhân Pháp.*

Vị Chân nhân nghĩ như sau: "Không phải do tự mình là người thuyết Pháp mà các tham Pháp, sân Pháp, si Pháp đi đến đoạn trừ. Nếu không là vị thuyết Pháp nhưng hành trì đúng Pháp và thuận Pháp, hành trì chân chánh, thuận Pháp, thời ở đây người ấy được kính trọng, ở đây người được tán thán". Vị này lấy đạo lộ làm chánh yếu, không khen mình chê người vì tự mình là bậc thuyết Pháp.

Như vậy, này các Tỳ kheo, là Chân nhân Pháp" (Kinh CHÂN NHÂN, Trung Bộ III)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ TƯ TƯỞNG, Tu Thư Viện ĐH. Vạn Hạnh.

- Kho tàng Pháp Bảo, HT. Bửu Chơn biên soạn.

- Chánh Giác Tông (Buddhavamsa), HT. Bửu Chơn biên soạn.

- Kinh tạng, HT. Thích Minh Châu phiên dịch.

- Thanh Tịnh Đạo, Ni Sư Trí Hải phiên dịch.

- Đức Phật và Phật Pháp, HT. Nàrada, bác Phạm Kim Khánh phiên dịch.

- Tạp Sự Bộ, Tk. Chánh Kiến phiên dịch.

~~~~o O o ~~~~
~~~~

- Này các Tỷ-kheo, có năm điều nguy hại với người **thuyết pháp với giọng ca** kéo dài. Thế nào là năm?

- Tự mình say đắm trong âm giọng ấy;

người khác say đắm trong âm giọng ấy;

các người gia chủ phê bình: *"Như chúng ta hát, cũng vậy, các Sa-môn Thích tử này ca hát";*

vì vị ấy cố gắng rèn luyện cho âm thanh điêu luyện nên định bị gián đoạn;

các thế hệ sau bắt chước.

(*Chương V - Tăng Chi Bộ kinh)*

=> ***"Thuyết pháp với giọng ca":*** *Đôi khi được gắn nhãn "nhạc đạo", hay sửa lời các bài phổ biến, được biện minh là lấy hoa tô điểm Phật, "cúng dường". Thực chất, là đang LẤY PHẬT TÔ ĐIỂM HOA, vô tình nâng cấp các ca nhạc sĩ lên ngang Cha mình!*

- Này Ananda, thật **không dễ gì để thuyết pháp cho người khác.** Để thuyết pháp cho các người khác, này Ananda, sau khi nội tâm an trú được năm pháp, mới nên thuyết pháp cho các người khác. Thế nào là năm?

- *"Ta sẽ thuyết pháp tuần tự",* thuyết pháp cho người khác cần phải suy nghĩ như vậy.

- *"Ta sẽ thuyết với mắt nhìn vào pháp môn",* thuyết pháp cho người khác cần phải suy nghĩ như vậy.

- *"Ta sẽ thuyết vì lòng từ mẫn",* thuyết pháp cho người khác cần phải suy nghĩ như vậy.

-*"Ta sẽ thuyết pháp, không phải vì tài vật",* thuyết pháp cho người khác cần phải suy nghĩ như vậy.

- *"Ta sẽ thuyết pháp, không làm thương tổn cho mình và cho người".* Thuyết pháp cho người khác cần phải suy nghĩ như vậy. (*Chương V - Tăng Chi Bộ kinh)*

*** _(())_ _(())_ _(())_ ***

⇨ *Trong hơn 90 quốc gia đã đi qua như một du tăng (Dhamma backpacker), có khi ghé những chùa, tôi chỉ ăn - ngủ, lao tác việc lặt vặt… Lúc nào cũng nghĩ giảng sư là mình phải đăng đàn thuyết Pháp Như Lai, thì với bản ngã và bản năng không bản lĩnh đó, nên nằm im trong nước chờ nổi tiếng, để được chúng sinh tu theo phong trào trải thảm đón chờ.*

Không thì thậm chí kiếm một tự viện cho nghỉ cũng không xong. Nên tạo điều kiện cho bà con ***cầu Pháp****, bỏ mộng* ***cầu giảng,*** *"quyết lòng mở đạo dạy đời" đi! Không bỏ mộng thì bỏ mạng nơi nào, chẳng ai hay!"*

"Này Ananda, thật **không dễ gì để thuyết pháp cho người khác…"**

Sydney, mùa Covid, 14/03/2022

Dịch giả

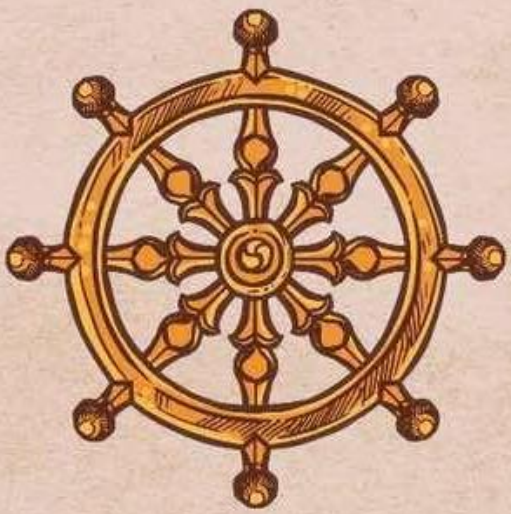

"Maggakkhagiham-
Ta, là người chỉ đường thôi!"

(Trung Bộ, Maj.107)

SÁCH ẤN TỐNG